



VĂN HOÁ VIỆT NAM

số bảy mươi chín o mùa đông 2017

- 1 0 MỤC LỤC
- 2 0 THƯ TOÀ SOẠN * VHVN
- 4 0 SÓ TAY VĂN HỌC:
- 0 HỮU BÁT THỦ BẢO... PHI QUÂN TỬ * GS Đoàn Xuân Thu
 - 0 TRỜI MƯA MÃI CHO DÀI CÂY SỐ NHỎ * Châu Lê
 - 0 LAN MAN TRONG MẮT BẢO * Trần Bang Thạch
- 18 0 RUỒI (*đàm luận*) * GS Nguyễn Văn Trường
- 32 0 QUÊ NGƯỜI, NHÌN LẠI THỜI THƠ ẤU VÀ TUỔI ĐÔI MƯƠI
(*quê hương trong trí nhớ*) * Huy Lực Bùi Tiên Khôi
- 45 0 NÊN VIẾT "DÒNG" HAY "GIÔNG"? (*chuyện ngôn ngữ*) * GS Trần Huy Bích
- 54 0 CÒN KHÔNG CHÓN QUAY VỀ (*truyện*) * Hoài Ziang Duy
- 60 0 BẢO LỤT HOUSTON (*thơ*) * Đỗ Chiêu Đức
- 61 0 CÓ MỘT CHỖ ĐỂ VỀ (*thơ*) * Trần Bang Thạch
- 62 0 CHIẾC SCHOOL BAG VÀ NGƯỜI LÍNH GIÀ (*thơ*) * Trần Hoài Thu
- 64 0 CÂY ĐA - BẾN NƯỚC (*nước Việt mến yêu*) * Trường Thy
- 74 0 THỦY LÀ NƯỚC (*phiếm luận*) * Thầy đồ Đỗ Chiêu Đức
- 80 0 BS NGUYỄN LƯU VIÊN TẠ THẾ 0 DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ * VHVN
- 81 0 MỘT ĐẠI THI HÀO KHÓC CON GÁI RƯỢU 0 ÁI TÌNH
GÂY RA TẤT CẢ (*chuyện văn chương*) * GS Tiến sĩ Đàm Trung Pháp
- 90 0 PHÂN ƯU BÀ QUẢ PHỤ BÙI HỮU HUÂN TỬ TRẦN... * VHVN
- 91 0 CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG (kỳ 3)
(*nam quốc sơn hà nam đế cư*) * GS Tạ Quốc Tuấn
- 114 0 VIỆT NAM THẨM HOẠ... (*nam quốc sơn hà nam đế cư*) * Phạm Hồng Thủy
- 118 0 THỜI GIAN 0 ĐIỀU RU CỦA MẸ (*thơ*) * Trần Văn Lệ * Huyền Vân Thanh
- 121 0 KHẮC ĐẠM TÌNH QUÊ (*thơ*) * Thy Lan Thảo
- 122 0 TÔI TẬP LÀM VĂN (*truyện*) * Đào Anh Dũng
- 126 0 VỊN VÀO LỤC BÁT CỦA TRẦN HOÀI THU (*đọc sách*) * Phạm Văn Nhân
- 134 0 LƯỠI ĐAO CẠO (*truyện phóng tác*) * Trần Hồng Văn
- 139 0 TƯỜNG NHỎ CHIA BIỆT MỘT NGƯỜI.. (*sinh hoạt đặc biệt*) * Mỗ LàngHouston
- 144 0 BÚT KÝ VỀ SỰ RA ĐI CỦA MỘT NGƯỜI THẦY...(bút ký) * Nguyễn Văn Sâm
- 148 0 NGƯỜI ĐƯA THU (*truyện mùa giáng sinh*) * Nguyễn Nhung
- 156 0 ĐỌC TRUYỆN NÔM HỨA SỬ ... (*giới thiệu sách*) * Nguyễn Văn Sâm
- 164 0 TẠ ƠN (*thơ*) * Kiều Mộng Hà
- 165 0 TƯỢNG NIỆM CỤU THIẾU TƯỚNG VNCH NGUYỄN VĂN KIỂM
VỮA RA ĐI TẠI HOUSTON TX (*tin - ảnh*) * PV sắp xếp nội dung các trang này
- 171 0 LƯU BÌNH PHÚ (*văn học chữ nôm*) * GS Lê Văn Đặng
- 44 - 133 - 143 - 182 - 183 - 184 0 CÁC TRANG GIỚI THIỆU CƠ SỞ ỦNG HỘ VHVN.



THƯ TOÀ SOẠN

Tạp chí Văn Hoá Việt Nam số 79 mùa Đông

2017 đến cùng quý bạn đọc với một số bài viết qua các chuyên mục thường xuyên luân phiên có mặt, đặc biệt kỳ này có một số trang "Phân Ưu, Tưởng Niệm" trong mùa Tạ Ôn hàng năm nhiều hơn; bởi vì chỉ ba tháng cuối năm này có sự ra đi của cựu Thiếu tướng VNCH Nguyễn Văn Kiêm (thân phụ của một thành viên trong nhóm sáng lập tạp chí VHVN là Bà Cecile Nguyễn), Thầy Trần Văn Kỳ (phu quân của cựu Hiệu trưởng Đoàn Thị Điểm GS Phạm Thị Kim Chi), Ông Võ Văn Nghi (phu quân của Bà Võ Lê Thơ - hai lần làm trưởng ban tổ chức Đại Hội gia đình PTG & ĐTD Cần Thơ tại Houston rất thành công), Ông Trần Thượng Thủ (GS trưởng Việt Nam Học Đường), đặc biệt có 3 cộng tác viên của tạp chí đã vĩnh viễn ra đi: BS Nguyễn Lưu Viên, GS Lê Quý Đàng, văn thi hữu Thái Tấu... Đó là những sự mất mát mà nhóm sáng lập vô cùng thương tiếc khi nói lời "**vĩnh biệt và tri ân**" ngay trang báo này, mong quý bạn đọc cảm thông và chia sẻ. Gần bước sang 21 năm tạp chí có mặt, nhìn lại, nhóm chủ trương vô cùng xúc động, bởi vì: **mỗi ba tháng đều đặn ra một số báo (184 trang in), mà báo không bán ngoài thị trường;** [chỉ gửi đến một số thư viện các trường đại học trong và ngoài nước Mỹ, các Văn Thi hữu, Thầy Cô, đồng môn, thân hữu, các bạn đọc xa gần nhận báo theo yêu cầu]; **chỉ dành vài trang giới thiệu các cơ sở thương mại mang tính "ủng hộ" với thành tâm mà không phải quảng cáo đúng nghĩa.** Cũng như các Văn Thi hữu, các vị Giáo sư, Bác sĩ cộng tác bài vở suốt thời gian qua hoàn toàn không nhận một khoản thù lao nhuận bút nào... Cho nên một lần nữa, nhân mùa có Lễ Tạ Ôn, nhóm chủ trương tạp chí, xin chuyển đến tất cả quý vị Văn Thi hữu, Giáo sư, Bác sĩ, quý vị làm công tác văn hoá giáo dục, quý bạn đọc ủng hộ tạp chí khắp nơi "**lòng biết ơn**" của chúng tôi. Xin mượn đoạn văn nói về "**lòng biết ơn**" của ông Đỗ Vạn Thúy (Giám đốc trung tâm Việt Mỹ Houston TX) viết trong Bản Tin tháng 11-2011, đã đồng ý cho Châu Lê trích đưa vào số tay văn học VHVN số 55 mùa đông 2011 mà chúng tôi rất tâm đắc: "**Lòng biết ơn sẽ tháo mở những ràng buộc trong cuộc sống. Nó sẽ giúp chúng ta từ chỗ có đủ, trở thành tràn trề, sung túc. Nó sẽ biến sự ruồng rẫy, chối bỏ thành được chấp nhận; từ chỗ xáo trộn trở nên có trật tự; từ chỗ hoảng loạn trở thành yên tĩnh, trong lành. Nó sẽ biến những bữa ăn thường trở thành bữa tiệc; biến một căn nhà trở thành tổ ấm; làm cho một người xa lạ trở thành một người bạn thân thiết. Sự biết ơn làm cho quá khứ trở thành có ý nghĩa, mang sự bình an đến cho hiện tại và sẽ mang đến cho tương lai nhiều hứa hẹn**".

Những chuyện xảy ra quanh cuộc sống cứ liên tục thay đổi theo từng trường hợp do cảm quan nhận biết của mỗi người sống trong đất nước tự do như Hoa Kỳ, từ báo chí, phát thanh, truyền hình, kể cả trên hệ thống internet. Nhiều ý kiến bình luận khen chê, ủng hộ hay bài bác đối với vị Tổng thống thứ 45 là ông Donald Trump không giấy mực nào ghi chép hết. Thực tế đúng sai chưa ai dám khẳng định, bởi tổng thống đắc cử và lãnh đạo đất nước vừa mới tròn một năm của nhiệm kỳ mà thôi. Thư toà soạn số 76 mùa xuân 2017 chúng tôi có viết: "Có điều, khi tranh cử hứa hẹn cam kết với cử tri, **"lập một chính phủ mới, của dân, do dân và vì dân"**, (...), chúng ta kiểm nghiệm lại xem, so sánh xem... những gì được và chưa được mà Tổng Thống Donald Trump đã và đang làm? Nghĩ rằng quan tâm theo dõi từng hoạt động của người lãnh đạo đất nước là bổn phận và quyền của mỗi người. Công dân có quyền tự do nói lên những điều bất bình đối với người lãnh đạo (...). Chúng tôi nghĩ rằng, **trong chúng ta ai cũng mong muốn đất nước mình đang sống sẽ mở ra một trang sử mới, sáng sủa hơn, vững mạnh hơn trong thế siêu cường mà bất cứ người mang quốc tịch Hoa Kỳ nào cũng tha thiết mong chờ"**.

Đối với hiện tình đất nước Việt Nam, chúng tôi thất vọng khi thấy quanh năm suốt tháng, nhiều tụ điểm vui chơi giải trí mọc lên, đã lôi kéo đồng đảo thành phần xã hội lao vào nhốt là thế hệ trẻ, trong khi giặc Tàu đã áp dụng **"thảm họa diệt chủng dân tộc Việt Nam"** diễn ra ngày càng thấy rõ, mà hầu như mọi người đang sống trong nước quá thờ ơ vô cảm, cam tâm làm nô lệ, khi vực thảm sát nước đang diễn ra trước mắt. Đảng cầm quyền cộng sản thì **"hèn với giặc, ác với dân"**, dùng thủ đoạn mở cửa rước Tàu cộng vào khắp nước, mà người dân không tỏ thái độ vùng dậy, thua xa thời Bà Trưng Bà Triệu ngày xưa. Bên cạnh đó, ông Bùi Hiền - xưng là Phó Giáo Sư Tiến Sĩ - đưa ra việc cải cách Tiếng Việt thật quái đản, lộ rõ âm mưu xoá bỏ ngôn ngữ và chữ viết trong sáng hàng trăm năm nay của dân tộc, qua cách viết giọng đọc nghe âm hưởng Tàu Cộng (?) không thể chấp nhận được. Vậy mà vẫn có một số mang danh trí thức lên tiếng bênh vực chủ trương này, là điều sỉ nhục! Chính người trong nước không đoàn kết vùng lên chống giặc, trừng trị bọn cầm quyền và đảng CS hiện tại, thì đòi hỏi gì người Việt hải ngoại trở về cứu giúp như nhiều người lên mạng internet thách thức kêu gọi?.

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 80 phát hành mùa Xuân 2018 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Ba 2018. Bài viết cho số Tám Mươi sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Hai 2018 để bước sang năm thứ 20 có mặt của tạp chí trên diễn đàn. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta. **VHVN**

SỔ TAY VĂN HỌC



I

ĐOÀN XUÂN THU

HỮU THÙ BẤT BÁO... PHI QUÂN TỬ!

Nhớ năm 72, sau khi học làm lính một khóa dài 9 tháng, ở Trường Bộ Binh Thủ Đức, mấy thằng bạn lính của tui lên đường ra mặt trận thì tui lại được biệt phái về trường cũ để dạy học.

Chánh phủ mình hồi xưa quan niệm rất đúng đắn rằng: *Dẫu đất nước vẫn đang còn chìm trong chiến tranh ác liệt thì cái học, cái tương lai của dân tộc này, bằng cách này cách nọ, phải được đặt lên ưu tiên ở hàng đầu!*

Nên thay vì cầm súng, cái đám giáo chức, dút cháo, trong đó có tui được chánh phủ gọi về trường cầm phấn...

Cầm cái sự vụ lệnh của Thiếu tá Nguyễn Văn Xin, Chủ sự Phòng Động viên của Bộ Giáo dục, nằm trên đường Lê Thánh Tôn, thủ đô Sài Gòn về nhận nhiệm sở ở Cần Thơ.

Có lẽ 9 tháng quân trường chưa đủ lâu để làm tui bay đi mùi sữa 'Babilac', nên ông gác dan chặn lại khi tui mới dọm bước qua cổng trường:

"Ê! Thằng kia! Chuông reo vào học đã lâu, giờ mới vác cái bản mặt tới. Chuyên đi học trễ không hà... mà còn hổng chịu mang hiệu đoàn nữa hè."

Cha chả! Ông làm gác dan trường mà muốn nhảy lên làm thầy Giám thị một cách ngang xuong hè?

Tui bèn từ tốn cắt nghĩa: *"Tui đi học là hồi xưa kia. Còn giờ tui đi dạy chú ơi!"*

"Ừa! Thầy là giáo sư mới đổi về hả? Tui đâu có biết... Cứ tưởng học trò học về không hề! Thôi cho tui xin lỗi nghe!"

Hồi xưa làm Hiệu trưởng trường công lập cấp tỉnh là oai lắm. Phụ huynh gọi là ông Đốc không hề. Cỡ mới ra trường như tui được ông Giám học tiếp đã là hân hạnh lắm rồi, đâu dám đòi hỏi gì hơn.

Nhưng chuyện đó với tui không quan trọng bằng cái chuyện điền tên vào bảng lương để cuối tháng lãnh lương. Vì có tiền mới có thực... Mà có thực mới vực được đạo của Thánh hiền phải không nào?

Ông Giám học xếp thời dụng biểu cho tui dạy lớp Đệ tứ, nhưng tui cứ nằn nì là: *"Thưa thầy cho tui dạy lớp Đệ thất đi!"*

Ông Giám học có vẻ không bằng lòng khi thấy tay thầy giáo lơ mơ và lơ ngơ mới ra trường này không kính nể cấp chỉ huy đúng mực, không tuân theo lệnh phân công, còn cảm ràm xin xỏ lời thôi nầy nọ nên dấm dấn tra vấn tui là:

"Tôi xếp thầy dạy lớp Đệ tứ là ưu ái cho thầy có nhiều cơ hội dạy thêm để kiếm tiền mà cưới vợ... Nhưng tại sao thầy cứ nhứt quyết đòi dạy lớp Đệ thất vậy hả?"

Tui bèn kiên nhẫn và từ tốn trả lời cho ông Giám học rõ là: *"Chẳng qua hồi xưa tui học lớp Đệ thất tới hai năm nên có rất nhiều kinh nghiệm."*

Ngày đầu tiên nhận lớp, chưa kịp đặt đít ngồi xuống bàn Giáo sư, thì lấp ló ngoài cửa lớp có một phụ huynh dắt một thằng nhóc con xin phép được vào lớp. Tui bước ra chào đón thi: *"Úy! Trời đất ơi! Người xưa của tui đây mà!"*

Em cũng vừa ngạc nhiên đến sững sờ, vừa bỡ ngỡ che ngang vành nón lá, nói: *"Nếu Thầy có nghĩ tới tình xưa nghĩa cũ đâu không cùng nhau nên duyên mới lỗi cũng tại em, xin Thầy dạy cho cháu nên người! Đừng có thù dai, thù vặt mà khẻ tay hay bắt nó quỳ gối tội nghiệp."*

Gọi em là người xưa! Chẳng qua hồi còn đi học, thằng anh ruột của em cũng là bạn tui, học hành siêng năng giỏi dẫn ngồi chính giữa. Tui và một thằng nữa ngồi hai bên.

Cả hai đứa tui đều làm biếng học bài nên lúc nào thầy cô cho bài làm trong lớp là phải nhờ bạn hiền giúp đỡ bằng cách cho cộp đề.

Bù lại tui sẽ hùn tiền đãi nó uống cà phê sữa đá ở quán Năm Dương gần trường.

Có lần mang điếm bài thi về cho Tía tui ký tên rồi nộp lại theo yêu cầu của Giáo sư, Tía tui có vẻ hồng có hài lòng, nên cất vắn tui rằng:

"Sao điểm bài thi lục cá nguyệt của con thấp vậy?"

"Thưa Tía! Tại kiếm điện ạ!"

"Sao ngay ngày thi mà con lại kiếm điện, trốn học?"

"Dạ dẫu có! Tại thằng bạn ngồi kế bên con nó nghỉ!"

Một hôm đến nhà tìm nó để rủ đi uống cà phê Năm Dương thì người mở cổng cho tui vào là em gái của nó. Dịp may hiếm có nên tui cười he he mở miệng làm quen là: *"Xin lỗi, Chủ Nhật vừa rồi hình như anh thấy em đi Sở Thú chơi phải không?"* *"Phải. Anh ở chuồng nào vậy?"*

Câu trả lời thiệt làm tan nát lòng tui.

Mười năm sau, gặp lại, chắc em thấy tui được làm tới chức giáo sư 'quen', em tiếc hùi hụi con chim ngày xưa, em ngu không bắt để bây giờ hồn em phải chìm trong phương trời viễn mộng! Cho đáng đời em! He he!

Rồi vài tháng sau, con em mang vào lớp cái thư phụ huynh mời tui đi ăn đám giỗ ông nội của nó!

Cái gì cái, được mời ăn là tui không bao giờ từ chối. Đôi khi còn đến sớm sửa đề khỏi phải ăn xà bần nữa kia.

Đón tui trịnh trọng trước cửa nhà là thằng chồng của em. *"Úy trời đất ơi! Thằng chồng của em lại là thằng bạn học chí cốt của tui ngồi chung bàn năm cũ đây mà!"*

Thì ra trong lúc tui tấn công em trực diện thì nó lại tiêu lòn, nước chảy đá mòn nhờ nhà nó giàu tiền giàu bạc, giàu vô thiên lủng, nên nó đem tiền ra mua chuộc tình em để biến tui thành một kẻ tình thua!

Vô bàn nhậu, làm sương sương vài ly là tui quên mất tiêu mỗi hận lòng năm cũ! Tui bồi hồi nhớ lại kỷ niệm xưa ở Sài Gòn,

lang thang chợ đời, sau nhiều năm gập lại ngoài đường, có lần tui hỏi nó:

"Đậu Tú tài hai rồi mày tính đi thi vô trường nào vậy?"

"Tao hả? Thi vô Đại học Y khoa, làm bác sĩ!"

"Ừa! Tao nhớ lúc trước mày tính thi vô Đại học Kiến trúc mà?"

"Tại lúc trước ba tao còn làm bên xây dựng!"

"Còn sau đó?". "Ông làm chủ trại hòm!"

"Nhưng ba tao cũng mất rồi! Tao là con một nên hưởng toàn bộ gia tài. Ăn cả đời còn chưa hết nhưng con vợ tao cứ khăng khăng đòi mở 'phéc-mơ-tuya' để bán.

Ờ, tao nghĩ vợ tao, như mày biết, vừa đẹp và có duyên ăn nói như nó mà mở "phéc-mơ-tuya" thì chắc chắn 100% dất khách rồi, nên tui cũng tính chiều theo ý nó! Mày thấy sao?"

"Ý mày nói là vợ mày muốn cái 'pharmacy' phải không? Chớ mở 'phéc mơ tua' ra thì bán cái gì hè?"

Vài năm sau, mất miền Nam, VC đánh tư sản mại bán, nghe nói vợ chồng nó cũng lâm vào cảnh đói khổ như tui.

Vì gốc sĩ quan biệt phái, nên tui bị VC đuổi không cho dạy nữa, từ Cần Thơ tui trở về Sài Gòn cũng như vợ chồng nó từ vùng kinh tế mới trốn về vậy.

Một hôm, khoảng năm 78, 79 gì đó tình cờ gặp lại nó ngồi quán cóc uống cà phê trên lề đường Lý Thái Tổ, nó nói: *"Sao tao thấy mày suốt ngày mặc áo bộ vô quần, giắt viết trong túi cầm sổ đi tà tà hoài vậy?". "À tao kiếm sống bằng nghề đi bút!"*

Thằng bạn tui gục gặc đầu, thán phục: *"Sao làm nhà văn hay nhà báo?". "Đâu có! Tao đi ghi số đề!"*

Sau đó nghe đồn gia đình nó đã thuyền ra cửa biển! o O o

Trong Luận Ngữ của Khổng Tử có câu: "Hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ" (Khách từ phương xa tới mà không vui sao được!)

15 năm sau nữa, đó là tâm trạng của tui sau một cuộc vượt biển đầy hiểm nguy lại may mắn gặp người năm cũ.

Một chiều, rình theo chai rượu đỏ, vợ chồng tui đến ghé thăm vợ chồng nó ở Footscray, Melbourne.

Đứa cháu nội của tui nó ra mở cửa xong, nó gọi vọng vô: *"Bà nội ơi! Có ai gọi ông nội bằng thằng đến kiếm kìa!"*

Và người xưa của tui, vợ của thằng bạn tui, ra mở cửa, thấy em yêu của tui trước, bèn cất giọng khàn khàn: "Nè! Cháu muốn hỏi thăm nhà ai?"

Tui bèn nói: "Bà xã của anh đó! Ở Việt Nam mới qua định cư được hai năm!"

"Sắc đẹp đâu chẳng bằng ai. Chỉ thua người mẫu với chân dài" về nâng khăn, móc túi...

Phải em xưa đừng hỏi tui ở chuồng nào? Thì đôi ta đã chung một chuồng, cùng tóc bạc như nhau, sau bao năm vầy duyên can lệ!

Quá đã! Không có cuộc trả thù nào ngọt ngào cho cái đắng cay ngày cũ bị em hỏi anh ở chuồng nào cho bằng cái lúc này đây!



Đúng là 'hữu thù bất báo... phi quân tử' diển Nôm là có thù mà không trả thì "sẽ không tranh Bão Huân lớn nổi thành người"!

đoàn xuân thu.

Melbourne - VIC - Australia

II

CHÂU LÊ

TRỜI MƯA MÃI

CHO DÀI CÂY SỐ NHỎ

Hơn sáu mươi năm về trước, thời chúng tôi cùng học Đệ Ngũ Đệ Tứ trường Phan Thanh Giản, bạn Lê Công Sinh có máu "văn chương thơ phú" ký bút hiệu Kiều Tâm Khánh, đã làm một bài thơ mà tôi thích và nhớ mãi câu này: "Tôi gọi tên em từng phút từng giờ. Trời mưa mãi cho dài cây số nhỏ". Trời đất ơi, gọi gì mà gọi dữ vậy Sinh, gọi đến không kịp nghĩ xả hơi? Tôi hỏi. Anh cười. "Nhớ em quá mấy ơi. Nhớ quay quắt lắm". Nhưng... tôi cũng bị siêu lòng nghĩ đến câu thơ tiếp theo, khi mà hình dung được ngoài trời cơn mưa chiều cứ tầm tã, không bước chân ra ngoài được, cứ ngồi nhìn những giọt mưa vô tình rơi từ trên mái lá của ngôi nhà trọ xuống trước hiên, nỗi buồn cứ len nhẹ vào và nghĩ ngợi mông lung. Chợt nhiên tôi thấy sự cách xa vời vợi của

một nỗi buồn và thương nhớ vu vơ, lan toả không dừng lại chỗ nào... Hèn chi, bạn tôi đã diễn tả "dài cây số nhớ" quá đỗi đậm tình như thế!

Tôi đã có một tâm trạng nhớ nhà nhớ quê ngay từ thời còn nhỏ xíu, bây giờ nhắc lại như là một kỷ niệm. Năm 1957, do nhà tôi trong quê không có trường học, ba má tôi phải bán mười gia lúa để lấy tiền đưa tôi qua Sa Đéc ở với Cậu Mợ tôi để đi học lớp Ba. Đi xa thì tôi mừng, nhưng lúc Má tôi trở về tôi mới thấy như thiếu vắng và hụt hẫng mà lúc đó tôi không thể hình dung được. Do gia đình tôi quá nghèo, nên Tết năm đó Má tôi không qua thăm tôi... Qua năm học lớp nhì, thi xong đệ nhất lục cá nguyệt nghỉ Tết, Má tôi mới qua, vì nhớ nhà nhớ quê, tôi đòi về... Cậu tôi bảo, "về bên đó đâu có trường học, lội bộ ra Phong Điền bảy tám cây số con đâu đi nổi mỗi ngày?". "Con lội được mà..". Khi Cậu tôi dẫn tôi vô trường để xin giấy chuyên về học trường Phong Điền, Thầy Hiệu Trưởng Trần Bá Mậu sau khi nghe Cậu tôi trình bày với lý do "Cậu mợ tôi đơn chiếc và tuổi già không lo cho cháu được", Thầy Hiệu Trưởng bảo tôi về nhà Thầy ở, đi học cùng con của thầy là chị Loan, thầy sẽ lo cho ăn học tới nơi tới chốn". Lúc đó, thầy Lãnh - Thanh tra cũng có mặt nên nói: "Nếu con không ở nhà Thầy Hiệu trưởng, con qua ở nhà thầy để cùng học với chị Jacqueline, thầy lo cho con". Tôi cũng không chịu, đòi về quê. Cuối cùng thầy Hiệu trưởng gọi Thầy Bê, thư ký trường làm giấy giới thiệu và kèm tờ CHỨNG CHỈ HỌC LỰC của tôi. Thầy ký tên đóng dấu xong. Trước khi đưa cho Cậu tôi, Thầy đọc lại, bỗng nhiên Thầy lấy cây viết xoá rồi viết tay mấy chữ, kêu thầy Bê đóng thêm dấu vào. Tôi nhớ thầy ghi: "xác nhận có xoá hai chữ và thêm bốn chữ" rồi ký tên. Như vậy tờ chứng chỉ học lực (thầy Bê đánh máy: Học lực: GIỎI, Hạnh kiểm: TỐT), thầy Hiệu trưởng xóa hai chữ GIỎI và TỐT, viết tay vào bốn chữ RẤT GIỎI và RẤT TỐT. Thầy ký tên và thầy Bê đóng dấu. Do đó, tờ chứng chỉ học lực của tôi có hai chữ ký và hai con dấu... đã gây cho tôi những trở ngại khi về trường Phong Điền, mà thầy Hiệu trưởng Nguyễn Văn Chính đã chất vấn đủ điều, tôi có kể chi tiết qua bài "**Một Năm Ruổi Tôi Học Trường Phong Điền Với Nỗi Gian Truân Của Một Học Sinh Nghèo**" [từ trang 32 - 43, bút ký NHỮNG TRANG VIẾT TẢN MẠN QUANH ĐỜI TÔI - Bản

Thảo Lưu Lại - Thư Ân Quán 2010]. Bây giờ nhớ lại ngay từ thời thơ ấu, tôi đã có tâm trạng "dài cây số nhớ" mà mình không thể diễn đạt được như anh bạn Kiều Tâm Khánh!

Thời Trung học, tôi cũng có người yêu, cũng có hẹn hò gặp nhau những ngày nghỉ học. Một hôm, người yêu của tôi tiết lộ ba má của nàng có ý định gởi nàng sang Đài Loan tiếp tục việc học, nơi người anh cả du học rồi lập gia đình, có điều kiện ở lại bên đó, đã phục vụ quân đội mang cấp sĩ quan. Nhiều đêm tôi cứ trần trọc và nghĩ ngợi đến sự cách chia, khi nàng rời quê hương du học, chưa biết có trở lại quê nhà hay giống người anh ở luôn bên đó, để tôi là người ở lại mong ngóng đợi chờ. "Trời mưa mãi cho dài cây số nhớ" áp dụng cho tâm trạng của tôi không gì đúng cho bằng. Nhưng, mong muốn của ba má nàng không thành, hai chúng tôi không gặp phải cảnh chia biệt để mang tâm trạng "dài cây số nhớ" và "gọi tên nhau từng phút từng giờ" như nhà thơ đã bày tỏ nỗi lòng ở tuổi học trò.

Thời vào quân ngũ, vào học giai đoạn I ở Quang Trung, học giai đoạn II ở Thủ Đức, bởi chưa có gia đình nên nỗi nhớ nhà nhớ quê không có gì khiến mình ray rứt. Ra đơn vị tác chiến rồi lập gia đình, dù hàng ngày đối đầu với làn tên mũi đạn, tiếp cận với bao nhiêu hiểm nguy kề cận, những đêm trần trọc cũng thấy nhớ nhà, nhớ vợ con... nhưng sự "lo lắng" về an toàn cho sự sống lại chồng lên khiến nỗi nhớ vụt thoáng qua mà thôi. Tàn cuộc chiến thì vào trại tù "cải tạo", nhất là thời gian ở trại tù trong rừng già Xuyên Mộc, mới thấm thía nỗi nhớ, khi đêm đêm nghe tiếng mưa rừng ào ào trút lên mái nhà trại giam, khi hàng ngày đi lao động khổ sai ngoài rừng mà gặp phải cơn mưa rừng dữ tợn và dai dẳng..., nỗi buồn và hận không bút mực nào kể xiết! Chính những lúc đó, "dài cây số nhớ" len về mà mãi sau này nhớ lại, mới biết mình đã có dịp "xài" nó mà mình không để ý!

Bây giờ, bạn thơ Kiều Tâm Khánh đã vĩnh viễn đi xa vào cõi vĩnh hằng, nhưng cái mà anh để lại đối với tôi trong tuổi xế chiều này, là những dòng chữ rất đậm đà nhân bản, rất THO trong cõi đời mà tôi phải cảm ơn anh: "Tôi gọi tên em từng phút từng giờ. Trời mưa mãi cho dài cây số nhớ".

CL. 26 tháng 8-2017

03:25am - thức nhìn mưa, nước ngập đến nửa Drive way trước nhà của con bạn Harvey... đang hoành hành Houston Texas - một cơn bão mà người ta cho rằng lớn nhất trong vòng 50 năm tại Texas Hoa Kỳ.

III

TRẦN BANG THẠCH

LAN MAN TRONG MẮT BÃO

1.

Ngay khi con chữ đầu tiên của bài viết này rơi trên mặt monitor thì bão Ike còn cách bờ biển Galveston 52 dặm. Tính ra còn khoảng 4 tiếng đồng hồ nữa Ike mới đánh vào bờ. Đường kính của Ike rộng quá, 500 dặm, choáng gần hết Gulf of Mexico, từ Palacios ở mạn Đông lên mạn Tây giáp với tiểu bang Louisiana. Đường kính rộng như vậy cho nên dù là bão đang ở cấp 2 nhưng mạnh tương đương cấp 4. Sẽ trở thành cấp 4 chỉ vài giờ nữa với tốc độ gió là 143 mile/giờ. Gió thì đã bắt đầu thổi mạnh từ lúc hơn 6 giờ chiều. Ngoài khơi, có lúc sức gió lên đến 105 dặm/giờ. Trên màn ảnh truyền hình, đã thấy những con sóng cao gần 20 feet. Có chiếc tàu chết máy đậu ngoài khơi, 23 thủy thủ đã được cứu. Có chiếc truck với 2 người thanh niên bị mắc lầy trên bãi biển Galveston giữa cơn cuồng nộ của sóng và gió. Họ cũng được cứu nhưng phải nghe vài lời cảnh nhắc của toán cấp cứu. Nghe nói có tới hơn 40% dân chúng thuộc vùng ven biển không theo lệnh di tản bắt buộc của chánh quyền. Chắc rồi khoảng 20,000 người này cũng phải kêu cứu khi nước đến chân mà chưa nhảy kịp, hay chỉ nhảy kịp lên... nóc nhà! Trên đất liền từ vùng Đông Nam Texas cho tới Trung Nam Louisiana gió lên đến trên 70 dặm/giờ.

Cho tới giờ này, gần 11 giờ đêm Thứ Sáu 12-9-2008, nghe báo cáo nói là đã có trên 30 căn nhà ở Matagorda County town of Sargent bị sóng biển làm hư hại nặng. Vùng phía trên của Texas GulfCoast thì chưa thấy thiệt hại gì. Nhưng theo dự đoán thì sẽ có tới vài chục quận hạt và thành phố ven biển sẽ là nạn nhân của cơn bão chết người này.

Các dự báo thời tiết cũng giữ vững lập trường là bão sẽ vào thẳng Galveston, rồi tiến theo trục xa lộ I- 45 lần lên phía bắc Houston với bán kính 70 dặm, sức gió sẽ giảm thành cấp 1. Cũng hơi yên tâm nhưng không khỏi lo sợ khi trên màn ảnh sóng cao như cái nhà lầu, và bên ngoài gió mỗi lúc một mạnh thêm.

Con sóng và ngọn gió này làm nhớ tới những ngày lênh đênh trên biển rộng gần ba mươi năm trước. Suốt 3 ngày đêm chiếc ghe dài 20 thước với 120 con người như chiếc lá có lúc lặn sâu xuống chân sóng rồi trôi lên ngọn sóng cao như tòa building 20 tầng. Hình như lúc đó không ai tỏ ra sợ sệt, hay nỗi sợ hãi tan loãng trong tiếng kinh cầu. Hay nỗi sợ ấy không đáng gì so với nanh vuốt của con hổ luôn rình mò, chực chờ để bóp nghẹt mỗi phận người. Con hổ ấy mình vừa bỏ lại. Bão to, sóng cả gì cũng phải đi tới, dù sóng cao bằng tòa building 100 tầng. Mọi người và cả cây cột đèn, nếu may mắn có cơ hội thì cũng ra khơi. Nghĩ cũng ngộ: quê hương tôi trên đất liền mà có sóng đỏ như máu phủ chụp trên thân mọi người đã hơn 30 mươi năm rồi, và còn bao nhiêu năm nữa?!!!

2.

Ike. Bão này tên là Ike. Sẽ là cơn bão dữ dội nhất kể từ bão Alicia đánh thẳng vào Houston ngày 18-8-1983 với sức gió 127 dặm/giờ và với 23 trận cuồng phong lớn (tornadoes) trên đất liền làm cây cối ngã; sau cơn bão, nếu gom số cây này chất thành đống sẽ đây diện tích 1 sân football với độ dày là 1,200 feet. Như một



quả núi lớn. Nghĩ tới Alicia mà đâm ra sợ Ike. Sợ nhưng không trách mình đã tử thủ. Không muốn gặp cái cảnh kẹt xe 3 năm trước trong trận bão Rita nên dù không muốn cũng

phải "li".

Ike. Sao lại Ike? Thật là trớ trêu. Ike là cái tên gọi thân thương trên miệng của người Mỹ một thời. Tận trời Đông bên kia biển Thái, kẻ viết bài này, lúc còn tám bé, cũng đã một thời

ngưỡng mộ người mang tên Ike. Đó là cái tên thân mật để gọi vị Tổng Thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953-



1961): Tổng Thống Dwight D. Eisenhower. Nếu Hiến Pháp Mỹ Quốc cho phép vị Tổng Thống đương nhiệm tái ứng cử thêm lần thứ 2 thì chắc vị tướng 5 sao anh hùng của Thế chiến thứ 2 sẽ đắc cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Người ta yêu thương đứa con cưng của Texas này vì tài thao lược trong thời chiến và vì đức độ và tài năng của một chánh khách đã lèo lái một nước Mỹ trở thành một siêu cường trước áp lực của Liên Bang Xô Viết trong thời gian chiến tranh lạnh.

Ike cũng là người đẩy mạnh cuộc chạy đua chinh phục không gian với Liên Bang Xô Viết.

Vậy mà cái tên Ike lần này sao mà đáng sợ và đáng ghét !



3.

Ghét luôn cái anh chàng Neil Armstrong ! Tự nhiên từ mặt đất, đeo phi thuyền Apollo 11, vượt 240 ngàn dặm, đặt chân xuống mặt trăng lúc gần nửa đêm ngày 20-7-1969, gởi ngay mấy chữ ngắn gọn xuống địa cầu: "*Magnificent desolation*" (vùng hoang địa tuyệt vời). Sau đó, cùng với bạn đồng hành Buzz Aldrin còn ghi chép, chụp ảnh mặt trăng suốt 2

tiếng rưỡi đồng hồ. Còn nhớ sau đó vài tháng, tại thư viện Abraham Lincoln trên đường Lê Quý Đôn Sài Gòn người ta xếp hàng dài cả cây số để xem những mẫu đá lấy từ mặt trăng.

Ghét Armstrong, ghét các mẫu đá trong hộp thủy tinh vì huyền thoại Hằng Nga, Cung Quảng từ trăm ngàn năm bỗng một sớm một chiều bị phá vỡ. Đường Minh Hoàng nếu còn sống đến

ngày nay cũng phải vỡ mộng du Nguyệt Điện. Trước mắt là các em thiếu nhi, kể từ Apollo 11, có còn mỗi độ Trung Thu, xách lồng đèn tung tăng đi dưới trăng, ngược nhìn trăng thấy nơi xa thăm thẳm ấy là Chàng Cuội bên gốc cây đa với chị Hằng và chú thỏ bạch? Chuyện kể ngày xưa... xưa lắm có vợ chồng nhà kia sống trong cánh rừng bên cạnh cây thuốc cứu, rồi người vợ một hôm... có còn được các em bé nghe say sưa đến quên con trăng đã xế?



Lúc đó, sau khi bước ra khỏi cổng thư viện Abraham Lincoln, muốn quên hết những mẫu đất đá, quên hình ảnh Apollo 11, quên anh chàng Armstrong in trên các trang ảnh màu lồng lầy treo trên tường thư viện. Quên hết để cái thơ mộng của cung trăng còn sống mãi trong tâm trí ngây thơ tuổi nhỏ.

Đó là mùa Trung Thu đầu tiên tuổi trẻ trên mặt đất thấy Trăng không còn là thơ với mộng. Từ đó trẻ em đón trăng chỉ như một dịp vui chơi, hội hè. Chú Cuội, Chị Hằng chỉ còn là hình ảnh thân thương trong trí nhớ.

4.

Nói nhiều về Ike và về Armstrong vì những dự định tổ chức Tết Trung Thu cho các cháu tại nhiều nơi trong thành phố vào cuối tuần này phải bỏ dở. Ike làm thời gian bị trở ngại. Armstrong làm Trung Thu với Trăng Rằm mất phần nào thơ mộng.

5.

Viết thêm, sau cơn bão.

Phần sau này viết tiếp sau hơn một tuần lễ mất điện.

Không ngờ chỉ mới đi lan man tới phần 4 trên đây thì điện bị mất. Sau này mới biết thêm về bão. Lúc đó, khoảng 2 giờ sáng, bão đã vào đất liền với sức gió lên tới 75 dặm/giờ. Galveston và các vùng lân cận bị chôn vùi dưới nước. Bước chân tàn phá dữ dội

của Ike đã đặt trên các vùng ven biển. Gió tiếp tục lướt về hướng Bắc tinh hạt Harris làm cả một đồi thông ngã rạp trong vùng Conroe. Ngồi trong nhà nghe gió rít mà nhớ đêm gió nổi rừng rợn ở quê nhà mấy mươi năm trước ngồi đọc *Wuthering Heights* của Emily Bronte. Nghe gió đi mà như thấy gió cuộn mình kêu vun vút. Hết cơn nầy tới cơn khác, như tiếng đại bác đi trên đầu. Quéo, quéo... Cây *oak* hàng trăm tuổi trước nhà gãy đổ, may là không trúng mái nhà.



Bây giờ thì Ike đã đi lâu rồi. Điện cũng không có. Đèn dầu làm nhớ những ngày thôn quê cũ. Không điện thoại. Không Internet. Bỗng khám phá một

Một mái nhà đứng trơ vơ giữa đồng cỏ nát sau cơn bão. Magical & exceptional!

khoảng trống quá lớn. Trước đây hình như mình ít khi thấy những thứ này là món ăn không thể thiếu. Lệ thuộc nhiều quá vào những tiện nghi này! Một trưa Thứ Bảy, sau 8 ngày mất điện, các bóng đèn điện cùng sáng lên một lúc. Tâm trạng mình cũng bừng sáng lên như ngày xưa thấy mẹ đi chợ về từ gốc phố.

Vội vàng mở Email. Hơn 500 cái! Delete cũng mỏi tay. Giữ lại hơn trăm email thăm hỏi của thầy, cô, đồng môn, của người quen kẻ thân. Có những người gọi tới hơn 3 lần.

Trên TV, trên computer có nhiều hình ảnh các nơi cơn bão đi qua. Một cái nhà đứng chơ vơ giữa hàng trăm nhà khác đã thành những đồng gỗ đá vụn. Những cái quan tài trôi lênh bênh trên nước, lật nghiêng, lật ngửa. Con cá sấu lộ trong thành phố đổ nát. Chiếc ghe nằm chồng lên chiếc xe trên đường...

Một tổng kết sơ khởi: 88 thị trấn và thành phố bị ảnh hưởng trực tiếp của Ike. Người chết là 195. Thiệt hại trên 37.5 tỉ Mỹ Kim. Những con số quá lớn sẽ làm những nỗi đau kéo dài nhiều ngày

sau cơn bão. Thiệt hại tài sản thì có thể bù đắp được, nhưng người thân, những vật kỷ niệm, những hình ảnh và những sách quý thì làm sao tìm thấy được. Và tàng cây, ghềnh đá của một thời hẹn hò đâu còn như xưa.

6.

Vừa trở về nhà sau hơn 4 tiếng đồng hồ cùng các cháu thanh thiếu niên vui Tết Trung Thu tại một trung tâm sinh hoạt. Tưởng Đêm Trung Thu năm nay cũng đã bay theo Ike.

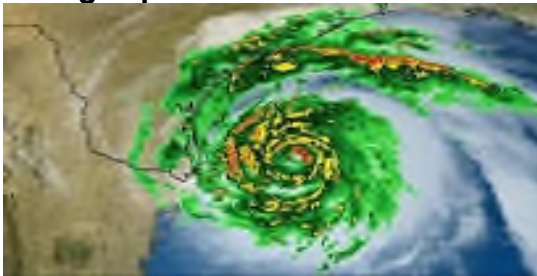
Gặp lại đêm nay âu cũng là đúng lúc. Người lớn thì thăm nom, hỏi han sau cơn bão nổi. Trẻ em thì hình như đã quên hết cái ông Ike đáng ghét. Và cũng không màng nghĩ tới mấy cục đá của cái ông gì đem xuống từ cung trăng. Cho nên đêm nay, Đêm Trung Thu, ai nấy đều vui. Người lớn vui theo người lớn. Trẻ em vui theo trẻ em. Chuyện Ông Trăng Chú Cuội *ngày xưa...xưa lắm...* cứ thế mà còn hoài. Còn hoài như sự hồn nhiên, tươi tắn của tuổi thơ.

Được gặp nhau ở đây sau cơn giông tố mà mọi người đều vui thì quả là nhiều phước hạnh trên cái cõi đời đầy giông bão này.

Trong những ngày hoạn nạn, tình thầy trò, tình đồng môn luôn có mặt. Trân trọng cảm ơn sự có mặt vàng ngọc này.

Houston TX, đêm 20-9-2008

trần bang thạch



Mắt bão Harvey Sept 25, 2017

Ghi thêm: Trong khi chờ cơn bão dữ Harvey đến Houston 12 tiếng nữa với tốc độ 120 mile/giờ vào Thứ Bảy 26/8 và Chủ Nhật 27/8/2017, xin nhắc lại bão IKE, được mệnh danh là Cơn Bão của thế kỷ, tháng 9 năm 2008 tại Houston qua bài viết đúng 9 năm trước. Cầu nguyện cho mọi người bình an. (TBT)

Và để kết thúc trang sổ tay, xin trích ghi đôi dòng trong BẢN TIN Trung Tâm Việt Mỹ tháng 10-2017 bài **Trung Tâm Cứu Trợ Thiên Tai** của ĐT (trang 6): "... *Bão Harvey con bão hung hiểm nhất trong 12 năm qua đánh vào nước Mỹ, 3 lần đổ bộ vào vùng duyên hải Texas, gây tử vong cho 69 người, và làm thiệt hại nhiều trăm nghìn căn nhà. Vệ binh Texas, cảnh sát, nhân viên cứu hoả và nhiều người dân đã thực hiện 17 nghìn cuộc giải cứu, hiện nay 30,000 người đang phải tạm trú vì chưa về lại được nhà, mức thiệt hại có thể lên đến 190 tỉ Mỹ Kim. Giám đốc cơ quan FEMA, Ông Brock Long, gọi đây là thiên tai gây tổn hại trầm trọng nhất trong lịch sử Tiểu Bang Texas. Đến nay đã tròn một tháng mà nhiều khu vực nhiều con đường vẫn còn bị tắc vì nước chưa rút, thiệt hại rất nặng nề cho các nhà dân trong vùng bị nước vây hãm, tình trạng vệ sinh môi trường bị ô nhiễm nặng nề...*".

Sổ tay VĂN HỌC kỳ này xin được dừng nơi đây. VĂN HOÁ VIỆT NAM kính xin quý anh chị Nhà Văn - Nhà Thơ - Nhà hoạt động Văn Hoá - Giáo Dục... mỗi người một tay về xây dựng ngôi nhà VĂN HOÁ VIỆT NAM để mỗi ngày thêm khởi sắc. Mong lắm thay.

LỜI DI CHỨC của Vua TRẦN NHÂN TÔN:

"Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Cho nên cái học lâu đời của ta là hoạ Trung Hoa.

"Chớ coi thường chuyện vụn vặt này ra trên biên ải. Các việc trên, khiến ta nghĩ tới chuyện khác, lớn hơn. Tức là họ không tôn trọng biên giới qui ước. Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích.

"Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: **"Một tấc đất của Tiên Nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác"**.

"Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu".

ĐÀM LUẬN



GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG
(Houston - Texas)



RUỒI

MỘT:

TỪ CHUYỆN MỘT CON RUỒI

Ruồi lẩn là chuyện của làng Cổ Nhuế, ngoại ô Hà Nội, của ông Hàn Sĩ [1], cũng là chuyện các bãi rác Thành phố mang tên Bác của Tiểu Tử -- người dân lẩn lộn cùng ruồi lẩn chia nhau phân và rác. Với đa số dân gian, chung đưng với ruồi lẩn là số phận của người rùi ro cùng tột. Ruồi là hình ảnh của sự dơ bẩn, là nguồn cung cấp vi trùng, là nguồn cho lắm bệnh hiểm nghèo.

Thế giới ruồi lẩn là địa ngục trần gian.

Thế nhưng, anh bạn tôi - anh Lê Công Tâm - lấy Ruồi làm chuyên đề nói việc tu hành của đức Phật. Lấy địa ngục để nói Niết Bàn, chuyện trần tục để gọi cảm tâm linh. Có một cái gì đó vui vui,

ngộ ngộ, cho tôi làm đề tài chia sẻ với huynh đệ bốn phương và mong chờ góp ý để soi sáng con đường tu học.

Truyện rằng:

"Con Ruồi."

"Một hôm, đức Phật mở mắt, đứng dậy rời cội bồ đề. Ngài dạo quanh sườn núi. Nắng ấm. Gió nhẹ. Tâm hồn Ngài trong veo như hư không. Hạnh từ bi tỏa thành một ánh sáng trên đỉnh đầu Ngài. Cuộc hành trình chứng ngộ có lẽ sắp kết thúc. Trên đường Đức Phật cúi xuống chiêm ngưỡng vẻ đẹp trắng nuột của một khóm hoa rừng. Bất ngờ Ngài nhìn thấy một tấm lưới nhện óng ánh giăng ngang hai nhánh lá. Một con ruồi hốt hoảng, giãy giụa nhưng không thể thoát khỏi sự trói buộc của những sợi tơ. Đằng sau chiếc lá, một con nhện luôn luôn ngắm nhìn con mồi bằng ánh mắt thỏa mãn và kiêu hãnh.

Lát sau con nhện chậm chạp bò tới. Con ruồi cuống quýt vùng vẫy. Đức Phật nghe nó kêu thảm thiết:

- Lòng từ bi của Ngài để đâu? Trong trái tim hay trong ánh hào quang?

Không suy nghĩ, đức Phật dùng móng tay cắt một đường ngang tấm lưới, tạo một khoảng cách giữa con nhện và con ruồi. Con nhện giương con mắt đen óng nhìn đức Phật giận dữ:

- Tại sao Ngài can thiệp vào câu chuyện của tôi?

- Ta không thể đứng nhìn sự chết chóc. Ta thương con vật bé bỏng kia.

- Thế thì ai thương tôi? Mười ngày nay tôi không có một miếng thức ăn. Lòng từ bi của Ngài đã giết tôi. Ngài không biết gì về thế giới sinh tồn cả.

Con nhện kiệt sức, rũ xuống, bất động. Đức Phật khều con ruồi khỏi lưới nhện. Con ruồi bay chấp chới chung quanh Ngài.

- Tạ ơn Ngài đã cứu tôi.

- Nếu không gặp ta thì sao?

- Tôi sẽ là thức ăn của con nhện.

- Ta đã cứu người thì sao?

Con ruồi cười vang:

- Con nhện là thức ăn nuôi sống tôi.

Con ruồi bám ngay vào xác con nhện bắt đầu thổi rửa dưới ánh nắng. Đức Phật đưa tay lên rồi lắc đầu quay trở lại. Ngài thở dài, thấy con đường còn rất xa.

*Ngài ngồi dưới gốc bồ đề và tiếp tục nhắm mắt."***[2]**

Với 402 chữ, chưa đầy một trang giấy, với một ngôn từ bình dị, rõ ràng, một cấu trúc súc tích, một cách hành văn lôi cuốn, tác giả đã khéo dẫn tôi vào thế giới của một đức Phật sắp thành.

Trong câu chuyện, có ba nhân vật:

Đức Phật, Nhện và Ruồi.

o Vai chánh: đức Phật. *“Cuộc hành trình chứng ngộ có lẽ sắp kết thúc.” “Có lẽ” tức là còn có một cái gì đó: nhập nhằng, không chắc chắn. “Sắp kết thúc”, tức chưa kết thúc; Ngài chưa hoàn toàn giác ngộ. Ngài chưa chứng quả Phật; dù rằng, “Tâm hồn Ngài trong veo như hư không. Hạnh từ bi tỏa thành một ánh sáng trên đỉnh đầu Ngài”; “36 tướng tốt của Phật không là Phật”; áo tràng, đầu tóc không có ghê là chân tu, đắc đạo.*

o Nhện và Ruồi là duyên cho cái gút của bi kịch. thử thách hạnh từ bi của đức Phật.

o Ruồi khích tướng. ***“Không suy nghĩ”, đức Phật bị vào tròng: cứu Ruồi, hại Nhện.***

o Và Ngài giác ngộ: ***“con đường còn rất xa”. “Ngài đưa tay lên rồi lắc đầu quay trở lại. Ngài thở dài”.***

*Con đường của đức Phật trong chuyện này là một vòng kín: Khởi điểm, đức Phật như vừa xong một thời tọa thiền, tịnh tâm, dưới cây bồ đề: Ngài **mở mắt**, đứng dậy rời cội bồ đề. Tâm thức thư thái. Hạnh từ bi tỏa thành một ánh sáng trên đỉnh đầu. Nhưng cuối cùng, nhận thấy con đường còn xa, ngài lắc đầu quay về chốn cũ, tiếp tục nhắm mắt, định tâm.*

Ngài còn dính mắc:

- o ở hai chữ từ bi,
- o lời khích tướng của con Ruồi,
- o lời trách cứ của Nhện
- o cảm giác bất lực trước cảnh cá ăn kiến, kiến ăn cá.
- o nghi thức hay phương thức sám hối, tịnh tâm, tọa thiền.

Thế nên, câu chuyện rất là người, rất gần chúng ta. Vì tâm lành mà hại người; vì những cái bắt ngờ, bắt trặc, không lường trước được - **bây giờ và ở ngay đây** - lúc nào cũng có thể xảy ra, mà tạo nghiệp... Nói chung, một đức Phật chưa thành, hay đang thành, mà khéo viết, khéo mô tả, như trong bài này, dễ đi vào lòng người, và có thể thật sâu.

Nhà Chùa thường dạy: "Mỗi người chúng ta đều có Phật tính. Chúng ta là một đức Phật đang thành". Có sư còn thêm: "Tu mau kéo trễ."

Tóm lại, một đức Phật -- tu không rõ bao nhiêu kiếp và cuộc hành trình chứng ngộ như sắp kết thúc -- thế mà vừa bước ra khỏi bờ đoàn, đã vấp ngay trọng tội sát sanh. Vì từ-bi-hạnh khởi, mà làm nhện chết..

Tác giả đã qua đời, nhưng hình như Anh đã để lại đôi lời nhắn gởi cho riêng tôi:

HAI:

LÃNH ĐẠO

Khi cảm nhận thành đạt ngay trước mặt, đừng để mắt mình trong cao ngạo hay tự mãn, nhất là đừng tự gạt mình trong ảo ảnh mà mang trọng tội.

• Trong đời sống, ai ai cũng có dịp giữ trách nhiệm "lãnh đạo": **lãnh đạo gia đình, học đường - làm cha mẹ, anh chị, thầy cô giáo; lãnh đạo tinh thần - tăng, ni, linh mục, mục sư; lãnh đạo chánh quyền; lãnh đạo cơ quan: trưởng tổ, trưởng phòng, trưởng cơ quan, giám đốc, tổng giám đốc các cơ quan công, tư...**

• Và hầu hết chúng ta phải học .. "lãnh đạo". Học thì có hỏi, có suy tư, có luận bàn, hỏi sách vở, hỏi người xưa, người nay,.. rồi thử nghiệm. Thu thập kết quả, nhìn lại quá trình, lắm khi gặp duyên cho nhiều chứng ngộ. Chứng ngộ rằng mình đúng, sai, hay, dở, tối, sáng, và ước lượng độ sai lạc. Đó là quá trình tu tập "lãnh đạo". Cuộc hành trình của đôi bên, của đức Phật và của người đời học lãnh đạo, trong một giới hạn nào đó, thì như nhau, có khác chăng là ở phương tiện và cứu cánh.

• Nếu trong cuộc hành trình ấy, **ta bắt gặp chân lý, nếu duyên đưa, ta ngộ được, như nhà thơ Tố Hữu thốt:**

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim.

thì đừng nghĩ rằng "chân lý" ấy là hướng đi tất yếu, con đường tất yếu cho mọi ai có lương tri. Trái lại, phải để một phút, một giây, một sát na, để nhìn lại, nhìn vào trong, xét lại mình, xem có phải cái ánh sáng, cái sướng - bất gặp "cái chân, cái lý muôn đời này" - đã che lấp, làm cho mình mù, mình chỉ thấy có nó; và như vậy, nó có thể làm lòng mình chai - **không nghe, không thấy, không hiểu, không cảm nhận những phức tạp, đổi thay của giòng đời.** Vì đó là phút giây mà con người dễ ngộ nhận, dễ tự gạt mình, gói mình trong cái thanh thoát chứng ngộ, trong cái sướng khám phá, và có thể vì đó mà khởi đầu những tai họa cho những người thân cận, cho môi trường chung quanh.

o Hồ Chí Minh, Tô Hữu,..., lập giáo - Giáo Hội Xã Nghĩa, Xích Giáo, có thể do từ phút giây "*bừng nắng hạ, mặt trời chân lý chói qua tim*" ấy. Và các ông đã thành công xây dựng Giáo Hội Đỏ, quy Việt Nam về một mối, *nhưng cũng vì đó mà, trong nhiều thập niên, gieo tang tóc ở mọi miền đất nước, gieo đói rách - đói cơm áo, đói tin tức, đói tri thức, đói tình thương, đói một đời sống tương đối ổn định, đói tự do, vì bị tù đày, tẩy não, bị giam nhốt trong một chủ nghĩa chiến tranh - chiến tranh giai cấp, liên tục, trường kỳ, không ngưng nghỉ.* Nhà nhà tử sĩ, Tô Quốc Ghi Công, anh hùng cách mạng.

o Tháp Mười đẹp nhất bông sen,
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ [3].

Những ca dao ấy - loại vạn tuế, tung hô - được xây dựng trên xương máu, tang tóc, đói khổ suốt nhiều thập niên dài, dai dẳng, liên tục, trường kỳ, cùng khắp, từ Bắc chí Nam. Trong lịch sử loài người, nói riêng của các chế độ độc tài toàn trị, **thì Đảng Cộng Sản đứng hàng đầu và cao chót vót, trong "công trình" tàn sát dân mình.** Staline: Đại Khủng bố: 20 triệu dân Nga [4]. Mao Trạch Đông: Cách Mạng Văn Hóa, Đại Nhảy Vọt: từ 20 triệu đến 30 triệu dân Trung Quốc[5].

Vậy nếu cơ duyên cho ta khám phá **một chân trời mới, một "chân lý chân thật bất hư,"** mà triệu triệu cánh tay giơ lên, xác quyết: "Đây là con đường, hướng đi tất yếu" thì:

o Hãy nhớ câu chuyện 'Con Ruồi' trên đây. Đức Phật rời bỏ đoàn, *tâm tư thanh thoát, trong veo như hư không, cảm nhận*

cuộc hành trình chứng ngộ sắp kết thúc. **Thì ngay lúc ấy, Ngài cảm nhận: mang trọng tội sát sanh.**

o Và không phải bất cứ ai cũng cũng "ngộ" được là "con đường còn rất xa".

Nói riêng, **cho người làm cha làm mẹ, làm thầy cô giáo - là những người được xã hội giao cho cái thiên chức giáo dục trẻ thơ. Phải thận trọng:**

o Đừng vì cái thiên chức ấy, đừng vì những học hỏi, những kinh nghiệm dày mình, cái thông minh xuất chúng của tự thân, đừng vì những giá trị văn hóa ngàn đời của cha ông, chắc như bấp rang, như thường nghe:

Thương cho roi cho vọt,

Ghét cho ngọt cho bùi.

hay,

Cá không ăn muối cá wòn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

hay

Công cha như núi thái sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

mà tự cho mình có cái quyền bạo hành trẻ thơ, **sớm diệt cái hồn nhiên, ngây thơ trong trắng của tuổi ấu thơ**, bằng cách nhồi nhét chữ nghĩa, giá trị, tri thức, cách nghĩ suy của người lớn, tạo ở chúng một "bước đại nhẩy vọt", một "thần đồng" để ta khoe khoang, hãnh diện với xóm làng hay năm châu.

"Nhân chi sơ tánh bản **thiện**" là lời của Thầy Mạnh. Về sau, J.J. Rousseau lại nói: "L'homme naît **bon**, c'est la société qui le corrompt." [6] Mạnh Tử không xác định rõ thế nào là **thiện**. Tôi cũng không rõ thế nào là **tốt** trong bối cảnh những tác phẩm của Rousseau. Tôi muốn mượn thầy Mạnh và Rousseau, để mình định nghĩa hai chữ "**thiện**" và "**tốt**", mà tôi nghĩ, làm cha mẹ, hay thầy cô giáo nên có cái nhìn này.

"Thiện" và "tốt" chính là cái hồn nhiên, thơ ngây, trong sáng của tuổi thơ, phi giá trị, phi không gian, phi thời gian; "thiện" không phải là thiện đối với ác; "tốt" không là tốt đối với xấu. "Bản lai diện mục của nhà Phật" có thể - trong cái nhìn này - là trở về với cái tính phi giá trị, "phi thiện phi ác"[7], mà ta vừa nói.

Cho nên, nhà giáo dục - phụ huynh, thầy cô giáo - nên ghi nhận là: **trong những giây phút mà mình tự tin trong sở đắc của tự thân, chắc chắn ở những giá trị và phương cách truyền đạt hay bất cứ cái chi chi khác trong quan hệ với trẻ thơ, thì phải thận trọng, luôn xét lại mình.** Đời người trên dưới 100 năm, mỗi tuổi có cái thời của nó, người làm giáo dục phải thấu hiểu và trân trọng cái thơ ngây của tuổi trẻ. *Không khéo, sẽ như người nước Tống "bạt miêu trợ trưởng"[8] -- mỗi ngày, nhắc cây lúa mạ lên một tí để giúp nó chóng lớn.*

Ông Lâm Nhược Trần, tác giả "Người Việt Nam Tồi Tệ" nhận xét:

"... quyền được học - được phát triển với đúng năng lực bản thân đang là một quyền mà phân đồng học sinh VN đang bị chính bố mẹ, thầy cô, và xã hội vô hình chung xâm phạm một cách không thương tiếc.

Tuổi thơ và những tháng ngày tươi đẹp nhất của rất nhiều học sinh Việt Nam đang bị đánh cắp bởi một logic [9] đang ngày càng tỏ ra không phù hợp trong thời đại mới."[10]

Ông nhận xét trong bối cảnh Việt Nam hôm nay, trong những năm 2000-2015. Nhưng thiết tưởng đó cũng là lời **nhắc gởi cho mọi thầy cô giáo, phụ huynh ở mọi nơi, và mọi thời đại.**

Sớm giết chết tính "thiện", "tốt", cái tính thơ dại, hồn nhiên và thiên phú của trẻ thơ hay thanh thiếu niên, là một trọng tội.

Trở lại chuyện "Con Ruồi":

Đức Phật đưa tay lên rồi lắc đầu quay trở lại. Ngài thở dài, thấy con đường còn rất xa."

*Ngài thức ngộ: Thất bại. Ngài có cử chỉ: chán nản. Thái độ của Ngài: Thất vọng. Ngài là người **chuyên tu**, nguyện để hết đời mình trong tu hành, phương tiện là từ vô lượng tâm, nhằm giác ngộ chân tâm, Niết Bàn tịch diệt. Thế nhưng, vừa cảm nhận thành đạt gần kề, thông dong "thông tay vào chợ"[11] thì hóa ra đó chỉ là ảo vọng.*

Ai ai cũng có dịp gặp những kinh nghiệm tiêu cực, những thất bại ê chề. Nhận thức tiêu cực, thất bại - mà không biện minh, không bào chữa, không tìm đổ lỗi cho người khác, cho hoàn cảnh

hoặc cho những yếu tố khách quan - có khi không là chuyện dễ. Ruồi, nhện không biết tiếng nói của con người.

Những lời kêu cứu, thúc giục như khích tướng của ruồi:

"- Lòng từ bi của Ngài để đâu? Trong trái tim hay trong ánh hào quang?"

và lời trách móc trong tuyệt vọng của nhện:

"- Tại sao Ngài can thiệp vào câu chuyện của tôi?"

- Thế thì ai thương tôi? Mười ngày nay tôi không có một miếng thức ăn. Lòng từ bi của Ngài đã giết tôi. Ngài không biết gì về thế giới sinh tồn cả."

Những trao đổi bức thúc qua lại này là tiếng nói trong nội tâm, trong tiềm thức của đức Phật, và không phải bất cứ ai cũng được cái duyên may cảm nhận những bức xúc này, nhờ đó mà được như Đức Phật, trực diện với sự thật-"con đường còn rất xa", trở về bồ đoàn, tiếp tục tọa thiền, nhắm mắt, chiêm nghiệm, hành trì tứ vô lượng tâm..

Thoạt tiên, tôi nghĩ: Ngài đi một vòng lần quần.

Tôi đã vội vã phê bình, lầy lý, lầy cái thang giá trị của mình mà chộp lên sự kiện. Tôi thiếu sự kính trọng với một bậc chân tu, thiếu hiểu biết trong tình người.

Nghĩ cho cùng, Ngài là một cái gương lớn: đơn thuần nhận thất bại, trở về với chính mình, tìm căn nguyên cho sự giải thoát. Giác ngộ cái gì, giải thoát ra khỏi cái gì, còn dính mắc cái gì, chỉ có Ngài biết cái bên trong sâu thẳm của Ngài.

Ngài là cái gương để chúng ta theo đó mà hành trì, tu học, tu tâm dưỡng tánh. Đó là gương sáng cho sự thành tâm, nhận thật, cho sự chịu khó, kiên nhẫn, chịu đầu tư công sức, trí tuệ, thời gian, và có thể còn nhiều điều khác nữa.

BA: THÁNH VÀ PHÀM

Tuy nhiên, "noi gương" không có nghĩa là "xưa bầy, nay làm". Xưa, "Thân thể phát phu, thọ chi phụ mẫu bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã" [12], thì ngày nay, hầu hết, từ ở mọi nơi nam, nữ, già trẻ, đều hót tóc, cắt móng tay, thậm chí có người xăm mình.

Một ông bạn tôi "cợt" cả xưa và nay: "Làm cổ nhân có lợi

lớn. Quá vãng = bắt thuyết. Hậu nhân bảo nhau: "Không có tiền nhân, không có ta. Tôn được thì tôn, đừng có mà học với hặc". Suốt đời của tiểu đệ ôm mộng làm sư nhưng mãi mãi cạo đầu không được vì nếu đầu của tiểu đệ mà mất hết tóc đi thì cái mỏ ác quý báu của tiểu đệ sẽ nhức nhối vì lạnh. Làm sư suông còn không xong thì làm sao có thể làm sư phụ? Thế nghĩa là đời đời không có cơ hội thăng nhiệm làm cố nhân."[13]

Thiên nghi: với cố nhân, nên dè dặt, nhất là với bậc thánh hiền.

Trong một giới hạn nào đó, thánh hiền gieo bắt hạnh cho loài người, hay *đúng hơn vì mệ dạ nghe lời thánh hiền xúi dại, mà làm người thiệt thân*. Đức Khổng, thầy Mạnh giam người trong một chữ *Trung-lắm người thành danh vì chết lảng xetcho một hôn quân vô đạo.. Và như thế, trong nhiều thế kỷ. Thời xã - nghĩa[14], không biết bao nhiêu thế hệ đã hy sinh làm củi đốt vì "Trung với Đảng", chết vì lãnh đạo "anh minh '..., hoặc chết vì "chủ nghĩa anh hùng các mạng".*

Là người thì ắt không là thánh. Là người ắt bắt toàn; bản chất là khuyết.

o Thế nên, nếu thánh hiền là người, thì đó là những người bất thường. Bất thường là không bình thường.

o Bất thường vì họ thuộc số ít, ít lắm.

o Người bất thường - không giống ai, khác đông đảo thiên hạ. Thế mà, được đông đảo quần chúng sùng bái, cũng là một điều bất thường khác.

Một đặc điểm của thánh hiền: Nói A rồi nói B, mà A và B đánh lộn nhau. Thí dụ:

Dạy rằng "Dân vi quý, quân vi khinh"; nhưng đồng thời lại giam nhốt con người trong một chữ Trung, tuyệt đối: "trung với vua".

Nói rằng "giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do" rồi trồng vào cổ người dân một con đường tắt yếu đuối của thời đại", nói cách khác là giải phóng để trồng vào một cái gông cùm chủ nghĩa, áp đặt một chế độ hà khắc hơn, đời này sang đời khác, mà lại có đông đảo người "hoan nghinh", " hồ hởi" - nghĩ cho cùng, không chỉ bất thường, mà còn bất tường[15].

o Thời đại chúng ta là thời đại dân chủ -- hiểu nôm na là người dân làm chủ, nói rộng ra là **thời đại của phàm phu**. Đại đa số là phàm phu và khi sự tỉnh, cảm nhận mình có quyền sống, và đòi quyền sống. Thế nhưng, cấp lãnh đạo quốc gia, lãnh đạo tinh thần -- các sư sãi, các cha, các học giả -- vẫn viện lời của thánh hiền để trảm miệng phàm phu, buộc họ phải sống gương mẫu theo những qui định của nhà nước, nhà chùa hay nhà thờ... **Thêm một cái bất thường: cùng là người, mà lời của một thiếu số thánh bị miệng được thiên hạ.**

Có nên chăng kết luận rằng: *Thánh hiền là những con người không bình thường, là duyên cho bất an, cho những họa lớn nhỏ của nhân loại?*

Khởi sự là Khổng Tử - Đức Vạn Thế Sư Biểu - với trật tự Quân Sư Phụ, và các đệ tử của Ngài. Nhà nho, "dài lưng tốn vải ăn no lại nằm." **Chẳng lợi ích gì cho ai, học thơ văn, để thờ một ông vua, và nhờ đó mà làm cha thiên hạ, gọi như vậy là phụ mẫu chi dân.** Đó là mầm của cái họa mất nước.

Và giờ đây cả xứ đi tu, hoặc để "làm đầy tớ của nhân dân", gấn bó với HỘI THÁNH ĐỒ, buôn quyền, bán chức, và cả buôn dân, bán nước, làm giàu trên sự thống khổ của người dân, hoặc để thành Đại Đức, Thượng Tọa, Hòa Thượng, một loại thánh hiền tân lập, để không động móng tay mà được người lạ, cúng dường, cho Thầy 'thượng tọa'[16], thượng hưởng. Tôi thiếu duyên, nên chưa thấy được những nét thông tục của đời sống các cha và các nữ tu Ky Tô Giáo. Nhưng nghĩ cho cùng nếu cả nước, già trẻ, bé lớn, đều ngồi không, "bất chiến tự nhiên thành", cả nước đi tu-chuyên-tu, thì ai làm ra của cải vật chất? **Nghèo là cái logic tất yếu, không có gì là bất thường cả. Cái họa vong quốc không xa.**

BÓN.

BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO

Nhà Phật dạy: "Bình thường tâm thị đạo." Đó là lần ít oi mà thánh hiền nói một câu có ý nghĩa.

Phàm phu là người bình thường trong thiên hạ. Muốn ngộ đạo, phải nhìn cái bình thường, nói riêng cái thế giới của những con người bình thường.

Vậy,

o *Hãy nhìn phàm phu mới thấy cuộc đời thật nó ra làm sao, mới có cơ duyên ngộ đạo.*

o Và là phàm phu, thì phải nhìn cái bình thường trong cuộc sống.

Có đúng, có sai, có tốt, có xấu; đúng sai, tốt xấu, **với ai, ở đâu, thời nào, trong bối cảnh nào, trong những thang giá trị nào.** Thất tình lục dục là đương nhiên. *Tự lai tự khứ:* Ý thức, theo dõi hỷ nộ ái ố ai cụ dục, và những phản ứng tự nhiên của tự thân. Nó tự đến rồi tự đi. Đó là bình thường.

o Nếu gặp thánh hiền, thì phải nhớ: **Thánh không là người, mà nếu là người thì là người bất thường.** Người bất thường có thể là điên, là khùng - Ông Đạo Khùng - cũng có thể là chi chi khác. **Gặp thánh phải thận trọng, vì thánh có thể làm phép lạ; và một trong những phép lạ thường thấy là mình có thể mất mình vì nghe theo lời thánh.** Ngoài cái phù du, năm chìm bảy nổi bá vạn lênh đênh của cuộc sống - mà mình đương nhiên không tránh được-phàm nhân, lắm khi, còn mang thêm vào cổ cái "phải là", cái "đúng" của thánh nhân, thì... quá ư tội nghiệp. Luôn phải ghi trong tâm: **Thánh nhân là bất thường và cũng bất tương.**

o Thánh nói lý, nói chân lý, cái lý tuyệt đối chân thật bất hư. *Cái lý nằm trong cuộc đời, và không là cuộc đời.* Cái lý đơn giản hóa cuộc đời, biến nó thành ngôn ngữ, rồi theo những qui ước logic, biến cái phức tạp thật sự xảy ra, thành tư tưởng, hay cảm tính, từ đó mà suy luận. Thế nên, chân lý, vì là lý, nên không có gì là thật cả. Cái lý không thể thật, nói chân lý - cái lý tuyệt đối đúng - chỉ có thể là một ảo tưởng, hoặc một cách lạm dụng ngôn từ. Nói nó 'chân thật bất hư' là 'cả vú lấp miệng em' đó.

Khuất Nguyên, *vì mang cái gương chân lý mà nhìn đời, phóng chụp cái nhìn của mình lên giòng đời, nên thấy đời đục ta trong, nên không có một chỗ cho mình trong đời.*

Ông muốn gói giòng đời trong cái nhìn của ông, gói nó trong tâm ông, mà làm sao gói, chứa một giòng chảy triền miên, liên tục, dù là trong tâm của một người. Giòng đời là giòng chảy của tử sinh, sinh tử, của những đúng sai, phải trái, của thất tình lục dục - nối tiếp thường xuyên, liên tục, vô cùng, vô tận.

Bằng cách trầm mình trong sông Mịch La, Ông như muốn nhắn gửi hậu thế: *"Ta đã chạy theo ảo ảnh của một chân lý tuyệt đối, của một cái trong trắng minh bạch, rõ ràng, hoàn hảo. Ta có nhận thấy, khi nói "đời đực, ta trong" nên không có chỗ cho ta trong đời, ta cũng có nghĩ, đực trong là tương đối - không đực làm gì có trong, không trong làm gì có đực. Cái tương đối ấy là bản chất, là cái "thể", bản thể của đời người. Thế nhưng, ta vẫn không chấp nhận được rằng đó là thân phận làm người"*.

Tôi xuất thân là dân ruộng. Ở tuổi thiếu niên, tôi cũng như hầu hết mọi người trong cái tuổi ấy, thèm muốn gia nhập Thanh Niên Tiền Phong, nhưng Mẹ tôi không cho. Rồi kháng chiến,... đuổi chúng tôi ra thành thị.

Gốc rễ là nước phèn, phù sa nước đực, nhưng có cái tự do thôn dã của đồng quê. Về thành thị nước trong, nước máy, nhưng chen chúc, và lắm luật vua phép nước. Tôi trời nổi, mặc cho giòng đời đưa đẩy.

Tôi cũng được duyên may: học sách thánh hiền. Trong biến loạn, như mọi người nhẹ dạ, tôi có cầu nguyện, cầu Phật, cầu Chúa, đi chùa, đi nhà thờ, nghe sư, nghe cha giảng cái lý muôn đời. Rồi đọc Kinh Phật, Kinh Thánh; cố theo lời dạy của người xưa mà hành trì.

Chìm nổi cũng nhiều, cuối đời nhìn lại, Trời thương, cho tôi giác ngộ nhiều việc. Và duyên may, tôi không đắc, hoặc có đắc nhưng rồi cũng thấy rằng: *"Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự" [17]. Đắc một quả, có thể vì thế mà bằng lòng, trụ ở quả vị đó - Phật, Thánh, Tăng - tức là cuộc sống ngừng ở đó. Vì sống là đổi thay, có đó rồi mất đó - nói là phù du, là vân cẩu, là bọt biển, là vô thường, luân hồi vạn nẻo..., nhưng đó là đặc tính của cuộc sống. Cái hằng tồn, bất biến là biểu tượng của cái chết. Tôi không muốn "chết trước khi chết"*.

Kinh Kim cang có câu; *"Bồ thí mà không bồ thí mới thật là bồ thí"*. Bồ thí - tôi hiểu trong nghĩa là buông bỏ: Buông bỏ thành kiến, tiên kiến, định kiến, mà không thấy mình phải buông bỏ, buộc phải buông bỏ, nuối tiếc mà buông bỏ, buông bỏ vô điều kiện; như vậy, mới thật sự là buông bỏ.

Buông bỏ như vậy, đề đối thoại, giao lưu với người xưa, người nay, để vấn hỏi kinh sách, và nhất là **để nghe, thấy, cảm**

nhận hết những âm điệu của giọng đời, để sống hết và sống thật thà với những đúng sai, hay dở, phải trái, vui buồn, hờn giận của người đời. **Đó là sống, sống đầy trong một cuộc sống vốn luôn là khuyết.**

Với cái gốc nhà quê, pha cái nét thành thị, rồi *cơ duyên* đưa đây, được dạy dỗ theo những thang giá trị của thánh hiền, rồi trong cơn biến, đi tìm Đạo, tìm nơi nương tựa cho tâm linh, mới ngộ ra rằng:

o Trời thương, không cho tôi an trú ở một quả vị "hàng tồn bất biến, chân thật bất hư" nào. Cho nên phải chấp nhận giọng đời trong cái **thật là** của nó - **không ngừng biến chuyển, không ngừng đổi thay.** Sông có nguồn, đổ ra sông lớn hay ra biển. **Đời sống của loài người,** thì lại không rõ từ đâu và sẽ đến đâu; nhưng **là một giọng chảy, đổi thay vô chừng, không lường trước được.** Đời của một người - trên dưới 100 năm, người xưa sánh như bóng ngựa qua cửa sổ. Vậy, không được phí phạm. Ở tuổi đang đi vào cữ thập, quỹ thời gian cạn dần, một lần nữa, tự dặn mình: "không nên **"chết trước khi chết"**".[17]

o Cho nên, tình thiệt mà chia xót với hiền hữu bốn phương: Cuộc sống mỗi ngày mỗi mới, mỗi ngày mình đều giáp mặt với cái mới. Cái mới là cái mình chưa biết, chỉ vì chưa biết mà nó có lắm cái bất ngờ, bất như ý, không lường trước được. Cho nên sống là chấp nhận rủi ro; chấp nhận hiểm nguy, dấn thân vào cái chưa biết, ngay ở đây và bây giờ.

o Vậy, dù muốn hay không, cũng phải trực diện với **cái mới, ngay ở đây và bây giờ,** *ôm lấy giọng đời, trợn vện với nó. Xem vô thường là duyên may; lấy bất đắc làm động lực tiến bước.* Biết đâu, đắc rồi, lại ngồi ở đó, "ung dung tự tại", thích thú, bằng lòng ôm lấy cái chết-cái bất biến hàng tồn - gọi như vậy là đạt đến cứu cánh, mà thật ra là "chết trước khi chết".

Cho nên, nhìn đức Phật trở lại cội bồ đề mà nhận thức: "**vô sở đắc" là duyên may;** nhờ đó mà mình luôn đi tới, *luôn cố làm đây cái mà vốn khuyết, cái mà không thể làm đây:* đùa với **đổi thay, vui với tình đời.** Rồi đến ngày, Chúa kêu, Trời gọi, hay Satan bắt, thì mình lặng lẽ ra đi, không nuôi tiếc.

"Con ruồi" đã dẫn tôi đi quá xa. Thôi thì ngưng ngay tại đây, để lắng nghe lời chỉ dạy của bằng hữu bốn phương.

Houston, Texas, June 10 2017.

GS. NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

CHÚ THÍCH

[1] <https://minhlien.wordpress.com>. Làng Cổ Nhuế. Hàn Sĩ, Tiến Sĩ Vật Lý. Posted 31/3/2011.

[2] Đặng Thur Cưu. **Đò Trăng**. Tiểu thuyết, 1989. Trích: *Đặc San 22, PTGDĐT, trang 140-41, "Tuởng Nhớ Bạn Đồng Môn, giới thiệu Vài Trang Viết của Đặng Thur Cưu", tức anh Lê Công Tâm (1951-1991), CHS. PTG khóa (1963-70).*

[3] Báo Đình Giang.

[4] Wikipedia. Chủ Nghĩa Stalin.

[5] Wikipedia. Cách Mạng Văn Hóa.

[6] Ý nói: Con người sinh ra vốn là tốt. Chính xã hội làm nó trở nên đồi bại."

[7] Lục Tô Huệ Năng: "không nghĩ **thiện**, không nghĩ **ác**, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh".

[8] Đỗ Chiêu Đức: "Bạt miêu trợ trường" - nhóm cây lúa non, để gúp nó chóng lớn.

[9] Chạy đua theo thành tích.

[10] Người Việt Nam Tồi Tệ. 2016. Trang 41.

[11] Từ vay mượn trong bức tranh thờ 10, của "thập mục ngư đồ", ý nói: Khi đã trở về với nguồn cội, thì cứ đi vào chợ (đời), thông dong, hai tay buông thõng, "tâm vợ quái ngại".

[12] Minh mây tóc da, cha mẹ sinh ra, chớ nên hủy hoại, là hiếu trước tiên vậy.

[13] Email gửi cho một nhóm bạn.

[14] Xã hội chủ nghĩa.

[15] Điềm gỡ, điềm chẳng lành, điềm xấu. Hán Việt Từ điển. Internet.

[16] Ngồi trên

[17] Tô Đông Pha.

[18] Tôi không muốn chết trước khi chết là lời của một ông bạn của tôi, bác sĩ Nguyễn Văn Vĩnh (đã có một cuộc sống lương thiện, lương thiện với mình và với tha nhân). Khi anh được biết anh bị cancer, anh bị dao động nhiều; và sau cùng anh bảo: "*sống là một hồng ân, tôi không để tôi chết trước khi chết.*"

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



Huy Lực BÙI TIÊN KHÔI

QUÊ NGƯỜI, NHÌN LẠI THỜI THƠ ẤU VÀ TUỔI ĐÔI MƯƠI

Tôi sinh ra trong một gia đình trung lưu chỉ được vài chục mẫu ruộng, nhưng từ thời ông nội, tất cả gia sản đã dồn lại đầu tư vào một ngôi nhà ngói tương đối rộng rãi đồ sộ nhìn ra cánh đồng Lạc Điền, trải dài về phía nam tỉnh Bình Định, nơi tôi mở mắt chào đời giữa sự hân hoan tột cùng của mẹ tôi. Bởi vì “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”, bất hiếu có ba điều, tội không có con trai nối dòng là lớn nhất, nếu mẹ tôi sinh con gái nữa, ông tôi bắt buộc ba tôi rước nàng hầu. Sau này khi ba tôi đã sáu mươi tuổi, tôi tinh nghịch hỏi cảm tưởng của ông trong thời gian hồi hộp hể hả ấy, ba tôi chỉ mỉm cười mắt nhìn vào dĩ vãng xa xăm nhớ lại cơ hội quý báu của sự hợp thức hóa quyền uy nam tính trong lạc thú đa thê mà vẫn êm ấm gia đình. Còn mẹ tôi, bà hãnh diện bồng bế tôi đi lại trong gian nhà đầy ắp đồ cổ bình sứ, đồ đồng rực rỡ sáng lóng lánh, trên tường treo la liệt liễn đối hoành phi, giữa những áng sách cao, những nghiên bút, chỉ có ông tôi và ba tôi lúi húi tra khảo, tìm tòi. Lên năm tuổi tôi bắt đầu gào lên: thiên là trời, địa là đất trong sách Tam Thiên Tự, trước khi cầm bút sắt học Quốc ngữ và Pháp văn. Lên mười tuổi, ban ngày học lớp nhất trường tiểu học với một vị thầy cầm thước báng đánh vào mông học trò rướm máu, nếu ai không đọc trôi chảy bài học thuộc lòng Pháp ngữ récitation, đêm về vẫn phải nhồi vào óc những “Tri nhơn, Ái nhơn” học cách biết người và yêu người trong sách Luận Ngữ, một quyển sách quan trọng trong bộ Tứ Thư, mà ba tôi, vị thầy dạy tôi cả Pháp ngữ, lẫn Hán văn, bắt tôi trèo lên kệ sách kính cẩn

lấy xuống để trước mặt người, rồi vòng tay đứng nghe ông giảng, ngoan ngoãn hơn cả Bá Ngự, người con yêu của Đức Không Tử đang hầu sách với cha. Hằng đêm tôi vẫn phải ra rá đọc lâu lâu như vẹt kêu những câu như: “Quân tử cầu chư kỳ, tiểu nhân cầu chư nhân”, người quân tử cầu nơi mình, căn bản do mình, kẻ tiểu nhân cầu nơi người chỉ dựa theo người; tiếng gào Nho giáo thống thiết lúc thiếu thời quả thật chỉ giúp tôi có được một cái giọng tốt sang sảng để hùng hồn ăn nói cho quãng đời bắt đầu đi làm việc về sau...

Năm 1956, tôi thi đậu cả ba cuộc thi tuyển vào ba trường chuyên môn: Sư Phạm, Y Tế và Canh Nông. Ba tôi để cho tôi tự do quyết định, bởi vì “Nhậm trọng đạo viễn” trách nhiệm thì nặng, đường thì xa. Sự lựa chọn một nghề nghiệp để đi suốt cuộc đời mình, để lập thân hữu dụng, để gây hứng khởi trên con đường thi ca sáng tạo, quả là một suy tư nhức óc cho cậu học trò mười tám chỉ quen với sách vở và mơ mộng đầy trời nhưng thực tế công gai cuộc sống chưa bao giờ thực sự bước qua. Chị tôi và bày em nhỏ bé nai tơ theo dõi sự lấy quyết định quan trọng của tôi trong bầu không khí thật khẩn trương. Cuối cùng tôi đã chọn lựa nghề nghiệp, sự lựa chọn này không dựa trên những lượng giá quan trọng như ba tôi mong muốn, nếu biết được ông sẽ vô cùng thất vọng cho đứa con hời hợt, nông cạn, đã uổng công rèn luyện đào tạo để bất cứ làm việc gì đều phải cân nhắc với tất cả trí tuệ cùng sự hợp lý khôn ngoan.

Mùa hè 1956, khi bài vở nhà trường cùng triết lý Nho giáo đã ớn lên đến cỡ hòng làm điêu đứng cái thân thể còm cõi gầy yếu của tôi, tôi lén ba tôi mượn đọc quyển “Bàn tay máu” của Phi Long, một quyển sách gây cảm giác mạnh hồi hộp kinh dị, tác giả viết cho những người đọc dễ tính mua vui trong lúc trà dư tửu hậu. Câu chuyện nhiều tình tiết éo le bất ngờ sôi động, nhưng nếu tôi gặp được tác giả để thảo luận thêm bớt chi tiết, khiến câu chuyện trở nên hợp lý hơn, hấp dẫn lôi cuốn hơn, và hy vọng quyển “Bàn tay máu” sẽ là sách bán chạy nhất trên thị trường tiêu thuyết trinh thám Việt Nam.

Trong danh sách những thí sinh trúng tuyển vào trường Quốc Gia Nông Lâm Mục khóa hai, tôi đọc trên một tờ báo, có tên Lê Hữu Trung tự Phi Long, ắt hẳn tác giả “Bàn tay máu”. A! Hấn

đây rồi, còn đợi gì nữa, không còn cách nào từ chối nữa cái cơ hội để thảo luận ít nhất trong ba năm, viết lại cho hay hơn quyển "Bàn Tay Máu".

Thế là tôi khăn gói lên đường đi Blao nhập học.

Nhờ cái tên Lê Hữu Trung có ghi thêm chữ tự Phi Long, nhờ cái lý do không hợp lý nông cạn trong việc chọn trường chuyên môn, đã mang đến cho tôi vô số cái may hợp lý làm thỏa mãn những ước mơ sâu xa của một tâm hồn phiêu lưu lãng tử, cuộc sống thềm đi, thềm học hỏi với sao thiên di thuận theo định mệnh ý trời. Chỉ riêng trước năm 1975, nhờ làm việc tại Bộ Canh Nông, tôi đã đặt chân trên 15 quốc gia của quả đất này, mỗi ngày đường như nhỏ bé hơn.

Thiên nhiên và con người đã ảnh hưởng sâu xa đến tâm hồn son trẻ mộng mơ của thời niên thiếu. Tuổi lên mười, ngoài những ngày đi học, những bình minh hồng tươi đẹp, tôi băng qua cánh đồng leo lên đồi cát quê hương nhìn về hướng đông, biển bao la xanh ngát một màu, mặt trời từ từ nhô lên, đồi cát phơn phớt hồng dần trải về xa, rục rĩ lóng lánh. Gió mơn man khích động tâm hồn. Ngàn liễu vi vu mơ hồ thánh thót. Tôi ngồi bất động hàng giờ đắm chìm giữa trời nước bao la, tâm hồn bay lên, bay lên mơ màng lãng đãng. Gió biển nắng hồng quyện ướp thiên nhiên vào thân thể tôi, ru cậu bé lên mười tan loãng vào vũ trụ bao la, hư vô kỳ diệu. Ngày tháng trôi qua, ngoài thời gian cấp sách đến trường, tôi chỉ tìm lại được tôi, tôi chỉ thật sự sung sướng khi một mình đối diện với thiên nhiên, đắm chìm trong trời nước xanh biếc mênh mông, ngàn liễu ngân nga thì thầm réo gọi. Và một ngày trong năm tháng tuổi thơ tuyệt vời đó, trong một phút xuất thân, tôi bỗng khẽ ngâm nga.

*Bình minh cười rục biển
Trăng sao trốn cuộc đời
Hồn bi hồng ai liệng
Nằm trên cát chơi vơi
Bóng đêm chạy trốn cuối trời
Gió lên ngàn liễu tiếng đời vi vu*

A! Tôi làm thơ và đó là bài thơ đầu đời của tôi, của cậu bé lên mười.

Năm mười tám tuổi, tuổi tràn trẻ nhựa sống ngập lụt hoài bão ước mơ; cùng với hơn năm mươi bạn hữu bốn phương tôi về trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Blao học tập. Trong ba năm trời, những chuyến đi thật sâu vào núi rừng, đi đến những nơi ngỡ là chưa bao giờ có người đặt chân tới, nằm trên thảm lá mục nhìn lên vòm cây đan kín trên cao, tiếng núi rừng âm ỉ dâng lên, trong cảnh tượng hùng vĩ bát ngát, tôi đã say sưa ngây ngất quên đời. Tình yêu thiên nhiên trong tôi càng thêm sâu sắc phong phú hơn lên, với thời ấu thơ say mê biển cả, tuổi đôi mươi ngây ngất đắm đuối với núi rừng. Tôi thường ngắm biển như một người đẹp trong bộ áo mong manh, tươi hồng thoải mái sau khi tắm mát tẩy sạch bụi đời, và tôi thường thức núi rừng như chiêm ngưỡng một giai nhân trong y phục lộng lẫy màu thiên thanh, rực rỡ mời gọi thể nhân về vui dự hội.

Ba năm trời tại trường Quốc Gia Nông Lâm Mục, những buổi chiều lang thang trên đồi trà, nhìn nắng chiều dần dần chìm khuất, đồi trà mênh mông dần trải chạy tít mù xa, lớp lớp hàng hàng cây trà xanh đôi màu xanh sẫm rồi bóng đêm chụp xuống đen đậm, tôi đi giữa thiên nhiên bao la biến đổi huyền diệu kỳ ảo, lòng rung lên muôn điệu, ngân vọng theo đuổi cả đời tôi, chất ngất nỗi niềm

Một buổi chiều trong giảng đường vắng lặng, các bạn đã ra về sau buổi học, riêng một mình tôi ngồi lại thường thức tạp chí Bách Khoa vừa mới nhận còn thơm mùi mực, trong đó có đăng bài thơ “Những nẻo đường đất nước” của tôi. Chiều cao nguyên êm ả, con người như quỵện vào mây gió bay bổng lên cao, nắng mịn màng như một dải lụa quấn quít đôi chân, tiếng guốc gỗ nhịp tiến dần đến giảng đường nơi tôi đang ngồi nhìn chiều rơi, rung động... Áo dài màu trắng tinh khiết, dáng đi uyển chuyển dịu dàng, tiếng guốc gỗ đều theo nhịp chân có chủ định, linh cảm báo cho tôi biết giai nhân đang tiến về hướng tôi. Tôi từ tốn đứng lên, đôi tay thừa thãi khoanh trước ngực, mắt trong mắt đứng nhìn. Đôi má hồng bừng đỏ lên, khóe thu ba chợt hạ xuống ngừng trên trang báo Bách Khoa in đậm nhan đề bài thơ “Những nẻo đường đất nước”, trong giây lát tiếng nói theo hơi thở nồng xao xuyến:

- Em đã đọc bài thơ "Những nẻo đường đất nước", một bài thơ hay, một tuyệt tác của nhà thơ lớn. Cảm ơn thiên tài Huy Lực, cảm ơn Anh...

Chỉ có thể thôi. Tiếng guốc xa dần, tà áo trắng mờ ảo chơi vơi trong nắng chiều sắp tắt. Tôi thấy mình lớn dần, vĩ đại bay bổng lên, phiêu bồng mệnh mông hạnh phúc. Cảm giác ấy lồng lộng choáng ngợp trong tôi hàng tháng, hàng năm... Cho đến bây giờ, khi đã vào tuổi sáu mươi, tuổi "lục thập nhi nhĩ thuận", đã từng nhận giải Văn Chương Nghệ Thuật của Việt Nam Cộng Hòa, trị giá mười lạng vàng, đã từng nhận nhiều giải thưởng tại Hoa Kỳ, có giải thưởng lên đến gần trăm ngàn Mỹ kim, nhưng chưa bao giờ tôi có cái cảm giác sung sướng hạnh phúc bao la choáng ngợp tràn ngập mệnh mông trong tâm hồn như buổi chiều đẹp ru mơ ngày xưa ấy... Sự việc xảy ra thật ngán ngùi, nhưng đúng thời đúng lúc, hấn in sâu đậm vào tâm hồn niên thiếu, thúc đẩy, khích lệ tôi bay bổng lên, rạng rỡ tiến vào đời.

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG ĐẤT NƯỚC

(Đã được đưa vào chương trình

Giảng văn Trung học Việt Nam Cộng Hòa)

Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Tôi đã đi

Từ Cà Mau ra Bến Hải

Tôi đã dừng lại

Khắp các nẻo đường

Nước xanh màu bát ngát đại dương

Hay trùng điệp núi rừng cao nguyên đất đỏ

Tôi đã qua

Khắp các đô thành nguy nga to, nhỏ

Bãi bể đời thông

Lúa Hậu Giang bát ngát ngập đồng

Dừa Bình Định tô xanh miền cát trắng

Tôi đã gặp

Cô gái sông Hương tóc thè bay trong nắng

Vành nón nghiêng nghiêng che cả bầu trời

Tôi đã về

Miền quê nhỏ xa xôi
Trưa buồn tẻ theo tiếng gà eo óc
Tôi đã theo xe
Qua những quặng đường gian nan khó nhọc
Đà Lạt, Pleiku
Đất đỏ lên hương gió bụi mịt mù
Cảnh xơ xác hay thân tiên quái dị
Tôi đã nghỉ lại
Đêm trăng rằm Quảng Trị
Nằm nghe sông Bến Hải khóc chia đôi
Một chiếc cầu mà hai nhịp xa xôi
Vàng trắng xé đôi phần ngăn cách
Tôi đã ghé
Đông U Minh qua bao bụi bờ sông lạch
Nước phèn chua bụi rậm quán chân giày
Đêm không mừng mặc cho muỗi no say
Sao thỏ thức trên đọt cây rừng cô quạnh
Tôi ở lại
Thủ đô chiều mưa tạnh
Đời dâng lên những làn má căng tròn
Bàn tay gầy xoay mạnh chiếc ly con
Bao mộng tưởng ngát ngáy cùng hợp rượu
Tôi đã về
Phan Rang với Tháp Chàm kỳ cựu
Canh trường say trong giấc ngủ ru con
Giọng hời... hời... nã nuốt héo hon
Nghe nức nở tưởng chừng như đứt ruột
Tôi đã lang thang
Giữa đồn điền Ban Mê Thuật
Ly cà phê chôn tiếng gọi lên đường
Trống bập bùng đêm hội trên trường
Hoang sơ quá lỏa lồ cô gái thượng
Tôi đã ngồi
Trên đập đồng Cam khi nắng chiều đổ xuống
Theo nước về cho đồng ruộng thêm tươi
Đôi vợ chồng tát nước hò ơi!
Gầu nước đổ theo tiếng lòng hỏi hả

*Những nẻo đường đã qua
Làm sao tôi nhớ cả
Từ quanh co khúc khuỷu ở thôn quê
Hay đại lộ phẳng phiu tập nập kẻ đi về
Thơm biết mấy những nẻo đường đất nước
Những người tôi gặp được
Dầu lạ hay quen
Dầu kẻ giàu sang hay lam lũ nghèo hèn
Dầu cụ già bảy mươi, cô gái ngây thơ mười tám
Dầu chị sinh viên trắng xanh
Hay bác nông dân đen xạm
Dầu Bắc Nam Trung
Ôi đẹp làm sao duyên thầm vô cùng
Tôi yêu cả những con người đất Việt
Những chuyến đi qua rồi tôi rất tiếc
Làm sao sống lại những con đường
Làm sao về gặp lại kẻ yêu thương
Tôi ao ước chuyến đi dài bất tận....*

Năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước, Việt Nam Cộng Hòa từ Bến Hải đến Mũi Cà Mau là một nước nông nghiệp, 90% dân số làm nghề nông nên Chính phủ ưu tiên mở trường Cao Đẳng đào tạo chuyên viên nông nghiệp và được vị nguyên thủ quốc gia đích thân cắt băng khánh thành vào năm 1955.

Xin được hồi tưởng về ngôi trường chuyên môn của tôi sau 40 năm tốt nghiệp, bốn mươi năm thời gian bẽ dẫu sương khói đã nhòa nhạt xuôi giòng, riêng tôi, sau khi giã từ Blao, đã qua nhiều ngôi trường khác, nhưng xúc cảm và ấn tượng tốt đẹp về ngôi trường xưa vẫn choáng ngập đậm nét hơn bất cứ một ngôi trường nào đã trải qua sau này.

Sau khi tỵ nạn ở Hoa Kỳ, tôi thường được mời đi thuyết trình cho các sinh viên muốn lấy văn bằng về môn Comparative Literature, tỷ giáo văn chương, nên từ sự so sánh trong văn chương tôi bị ảnh hưởng hay liên tưởng so sánh ngôi trường mới với ngôi trường cũ rục rờ hình ảnh ba năm nội trú tuyệt vời.

Ngôi trường Quốc Gia Nông Lâm Mục quả thật là ngôi trường số một, chẳng những là ngôi trường vĩ đại đầu đời của tuổi đôi mươi, mà còn là ngôi trường dân sự chuyên môn đầu tiên vì

đại nhất của Quốc gia thời bấy giờ. Các bạn đừng cho tôi vì quá yêu trường mà lộng ngôn đâu nhé! Tôi sẽ lần lượt chứng minh từng điểm về ngôi trường đã đào tạo ra những môn sinh làm cộng đồng nhân loại gần gũi nhau hơn, hiểu biết nhau hơn, nhân ái tốt đẹp hơn.

Miền Nam Việt Nam trong năm 1955, đâu có một ngôi trường Cao Đẳng chuyên môn nào được cấp học bổng \$1,500 đồng một tháng. Khi tôi vào Tòa Hành Chánh tỉnh Bình Định để lấy sự vụ lệnh và thông hành đi máy bay miễn phí ra Huế, cô thư ký đánh máy công nhật đưa giấy tờ chúc tụng tôi lên đường: “Học bổng hằng tháng của trường Nông Lâm Mục anh học còn lớn hơn tháng lương của em chỉ \$1,200 thôi”. \$1,500 một tháng lúc bấy giờ mua được nửa lượng vàng, hoặc 15 tạ gạo.

Nằm bên tay trái quốc lộ 20, tại cây số 187 từ Sài Gòn đi Đà Lạt, ngôi trường trải dài từ xã Tân Bùi đến chợ Blao, rồi kế tiếp ranh giới sở trà Pitchené. Diện tích ngôi trường kể cả khu ngũ cốc, vườn cỏ (grass collection), thí điểm cây ăn trái, vườn ương, vườn rau, vườn cam và đồng cỏ (pasture) rộng đến 200 ha mẫu Tây tức là 494 acres mẫu Hoa Kỳ, rộng hơn bất cứ một ngôi trường văn hóa chuyên môn nào trên nước Việt Nam và rộng hơn cả đại học Rice ở Houston (300 acres), một trong những đại học tốt nhất Hoa Kỳ.

Du khách đi Đà Lạt, khi xe tiến vào cây số 186 nhìn qua tay trái những dãy biệt thự xinh xắn của giáo sư Nông Lâm Mục, màu tường trắng nổi bật trên khung cảnh xanh biếc của cây cỏ núi rừng. Một số giáo sư của Đại học Sài Gòn và nhiều vị giáo sư đại học khác, khi qua đây đã từng nhìn bầu trời xanh, mơ ước được vào dạy ở nơi đây, mỗi sáng ngồi trong biệt thự tiện nghi, uống trà tươi nghe tiếng cỏ cây trần trờ thì thầm.

Cổng vào trường được xây cất kiên cố, mang tấm bảng hiệu to lớn chữ đỏ chói, đập vào nhãn quan gây một ấn tượng bao quát vĩ đại cho du khách viếng trường. Ba khu giảng đường nằm kế bên nhau lùi dần về phía sau, nằm dưới những tầng cây xanh biếc, áp ủ khung trời thân yêu của ba năm sách vở trong tay đến lớp học hành. Mỗi giảng đường có ba bốn lớp học và phòng thí nghiệm. Những chiếc ghế có gắn liền mặt bàn đánh vệt ni bóng lộn, hai bên tường kính mỹ thuật, ngồi trong lớp có thể nhìn thấy

đàn bướm chập chờn trên những luống hoa sặc sỡ trước biệt thự của các giáo sư hoặc nhìn qua phải, tầm mắt có thể đến tận khu rừng xanh ngát trải đàn ra. Tôi bảo đảm với các bạn là không có lớp học nào tiện nghi, thoải mái, thơ mộng thú vị như lớp học của trường Nông Lâm Mục Biao, kể cả so sánh với những đại học danh tiếng nhất Hoa Kỳ.

Tháng sáu năm 1987, tôi được mời dự lễ ra trường tại đại học Harvard, cùng vui chơi với class re-union, ngày họp mặt khóa của một đại học đã thành lập cách nay 350 năm, đại học danh tiếng nhất, lâu đời nhất tại Hoa Kỳ. Những cây cổ thụ tàng lá sum sê, đầy những chú sóc chạy nhảy đùa giỡn tung tăng trên thảm cỏ, những tòa nhà cổ xưa kiến trúc kiên cố với những bức tường quần phủ đầy những cây trường xuân xanh thắm, đến những công trình kiến trúc của khu Carpenter Center do kiến trúc sư nổi danh người Pháp Le Corbusier vẽ kiểu mẫu mà bất cứ dân Harvard nào đều hãnh diện giới thiệu với du khách. Tôi đã thuyết trình trước bốn trăm sinh viên Harvard, hơn một phần mười là người Việt về đề tài thi ca Việt Nam, tại căn phòng mà thi sĩ Monroe Engel đã đến đây để giảng về văn chương hiện đại. Sau đó tôi đã yêu cầu các sinh viên Việt Nam hướng dẫn tôi đi xem những lớp học từ nhỏ nhất có thể chứa mười người đến đại giảng đường có thể mời hàng ngàn khán giả. Tôi phải hết sức thành thật nhận định rằng không có một lớp học nào ở đại học Harvard mà hội đủ những tiêu chuẩn, tiện nghi, thoải mái, thơ mộng, thú vị như lớp học của trường Nông Lâm Mục Biao.

Rời khu giảng đường Nông Lâm Mục tiến qua cột cờ, ba tòa nhà phòng ngủ của sinh viên, đầy tiện nghi, tân kỳ nằm soai soải bên nhau nhìn ra mặt lộ, mặt tiền mỗi tòa nhà được xây cất nhô ra, hai cánh tả hữu hai bên, mỗi bên 6 phòng, mỗi tòa nhà 12 phòng nơi sinh sống của 48 sinh viên. Phòng rửa mặt cầu tiêu nằm chính giữa tầng dưới và trên lầu là phòng tắm, phòng tập thể dục với lan can để nhìn mặt trời dần dần chìm khuất, hoàng hôn lặng lẽ bao trùm, đêm tối dâng đầy tiếng rì rào của núi rừng ngàn cây xao xác. Phòng ngủ đó, cựu sinh viên chúng tôi đã có vô vàn kỷ niệm và tôi phải một lần nữa chứng minh không có một dormitory nào, kể cả những đại học tốt nhất tại Hoa Kỳ như MIT (Massachusetts Institute of Technology) có thể sánh được.

Đại học MIT có một thủ tục đặc biệt, không có ở bất cứ đại học nào khác. Trong năm thứ nhất sinh viên chỉ cần học vừa phải để đậu, khối phải bị đánh hồng là đủ, giáo sư không phê điểm A,B,C,D chỉ ghi rõ Pass hoặc Fail mà thôi. Nhất là thời kỳ hoạt động độc lập, The Independant Activities Period (IAP) là thời gian sau khi thi xong các môn trong năm thứ nhất, sinh viên liên hoan, tổ chức party, ăn chơi nhảy nhót thả dãn. Tôi được mời đến thuyết trình tại MIT vào đúng thời kỳ IAP năm 1989 với đề tài “Rượu và đàn bà trong thi ca Việt Nam”, do hội Asian Student Organization trả mọi chi phí, đây là một hội hoạt động nổi tiếng nhất trong 280 hội đoàn tại MIT, một đại học đào tạo ngành kỹ sư tốt nhất trên quả đất này. Tôi còn nhớ rõ chuyến đi bộ hàng giờ kỳ thú trong “hành lang vô tận” “The Infinite Corridor”, một trong những con đường hành lang liên tục dài nhất thế giới, từ dãy dinh thự số 7 đưa đến dãy dinh thự số 3, 10, 4, 8, 16, 56 và cuối cùng vượt qua tòa nhà số 66 đến giảng đường, nơi đó đã có khoảng 300 sinh viên hơn phân nửa là người Á Châu đang chờ đợi tôi trong một căn phòng thật âm cúng, trang trí theo kiểu cách đông phương. Tôi đã đứng trên bục gỗ chào mừng cử tọa và hỏn hển thưa rằng: “Sau chuyến đi bộ qua hành lang vô tận của MIT, tôi đã kiệt sức và bây giờ nếu Eva có xuất hiện tôi cũng đành chịu, tôi chỉ cần một ly rượu thôi...” tức thì 300 sinh viên đồng đứng dậy vỗ tay hò hét vang lừng cả vài phút, sau đó một nữ sinh viên Việt Nam mang đến cho tôi một ly nước suối trong lành. Uống xong tôi quay lại đặt ly nước suối xuống bàn, định khởi sự thuyết trình thì thấy trên bảng ai đã viết sẵn mấy chữ IHTEFP, đây là năm chữ đầu viết tắt của khẩu hiệu bán chính thức tại trường MIT mà từ sinh viên đến giáo sư, khoa trưởng mọi người đều biết, đều công nhận, truyền khẩu từ trăm năm trước đến nay, để mô tả cách thức tranh đua học hành gay gắt, học trôi chết thật đáng ghét, thật đáng chửi thề tại đại học danh tiếng này. Tôi cảm viên phẫn trên kệ bảng, viết tiếp cho đầy đủ trọn chữ của câu này: I Hate This Fucking Place (Tao ghét chỗ đéo kiếp khó học này). Khi tôi quay lại cả 300 sinh viên sững sờ vài giây rồi reo hò âm ỉ la vang “Ông đúng là giảng sư MIT vì đã biết rõ trường chúng tôi”.

Đêm hôm đó, tôi nghỉ lại một trong mười tòa nhà ngủ của MIT. Chỉ có một tòa nhà ngủ gồm toàn nữ sinh viên và số còn lại

nam nữ sinh viên sống chung lẫn lộn. Điều lệ nam nữ sinh viên sống chung có thể thay đổi từ tòa nhà này đến tòa nhà khác, có tòa nhà nam nữ sinh viên sống riêng biệt phòng với nhau, có nơi nam nữ sinh viên sống chung, chỉ ngăn cách bằng một lối đi, hoặc bằng một bức tường mong manh, cùng chia sẻ với nhau cầu tiêu, phòng tắm. Tôi ngủ qua đêm vào loại phòng ngủ cuối cùng này. Khi đặt lưng trên chiếc giường nệm, sự thoải mái êm ấm thua xa bộ giường nệm mới toanh tại căn phòng nội trú Blao, tôi thầm nghĩ đây có thể là căn phòng nội trú của người bạn khóa 2 Phí Minh Tâm thời Blao xa xưa của chúng tôi và tôi muốn mời Phí Minh Tâm, cựu sinh viên Nông Lâm Mục và MIT cùng lên tiếng xác nhận rằng không có một tòa nhà ngủ của sinh viên bất cứ đại học nào, dù là những đại học tốt nhất Hoa Kỳ như MIT, mà hội đủ tiêu chuẩn: tiện nghi, thoải mái, thơ mộng, thú vị như phòng ngủ của trường Nông Lâm Mục chúng ta.

Marcel Proust, nhà văn bậc thầy của nước Pháp, đã dành 17 năm chót của đời người để đi tìm thời gian đã mất trong bộ trường thiên tiểu thuyết gồm 16 quyển, 4000 trang giấy, với nhan đề “A la recherche du temps perdu” (Remembrance of things past). Đối với tôi, trên con đường đi tìm lại ngôi trường nông nghiệp của tuổi đôi mươi đã mất, xin ghi lại bài thơ “Chúng Tôi” được cảm xúc nhân ngày tốt nghiệp 1959, vài chữ trong 4 câu cuối được sửa đổi cho hợp với hoàn cảnh bạn học cũ gặp lại ở quê người.

CHÚNG TÔI

*Chúng tôi
những người tám hướng
siết tay nhau trên con đường lý tưởng
học viện ba năm
chung bước đường mòn
những mái đầu non
bóng đổ bên nhau chung đèn học tập
những ngày vui dồn dập
những chiều buồn đuổi theo
thu trên lộ hoa vàng
nắng trải lụa gió reo ...*

Tôi nhớ
ngày khai trường bờ ngõ
hè cao nguyên
chiều nhẹ vút lên không
những chàng trai say gió núi mây hồng
tay nặng sách đưa mắt tình theo ghé
nhiều chị
giữa đồi núi bao la thu mình nhỏ bé
làn tóc xanh
giòng suối óng ả bình minh
trời xanh cao nắng gió dâng tình...

Những sáng âm u
sương mù lạnh lạnh
giấu hai tay trong túi quần tà áo
đi cạnh bên nhau
hạt bụi đỏ bên đường
thôn thừ bước chân mau...

Những chuyến thám du
trùng điệp mênh mông núi rừng bát ngát
nổi vòng tay ôm non cao ca hát
mơ ngày mai nước giàu mạnh an vui
chị đi chăn nuôi
anh: rừng núi
tôi: ruộng đồng
chúng mình cùng phục vụ non sông

Đêm ngồi nghe thác Pongour vĩ đại
tấu khúc thiên nhiên dào dạt xuân đời
tiếng rừng đêm hoang dại
hồn bay lên ngậy ngắt chơi vơi...

Đôi trà mở hội hoa đăng
đêm tốt nghiệp trắng khuya
chia tay đường về run bóng
rượu trong ly cùng nổi buồn nổi sóng
nhưng không bao giờ ngăn cách chúng tôi
chút nắng thu rừng

vẫn ám mãi trên môi ...

Nhớ về chúng tôi
những hoa nông nghiệp mãi khai
dâng đời nguyên vẹn
bốn mươi năm sau không hẹn
gặp nhau trên xứ lạ quê người
tìm nhau trong đôi mắt buồn
vùng trời Bảo Lộc nắng vàng tươi ...

Huy-Lực Bùi Tiên Khôi

VISION OUTLET

8200 Wilcrest # 26 B - Houston, TX 77072
(Góc Wilcrest & Beechnut - Cận Quê Hương Restaurant)
Tel: 281-495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 20 năm qua.
- * Tiệm kính thuốc của mọi gia đình và mọi lứa tuổi.
- * Contact lenses đủ loại, đủ màu.
- * Tiệm có đủ mọi hiệu.
- * Áo đầm giá hạ nhất Houston.
- * Lấy đo kính cũ làm kính mới.
- * Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn
- * Nhận làm kính gởi đi xa không tính tiền cước phí.

Một trong những tiệm:
Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO.
Best của Texas trong sách Underground Shopper.
**CHƯNG TA YÊU CUỘC SỐNG BẰNG TRÁI TIM,
VÀ NHÌN RÕ NHỮNG XUÂN SẮC THÂN THƯƠNG
QUA ĐÔI KÍNH.**
Hãy đến Vision Outlet để được săn sóc xứng đáng

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10:00am - 7:00pm
Đóng cửa Thứ Ba.



CHUYỆN NGÔN NGỮ



Từ Mai TRẦN HUY BÍCH

NÊN VIẾT "DÒNG" HAY "GIÒNG"?

Chúng ta cùng biết các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn viết “giòng sông, giòng nước”:

Nhật Linh: *Giòng sông Thanh Thủy*

Tú Mỡ: *Giòng nước ngược*

Thạch Lam: *Theo giòng*.

Các nhà văn, trí thức lớp sau viết “dòng sông, dòng nước”:

Doãn Quốc Sỹ: *Dòng sông định mệnh* (1959)

Phùng Khánh & Phùng Thăng: *Câu chuyện của dòng sông* (dịch cuốn *Siddhartha* của Hermann Hesse) (1965)

Nhật Tiên: *Tặng phẩm của dòng sông* (1972)

Đặng Phương Nguyễn Ngọc Huy: “Dòng nước sông Hồng” (viết 1945, in vào thi tập 1985)

Ngô Thế Vinh: *Mekong, dòng sông nghìn mạch* (2007).

Vậy chúng ta nên theo các nhà văn lớp trước hay lớp sau?

1) Trước hết, ba cuốn tự điển Việt ngữ có thẩm quyền nhất của VN cho tới hiện nay:

--*Việt Nam tự điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức (trang 155),

--*Tự điển Việt Nam* của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trự (quyển Thượng, trang 376),

-- *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của (quyển I, trang 243)

cùng viết là “dòng.”

Cuốn *Việt ngữ chánh tả tự vị* do nhà ngữ học Lê Ngọc Trụ biên soạn **cũng viết “dòng”** (trang 141).

2) Các tự điển do những học giả có uy tín khác biên soạn như:

-- *Vietnamese-English Dictionary* của Gs. Nguyễn Đình Hòa (trang 126),

-- *Giúp đọc Nôm và Hán Việt* của Lm. Trần Văn Kiệm (trang 388)

cũng viết là “dòng.”

Hầu hết các tự điển Việt ngữ xuất bản ở trong nước hiện nay và tự điển chữ Nôm (ở trong nước cũng như ở hải ngoại) **cùng viết “dòng”**:

Tự điển chữ Nôm trích dẫn (Westminster, CA, 2009): trang 299.

Tự điển chữ Nôm dẫn giải (Hà Nội, 2012): trang 452.

3) Các nhà biên soạn tự điển có lý do để viết “dòng” (với D).

Trong chữ Nôm, chữ ấy được viết như sau: 泐

Phía trước là bộ Thủy 氵 (nước) để cho biết có liên quan đến nước.

Phía sau là chữ Dụng 用 (dùng) để chỉ cách phát âm.

Vậy đó là một chữ “có liên quan đến nước,” và **phát âm giống chữ “dụng”** (trong chữ Nôm đọc là “dùng”)

Vì phát âm giống “dụng” và “dùng,” chúng ta cùng thấy âm “dòng” gần và tự nhiên hơn.

Khi phát âm là “dòng,” thì viết với D là đúng.

Vì lẽ đó, những ai thường tra cứu tự điển hoặc biết qua chữ Nôm (các Gs. Doãn Quốc Sỹ, Trần Trọng San... và những người tốt nghiệp Đại học Văn khoa sau các ông) có khuynh hướng viết “dòng.”

Gs./nhà văn Doãn Quốc Sỹ là con rể nhà thơ Tú Mỡ. Là một giáo sư Quốc văn, từng dạy và viết sách biên khảo về Tự Lực Văn Đoàn (*Khảo luận về Tự Lực Văn Đoàn*), ông biết rất rõ nhạc phụ đã viết *Giòng nước ngược* (cũng như Nhất Linh, Thạch Lam đã viết *Giòng sông Thanh Thủy*, *Theo giòng*) nhưng ông không theo. Trong cương vị một nhà giáo, ông viết *Dòng sông định mệnh*, vì nghĩ rằng như thế đúng hơn. Nhà văn Nhật Tiến có giao tình thân với văn hào Nhất Linh. Ông là người đọc lời vĩnh biệt khi hạ huyệt trong tang lễ Nhất Linh ở Sài Gòn ngày 13-7-1963. Tuy biết rất rõ Nhất Linh đặt tên cho tác phẩm cuối đời của mình là *Giòng sông Thanh Thủy*, năm 1972 Nhật Tiến vẫn đặt tên cho một tập truyện của ông là *Tặng phẩm của dòng sông*.

4) Các học giả Việt Nam viết ra sao?

-- Gs. Dương Quảng Hàm:

Trong các tác phẩm văn học được liệt kê trong *Việt Nam thi văn hợp tuyển* và *Quốc văn trích diễm*, Gs. Dương Quảng Hàm luôn luôn viết “dòng”:

- *Sông Lục đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng* (Ca dao)
- *Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước* (bản dịch Tỳ bà hành)

-- Các học giả Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim:

Khi phiên âm *Truyện Kiều*, hai học giả Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim

cũng viết “dòng”:

- *Nao nao dòng nước uốn quanh* (câu 55)
- *Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang* (câu 2636)

-- Học giả Đào Duy Anh:

Trong *Từ điển Truyện Kiều*, học giả Đào Duy Anh cũng viết “dòng” như hai học giả Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim.

-- Gs. Hoàng Xuân Hãn:

Trong *Chinh phụ ngâm bị khảo*, Gs. Hoàng Xuân Hãn cũng viết “dòng”:

- *Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt* (câu 17)
- *Dòng nước sâu ngựa nắn chân bon* (câu 70).

Các học giả của Miền Nam trước 1975 như Gs. Trần Trọng San trong cuốn *Văn học Trung Quốc đời Chu Tần*, cũng luôn luôn viết: “ngược dòng, xuôi dòng, dòng dôi...”

Trong các nhân vật lỗi lạc của Miền Nam trước 1975 có một vị viết “giòng.” Đó là Lm. Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế. Cuốn hồi ký xuất bản năm 1971 của Linh mục có nhan đề: *Bên giòng lịch sử: Hồi ký 1940-1965*. Không rõ có phải vì Linh mục chịu ảnh hưởng các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn?

CÁCH VIẾT CHỮ “DÒNG”

Trong *Truyện Thúy Kiều* (do Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo, chú thích):

Nao-nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Trông vôi con nước (6) mênh-mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng-giang.

Trong *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh:

55 Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

2635 Trông vôi con nước mênh mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng giang.

Trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* của Hoàng Xuân Hãn:

Bóng cờ, tiếng trống xa-xa,
Sầu lên ngọn ải, cán ra cửa phòng.

3. Chí chinh-phu

Chàng tuổi trẻ, vốn dòng hào-kiệt,

Xưa nay, chiến-địa đường bao,
Nội không muốn dậm, xiết sao đái-dầu*.
Hơi gió lạnh, người rầu mặt *dạn**;
Dòng nước sâu, ngựa *nấn* chân bon*.

5) Tại sao các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn viết “giòng”?

Khi các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn viết *Giòng nước ngược* và *Theo giòng*, tuy *Tự điển Việt Nam* của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ cùng *Việt ngữ chánh tả tự vị* của Lê Ngọc Trụ chưa ra đời, nhưng hai bộ tự điển của Huỳnh Tịnh Của và Hội Khai Trí Tiến Đức đã xuất hiện (1895 và 1931). Rất có thể các vị không lưu tâm đúng mức đến bộ tự điển của Huỳnh Tịnh Của (xuất bản ở trong Nam), nhưng nhiều phần vì các vị có thành kiến với Hội Khai Trí Tiến Đức. Báo *Phong Hóa* đã đăng rất nhiều thơ văn giễu cợt, châm biếm Hội này. Trong hoàn cảnh ấy, việc theo những đề nghị về phương diện chính tả do tự điển Khai Trí Tiến Đức nêu lên khó xảy ra.

6) Tự Lực Văn Đoàn cũng có những sai lầm khác về phương diện chính tả.

Khi xuất bản lần đầu năm 1936, tập truyện ngắn của Khái Hưng mà nay chúng ta gọi là “Đọc đường gió bụi” được in với nhan đề *Giọc đường gió bụi*:

<http://www.worldcat.org/title/gioc-ng-gio-bui-truyen-ngan/oclc/64086678>

Thời nay chúng ta cùng biết rằng viết như thế là sai. Câu đầu bài “Chí làm trai” của Nguyễn Công Trứ vẫn được phiên âm là:

Vòng trời đất đọc ngang, ngang đọc.

Tự Lực Văn Đoàn có những đóng góp rất quý giá về phương diện văn học và xã hội. Về văn học, đóng góp của TLVĐ cho nền văn xuôi VN (và cho cả Thơ Mới) rất đáng kể. Nhưng **cách viết chữ quốc ngữ ở thời TLVĐ chưa hoàn hảo về phương diện chính tả**. Đọc lại báo *Phong Hóa*, chúng ta thấy lỗi chính tả khá nhiều.

Vì những lẽ ấy, tuy vẫn nên viết tên các tác phẩm của Nhật Linh, Tú Mỡ, Thạch Lam là *Giòng sông Thanh Thủy*, *Giòng nước ngược*, *Theo giòng* (đó là những danh từ riêng, tên các tác phẩm đã có địa vị trong văn học sử), **chúng ta vẫn nên viết “dòng”** (dòng nước, dòng đời, dòng tu ...) **trong những trường hợp khác.**

Góp ý của nhà văn Nhật Tiến, California:

Dĩ nhiên ta tôn trọng các tác phẩm đã in thành sách như của Nhật Linh (*Giòng Sông Thanh Thủy*), Tú Mỡ (*Giòng Nước Ngược*)..., và biết ơn công trình làm mới văn chương của Tự Lực Văn Đoàn từ giữa thế kỷ trước, nhưng phải nói rằng trong hai cơ quan ngôn luận của Văn đoàn này, tờ *Phong Hóa* và tờ *Ngày Nay* hãy còn chứa đầy rẫy lời văn thô sơ hay lỗi chính tả. Như một số mục chính trên tờ *Phong Hóa* đã dùng những từ mà cho đến nay không còn ai dùng nữa như *Chuyện ngắn* thay vì *Truyện ngắn*, *Từ Nhỏ đến Nhớn* thay vì *Từ Nhỏ đến Lớn*, *Hạt đậu Dạn* thay vì *Hạt đậu Nhọn*, tòa soạn quảng cáo : “*Xem Phong Hóa số Tết, 20 trang. In mùi, có bìa giấy trắng*” thay vì “*Xem Phong Hóa số Tết, 20 trang. In màu, có bìa giấy trắng*” ..v..v...

Cho nên tôi hoàn toàn đồng ý với những nhận định xác đáng của anh Trần Huy Bích về việc viết chữ "dòng sông," thay vì viết "giòng sông."

Góp ý của Bác sĩ Hà Ngọc Thuần, Brisbane, Úc châu:

Bài viết của Anh Trần Huy Bích có thể gọi là "tường tận": **tường** là nói rõ ràng, và **tận** là đã nói tới cùng. Có hai hệ luận như sau: **một** là trong tương-lai chúng ta nên nhất trí viết "dòng", nhưng vì Việt Nam không có Hàn lâm viện để quy định chính tả nên việc này tuy dễ mà khó. Và lại trong văn chương chẳng nên có sự bức bách, bắt người viết phải theo ý kiến mình, dù đó là ý kiến của số đông.

Cũng không nên có sự chê-trách vội-vã đối với một bài văn vì một vài "lỗi" chính-tả mà quên đi ý-tưởng của toàn thể bài viết. Việc này thường đưa đến những mối bất hòa không cần thiết. **hai** là sau này khi tái-bản chúng ta có dám, hay có nên, thay đổi tựa đề của tác giả mà in là "Dòng Sông Thanh Thủy" (Nhất Linh), "Theo Dòng" (Thạch Lam) và "Dòng Nước Ngược" (Tú Mỡ), hay là chúng ta bắt buộc phải tôn trọng các tác-giả và giữ nguyên tựa-đề như đã viết trong quá khứ.

Góp ý của Nha sĩ Nguyễn Thị Mỹ Ngọc, Columbus, Ohio:

Bản thân tôi nhiều khi cũng lúng túng vì chữ "dòng sông" và "giòng sông."

Cám ơn anh Huy Bích đã tra cứu và giảng giải rất cặn kẽ. Từ nay tôi sẽ dùng chữ "dòng" mà không còn phải lưỡng lự gì nữa.

Còn chữ "giòng" coi như chữ cổ, vì ngôn ngữ theo thời gian có thể đọc khác đi một chút, như "ông trời" ngày trước ta gọi là "ông giời" vậy.

Góp ý của nhà văn Huy Văn Trương, Bellflower, California:

Tôi thường viết "dòng sông, dòng dôi, dòng họ" vì tôi dựa theo tự điển của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ do nhà sách Khai Trí xuất bản năm 1970 tại Sài Gòn.

Trong cuốn tự điển này không có chữ "giòng" nào hết. Tôi dùng cuốn tự điển này vì tôi thấy nó tạm đủ so với nhiều cuốn khác. Tuy vậy trong đó cũng có nhiều chữ, theo tôi nghĩ vẫn còn trong vòng tranh cãi, như người ta thường viết là "chia sẻ" thì trong tự điển Lê Văn Đức viết là "chia xẻ"...

Từ trước tới giờ tôi viết "dòng sông" vì theo tự điển nhưng vẫn thấy lẩn cấn thể nào đó. Cho đến khi đọc bài viết: Nên viết "dòng" hay "giòng" của anh Trần Huy Bích xong, tôi không còn thấy lẩn cấn nữa, mọi thắc mắc đã được giải toả. Đề nghị anh đăng bài viết của anh lên nhiều tờ báo để mọi người cùng được đọc.

**Góp ý của cô Nguyễn Thị Ngọc Dung,
cựu giáo sư Trung học Võ Táinh, Nha Trang:**

Xin cảm ơn anh đã gửi một câu chuyện thú vị về văn chương, ngôn ngữ VN, cách viết chữ "Giòng" hay "Dòng."

ND cũng xin mạo muội chen vào, bày tỏ một vài ý kiến riêng, nho nhỏ:

1. ND cũng quen với chữ "Dòng" để chỉ "dòng sông" hay "dòng đời," và chữ "Giòng" để chỉ "giòng dôi."

2. Tuy nhiên, theo thiên ý, dù viết "giòng đời" hay "dòng đời" cũng vẫn được. Điều quan trọng là KHÔNG SAI về ý nghĩa.

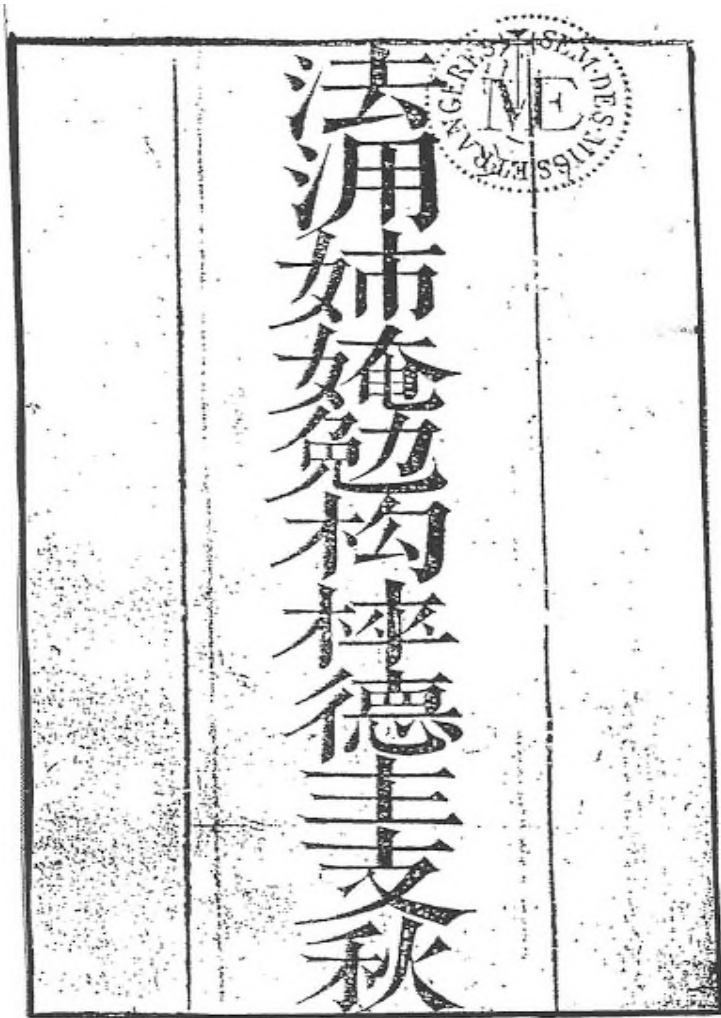
3. Riêng về chữ "dòng" hay "giòng," nếu suy từ chữ Nôm (dùng chữ "Dụng" thêm bộ "Thủy") thì "dòng" nghe có lý hơn là "giòng."

**Góp ý của nhà biên khảo Phạm Xuân Hy,
Paris, Pháp:**

Cám ơn anh đã cho đọc một bài viết hay, công phu, cặn kẽ, sáng sủa. Tôi cũng xin được đồng ý với anh, quý anh, quý chị, là muốn tìm "nghĩa và âm" của một chữ quốc ngữ ABC ngày nay, thì người ta có thể (chứ không hoàn toàn tất cả), dựa vào chữ Nôm đã được tổ tiên chúng ta bỏ công lao cấu tạo nên; như trường hợp chữ "dòng".

Nhà biên khảo Phạm Xuân Hy có nhã ý gửi cho chúng tôi một trang chữ Nôm với chữ "Dòng." Đó là trang đầu của bản Nội quy dành cho một dòng nữ tu Công giáo Việt Nam mà ngày nay chúng ta quen gọi là "Dòng Mến Thánh Giá."

Những chữ Nôm ở trang này là: "Phép Dòng Chị Em Mến Câu Rút Đức Chúa Giê Su" (Chữ "Câu Rút" được phiên âm từ chữ La Tinh "Crux," có nghĩa là Thánh giá). Chữ "dòng" là chữ thứ hai của hàng chữ Nôm phía sau, với bộ Thủy 氵 đứng trước chữ Dụng 用.



Phép Dòng Chị Em Mến Câu Rút Đức Chúa Giê Su
(Tài liệu của các nữ tu Dòng Mến Thánh Giá)

Từ Mai TRẦN HUY BÍCH

VĂN HOÁ VIỆT NAM 79 * 53 * MÙA ĐÔNG 2017



HOÀI ZIANG DUY

(Sterling - Virginia)

CÒN KHÔNG CHỐN QUAY VỀ

Gìờ này Khánh Ly hát bản **Ru ta ngậm ngùi**. Cô đứng hát trên sân cỏ quán Văn, khán giả ngồi dưới. Còn tôi đang ngồi trước màn hình nhỏ. Thời gian, không gian Sài Gòn ngày trước.

Trong đêm, tôi thấy lòng băng khuâng, khi những hình ảnh năm xưa tạo cảm giác bồi hồi. Ba mươi bảy năm qua, một thoáng nào đó, nó ru ta ngậm ngùi với những mất mát qua đi, đi qua đời nhau trong chiến tranh, đi trên nỗi buồn một thời ấu thơ vội vàng đánh mất.

Như đêm này tôi chợt hỏi. Còn không chốn quay về?

Về đâu? Về đâu?

Cái âm thanh rớt vào khoảng không nghe xa lạ.

Không gian xưa không còn nữa. Không là chốn hẹn hò.

Tôi muốn sống bằng tâm tình ngày cũ. Có được đâu khi mà không còn ai chung cùng một đời sống, không còn ai chia xẻ chốn này. Quê nhà đã xa, dù lòng chưa lạ. Tôi đâu muốn đi về một thời chiến tranh, ở đó cầm bút, cầm súng vào thân chung cùng mặt trận.

Tôi đang sống trên đất nước tự do, có người Mỹ, người bạn đồng minh, những người trước đây cùng tham chiến ở Việt Nam. Bản thân họ vẫn có niềm tự hào vì lý tưởng tự do cùng chúng tôi chung vai chiến đấu, cho dù giới truyền thông trước đây tiếp tay thành phần phản chiến bóp mép sự thật, bôi lọ hào khí chiến đấu của quân lực miền Nam, khiến con dân người Mỹ dự phần không nhận được sự ủng hộ, đồng tình ở chiến tranh Việt Nam. Tôi vẫn không tin, bởi trước mắt tôi những người Mỹ, những người bạn quốc gia đồng minh khác. Họ vẫn vui vẻ nói về sự có mặt của mình ở chiến trường năm xưa.

Tôi nghĩ chính thực, những người bạn tôi đã gặp. Họ là người lính ở chiến trường, ở hành quân mặt trận. Loại lính này, thì quân đội nào ở đâu, cũng chỉ biết làm theo lệnh, tuân theo thượng cấp chỉ huy, sống chết với đồng đội. Họ nhắc nhớ về nơi chốn đóng quân, thành phố đã đi qua. Cho dù giọng phát âm địa danh không rõ, chúng tôi vẫn đoán, hiểu được để lắng nghe. Ngược lại, khi hỏi chúng tôi buồn không với thân phận bây giờ? Chón nầy?

Có phải buồn không, cái giá phải trả ở cuộc chiến đất nước mình? Mấy mươi năm sau, những bí mật an ninh quốc phòng có thời hạn đã được giải mã, để thấy quân đội miền Nam bị bỏ rơi như thế nào. Sau cùng là một lời xin lỗi. Miền Nam đã thua tại mặt trận chính trị Hoa thịnh Đôn. Do chính họ, chính giới người Mỹ. Sự thế đã rồi.

Cũng bằng thực tế hôm nay. Bắc Việt Nam với niềm tự hào chiến thắng, thắng Mỹ, chiếm miền Nam. Nay lại đưa thành phần của hải lực không quân, chuyên viên, công an các ngành đến đất nước Hoa Kỳ cho người Mỹ thua cuộc huấn luyện. Sự đời lăm éo le, như bàn tay với hai mặt trên dưới, cho chúng ta nhìn thấy. Còn về phía thắng cuộc, có cần suy gẫm lại không để thiệt phân chuyện ai thắng ai?

Lâu rồi, không nghe lặp lại, nhắc tới vinh quang trong chiến thắng. Đối với người Việt lưu vong chúng ta còn phân biệt hai miền Nam, Bắc. Nhưng sống ở đây, sẽ thấy dưới mắt chính giới người Mỹ, chỉ có một Việt Nam theo chiến lược dài lâu của họ.

Có điều, hơn hai mươi năm sống ở xứ này. Tôi thấy lạ là giới truyền thông không bao giờ loan tin về chiến thắng của quân đội Mỹ ở nước ngoài. Dĩ nhiên đưa quân tham chiến, vùng trú đóng là có hành quân, có đụng trận. Nhưng chưa bao giờ chúng tôi đọc được những hàng tin về chiến công của quân đội Mỹ. Bù lại là tin tức về những chết chóc, hình ảnh các quan tài đưa về, được đón tiếp ở nơi chốn sinh sống ra đi. Và như vậy ở đâu thấy được sự hy sinh? Ở đâu thấy được tinh thần chiến đấu của người lính, quân đội Mỹ?

Đưa vấn đề này ra hỏi anh em cựu chiến binh. Họ chỉ cười trừ không biết, cũng không hiểu vì sao. Do vậy cho thấy, thành phần phản chiến thật dễ dàng vịn vào các cơ quan truyền thông, truyền hình đưa tin làm nản lòng thân nhân, đẩy lên phong trào

phản đối từ trong nước. Đối với cuộc sống tự do, đủ đầy, người dân Mỹ không chịu đựng được ở cuộc chiến dài lâu khi phải dưng phần. Tinh thần của quân đội chỉ qua những khẩu hiệu. Thấy chẳng là những công bố về vũ khí mới, biểu diễn máy bay, tàu chiến có tính cách khoe hàng cho việc bán buôn. Nói chung ở một nước tự do, không có chiến tranh đến được phần đất này. Hình ảnh người lính như một cái bóng, chỉ làm bốn phận theo mệnh lệnh từ trên xuống dưới. Xã hội chỉ thấy vai trò những người đại diện dân cử là nặng ký.

Mấy mươi năm qua chiến tranh đã lụn tàn theo thời gian, lòng người xa xứ cũng nguôi ngoai, do phải đương đầu với cuộc sống trước mặt. Thời gian và tuổi về chiều là lúc chúng ta nhìn lại. Bây giờ, bên gia đình, bạn hữu có những điều thường tình để nói, dù nhỏ nhặt, nhưng lại là điều cần thiết trong cuộc sống còn.

Thế hệ chúng ta với ba phần tư cuộc đời là sống cho quá khứ. Một phần tư còn lại chia hai, một phần sống cho tương lai, một nửa là đợi chờ trong thực tại. Nói vậy để thấy khi bắt chợt với tần số cùng nhịp đập. Nghe lại bài hát cũ, ở cùng tâm trạng, khuya dậy nỗi niềm tưởng chừng đã yên, để rồi sống theo cái tám mươi phần trăm thường tình của một con người như mọi người.

Còn không chôn quay về?

Về đâu, về đâu?

Về nơi chôn bước chân ra đi, về với quê hương ngậm ngùi? Đâu có ai đi hết, biết hết mọi miền đất nước dân tộc mình. Đi qua trong thời chiến chinh bom lửa, chết chóc. Đi qua một thời tuổi trẻ. Điếm son không phải là nộ hồng, vết son môi. Điếm son là những chấm tọạ độ trên phóng đồ nối liền kéo dài. Đi không biết ngày mai, không biết điếm dừng lại ở cuộc chiến. Bây giờ đã đi quá xa, quá đà. Đi như thể một đi không trở lại, thì câu hỏi về đâu cho ngày sau vẫn là điều phân vân, không thành câu trả lời dứt khoát trước cảnh đời này.

Từ những ngày đầu tiên đến xứ người, coi như lần nữa phải làm lại. Khác chẳng một chặng đường đời đã đổi, đã đi qua những tủi nhục đau thương trong chôn lao tù. Khác chẳng bây giờ, một thân xác không còn trẻ như ngày nào, và một tâm tình bi thương ai oán. Khi ngày đó tương lai tuột dốc xuống tận cùng hố thẳm, khi tình đời đối diện với thiện ác, bạn thù. Trong cơ cực chịu đựng với

hoàn cảnh trái ngang, con người cũng hiện thực với khí tiết, ươn hèn. Cũng từ những cảnh ngộ đó, bước ra cuộc đời làm lại, quan điểm, hào hức khôn ngoan, trong tầm nhìn khác đi năm xưa, biết cách sống, hiểu thân phận làm người đằng sau cuộc chiến, đằng sau một xã hội dôi dãi đảo lộn, và hơn hết là nỗi cảm thông với sự cùng cực nghèo khổ, hợp âm với thành phần trắng tay, không còn gì trong xã hội.

Ngoài sứ mệnh người lính lập thân. Tôi đã sống trọn vẹn với vai trò cầm bút chính mình. Nó là sự đeo đẳng mà mấy chục năm qua, từ thuở ấu thời cho đến bây giờ vẫn không ngừng nghỉ. Tôi không nghĩ là nỗi đam mê, bởi đam mê chỉ có giai đoạn thời khắc qua tuổi tác thời gian. Còn ở đây, nó đi liền với đời sống ăn ngủ, cùng chung một nhịp đập ở sự sống con người.

Tôi đã sống tử tế với người bạn cầm bút trong tôi, chia sẻ ngọt bùi cái tình thân thiết, yêu người như yêu chính bản thân tôi, mọi nơi mọi chốn với tình huống nào. Vậy mà theo thời gian nhìn quanh, vẫn không thấy người bạn dấu yêu cầm bút nào có một đời sống phú quý, kinh tế sang giàu, thành thời với hiện tại. Phải chăng đời sống tinh thần ở chúng tôi đi về một hướng khác, cái hướng mai hậu khi nằm xuống mới có sự đền bù nhắc nhở. Có điều an ủi là bạn bè trong giới văn nghệ, không gặp vẫn thấy quen, vẫn thấy một tình thân thiết tìm nhau. Nó không có biên giới đất đai lãnh thổ, tuổi tác. Sống, sinh hoạt với một tình người đồng cảm từ văn chương.

Có thể dựa vào tinh thần phóng khoáng ở giới văn nghệ. Người ta kêu gọi sự đồng hành cảm thông xóa bỏ, mọi tranh chấp hận thù đối đầu. Anh em chúng tôi có giận ai đâu, khi anh cùng là người cầm bút. Có phiền đâu khi anh viết những sự thật tỏ tường, sự thật ở đời sống, người quanh nhìn thấy. Có tủi nhục, có hận đau khi anh không từng bị đối xử ngược đãi ở thân phận con người không còn là con người. Nếu anh nhanh chân chạy đi không ở lại, không sống trong xã hội thời đó, như ly cà phê đắng, quên bỏ đường, thì thôi xí xóa pha lại ly khác. Đẳng nầy thực tế, nhà cửa nát tan, đời đời di chuyển, mất hết mất sạch. Tất cả phải làm lại, đa phần ở người đàn bà vừa phải nuôi chồng ở trong, nuôi đàn con bên ngoài, đời sống kinh tế để có miếng ăn từ những phần đất hoang vu, rừng thiêng nước độc, khác gì thời xa xưa ông cha dựng

nghiệp khai phá. Vậy thời những con người trong cảnh ngộ, với tâm phẫn còn vương tục, thì làm sao dễ dàng buông bỏ, quên đi. Hai thế giới cách biệt. Hai xã hội, trên một đất nước, không gian thời gian cùng lúc. Đời sống nào có thể sống, đời sống nào không còn nghĩa sống. Nói một cách khác, nếu anh không ở lại, không sống chung cùng trong lòng xã hội, thì nói sao anh cũng không hiểu, không tưởng được. Bởi vì nó đi ngoài cái thế giới thực tại, từ những điều không thật để thành sự thật, rồi như không thật.

Bây giờ ngồi đây, đêm nay nghe Khánh Ly hát, như đã nói phần trên. Cái cảm giác bồi hồi, xao xuyến quá. Tôi muốn sống lại nhiều hơn cái hạnh phúc khi tôi còn đất nước. Tôi muốn yêu thương nhiều hơn, ngoài tình yêu ban đầu. Đã bao lần nhìn lại, những thước phim năm xưa. Hình ảnh đơn sơ, cảnh đời thường với người dân gánh gồng bán buôn vỉa hè, anh chàng đạp xích lô che mặt nằm ngủ, hay mấy cô gái trẻ mặc áo dài ăn hàng rong. Tất cả những khuôn mặt đó, năm xưa mỗi ngày đang sống cùng chúng tôi. Sao hồi trước không hề có cảm giác nào, như bây giờ nhìn lại? Phải là hạnh phúc tìm gặp. Phải chăng nó là nỗi đau ly tán mất hết, vỡ ra từng mảnh, còn sót lại.

Bây giờ đây nếu phải trở lại, nhận chân một số kiếp ở thời đao binh, hiểm nguy rình rập. Dù thân phận mình không biết ngày mai, không có tương lai trong một đất nước chiến tranh. Tôi vẫn muốn có mình ở vòng quay cuộc đời trở lại, hơn là bây giờ tất cả không còn tổ quốc, không còn quê hương. Trên xứ người, đâu có mấy ai chịu nhận mình là người Việt Nam sau năm 1975. Bởi nỗi đau khi thấy dân tộc khác, họ rẻ rúng người mình từ thực tế buôn người, lường gạt lao động xuất khẩu, hay làm gái mãi dâm. Nếu còn chút lòng nhân, sao không thấy thương tâm, khi nhìn lại quê nhà. Vẫn còn thảm nạn bắt bớ giam cầm, cướp nhà cướp đất. Tại sao xã hội sản sinh đầy rẫy những con người khác thường, sẵn lòng làm những điều lường gạt chính người dân mình. Hay tại những người sống ngoài nước mới thấy. Còn ở trong, dù có thấy coi như không. Những tiếng nói lạc lõng, đánh động lương tâm rồi cũng không đi đến đâu. Người bạn ở lại trong nước nói với tôi. Phải có chút hèn mới sống được. Câu nói không giải thích, làm tôi có chút suy nghĩ. Ba mươi tám năm qua rồi. Trời đất vẫn đều hiu, năm tháng như mọi ngày.

Bây giờ đây. Ở một tuổi về chiều của tầng lớp người ra đi năm xưa, điều tự vấn ở quãng đời sau cùng, là hai tiếng về đâu. Vâng. Có biết bao người ra đi quay về, từ một tinh thần gia quyến, từ một tinh thần cộng tác văn nghệ sĩ. Hay từ một tinh thần chính trị cùng chiều. Thực tế cho thấy, có hô hào, có chửi bới bản thân, có nhục danh tiếng tăm, người nghệ sĩ lớn, thủ lĩnh lớn. Mọi việc đều phải cúi đầu như xin một ân huệ, được nhìn nhận, cho hát, cho phổ biến, cho sống còn. Có cần làm vậy không?

Lại đêm này. Đêm nay lại khác. Không có Khánh Ly thuở còn tóc ngắn hát lúc này. Không có nỗi buồn ở một thời quá khứ đi theo bên cạnh. Tôi đang quay về. Về đâu?

Trở về với căn nhà tôi đang ở, trở về như hàng đêm ở thực tế một đời sống phải đối diện với hiện thực. Đôi khi cần phải quên, nhẹ đi một thời quá vãng, coi như được phần nào hay phần nấy. Sống ở đây mới thấy thân phận một nước nhỏ, nghèo, đều phải tùy thuộc vào cái lộng của đàn anh bao che. Còn cá nhân chúng ta có định đoạt, đòi hỏi được gì. Trên bàn cà phê, trà rượu, anh nói tôi nghe. Là nghe, có chút ý kiến, qua lại. Thế hệ tuổi đời chạy đi chúng ta còn làm được gì ở bàn cờ vận mệnh, chuyển vận từ bàn tay người điều khiển. Có chăng là tầng lớp trẻ tiếp nối. Rồi ngày sau có biết sẽ ra sao?

Hiện tại, có phải mỗi ngày tôi quay về với cái tôi đích thực. Là cuộc sống, là đi trọn hành trình của người cầm bút lỡ thời lỡ vận, không có sự nghiệp. Có là sống với niềm an lạc chính mình. Vậy mà có trọn vẹn một con đường thẳng cho tương lai đâu? Trong sinh hoạt văn nghệ, lần hồi nhà xuất bản, tạp chí thuần văn học không còn. Sự lặng lẽ rút êm so với mười lăm năm trước đây ồn ào nở rộ. Từ một tình hình chung biến đổi? Từ một lớp người viết già đi, không còn viết nổi? Hay từ một thực tế không còn người đọc. So với báo chợ để sẵn, đầy dãy hàng hàng lớp lớp người hiên ngang kiếm tìm mang về đọc. Rõ ràng đâu phải chữ nghĩa không còn quyến rũ, thiếu người đọc. Hay tại họ thích đọc trên net khỏi phải tốn tiền, không cần đi xa.

Nói thật một điều, cho tới bây giờ tôi vẫn thấy sung sướng cầm trên tay đọc một bài viết trên báo, tạp chí in, hơn là đọc trên web. Trên máy tính cái đọc có tính vội vã, thoáng qua rồi nhảy sang cái khác. Nó thiếu đi cái từ tốn, thương thức, thâm thía

từ chung cùng một đáp số nhận nghĩ, bắt gặp. Bài vở xuất hiện trên web, có đông người thấy để mắt vào (chưa hẳn đọc). Sự có mặt của một bài văn, thơ chỉ như một cơn gió thoảng, một viên sỏi ném xuống mặt hồ, khuấy đi toả ra trong chốc lát, rồi tan biến. Có thể đa phần theo trào lưu sống vội vã, không cần thiết phải vương bận, thì để tâm chi những bài viết của tác giả này, nhà thơ nọ. Về phần người viết thì lại khác. Chúng ta trân quý những giòng chữ từ tim óc. Đâu ai biết, có những kết cấu truyện, những bài thơ, câu thơ, ý thơ, vương vấn, khổ sở mang theo trong đầu, làm đêm mất ngủ. Với tôi, đọc cảm xúc được, đó là lúc chúng ta sống cùng bài viết. Ý tình trong thơ, cái hồn, cái nhạc trong thơ nó không mang tính vớ vẩn, dễ dãi như mì ăn liền, làm cho có làm. Bởi, tác phẩm làm nên tác giả, thiếu cẩn trọng, coi thường người đọc, chữ nghĩa múa bút vung tay, dễ dàng quá, thì chính mình tự xoá đi tên tuổi mình đối với người đọc.

Tôi đã viết, nói nhiều điều lan man. Có phải tôi đang nói với chính mình, những bết tắc, vòng lẩn quẩn không thoát được ở đời sống bủa vây. Xã hội này, thế giới này có những điều khó hiểu hơn sự giản dị đơn thuần đang sống. Bốn câu thơ tôi viết trước đây.

Khi nói ra nhận mình người nước Việt.

Chỗ trú chân vẫn lạc địa chỉ buồn.

Cảm ơn đời chỗ dung thân lớn.

Nhưng nhớ nơi tội lấy cội nguồn.

Chia sẻ với tôi điều này, như một tâm tình cảm thông.

HOÀI ZIANG DUY

(Sterling - Virginia)

BÃO LỤT HOUSTON

Houston bão dữ mấy hôm rày,
Thấp thòm muôn người lo lắng thay!
Gió gập khắp nơi bao đổ vỡ
Nước tràn ngàn lối mấy đêm ngày.
Mưa tuôn xối xả xe tràn nước,
Sấm chớp bão bùng nóc tóc bay.
Trường học cơ quan đều đóng cửa,
Mênh mông là nước tựa sông dài!

ĐỖ CHIÊU ĐỨC

TRẦN BANG THẠCH

CÓ MỘT CHỖ ĐỂ VỀ

*Đường sá của người
Đâu phải của ta
Sao ta cứ miệt mài đi, về năm tháng
Dù đông lạnh căm
Dù hè cháy nắng
Ta ngựa già nói những dặm xa.*

*Gió ở đây cũng là gió của người ta
Đâu phải gió đồng bằng
Đâu phải mưa châu thổ
Nước mặn Đại Tây Dương
Đâu bằng nước ngọt phù sa quạch đờ
Ta nghe chừng thiếu một hơi quen.*

*Nên mỗi ngày qua
thêm một nỗi buồn riêng
thêm một chút ngậm ngùi cố thổ
ở ở, đi đi ta làm khách trọ
sớm nắng chiều mưa bóng nhỏ bên đường
Để mỗi đêm dài đếm cỏ cầu sương
ta mơ làm người Lý Bạch
đề đầu tư cố hương
thấy hồn mình lượn lờ nơi viễn phố.*

*Thấy mẹ lưng còng
trên sân rêu phủ
mắt lệ nhòa từ buổi con đi
ngày ngóng đêm trông từng cánh chim về
nghe sao nặng tháng ngày đứt ruột.*

*Thấy cha một mình
trên dòng kinh nước đục
đêm ba mươi một chiếc xuồng câu*

*tiếng độc huyền cảm chảy suốt đêm thâu
(cha muốn gởi gì trong hơi đồng sông nước?).*

*Thấy mái chùa cong
thấy ngôi trường buổi trước
ta nhìn ta một thuở rong chơi
ta nhìn em tóc bím, môi cười
trao ánh mắt cho ta
mà con tim giữ lại.*

*Và cứ giữ nghe em
những ngày xưa ấy
Giữ giùm ta một góc trời quê
để hồn ta còn có chỗ trở về
khi đất lạ ta mồ xanh cỏ.*

TRẦN HOÀI THƯ

CHIẾC SCHOOL BAG VÀ NGƯỜI LÍNH GIÀ

* *Viết cho tôi:* người cựu chiến binh miền Nam, nhân ngày Veteran của Hoa Kỳ.

*Ta trở lại trường khi tuổi vào trung niên
Sách vở học trò đôi khi nổi buồn phủ kín
Lớp học người đông, mắt xanh da trắng
Chỉ lẻ loi một gã tị nạn già*

*Chỉ lẻ loi một chiếc bóng mình ta
Soi trên vách tường trong phòng trong lớp
Trong những đêm khuya một mình phòng Lab
Trong nhà ăn, giữa những bàn ghế trơ cam
Chữ nghĩa mở ra sao nặng trĩu tâm hồn
Tiếng nói là nhịp cầu
sao miêng đành câm nín!*

*Đồng hành với ta là người tài xế già xe bus
Đêm đưa ta về lại một chỗ gọi: slum*

*Slum có nghĩa là khu xóm tối tăm
Slum có nghĩa là nơi có nhiều tội ác*

*Chiếc xe chạy qua những ngôi lầu cửa đóng
Tuyết bên ngoài, trắng xóa, tuyết trong ta
Người sinh viên già, lòng lạnh lắm, bước ra
Có khi tập vở cũng ướt nhòà bông tuyết trắng*

*Chiếc school bag giờ ngủ yên trên lưng người cựu lính
Mà ngày xưa là chỗ của ba lô
Mà ngày xưa bảy ngày gạo với lương khô
Một tấm poncho thêm tấm hình đứa con chưa đầy 6 tháng*



*Thay vào đó là những bó trầm bó tranh bó lác
Trên lưng người thất trận “ngụy” quân
Ôi! Chiếc lưng ngày xưa thật tội quá chừng
Mấy chục đốt xương mà phải gánh bao nhiêu tấn hàng lịch sử!*

*Bây giờ chiếc lưng của ta không còn oằn xuống nữa
Bởi vì chiếc school bag thì quá nhẹ tênh
Ta đi đến trường với chiếc lưng thẳng lên
Để chứng tỏ người lính miền Nam vẫn còn đứng thẳng !*

(Posted on [Tháng Mười Một 12, 2017](#) by [TRANHOAITHU](#))



TRƯỜNG THY

CÂY ĐÀ - BẾN NƯỚC

Cây đa, nói đến bến đò bên bờ nước, nhất là ở miền quê đất Việt, đặc biệt là miền Bắc thường thấy bóng dáng cây đa. Trong văn học, nhất là trong ca dao, bên nước và cây đa với vai trò biểu vật và biểu tượng, xuất hiện gần như hình với bóng.

Những ngày dường như xưa ấy nơi bến đò thường có quán nước bên gốc cây đa. Cây đa biểu trưng cho sự trường tồn, linh thiêng nên có câu:

*Có quán tình phụ cây đa
Ba năm quán đổ cây đa vẫn còn.*

Hình ảnh cây đa như có duyên kề cận bến nước, mối liên hệ bàng nhiên ấy, ca dao đã ‘hát’ khá nhiều, hồn nhiên và tự nhiên, rồi hiển nhiên như chuyện lòng.

*Trăm năm dầu lổi hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò khác đờ
Cây đa cũ bến đò xưa
Bộ hành có nghĩa nắng mưa vẫn chờ.*

Cây cao bóng cả, cành lá xum xuê không chỉ là chỗ ngồi nghỉ chân cho người qua lại mà còn là nơi hẹn hò vì là điểm dễ nhớ, dễ tìm như ta nghe trong những vãn ca dao người xưa kể lại.

Nguyễn Trãi đã từng trưng to bóng mát của cây đa trong những câu:

*Tuy đa chưa có tài lương đồng
Bóng cả như còn rợp đến dân...*

Như đã nói ở trên, bên gốc đa già còn là quán nước để khách qua ngồi chờ, vâng, chờ đò hay chờ ai đó, nên có câu:

*Không tiên ngồi gốc cây đa
Có tiên thì hãy lán la vào hàng.*

Rồi nữa, tình tứ biết mấy, đâu cần chỗ hẹn vườn hoa hay công viên, hoặc những nơi sang trọng, song hẹn hò đôi khi cũng vỡ mộng là lẽ thường.

*Em đang dệt vải quay tơ
Bỗng đâu có khách đưa thơ tới nhà
Hẹn giờ ra gốc cây đa
Phượng hoàng chẳng thấy thấy gà buồn sao!*

Hẹn hò đôi khi còn là thước đo lòng kiên nhẫn, người chờ biết có như Hồ Dzếnh ngày nào:

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé...
hay lại như câu ca dao bẽ bàng sau đây:

*Cây đa bạc cũ rồi rồi
Đò đưa bến khác bạn ngồi chờ ai?!*

Với nhà thơ Hồ Dzếnh, cũng là người có bà mẹ Việt Nam từng là một cô lái đò trên sông Ghép ở Thanh Hóa.

Những người con gái nét na, duyên dáng như hoa trên cành, ai cũng muốn hái, còn như đánh đá, chua ngoa, trong dân gian người ta cũng lại mượn cảnh cô đơn, bơ vơ của ‘thần cây đa’ nhắn nhủ:

*Chanh chua anh để giặt quần
Người chua anh để làm thần cây đa.*

Nói đến bến không thể không nói tới những con đò; thuyền và bến là những sự vật hiện hữu ngoài đời, gắn bó với những người dân sống nơi miền duyên hải, ven bờ sông nước, mỗi tình giữa thuyền và bến tuy có ‘đến rồi đi, đi rồi lại đến’, đó là chuyện ‘có qua có lại’, đôi khi cũng còn là ‘kẻ ra đi nào mà không say với gió hải hồ, có buồn chẳng là người ở lại, ‘chiều cao cổ đọi’.

Thuyền và bến ở đây là những ẩn dụ tượng trưng cho ‘tình nhớ’ giữa chàng và nàng.

Trong niềm nhớ mong, trông đợi ấy còn là nét son trong lịch sử dân tộc bởi đã lưu lại cho quê hương những “Hòn Vọng Phu” và tình yêu khăng khít cũng đã cho ta tấm gương trên “Hòn Trống – Mái”.

Trong ca dao những lời ca nói về mối ‘luong duyên’ giữa thuyền và bến cũng nhiều lắm, nhiều như những bến và thuyền trên sông, lạch, bến bờ đại dương khắp miền đất nước. Tình thuyền với bến, tiêu biểu nhất có lẽ ở trong câu ca:

Thuyền ơi có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng nhớ thuyền!

Có thể nói đây là bài thơ tình tuyệt vời nhất trong dân gian. Thuyền và bến ở đây là những ẩn dụ cho sự giao kết tình cảm sâu đậm giữa chàng và nàng.

Chữ ‘ơi’ và chữ ‘chăng’ trong câu trên nghe thiết tha, nồng thắm, đượm niềm khắc khoải biết bao. Nước vẫn xuôi theo dòng đến vô tận và thời gian như vẫn lạnh lùng trôi theo vô cùng.

Thuyền lênh đênh trên sóng nước, không bến bờ, bến thì nằm ôm đơn côi, phủ mờ sương khói.

Trong câu ca dao tình cảm này nếu để ý ta thấy tác giả đại chúng rất ý nhị trong cấu trúc của bài ca khi đặt hai từ ‘thuyền’ và ‘bến’ tượng trưng cho ‘chồng’ và ‘vợ’, ‘chàng’ và ‘nàng’ trên cùng một dòng mà lại ở hai vị trí cách xa nhau, đầu và cuối câu; làm ta liên tưởng đến những câu thơ trong bài “Trường Tương Tư” của tiểu thư Lương Ý Nương ái nữ của nhà họ Lương (Lương Tiêu Hồ), đến đây thiết tưởng cũng nên tản mạn đôi chút về chuyện tình éo le này, và khúc tình thơ buồn ra đời. Tiểu thư Ý Nương thường hẹn hò, đan díu với Lý Sinh (anh họ con cô con cậu với nàng) khi Tiêu Hồ biết cảm không cho gặp nhau nữa, nàng buồn viết nên bài thơ này, trong đó có đoạn:

Ngã tại Tương giang đầu

Quân tại Tương giang vĩ

Tương tư bất tương kiến

Đồng âm Tương giang thủy.

(Thiếp ở đầu sông Tương

Chàng ở cuối sông Tương

Nhớ nhau chẳng được gặp

Cùng uống nước sông Tương)

Có chỗ hai chủ từ trong câu 1 và 2 lại đảo ngược:

Quân tại Tương giang đầu

Thiếp tại Tương giang vĩ

.....

Theo một số nhà nghiên cứu cho rằng có sự đảo ngược đó có thể là vì thời phong kiến còn nặng về quan niệm ‘trọng nam khinh nữ’ nên phải để chữ ‘Quân’ trên chữ ‘Thiếp’.

Qua chuyện tình buồn lại lồng vào khung cảnh sông nước nên có người như nhà thơ Kim Phụng cũng đã phóng bút cảm đề mấy câu:

*Kẻ bến giang đầu mộng thả trôi
Ai kia tận cuối mấy xa xôi
Gặp nhau chẳng dặng trao vào nhớ
Uống nước chung dòng một ước mơ.*

Thuyền và bến mang tính hình tượng nghệ thuật cho vẻ đẹp nhân văn trong đời sống tình cảm lứa đôi, trong không gian đi và ở bao giờ cũng để lại khoảng cách trông chờ:

*Thuyền đi để bến đợi chờ
Tình đi nghĩa ở bao giờ quên nhau
Chẳng nên tình trước nghĩa sau
Bến này dải bóng trăng thâu đợi thuyền.*

Như đã nói trên thuyền và bến một khi đã in sâu bóng tình yêu trên những nhịp sóng tình cảm tất nhiên sẽ trôi vào bến thi ca văn học nên không ngạc nhiên trong đời sống nhân gian và trên sách báo bàng bạc những lời thơ, câu hò, điệu hát về con đò, bến nước:

Trong một trường thi với tựa đề “Mùa Hạ” có đoạn nhà thơ Tô Thùy Yên viết:

*Em mặc bà ba ra bến nước
Đưa tay khóa nhẹ nhớ thương nào
Đến nay lòng ấy còn xao gợn
Mùa trái cây nào hái tặng nhau...*

Và trong thi phẩm “Gọi Tên Đò Chiều” ta nghe Phạm Hải Đăng kể lại một nỗi niềm lữ khách đợi đò sang sông:

*Đò chiều ai đã buông dây
Để chàng lữ khách đứng đây gọi đò
Con sông ngăn cách đôi bờ
Bên đây có kẻ đang chờ đò ơ
Hoàng hôn tím cả chiều rồi
Mà sao chẳng thấy bóng người xưa đâu*

.....
*Đò chiều giờ chỉ mình ên
Để chàng lữ khách gọi tên đò chiều.*

Rồi nữa cũng là “Đò Chiều” với dòng thơ Nam Thăng:

*Đò chiều chở nắng sang ngang
Mái chèo khóa vỡ ánh vàng trên sông
Dập dềnh nổi nhớ mệnh mông
Đôi bờ xa cách ngóng trông người về.*

Thuyền đi theo sóng hải hồ bên bờ bên đợi buồn ru bóng
ngày trên vùng cát lặng.

Nhà thơ Đinh Kim Chung viết cho “Duyên Bến Tình
Thuyền”:

*Bến xưa hong cát đầu hiu
Xây lâu đài đắp buồn thiu quanh bờ
Rời đưa mắt dõi xa mờ
Hỏi thăm con sóng thuyền giờ đi đâu*

.....
*Bão dâng sóng lại thét gào
Một đời thuyền đổ bến bao lần rời
Nhưng thuyền vẫn hững hờ trôi
Để cho sóng mãi không vơi sóng lòng
Nào hay bến đục bến trong
Nhỏ neo thuyền cứ xuôi dòng lang thang
Sóng già tóc bạc vỡ toang
Bến già chải tóc cát vàng tá toi
Thuyền về đổ bến lả loi
Bỏ hoàng hôn lại chân trời xa xăm
Để cho con sóng hờn căm
Vỡ bờ muôn kiếp bọt tằm lạnh lùng
Đò tình bến ái mung lung
Sóng ôm ngọn sóng bọt tung trắng đầu
Gom tình chôn đáy biển sâu
Gỡ sao tơ rối trên cầu thiên thai
Tình thuyền duyên bến phôi phai
Ta bà một cõi sinh lai mấy lần
Trăng thể rớt xuống bàn chân
Sóng hờn hát khúc tình nhân bến thuyền.*

Và người thơ mang tên tắt cũng với dòng thơ như lời ru tình
khờ:

*Bến xưa có gã tình khờ
Ấu ơ lạc giọng bên bờ thủy chung*

*Người đi khuất đã ngàn trùng
Mà thương nhớ vẫn mịt mùng bủa vây
Từng đêm ngắm ánh trăng gầy
Hỏi lòng sao cứ ngói đây mỗi mòn....!*

(Chờ ai bến cũ – HNLC)

*Có khi tìm về chốn cũ mà người xưa như đã có bên có bờ:
Về nhà mà chẳng ra sông
Bến xưa bờ cũ giờ không buộc thuyền
Sông về xa khuất vô biên
Mỗi người mỗi một cõi riêng còn gì...!*

(Nguyễn Văn Sanh – Sông quê)

Thơ là thể triền miên, man mác theo dòng thời gian, theo mây tình tự; cùng với thơ, những sóng nhạc mang tình bến nước cũng vang vọng khắp trời đó đây. Một Lê Trọng Nguyễn với tình ca “Nắng Chiều” đã ngọt ngào rót vào thời gian những dòng ca êm trôi:

*“Qua bến nước xưa lá hoa về chiều
Lạnh lòng mềm đũa trong nắng lụa thưa
Khi đến cuối thôn chân bước không hồn
Nhớ sao là nhớ bóng người ngày thơ...*

Và nhạc sỹ Văn Phụng như đã một hay nhiều lần qua bến nước quê hương nên ta có khúc ca tuyệt vời mang tên “Nhớ Bến Đà Giang” với lời nhắn nhe tha thiết đậm tình quê:

*“Ai qua bến Đà giang
Cho tôi nhắn vài câu*

.....
*Tôi thương mái chèo lơ
Bên manh áo tả tơi
Những người lái con đò trên dòng nước*

.....
*Tôi mơ bến ngày xưa
Bên đôi mái chèo đưa
Nhịp nhàng gió ru hòa duyên tình nước.*

Đó là thơ và nhạc, đôi dòng tiêu biểu, còn trong dân gian những những câu hò, những dòng ca dao cũng từng vang vọng khắp nơi trên bến bờ dòng nước như ta đã một thời lắng nghe:

*Nguồn ân bể ái hẹn hò
Một ngày nên nghĩa chuyến đò nên quen*

**

*Nong tâm ao cá nướng dẫu
Đò xa bến cũ nhớ câu hẹn hò*

**

*Hai ta không hẹn không hò
Xăm xăm bước tới bến đò gặp nhau*

**

*Hai nhà có cách xa dẫu
An Vinh An Thái còn câu hẹn hò
Dòng sông chung một con đò
Sao anh tiếc... chẳng đưa đò hỏi xin?!
Dù anh có lỗi hẹn hò
Còn duyên dẫu để con đò sang ngang.*

Nói về sông nước là chuyện không bến bờ, chuyện những chiếc cầu ao cũng thường là những chuyện chiếc ‘cầu tình’.

Tình yêu như một phạm trù ma thuật, dường như chỗ nào cũng có bóng dáng tình yêu nên trong cuộc hành trình nhân sinh, cuốn theo thời gian, song có đôi khi phút giây nào đó tâm tư tình cảm ngược về bến bờ dĩ vãng, trở về tìm lại ấu thơ bắt gặp những hình ảnh, những kỷ niệm như đã trở thành “Cổ Tích” trong thơ Nguyễn Trường Thọ:

*Cánh chuồn đậu mé cầu ao
Em tinh nghịch náu bờ rào rung rinh
Cổ tích xưa của chúng mình
Vô tư cơn gió vô tình rong chơi
Trời mưa ướt áo em tôi
Lạ chưa... ánh mắt nói lời băng quơ
Đổi hồn với cả cơn mưa
Người em cũng ướt... tôi ngỡ ngác buồn!*

Để rồi Nguyễn Trọng Liên lại phụ họa đôi vần cho tình “Cầu Ao”:

*Cầu ao quê tuổi ấu thơ
Nhấn viên đá lát ngôi chờ trăng sông
Cánh bèo đỏ mắt chuồn chuồn
Vài giây sắc tím đợi sương đầu hè
Tay lặn viên sỏi bờ tre
Sỏi bung mặt nước nước xòe hoa trắng.*

Và rồi trong kho tàng Văn Học Bình Dân một thời ta vẫn nghe đâu đó những lời ca, câu hò diu dặt bên bờ, vương đầy tình tự:

*Cầu ao ván yếu gập ghềnh
Chân lần tay dắt chung tình đi qua*

**

*Én bay thấp mưa ngập cầu ao
Én bay cao mưa rào lại tạnh*

**

*Cầu ao ván yếu gió rung
Anh thương em thì thương đạ
Ngại ngừng đừng thương*

**

*Nhà em ở cạnh cầu ao
Chàng đi xuôi ngược chàng vào nghỉ chân
Chàng ngồi chàng nghỉ ngoài sân
Cơm thì nhờ bữa canh cần nấu sùng*

**

*Nhớ khi rửa bát cầu ao
Ta cầm nắm đũa ta trao cho mình*

(bát và đũa là những vật không rời nhau trong bữa ăn miền quê, hàm ý tình keo sơn, gắn bó.) Cầu ao, bờ giếng ở miền quê, nhất là những đêm trăng, vốn là nơi thường thấp thoáng bóng dáng những thôn nữ và nơi nào có giai nhân vẫn thường lẫn khuất bóng tình mà tình lại hay dẫn diu với thơ nên đâu đó ta còn nghe những câu mang dấu ấn tình nơi bên nước cầu ao:

*Cùng em gánh nước cầu ao
Để câu lục/bát rơi vào mắt nhau.*

Vâng, tại sao lại là ‘câu lục/bát’ mà không là ‘câu năm hay bảy hay tám... chữ’?

Phải chăng vì ‘lục/bát’ thể thơ dễ nhớ, lại dễ truyền cảm, phù hợp với giai điệu tình ca nên thường thấy trong ca dao và những truyện thơ như Kim Vân Kiều của thi hào Nguyễn Du, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, các nhà thơ, có thể nói kể từ thời Tản Đà cho tới thời hiện đại, cũng ưa dùng thể loại này cho những sáng tác của mình.

Hình ảnh những chiếc ao làng cũng như cầu ao như không được nhắc đến nhiều trong thi ca như bên sông bờ suối hoặc biển, hồ v.v.. Tuy vậy, trong hoài niệm của người Việt bờ ao, bên nước vẫn đậm dấu quê hương mặc dù những hình ảnh đó khuất bóng sau lũy tre, và hàng dừa, khóm trúc. Cầu ao, nơi các bà mẹ thường ngồi chải tóc, người chị đến vo gạo, giặt giũ...

Hình ảnh người con gái giặt giũ nơi cầu ao bên nước, hình ảnh giản dị bình thường ấy cũng đã gợi cảm cho hồn thơ thi nhân, và Trầm Vân đã viết:

*Em ngồi giặt áo bên chiều
Vò sao cho hết lời yêu nồng nàn
Áo còn ấm dấu tay quàng
Vòng tay người đỡ xuân sang bên thềm
Vò sao hết nụ hôn mềm
Sơn lăn trên dải sương đêm hẹn hò
Áo tình còn mãi thơm tho
Hương bay ngan ngát lững lờ đêm rung
Vò sao cho hết nhớ nhung
Trên đôi tà áo tay từng vãn về
Dòng sông sóng lượn câu thề
Chỉ hồng kết sợi đam mê thân thờ
Vò sao hết những vãn thơ
Ai để trên áo hẹn chờ tình trao
Tiếng lòng như nắng xôn xao
Như mưa dào dạt bám vào áo em
Dấu tình người đã đậm in
Em ngồi giặt chớ để lem dấu tình.
Cầu ao còn là nơi in dấu kỷ niệm thời thơ ấu khó quên:
Nhớ những ngày trốn học
Đuổi bắt bướm cầu ao
Mẹ bắt được
Chưa đánh roi nào đã khóc.*

Ao làng, ấp ủ mảnh hồn quê, nơi có những chiếc cầu xây, cầu ván là nơi tắm mát, rửa chân. Trong ca dao ta còn nhớ có câu chàng trai âu yếm dặn dò người tình nhan sắc:

*Có rửa thì rửa chân tay
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.*

Trong ca dao ta còn bắt gặp những tình tự dân gian với chiếc cầu ao qua những câu như:

Ấn mày đánh đố cầu ao

Vì ngài phong sụy nên tao phải đền.

Đã nghèo lại vụng về nên mới ra nông nổi này, nhưng là tại thần gió. Trong câu nói có ý là kẻ mạnh (thần gió) hại kẻ yếu (vì có chút phẩm vật) nên sự đòi hỏi công bằng trong xã hội cũng là lẽ thường.

Cũng với chiếc cầu ao, bài ca dao dưới đây như đã nói lên sự gắn bó giữa bên nước cầu ao cũng như cối giã gạo với đời sống dân quê mật thiết thế nào:

Giả ơn cái cối cái chày

đêm khuya giã gạo có mày có tao.

Giả ơn cái nhịp cầu ao

trưa chiều vo gạo có tao có mày.

Không biết rồi đây với đà phát triển của xã hội những chiếc ao làng với những nhịp cầu mang dấu tình tự có còn tồn tại hay sẽ bị rơi vào hoàn cảnh “Thương hải biến vi tang điền”, sẽ bị lấp vùi nhường chỗ cho những tòa nhà, những công trường, công viên, khách sạn, để đi vào dĩ vãng:

Làng mình lắm ngõ nhiều ao

Tháng Ba trở gió tím màu hoa xoan.

TRƯỜNG THY

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động nhận được tin buồn:

Nhà thơ & biên khảo

THÁI TẦU

cộng tác viên tạp chí Văn Hoá Việt Nam

đã từ trần ngày 13 tháng 8 năm 2017 tại Houston Texas

hưởng thọ 84 tuổi

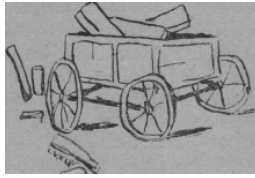
Thành thật chia buồn cùng tang quyến

Nguyện cầu hương linh Nhà thơ & biên khảo THÁI TẦU sớm siêu thoát.

Nhóm sáng lập Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

PHIẾM LUẬN



Thầy đồ ĐỒ CHIÊU ĐỨC

THỦY LÀ NƯỚC

[bài viết có nhiều hình ảnh minh họa nhưng do số trang giới hạn nên không đưa vào, thành thật xin lỗi tác giả cùng quý bạn đọc tạp chí VHVN]

Nước là chất lỏng có ký hiệu là H₂O, từ Hán Việt là Thủy 水, thuộc dạng chữ Tượng Hình trong CHỮ NHO... DỄ HỌC, được hình thành theo diễn tiến của chữ viết như sau:

Giáp Cốt Văn Kim Văn Đại Triện Tiểu Triện Lệ Thư

甲骨文	金文	金文大篆	小篆	繁体隶书
				

Ta thấy:

Từ Giáp Cốt Văn cho đến Đại Tiểu Triện đều là hình tượng của một dòng nước, 4 chấm 2 bên là tượng trưng cho dòng nước đang chảy. Cho nên, có nước là có dòng nước chảy, như suối, khe, sông, biển ... và nơi nào có suối, khe, sông, biển là nơi đó có nguồn sông, có dân cư. Cái quần thể dân cư này sinh sống phát triển là nhờ dựa vào nguồn nước. Cho nên ông bà ta có câu "Uống nước phải nhớ nguồn", và có phải vì thế mà dân ta gọi một Quốc Gia là Một Nước? Không có nước sẽ không có người sinh sống và cũng sẽ không có quốc gia nào hình thành được cả!

Nước mất thì nhà tan, quốc phá thì gia vong! Không có nước sẽ không có nhà, mà không có Nhà thì cũng không thành... Nước! Cho nên, ta lại có từ Nhà Nước để chỉ Chính Quyền của một Quốc Gia.

Nước là thủy, thủy là nước. Bên dòng nước là bên dòng sông, nên thủy cũng là sông, như Hương Giang còn gọi là dòng Hương Thủy; tương tự, Tương Giang cũng gọi là Tương Thủy như trong bài thơ "Tảo hàn giang thượng hữu hoài" của Mạnh Hạo Nhiên đời Đường:

我家襄水曲, Ngã gia Tương Thủy khúc,
遥隔楚云端. Dao cách Sở vân đoan.

Có nghĩa:

*Sông Tương quê cũ vời trông,
Ngẩn ngơ mây Sở cách gần mây làn.*

H₂O là phân tử nước do 2 nguyên tử Hydro và 1 nguyên tử oxy kết hợp mà thành, đó là theo công thức Hóa học. Còn theo Âm Dương Ngũ Hành của Kinh Dịch thì Kim sinh Thủy. Nước là do... vàng sinh ra, và theo một câu trong sách Thiên Tự Văn 千字文 là KIM SANH LỆ THỦY 金生麗水. Có nghĩa: Khi vàng bị nung chảy thì trở thành một chất lỏng lấp lánh đẹp đẽ. Nhưng căn cứ vào thực tế thì không phải như thế, vì chất lỏng lấp lánh của vàng sẽ rất nhanh đông cứng lại thành chất rắn của kim loại. Nên... KIM SANH LỆ THỦY ở đây là chỉ dòng sông Kim Sa Giang ở tỉnh Vân Nam thuộc nước Sở thời Chiến Quốc. Vì có rất nhiều cát vàng ở trong lòng sông, nên nước sông lấp lánh rất đẹp, vì thế mà dân chúng mới gọi Kim Sa Giang là LỆ GIANG 麗江 hay là dòng LỆ THỦY 麗水, là dòng nước đẹp! Đẹp vì cái Thần của con sông là vàng là Kim, nên chi vị Thủ Tướng đầu tiên của nước Việt Nam ta là cụ Trần Trọng KIM mới lấy hiệu là LỆ THẦN, là cái THẦN của dòng sông LỆ, chính là KIM đó vậy!

Trong mùa xuân thì nước gọi là Xuân Thủy. Từ những băng tuyết trên nguồn tuôn chảy thành những khe suối trong veo vào mùa xuân, rồi chảy thành những dòng sông len lỏi qua thôn xóm mang lại nguồn sống cho dân cư, như trong thơ của Đỗ Phủ:

一徑野花落, Nhất kính dã hoa lạc,
孤村春水生. Cô thôn xuân thủy sinh.

Có nghĩa:

*Bên đường hoa dại rụng đầy,
Nước xuân trong vắt đâu đây xóm nghèo.*

Nước xuân trong vắt như ánh mắt của các cô thôn nữ mộc mạc
ngây thơ như lời thơ của Thôi Ngọc trong Đường Thi:

兩臉天桃從鏡發，
一眸春水照人寒。Nhất mâu xuân thủy chiếu nhân hàn.

Có nghĩa :

Má đào ửng đỏ trong gương

Một làn xuân thủy vấn vương lòng người.

Xuân thủy là ánh mắt xuân của các cô gái ngây thơ trong trắng,
khác với thu thủy là ánh mắt gọn buồn đa sầu đa cảm của các giai
nhân tài hoa bạc mệnh như Thúy Kiều:

Làn Thu Thủy, nét xuân son,

Hoa ghen thua thắm liễu hôn kém xanh!

Thu Thủy là nước mùa thu, trong veo, lạnh lùng mà se sắt dễ
làm rung động và cũng dễ làm tê tái lòng người.

Theo Âm Dương Ngũ Hành, thủy thuộc cung Hợi và Tý, có
màu đen và nằm ở phương bắc. Bắc phương Nhâm Quý Thủy mà!
Nên, ở Bắc bán cầu này, thường các dòng sông đều phát nguyên từ
vùng Tây Bắc và chảy về hướng Đông Nam mà đổ ra biển theo
như một câu nói xưa:

世間無水不朝東。 Thế gian vô thủy bất triều đông.

Có nghĩa :

Trên đời này không có dòng nước nào mà không chảy về
hướng Đông cả!

Hãy nghe Lý Bạch mở đầu bài Tương Tiến Từ bằng câu:

君不見

黃河之水天上來，
奔流到海不復回？

Quân bất kiến

Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai bôn lưu đáo hải bất
phục hồi?

Có nghĩa:

Bộ bạn không thấy sao, nước sông Hoàng Hà như từ trên
trời đổ xuống, chảy cuộn cuộn về biển rồi không quay trở lại
nữa?

Nước chảy cuộn cuộn mất hút vào biển đông, cũng như thời
gian cứ vùn vụt mất hút về quá khứ, cho nên ông viết tiếp:

人生得意須盡歡，
Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,

莫使金樽空對月。 Mạc sử kim tôn không đối nguyệt!

Có nghĩa:

*Đòi người đắc ý nên vui thích,
Chớ để chai vàng hết dưới trăng!*

Có dịp vui chơi đắc ý thì hãy vui cho đến cùng, đừng để cho cạn hứng nửa chừng mà hết rượu dưới ánh trăng còn đang vàng vặc!

Khác với Tản Đà trong "Thề Non Nước" vì không phải "Nước đi đi mãi không về cùng non", mà ...

Nước đi ra bể lại mưa về nguồn,

để cho ...

Nước non hội ngộ luôn luôn.

và ...

Nghìn năm giao ước kết đôi

Non non nước nước không nguôi lời thề!

"Thề Non Nước" là Hải thệ sơn minh, là "Thề non hẹn biển". Biển và Non cũng là thể thân của Non và Nước. Nhưng Non và Nước sống động hơn, khăng khít hơn với cái vòng tròn hóa thân của nước, nước chảy ra bể bốc hơi rồi lại mưa về nguồn với non xanh đang mỗi mòn chờ đợi!

Nước là nguồn tươi mát mang lại sức sống cho con người và vạn vật. Không có nước con người sẽ khô cằn, cỏ cây sẽ héo úa. Nước đem sinh khí đến cho muôn loài. Nên trong ca dao dân gian của ta mới ví:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra!

Nước trong nguồn chảy ra thì không bao giờ cạn kiệt, cũng như tình mẹ bao la không bờ không bến vậy. Sự mát mẻ của nước còn được ví như trong đêm thanh vắng, êm ả dịu dàng như câu thơ của Đỗ Mục trong bài Thu Tịch:

Thiên giai dạ sắc lương như thủy 天街夜色涼如水

Có nghĩa:

Đường phố trong Kinh thành lúc về đêm cũng mát mẻ như nước vậy.

Trong đêm thanh vắng, nước là những giọt sương khuya mờ ảo mát lạnh mà nên thơ, làm cho lòng người lảng lảng như 2 câu thơ toàn là thanh bằng trong bài Nhị Hồ của Xuân Diệu:

*Sương ngưng theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi !...*

Nước được ví như những tình cảm nhẹ nhàng, tình yêu nồng
thắm làm mát dịu tâm hồn với thành ngữ NHƯ TÌNH TỰ THỦY
柔情似水 êm ái mát mẻ như nước hồ thu làm say đắm lòng
người, nhẹ nhàng trôi chảy như những dòng sông dài êm đềm về
tận chốn xa xăm:

*Sông dài cá lội biệt tăm,
Phải duyên phu phụ ngàn năm em cũng chờ ...*
Nhưng lắm khi ...

Lạc hoa hữu ý mà lưu thủy lại vô tình, làm cho lỡ vỡ mộng
ngày xanh, lỡ làng duyên cá nước! Như lời than thở của cô gái
xóm đồng:

*Cây da tróc gốc, thợ mộc đang cưa,
Đôi lứa ta ra đi cũng xứng mà ...
Đứng lại cũng vừa.
Tại cha với mẹ còn kén lừa suôi gia!*
"Kén lừa suôi gia" nên để lỡ làng "duyên cá nước!"

Nhắc đến duyên cá nước lại nhớ đến câu NHƯ NGƯ ĐẮC
THỦY 如魚得水 với tích của Lưu Bị trong Thục Thư thời Tam
Quốc:

*Lúc bấy giờ, Lưu Bị đang nương nhờ vào Lưu Biểu ở Kinh
Châu, đóng quân ở Tân Dã để cầm cự với quân Tào Tháo. Nhờ sự
tiến cử của Từ Thử và lòng thành của Lưu Bị phải Tam cố thảo lư
三顧草廬 (3 lần đến cầu cạnh ở gian nhà cỏ nơi Ngọa Long
Tiên Sinh ở) mới gặp được mặt Khổng Minh Gia Cát Lượng, bắt
chấp sự phản đối quyết liệt của Quan Vũ và Trương Phi. Lưu Bị
nói rằng: "Cô chi hữu Khổng Minh, do ngư chi hữu thủy dã 孤之
有孔明, 猶魚之有水也". Có nghĩa: "Ta mà có được
Khổng Minh, thì như là cá mà gặp được nước vậy!". Khiến cho
Quan Trương 2 người đành im hơi, không dám phản đối nữa!*

Còn "Cá Nước" bây giờ thường được dùng để chỉ về
duyên đôi lứa, tình yêu trai gái khi gặp được đối tượng xứng ý vừa
lòng:

Đôi ta như lúa đồng đồng,

Như cá gặp nước thỏa lòng mẹ cha.

hoặc ...

Tình anh như nước lên cao,

Tình em như cá lội vào nước anh ...

Nước là Thủy, đi với Sơn thì thành SƠN THỦY 山水, mà Sơn Thủy là... Phong cảnh. Nhớ hồi nhỏ đến rạp hát xem các họa sĩ vườn vẽ phong cho gánh hát, bà con cứ nói là: "Đi coi cái thằng cha đó vẽ SƠN THỦY!". Thực tế thì phong cảnh cũng phải có sơn có thủy có núi có nước thì mới đẹp, và ít nhất thì cũng phải có nước, phải có những dòng sông con rạch với những ngọn dừa lá bóng như đồng bằng sông Cửu Long thì mới là cảnh đẹp được! Trong văn chương cổ điển thì ca ngợi cảnh đẹp bằng Sơn Minh Thủy Tú 山明水秀, Thanh Sơn Lục Thủy 青山綠水, là non xanh nước biếc như trong ca dao của ta:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Ai vô xứ Nghệ thì vô !

Khi Dương Quý Phi bị bức tử ở Mã Ngôi Pha rồi, Đường Minh Hoàng chỉ còn lại một mình chạy vào đất Thục, mà lòng vẫn không nguôi thương nhớ đến Dương Phi. Bạch Cư Dị đã viết trong Trường Hận Ca là:

Thục giang thủy bích Thục sơn thanh, 蜀江水碧蜀山青,

Thánh chúa triều triều mộ mộ tình ! 聖主朝朝暮暮情。

Có nghĩa:

Sông Thục kia nước xanh biêng biếc,

Núi Thục kia biêng biếc non xanh.

Ngày sâu đêm thức năm canh,

Não lòng thánh chúa tình thành chiêm bao!

Nước ướt át là thế, tình tứ là thế, dịu dàng là thế. Thế nhưng, khi gặp phải phong ba bão tố thì nước lại trở nên cuồng nộ hung hăng, nhấn chìm tất cả xuống lòng sông, lòng biển, lòng đại dương một cách vô tình không thương xót.

mời xem phần cuối trên VHVN số 80 mùa Xuân 2018)

ĐỖ CHIÊU ĐỨC

CHIA BUỒN

Vô cùng xúc động nhận được Tin Buồn:

Bác Sĩ NGUYỄN LƯU VIÊN

(Cộng tác đặc biệt tạp chí Văn Hoá Việt Nam (từ 1998 đến nay))



Ông từng là Phó Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa kiêm Tổng Trưởng Giáo Dục, Phó Thủ Tướng kiêm Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa (1969-1971) tại Hội Nghị La Celle Saint Cloud trong chính phủ của Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm. Ngoài ra, ông còn là thành viên của Nhóm Caravelle - một tổ chức tự do tiền bộ trong giai đoạn 1960-1963.

Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1919 tại Trà Vinh, Việt Nam

Tạ thế ngày 17 tháng 9 năm 2017 (nhằm ngày 27 tháng 7 năm Đinh Dậu)
tại Springfield, Virginias, USA

Hưởng Thượng Thọ 99 tuổi

Trước sự mất mát lớn lao này, chúng tôi nhóm sáng lập VHVN xin

* Thành kính chia buồn cùng Bà BS Nguyễn Lưu Viên (nhũ danh Nguyễn Thị Trinh) và các con - dâu - cháu - chất đại tang quyến.

* Cúi đầu tạ ơn - vĩnh biệt một cộng tác đặc biệt với tạp chí và nguyện cầu hương BS Nguyễn Lưu Viên sớm siêu sinh tịnh độ nơi cõi Phật.

NHÓM SÁNG LẬP TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM

THÀNH KÍNH CHIA BUỒN

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

ỦNG HỘ TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM SỐ 79 - mùa đông 2017

1211 - Nhà văn Phạm Phi Long	Houston TX	\$100.00
1212 - Nhà thơ Song Thi	Oregon	\$40.00
1213 - Bà Phan Minh Quang	Oregon	\$50.00
1214 - Bà Nguyễn Kim Yến	Houston TX	\$40.00
1215 - Ông Trần Việt	Houston, TX	\$20.00
1216 - Ông Lê Văn Giàu	Arlington, TX	\$25.00
1217 - Ông Phạm Huy Cường	Texas	\$50.00

(còn tiếp)

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tạp chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Xin kính chúc quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khỏe, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT. Trân trọng

VĂN HOÁ VIỆT NAM 79 * 80 * MÙA ĐÔNG 2017

CHUYỆN VĂN CHƯƠNG



Tiến sĩ ĐÀM TRUNG PHÁP

*Professor of Linguistics Emeritus
Texas Woman's University*



I

KHI MỘT ĐẠI THI HÀO KHÓC CON GÁI RƯỢU

Tuyển tập *Les Contemplations* (Chiêu Niệm) của **Victor Hugo** (1802-1885) chứa đựng 158 bài thơ ghi lại các kỷ niệm của ông về những chuyện vui buồn trong đời sống thường nhật, gồm cả nỗi đớn đau khôn lường do cái chết mang lại. Tất cả được thi hào sáng tác trong khoảng thời gian từ 1830 đến 1855 và cho xuất bản năm 1856. Trong số những bài ghi lại nỗi đớn đau vì tử biệt trong *Les Contemplations*, vô số độc giả trong cũng như ngoài nước Pháp đã coi bài ***Demain, dès l'aube*** (Ngày mai, ngay lúc rạng đông) như một tuyệt tác mà có người đã học thuộc lòng ngay sau lần đọc đầu tiên. Victor Hugo viết bài ấy trong dịp tưởng niệm hàng năm lần thứ tư sự qua đời quá sớm của cô con gái đầu lòng **Léopoldine**. Tuyệt tác chỉ gồm 12 dòng thơ chia làm 3 đoạn (strophes) giản dị trong sáng nhưng đậm nét sầu thương dùng để

dựng lên trong tâm trí thi hào một chuyến sắp đi thăm mộ cô con gái thương yêu nhất của ông.

Mời quý độc giả xem bản dịch bài thơ *Demain, dès l'aube* sang tiếng Việt của bút giả, với kỳ vọng nó “đã không làm mất đi” ý nghĩa nguyên thủy một tuyệt tác lầy lùng của vị đệ nhất thi hào Pháp Quốc. Để tiện việc so sánh và lưu trữ làm tài liệu, nguyên tác tiếng Pháp xuất hiện ngay dưới bản dịch. Khi làm công việc “liều lĩnh” này, bút giả biết mình “có cơ nguy” bị lên án là dám “phản bội” một tuyệt tác, như lời cảnh cáo chí lý từ lâu của dân tộc Pháp: “traduire, c'est trahir.” Vì thế, nếu có điều gì thất thố làm phiền lòng bạn đọc, bút giả xin được miễn chấp.

*Ngày mai, ngay lúc rạng đông, khi vừng quê bùng sáng
Cha sẽ lên đường.*

Con ơi, cha biết con nóng lòng chờ đợi.

Cha sẽ đi qua rừng, cha sẽ đi qua núi

Cha không thể nào lâu hơn nữa ở xa con.

Cha sẽ bước đi, mắt chìm sâu trong suy nghĩ,

Không nhìn quanh, chẳng nghe động tĩnh chi,

Cô đơn, lạc lõng, lưng khòm tay chấp,

Lòng sâu đau, ngày với cha sẽ tối như đêm.

Cha sẽ không ngắm ánh chiều vàng rơi xuống

Cũng như cánh buồm xa thăm hướng Harfleur,

Và khi tới cha sẽ đặt cho con trên mộ

Chùm ô rô xanh lá và thạch thảo tro hoa.

Demain, dès l'aube, à l'heure où blanchit la campagne

Je partirai. Vois-tu, je sais que tu m'attends.

J'irai par la forêt, j'irai par la montagne

Je ne puis demeurer loin de toi plus longtemps.

Je marcherai, les yeux fixés sur mes pensées,

Sans rien voir au dehors, sans entendre aucun bruit,

Seul, inconnu, le dos courbé, les mains croisées,

Triste, et le jour pour moi sera comme la nuit.

Je ne regarderai ni l'or du soir qui tombe

Ni les voiles au loin descendant vers Harfleur

Et quand j'arriverai, je mettrai sur ta tombe

Un bouquet de houx vert et de bruyère en fleur.

Bài thơ dẫn người đọc đi xuyên qua miền đồng quê vùng Normandie phía tây bắc nước Pháp, nhưng tác giả chưa cho biết chuyến đi sẽ dẫn tới nơi nào. Rồi lần lượt người đọc thấy tác giả thì thầm những lời âu yếm với một người nào đó đang chờ mong ông, tiếp theo là một hình ảnh đậm chiều của ông với lưng khom và đôi tay khoanh trước ngực như đang cầu nguyện một điều gì trên đường đi hành hương đến một nơi nào chưa rõ. Qua nguyên tác bằng tiếng Pháp, cho đến hết 10 dòng thơ đầu, người đọc nhiều phần sẽ “đoán” đây là một cuộc hẹn hò của hai tình nhân, vì hai đại từ nhân xưng thân mật “je” và “tu” rất hợp cho hoàn cảnh này. (Buồn thay, bản dịch của bút giả đã “làm mất đi” lời đoán thú vị đó, chỉ vì hai đại từ nhân xưng “cha” và “con” của tiếng Việt không thể nào áp dụng cho hai tình nhân được! Bút giả chỉ còn có nước “đổ tội” cho sự khác biệt trong cách sử dụng đại từ xưng hô giữa tiếng Pháp và tiếng Việt mà thôi).

Mãi tới khi bàng hoàng với hai dòng thơ chót, người đọc mới thấy được cuộc hẹn hò lạ thường này thiêng liêng và cận kề trái tim Victor Hugo bội phần hơn bất cứ một cuộc hẹn hò khác trong đời của vị đệ nhất văn thi sĩ nước Pháp. Léopoldine là trưởng nữ và cũng là cô con gái yêu dấu nhất (có thể so với “con gái rượu” trong nếp sống dân Việt) của Victor Hugo. Bốn năm về trước, khi cô 19 tuổi và người chồng mới cưới đã chết đuối trong dòng sông Seine ở khúc gần thị trấn nhỏ Villequier vì chiếc thuyền của họ bị lật. Ông bố Victor lúc ấy đang du lịch với tình nhân ở miền nam nước Pháp và chỉ được biết muộn màng về cái chết thảm của con gái khi ông ngồi xem nhật trình trong một quán cà phê!

Nỗi đoạn trường ấy đã được Victor Hugo thổ lộ trong bài thơ ở **Villequier**. Bên mộ Léopoldine tại Villequier sát bờ sông Seine thơ mộng, nơi cô tử nạn bốn năm về trước, thi hào đã than thân với Đấng Vô Cùng:

***Thượng Đế ơi! vết thương này rướm máu đã quá lâu
Trong hồn tôi nổi xót xa mỗi lúc chỉ thêm sâu
Và trái tim tôi chịu thua, nhưng chưa hề cam phận***

Ô mon Dieu! cette plaie a si longtemps saigné
L'angoisse dans mon âme est toujours la plus forte
Et mon cœur est soumis, mais il n'est pas résigné

Demain, dès l'aube là bài thơ trữ tình chất ngất nỗi tiếc thương mà người cha Victor Hugo viết cho cô con gái yêu dấu nhất của mình đã phải lìa đời quá trẻ. Câu kết tuyệt diệu của bài thơ là một ước ao “bất tử hóa” cuộc đời tươi đẹp nhưng vẫn số của ái nữ Léopoldine. Còn gì khác có thể đóng vai một ẩn dụ toàn bích hơn là chùm ô rô “lá mãi xanh màu” và cụm thạch thảo “hoa muôn đời nở” đã được người cha lấy lừng tên tuổi âu yếm đặt trên mộ để người đời không bao giờ quên được nàng? Nếu như khẳng định của thi hào Alfred de Musset (1810-1857) rằng “*Les plus désespérés sont les chants les plus beaux*” (Những bài ca tuyệt vọng nhất là những bài ca đẹp nhất) lúc nào cũng đáng tin cậy, thì *Demain, dès l'aube* của Victor Hugo phải là một điều minh chứng toàn bích.

[ĐTP 11-2017]

II

“ÁI TÌNH GÂY RA TẤT CẢ” (Tục ngữ Tây Ban Nha)

Ái trên đời mà không âm thầm tiếc nuối tuổi trẻ qua mau, nhưng đã mấy ai để lệ rơi tầm tã trong những lúc bất thần khóc than cho tuổi thanh xuân ra đi không trở lại như thi sĩ *Rubén Darío* (1867- 1916) người nước Nicaragua? Darío ví tuổi xanh như một “kho tàng thượng đế” mà sự mất đi là cả một tiếc thương vô hạn nằm sâu trong tiềm thức. Chẳng thế mà bốn câu tuyệt bút phát xuất từ một nỗi lòng xót xa của ông được nhắc đi nhắc lại năm lần trong bài *Canción de otonõ en primavera* (Thu ca lúc xuân thì) đã làm bao thế hệ độc giả mũi lòng vì mức độ thiết tha của chúng:

*Tuổi thanh xuân, kho tàng thượng đế
đã ra đi không thể trở về
lúc muốn khóc, ta không khóc nổi*

nhưng nhiều khi bất chợt lệ rơi

Tuổi thanh xuân đi đôi với mộng mơ. Người ta kể rằng thời còn trẻ **Gustavo Bécquer** (1836-1870), người nước Tây Ban Nha, có một cô bạn gái rất xinh mê chàng như điên đảo. Một hôm cô âu yếm nhìn Gustavo đang ngồi làm thơ trong vườn, rồi bất thần lên tiếng hỏi “*Anh ơi, thơ là cái chi chi mà anh mê nó thế hả anh?*” Có ai đâu ngờ câu trả lời bằng một ví von nịnh đầm của Gustavo “***Thơ... là em đó***” (Poesía ... eres tú) đã trở thành cách định nghĩa thân tình nhất cho tình yêu từ đó đến nay! Nhà thơ tài hoa nhưng mệnh yếu cũng đã chẳng để lỡ cơ hội cho tiếng lòng đang thổn thức rót thêm những lời đường mật vào tai cô bạn gái mà chàng vừa xác nhận là nguồn thơ lai láng cho mình:

***Một thế giới cho từng ánh mắt
một trời xanh mỗi lúc em cười
mỗi nụ hôn... anh còn suy đoán
biết tặng gì mỗi lượt em hôn***

Tuyển tập những bài thơ mang danh **Rimas y leyendas** (Những vần thơ và truyện thần kỳ) – mà từ đó bốn câu trên được trích dẫn – đã được in thành sách năm 1871, tức là một năm sau khi Bécquer qua đời. Kể từ đó đến nay tập thơ khả ái ấy vẫn còn là những bài thơ tình trình nguyên được giới trẻ trong thế giới Tây Ban Nha ngưỡng mộ.

Gần đây hơn, giải quán quân về đam mê phải được trao cho **Pablo Neruda** (1904-1973) người nước Chile. Vị thi bá từng đoạt giải Nobel văn chương đã chẳng chút ngại ngùng nào khi mệnh danh cô bạn gái của mình là Nữ hoàng! Neruda cho phổ biến thi tập **Los versos del capitán** (Những vần thơ người thuyền trưởng) để ghi khắc thời gian đắm say trong vòng tay cô Matilde Urrutia. Yêu đến nỗi thi nhân viết cả thơ tặng nàng ngay trên khăn lau miệng trong tiệm ăn! Đoạn chốt bài thơ tình làm rung chuyển cả trời lẫn đất mang tên **La reina** (Nữ hoàng) dưới đây là một bằng chứng hùng hồn giải thích tại sao Matilde xứng đáng là nữ hoàng của Pablo:

Và khi em xuất hiện

***tất cả những giòng sông náo động
trong thân anh, những hồi chuông
lay chuyển cả bầu trời
và một thánh ca ngập tràn thế giới***

Nếu được trở lại trần gian hôm nay, hai thi sĩ Bécquer và Neruda chắc sẽ choáng váng khi được nghe ***Quando calienta el sol*** (Khi mặt trời sưởi ấm) là một bài ca hiện đại sống động được nhiều người trên thế giới ngưỡng mộ. Sáng tác nổi danh như cơn áy của hai nhạc sĩ ***Rafael Perez*** (người xứ Nicaragua) và ***Carlos Martinoli*** (người xứ Argentina) đồng sáng tác năm 1961 tả chân mối liên hệ tình ái ngày nay bằng một lối viết táo bạo hơn nhiều so với thời thượng của hai ông Bécquer và Neruda:

***Khi mặt trời sưởi ấm
trên bãi biển này đây
sát mình anh
thấy thân em kích động
ngực em phập phồng
là mặt em
là tóc em
là những nụ em hôn
anh rùng mình, hồi càn khôn
khi mặt trời sưởi ấm***

Nếu Gustavo Bécquer đã chinh phục được người yêu thì ***Antonio de Trueba*** (1819-1889), người Tây Ban Nha, còn đang ... trong vòng dụ dỗ. Người đẹp của Trueba là một nàng nước da bánh mật, có đôi mắt đẹp mê hồn đến nỗi nếu thiếu đôi mắt ấy trong đời thì thi nhân chỉ còn nước chết! Thế cho nên sau khi đã thú thật cùng nàng, Antonio khẩn khoản xin nàng một ân huệ nho nhỏ để chàng còn có thể tồn tại trên đời. Ân huệ ấy chỉ gồm có hai điều, mà cả hai đều bắt đầu bằng liên từ (chỉ điều kiện “nếu”) nghe còn có vẻ xa vời, nhưng Antonio vẫn xin như thường:

***Nếu em rời gót sen
ra tựa bên cửa sổ
nếu em một liếc nhìn
ban cho anh từ đó***

Một khi bị đam mê thôi thúc, đấng mày râu dù có anh hùng, có “*macho*” (đầy ắp nam tính) đến mấy, cũng có thể trở thành hành khất tình yêu, hạ mình rất thấp để xin “*un poco de tu amor*” (một chút tình em) và sẵn sàng đáp lại ngàn lần như thế. Hãy nghe lời van xin tình yêu thành khẩn cùng với lời hứa đền bù lấy từ bài hát ***Por un poco de tu amor*** do ***Oscar Gomez*** và ***Albert Hammond*** đồng sáng tác năm 1978. Ca sĩ lừng danh thế giới Julio Iglesias của nước Tây Ban Nha đã thăng hoa bài ca này lên đến tuyệt đỉnh nghệ thuật :

***Đáp đền cho một chút tình em
và mảnh nhỏ cuộc đời em có
anh hứa đời trọn vẹn dâng em***

Năn nỉ mãi không được, chàng hành khất tình yêu sẽ có lúc trở nên bực bội. Có khi còn dọa dẫm nữa là đằng khác, nếu ta căn cứ vào bài hát uy nghiêm ***Adelita*** do ông sĩ quan quân đội kiêm nhạc sĩ ***Jorge Negrete*** (1911-1953) người xứ Mỹ Tây Cơ sáng tác. Người hùng đóng vai hành khất trong bài ca này không những chỉ là nhạc sĩ mà còn là một sĩ quan cao cấp có thể sử dụng phương tiện di chuyển của hải, lục, không quân bất cứ lúc nào. Ông đang buồn vì cô Adelita kháu khỉnh, mà ông đang mê mết, chưa yêu lại ông. Ông còn nghi là nàng dám yêu kẻ khác lắm. Ông rất chân thành và giản dị, đã hứa với Adelita rằng nếu nàng yêu ông thì ông sẽ mua ngay cho nàng một bộ đồ bằng lụa mỏng và dẫn nàng đi rước đèn ngay trong... trại lính của ông! Còn như nếu mà nàng bỏ ông để đi với kẻ khác ấy hả, nàng hãy coi chừng, vì tay ông dài lắm đây:

***Nếu Li-ta cặp kè tay ấy
gót nàng ta bám sát không thôi
bằng máy bay hay bằng tàu chiến
trên đất bằng xe lửa lục quân***

Chưa biết chắc được người mà mình mê rồi có chịu đáp lại tấm lòng mình không (như trường hợp ông quan võ si tình và cô Adelita nêu trên) đã là khổ rồi, nhưng có lẽ còn đỡ khổ hơn là bị ruồng bỏ ngay từ đầu. Như trường hợp một chàng trai vừa gửi lá

thư đầu tiên cho người trong mộng thì lá thư xấu số vô duyên ấy đã bị cô ta xé nát rồi cho gió cuốn bay đi ! Đau lắm chứ, nhưng chàng vẫn giữ thái độ một người quân tử biết tha thứ kẻ khác, rồi viết cho mình bốn câu thơ để tự an ủi, trích từ trong một bài thơ tình khuyết danh tác giả:

***Dù em chẳng yêu tôi
tôi còn niềm an ủi
là em biết tôi đây
sẽ còn yêu em mãi***

Bị coi thường hay bị ruồng bỏ trong lãnh vực tình ái đã là khổ rồi, nhưng có người yêu điên đảo có khi còn khổ nhiều hơn nữa! Thi nhạc sĩ người Mỹ Tây Cơ **Alberto Dominguez** (1911-1975) sáng tác bài ca bất hủ **Perfidia** (Đảo điên) kể chuyện về cuộc tình bất hạnh của một đảng mây râu. Vị này thờ than về một người đàn bà đã làm cho đời ông khốn đốn. Ông mang cả Thượng Đế, cả biển sâu ra làm nhân chứng cho mỗi tình thành khăn, những lần than khóc, những chuyến đi tìm kiếm vô vọng của ông, tất cả chỉ vì sự đảo điên của cô nàng:

***Em, khi được thừa cùng thượng đế
hỏi ngài xem anh có bao giờ
dám chĩnh mảng tôn thờ em thế
hỏi biển, gương soi tìm anh rõ
đã bao lần thấy lệ anh rơi
vì đảo điên tình ái em thôi
Đã tìm em bốn bể năm châu
mà chẳng hề thấy bóng em đâu
còn em, ai biết ở phương nào
tháng ngày qua mạo hiểm ra sao
khi chúng ta còn bao cách trở***

Nếu chàng trai tuyệt vọng nêu trên chỉ khóc than và lang thang đi tìm người yêu phụ bạc, thì nhân vật chính trong một bài thi nhạc nữa mang tên **Tú, sólo tú** (Em, chỉ mình em thôi) do **Felipe Leal** (không rõ năm sinh và mất) người Mỹ Tây Cơ sáng tác, đã trở nên bệ rạc, rượu chè be bét vì người yêu đã bỏ chàng rồi:

**Này em, hãy trông anh thất thểu
vì trót quá yêu em
thành bộ rạc say sưa
tất cả vì em
và chỉ mình em thôi
lấy khổ đau lấp kín đời anh
mở vết thương trong trái tim này
em, chỉ một mình em thôi
là nguyên nhân cho anh đổ lệ
và chán chường vô vọng u mê**



Những van xin thống thiết như trong hai bài ca *Perfidia* và *Tú, sólo tú* vừa kể, mừng thay, đôi khi cũng có hiệu quả. Một khi người bỏ cuộc vì quá “mùi lòng” mà trở lại với kẻ van xin (một đảng nam nhi chung thủy) thì chàng ta sẽ quýnh quáng mừng vui, mặc dù trong lòng còn mỗi lo sợ bất an. Tâm trạng vừa mừng vừa lo ấy được diễn tả tài tình trong bài ca khét tiếng hoàn cầu *Bésame mucho* (Hôn anh cho thỏa) do nữ nhạc sĩ kiêm minh tinh điện ảnh có sắc đẹp mê hồn của Mỹ Tây Cơ – xem hình nàng kể bên – mang tên *Consuelo Velázquez* (1924-2005) sáng tác. Cô Consuelo viết bài ca ấy như thể để “nói giùm” cho các ông thất tình, khi nàng mới 16 tuổi và chưa bao giờ hôn ai hoặc được ai hôn cả. Cô bạo phổi lắm, vì ở thời điểm ấy (1940) bên xứ Mỹ Tây Cơ mà hôn nhau kiêu “hư hồng” như cô đề nghị chắc chắn phải là một “*escándalo*” không nhỏ!

Lời khẩn cầu đam mê – mặc dù nổi bất an còn đó – trong bài ca do cô thiếu nữ Consuelo sáng tác sẽ chấm dứt câu chuyện “trà dư tửu hậu” về thi ca của một ngôn ngữ huyền diệu mà trong đó “*poesía ... eres tú*” (thơ ... là em đó) và “*el amor lo hace todo*” (ái tình gây ra tất cả):

**Hôn anh đi, hãy hôn anh cho thỏa
như thể đêm nay lượt cuối cùng**

*anh muốn em sát gần thêm nữa
để soi hình trong cặp mắt em
và thấy em quán quít bên
anh*

.....
*Ôi anh sợ mắt em biết mây
sợ mắt em lần nữa sau này*

Tiến sĩ ĐÀM TRUNG PHÁP [11-2017]

PHÂN ƯU



Vô cùng xúc động nhận được Tin Buồn

Bà quả phụ **BÙI HỮU HUÂN**

Nhũ danh **NGUYỄN THỊ SỰC**

Pháp danh **GIÁC VIÊN LÝ**

Sinh ngày 01-01-1928

Mất ngày 27-11-2017 tại Sài Gòn - Việt Nam

Hưởng thọ 89 tuổi

* Thành kính chia buồn cùng tang quyến

* Nguyện cầu hương linh Phật tử **Giác Viên Lý**

[Bà quả phụ **BÙI HỮU HUÂN**, nhũ danh **NGUYỄN THỊ SỰC**]

sớm siêu sinh tịnh độ nơi cõi Phật

* Gia đình Ô.B. **BÙI HỮU SOÁI**

- các con, các cháu, chất

* Bà quả phụ **PHẠM ĐÌNH OANH**

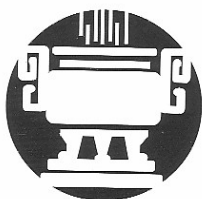
- các con, các cháu, chất

* Ô.B. **BÙI HỮU BẢO**

- các con, các cháu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



*Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư,
Tiệt Nhiên Định Phận Tại Thiên Thu.
Như Hà Nghịch Lỗ Lai Xâm Phạm,
Nhữ Đẳng Hành khan Thủ Bại Hư!*

Lý Thường Kiệt

Lời Giới Thiệu:

Đất nước Việt Nam một dải giang sơn gấm vóc từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, có đợc như ngày nay là do biết bao công lao xương máu của ông cha đã tạo thành.

Là một nước lúc nào cũng bị nước láng giềng phương bắc đe dọa, do đó đã xảy ra nhiều cuộc chống xâm lăng của dân tộc ta để bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải và chủ quyền dân tộc. Ngày 19 tháng giêng năm 1974, nhân lúc nước ta đang có nội chiến giữa hai miền Nam Bắc, Trung Cộng mang quân xâm đoạt Hoàng Sa, thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa. Sau hai ngày chống trả mãnh liệt, vì sức yếu quân thưa nên Hoàng Sa đã thất thủ vào ngày 20 tháng giêng năm 1974. Đây là ngày uất hận của dân ta, ngày chúng ta cảm thấy muôn vàn hổ thẹn vì chúng ta đã không gìn giữ đợc một phần lãnh thổ của ông cha để lại. Quân dân miền Nam chưa kịp củng cố lại lực lượng để tái chiếm Hoàng Sa thì với sự trợ giúp của Nga Xô và Trung Cộng. Cộng Sản Bắc Việt đã xua quân cưỡng chiếm miền Nam vào ngày cuối tháng 4 năm 1975.

Hàng triệu người Việt Quốc Gia đã phải bỏ nước ra đi, sống cuộc sống lưu vong nơi đất khách quê người. Dù xa cách quê hương tổ quốc, nhưng lúc nào chúng ta cũng hằng quan tâm đến tiền đồ dân tộc, đến một dải giang sơn cẩm tú của ông cha để lại, lúc nào cũng tha thiết đến phần lãnh thổ của chúng ta đã bị Trung Cộng xâm chiếm bằng võ lực. Do đó chúng tôi cùng một số học giả, giáo sư, nhà văn, nhà thơ... xuất bản cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư...2001 (tập 1) và Nam Quốc sơn Hà Nam Đế Cư ...2002-2003 (tập 2) để chứng minh Hoàng Sa thuộc chủ quyền của dân tộc chúng ta và nhắc nhở mọi người Việt và giới trẻ tại hải ngoại

rằng Trung Cộng đang cưỡng đoạt một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

Nhận thấy hai cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... 1 và 2 cũng khá đầy đủ những dữ kiện để chứng minh chủ quyền của dân tộc Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Chúng tôi đính bản bộ Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... Và để theo sát những biến động về lãnh thổ, lãnh hải những năm gần đây, kể từ số này chúng tôi sẽ mở chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ trên tạp chí Văn Hoá Việt Nam với mục đích tiếp tục đăng tải những bài viết mới nhất của các học giả, giáo sư, nhà văn.... đang quan tâm, theo dõi về vấn đề này. Đây là một vấn đề rất hệ trọng của dân tộc Việt Nam. Rất mong sự hợp tác của quý vị.

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ chúng tôi đã giới thiệu 2 BẢN LÊN TIẾNG VỀ VỤ TAM SA của Ủy Ban Bảo Vệ Sự Toàn Vẹn Của Lãnh Thổ liên quan đến hai quần đảo HOÀNG SA và TRƯỜNG SA của Việt Nam bị Cộng Sản Trung Quốc lập thành huyện Tam Sa trước sự phản nộ của toàn dân trong khi đảng cầm quyền CSVN im hơi lặng tiếng lộ rõ ý đồ dâng đất cho kẻ thù. Chính thái độ nhu nhược của nhà nước cầm quyền CS nên chúng tôi cũng dành thêm nhiều trang để phổ biến những bài viết ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam chống quân Trung Quốc xâm lược trong công cuộc dựng nước và giữ nước suốt dọc chiều dài lịch sử trên VHVN số 40... Chúng tôi rất xúc động trước làn sóng nổi dậy chống Trung Cộng của nhiều thế hệ trong nước nhất là lực lượng sinh viên các trường Đại Học Hà Nội và Sài Gòn; cũng như các hoạt động tích cực của đồng bào hải ngoại trong việc tố cáo nhà cầm quyền CSVN đã chuyển giao một phần lãnh thổ, lãnh hải cho Trung Quốc. Chúng tôi cực lực lên án đảng CSVN dâng đất và bòn bả quyền Trung Quốc cướp đất đã thuộc chủ quyền lâu đời của Việt Nam.

Đối với Trung Quốc từ ngàn xưa, ý đồ thôn tính đất nước Việt Nam lúc nào cũng nung nấu trong lòng bọn chúng. Nhưng nỗi nhục mà những người lãnh đạo đảng CSVN đã và đang làm dẫn đến mất nước, qua tài liệu mà VHVN số 64 đã đăng bài viết của nhà văn Trần Nhu **"Đường đến thành đô Bắc triều vừa nhục vừa mất nước"**, trong đó tác giả đã viết: *"nhìn lại lịch sử Đảng CSVN, chúng ta thấy rất rõ những người lãnh đạo đảng CSVN từ Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh đến Nguyễn Phú Trọng không một ai có tư cách và bản lĩnh chính trị, trong họ thiếu vắng hẳn đức tính "tự tin", họ luôn luôn phải nương tựa vào một thế lực bên ngoài, khi thì dựa vào Liên Xô, khi thì dựa vào Tàu để tồn tại"*. Chính Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) lên nắm chức Tổng bí thư, tức khắc nói lại bang giao với Trung Quốc

bằng một câu nói đề đòi trong lịch sử: "**Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước nhưng còn hơn mất đảng**".

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐỀ CƯƠNG kỳ này, chúng tôi lần lượt giới thiệu bài CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA HAI BÀ TRUNG, biên khảo của GS Tạ Quốc Tuấn, để nhắc lại lịch sử hào hùng của dân tộc Việt, mà **người dân trong nước hôm nay quá thờ ơ, vô cảm khi bước chân người Trung Hoa Cộng Sản đang thực hiện trên đất nước ta từ Bắc vô Nam**. Đặc biệt theo đề nghị của người viết ký tên Phạm Hồng Thủy muốn phổ biến thật rộng rãi để người Việt Nam khắp nơi cùng đọc "*dân tộc Việt Nam sẽ đời đời nhớ ơn tất cả các bạn đã góp phần truyền bá thông tin về thảm họa khủng khiếp này, góp phần cho tổ quốc và dân tộc mãi mãi trường tồn*". Mời quý vị cùng chia sẻ nội dung bài KHẢO LUẬN của GS Tạ Quốc Tuấn và bài viết của tác giả Phạm Hồng Thủy trong chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐỀ CƯƠNG kỳ này.

Trân trọng,
PHẠM QUANG TÂN

I TẠ QUỐC TUẤN

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG

(kỳ 3 - tiếp theo VHVN số 78)

Phần III: Số Các Quận Hưởng Ứng

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân quận Giao Chỉ do hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị lãnh đạo để lật đổ chính quyền đô hộ Hán năm 40 đã được nhân dân một số quận khác hưởng ứng. Sự hưởng ứng này là một trong những yếu tố đưa đến sự thành công của cuộc khởi nghĩa. Trong số các quận này, có quận nằm ở trên đất Việt, lại có quận nằm ở trên lãnh thổ Trung Quốc.

Tuy nhiên, có một điểm chúng ta thấy các sử sách đã không ghi chép đồng nhất: đó là số các quận hưởng ứng.

I.- Số Quận Hưởng Ứng Theo Các Tài Liệu

Ngoại trừ sách **An Nam Chí Lược** của Lê Tắc hoàn toàn không nói gì tới việc các quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, có ba loại tài liệu viết về vấn đề này.

A.- Hai Quận

Một tài liệu Việt là sách **Việt Sử Lược** của soạn giả khuyết danh (q. 1, tờ 3b) và một tài liệu Hoa là sách **An Nam Chí** 安南志 của Cao Hùng Trưng 高熊徵 (Cử nhân năm 1660) chỉ kể tên có 2 quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của nhân dân quận Giao Chỉ: đó là quận Cửu Chân và quận Nhật Nam (q. 2, tr. 109). Hai quận này đều nằm trên lãnh thổ nước Việt (vào thời Hán thuộc quận Cửu Chân là địa khu ngày nay gồm ba tỉnh bắc bộ Trung Việt là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và một phần tỉnh Ninh Bình ở cực nam Bắc Việt; còn quận Nhật Nam là địa khu chạy dài từ Đèo Ngang ở tỉnh Quảng Bình đến hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định ở nam bộ Trung Việt.)

Như vậy, theo các tài liệu này, chỉ có nhân dân Việt tham dự cuộc khởi nghĩa đánh đuổi chính quyền đô hộ Hán mà thôi.

B.- Bốn Quận

Mặt khác, bản dịch Việt ngữ bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô Sĩ Liên do Ngô Đức Thọ thực hiện (q. I, tr. 145) và bản dịch Việt ngữ sách **Việt Sử Tiêu Án** của Ngô Thời Sĩ do Hội Việt Nam Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á Châu thực hiện (tr. 39) lại chép rằng có 4 quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Đó là các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố. Nói cách khác, theo hai tài liệu này, cuộc khởi nghĩa có sự tham dự của hai nhân dân Việt và Hoa.

C.- Ba Quận

Trái lại, một bộ sử của người Trung Quốc là **Hậu Hán Thư** 後漢書 do Phạm Diệp 范曄 (398-445) biên soạn (q. 24, tr. 838) cũng như nhiều tài liệu của người Việt Nam, như **Việt Điện U Linh Tập** của Lý Tế Xuyên, **Lĩnh Nam Chích Quái** của Trần Thế Pháp, và cả bản dịch Việt ngữ bộ **Toàn Thư** do Cao Huy Giu thực hiện (q. 1, tr. 91), lại chỉ kể tên có 3 quận hưởng ứng là Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố thôi.

Cũng thuộc loại tài liệu này còn có lời phê bình của sử gia Lê Văn Hưu (1230-1322), tác giả bộ **Đại Việt Sử Ký**, bộ sử đầu tiên do người Việt biên soạn (xong năm 1272, nhưng đã bị mất từ lâu), về

cuộc khởi nghĩa năm 40, do Ngô Sĩ Liên thuật lại trong bộ **Toàn Thư**. Lê Văn Hưu nói rằng:

"Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh ngoài đều hưởng ứng." (NK, q. 3, tờ 3a)

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Danh xưng “*Lĩnh ngoại*” 嶺外 có nghĩa là bên ngoài Ngũ lĩnh 五嶺. Gọi là “*Ngũ lĩnh*” là vì rằng núi này gồm 5 sơn lĩnh 山嶺 và tên gọi của các sơn lĩnh chính là tên năm con đường chạy vào trong sơn lĩnh. Theo 2 sách **Nam Khang Ký** 南康記 của Đặng Đức Minh 鄧德明 (người thời nhà Tống 宋, thường được gọi là nhà Tống họ Lưu 劉宋 hay nhà Tống thời Nam Bắc triều 南朝宋, 420-477) và **Quảng Châu Ký** 廣州記 của Cố Vi 顧微 (người thời nhà Tấn 晉, 265-420), được nhiều người nhắc lại, vị trí của 5 sơn lĩnh như sau:

1.- Đại Dữu lĩnh 大庾嶺 (còn gọi là Dữu lĩnh 庾嶺, Đài lĩnh 臺嶺, Đông kiều 東嶠, Mai lĩnh 梅嶺, Mai quan 梅關, thời thái cổ gọi là Tái thượng 塞上): ở phía nam huyện Đại Dư 大余 tại cực tây nam bộ tỉnh Giang Tây 江西, và phía bắc thành phố Nam Hùng 南雄 ở cực bắc bộ tỉnh Quảng Đông 廣東 ngày nay.

2. Manh Chủ lĩnh 萌渚嶺 (còn viết là 眀渚嶺; còn gọi là Bạch Mang lĩnh 白芒嶺, Lâm Hạ lĩnh 臨賀嶺, Qué lĩnh 桂嶺, Tích phương 錫方): khởi từ ranh giới thành phố Hạ Châu 賀州 và Phú Xuyên Diêu tộc tự trị huyện 富川瑤族自治縣, chạy quanh eo tới Liên Sơn Trắng tộc Diêu tộc tự trị huyện 連山壯族瑤族自治縣 thuộc tỉnh Quảng Đông, rồi tới Giang Hoa Diêu tộc tự trị huyện 江華瑤族自治縣 thuộc tỉnh Hồ Nam 湖南.

3. Kỳ Điền lĩnh 騎田嶺 (còn gọi là Quế Dương lĩnh 桂陽嶺, Hoàng Lĩnh sơn 黃嶺山, Hoàng Tương sơn 黃箱山, Khách Lĩnh sơn 客嶺山, Lạp Lĩnh臘嶺): nằm trong cương vực tỉnh Hồ Nam, ở phía đông nam huyện Quế Dương 桂陽, tây nam thành phố Xâm Châu 郴州 và tiếp giáp huyện Nghi Chương 宜章 (cách 20 cây số về phía tây bắc).

4. Việt Thành lĩnh 越城嶺 (còn gọi là Thủy An lĩnh 始安嶺, Lâm Nguyên lĩnh 臨源嶺, Toàn Nghĩa lĩnh 全義嶺, Tây Kiêu 西嶠, Việt Thành kiều 越城嶠, Thủy An kiều 始安嶠): ở phía bắc huyện Hưng An 興安 thuộc Quảng Tây Tráng tộc tự trị khu 廣西壯族自治區.

5. Đô Bàng lĩnh 都龐嶺 (còn gọi là Yết Dương lĩnh 揭陽嶺 – có tài liệu viết là 揭揚嶺 –, Vĩnh Minh lĩnh 永明嶺): ở phía tây (có tài liệu viết là phía bắc) huyện Giang Vĩnh 江永 thuộc tỉnh Hồ Nam 湖南, chỗ tỉnh Hồ Nam và Quảng Tây Tráng tộc tự trị khu giao tiếp nhau.

II.- Nhận Xét Về Các Số Quận Kể Trên

Trong ba loại tài liệu này, loại nào đúng? Nói cách khác, có bao nhiêu quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo năm 40?

A.- Nhận Xét Về Tài Liệu Chép Hai Quận

Theo thiện ý của chúng tôi, sở dĩ **Việt Sử Lược** chỉ chép hai quận Cửu Chân và Nhật Nam thôi có lẽ là vì, tuy vẫn biết rằng cuộc khởi nghĩa đã được sự hưởng ứng của cả một số nhân dân Trung Quốc nữa mà chính tài liệu của người Trung Quốc, như **Hậu Hán Thư**, cũng phải nói tới, bộ **Việt Sử Lược** muốn nhấn mạnh vào sự đồng thanh tương ứng của toàn thể người dân Việt trước nạn nước. Nói cách khác, tác giả **Việt Sử Lược** muốn nói

rằng chẳng phải là chỉ có nhân dân quận Giao Chỉ mới bị chính quyền đô hộ Hán, tiêu biểu là Thái thú Tô Định, đọa đầy, bóc lột, hành hạ một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo, mà tất cả con dân của hai quận Việt kia là Cửu Chân và Nhật Nam cũng đồng cảnh ngộ. Còn sách **An Nam Chí** của Cao Hùng Trưng thì chỉ viết theo sách **Việt Sử Lược**⁽¹⁾.

Nếu nhân dân quận Giao Chỉ có nổi dậy trước chẳng qua là vì quận này ở vị trí quan trọng nhất trong nước và lại còn rộng lớn nhất. Thực vậy, vào đầu thời Hán thuộc, quận Giao Chỉ chiếm hầu như là toàn bộ Bắc Việt ngày nay và có 92.440 hộ với 746.237 dân, trong khi quận Cửu Chân chỉ có 35.743 hộ với 166.023 dân và quận Nhật Nam có 15.460 hộ với 69.485 dân. Nói cách khác, quận Giao Chỉ xét về số hộ đã chiếm 64,35% tổng số các hộ trong toàn quốc và xét về số dân cũng chiếm 76,01% (đã nói ở phần I: Nguyên Nhân Cuộc Khởi Nghĩa). Đây là chưa kể quận Giao Chỉ còn là đất bản bộ của hai vương triều Việt đầu tiên là Hồng Bàng (2879-258 TCN) và Thục (257-207 TCN) nữa.

B.- Nhận Xét Về Tài Liệu Chép Bản Quận

Trước khi đi xa hơn nữa, chúng tôi xin thưa ngay hai điều.

Thứ nhất, vì trong hoàn cảnh hiện tại vẫn chưa kiếm được nguyên tác Hán văn sách **Việt Sử Tiêu Án** của Ngô Thời Sĩ nên chúng tôi đành tạm (xin nhấn mạnh là “tạm”) cho rằng bản Việt ngữ của Hội Việt Nam Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á Châu mà chúng tôi tham khảo trong việc viết bài này đã dịch sát với nguyên tác để trong một đoạn sau chúng tôi sẽ đưa ra ý kiến về thuyết của sách này.

Thứ hai, bản dịch Việt ngữ bộ **Toàn Thư** do Ngô Đức Thọ thực hiện khác với bản dịch của Cao Huy Giu. Thực vậy, như đã nói ở một đoạn bên trên, bản dịch của Cao Huy Giu kể có ba quận hưởng ứng là Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố (theo đúng thứ tự ghi trong bản dịch), còn bản dịch của Ngô Đức Thọ lại chép tên bốn quận là Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố (cũng theo đúng thứ tự trong bản dịch).

Chúng ta biết rõ Ngô Đức Thọ dịch theo bản Nội Các Quan mộc bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (tức năm 1697) đời vua Lê Hi Tông (tại vị năm 1676-1705), nhưng lại không rõ Cao

Huy Giu đã dựa theo bản nào để dịch cả. Tuy trong phần *Giới Thiệu* bản dịch, Cao Huy Giu nói đến bản **Toàn Thư** hiện có là bản khắc gỗ năm 1679 (tập I, tr. 5), nhưng không cho biết ông có dịch theo ấn bản này hay không.

Để tìm lý do của sự bất nhất trong hai bản dịch, chúng tôi dùng 3 bản nguyên tác Hán văn bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư**.

Bản thứ nhất là bản hiệu hợp do một người Trung Quốc chuyên nghiên cứu và viết nhiều về Việt Nam là Trần Kinh Hòa 陳荆和 (cố giáo sư hai trường Đại học Huế ở Việt Nam và Đại học Đông Kinh ở Nhật Bản) biên hiệu và được Đông Dương Văn Hóa Nghiên Cứu Sở, phụ thuộc Đông Dương Học Văn Hiến Trung Tâm của trường Đại học Đông Kinh, xuất bản năm 1984 (gọi tắt: bản Trần Kinh Hòa). Tuy không chắc bản Trần Kinh Hòa dùng để biên hiệu cũng là bản Cao Huy Giu đã dùng để dịch sang Việt ngữ, chúng tôi nghĩ hai bản này không khác nhau mấy.

Bản thứ hai là bản Nội Các Quan nói trên, được nhà Khoa học Xã hội in lại ở Hà Nội năm 1993 (gọi tắt: bản Nội Các Quan).

Bản thứ ba đăng trên mạng điện tử wikisource.org, phần Trung văn (gọi tắt: bản wikisource).

Lý do của sự bất nhất trong hai bản dịch của Cao Huy Giu và của Ngô Đức Thọ bắt nguồn từ việc người đời sau đã thêm một số dấu chấm câu không có trong nguyên tác.

Bản Trần Kinh Hòa, có dấu chấm câu theo ngữ pháp hiện đại, viết rằng:

"Vương khổ Thái thú Tô Định thành dĩ pháp, cập thù Định chi sát kỳ phu, nãi dĩ kỳ muội Nhị cử binh, công hãm châu trị, Định bôn hoàn, Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố giai ứng chi..." 王苦太守蘇定繩以法,及讐定之殺其夫,乃與其妹貳舉兵,攻陷州治,定奔還,南海,九真,日南,合浦皆應之... (tập thượng, tr. 126).

Nếu dịch nguyên văn thì đoạn này là:

"Vua [tức bà Trưng Trắc] khổ vì Thái thú Tô Định bó buộc bằng pháp luật, lại thù Định giết chồng mình, mới cùng em gái [là] Nhị cử binh đánh lấy trị sở của châu, Định chạy trốn về, Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng."

Theo bản Nội Các Quan thì câu này như sau:

"Vương khổ Thái thú Tô Định thắng dĩ pháp, cập thù Định chi sát kỳ phu. Nãi dữ kỳ muội Nhị cử binh công hãm châu trị Định bốn hoàn. Nam Hải Cửu Chân Nhật Nam Hợp Phố giai ứng chi..."

王苦太守蘇定繩以法,及讐定之殺其夫,乃與其妹貳舉兵攻陷州治定奔還.南海九真日南合浦皆應之.
(tập IV, tr. 58, bên dưới)

Còn sau đây là bản wikisource:

"Vương khổ Thái thú Tô Định thắng dĩ pháp, cập thù Định chi sát kỳ phu, nãi dữ kỳ muội Nhị cử binh, công hãm châu trị. Định bốn hoàn Nam Hải. Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố giai ứng chi ..." 王苦太守蘇定繩以法,及讐定之殺其夫,乃與其妹貳舉兵,攻陷州治.定奔還南海.九真,日南,合浦皆應之...

Số các dấu chấm câu trong bản Nội Các Quan ít nhất (1 dấu phẩy, 3 dấu chấm), tiếp theo là số trong bản wikisource (5 dấu phẩy, 2 dấu chấm), còn số trong bản Trần Kinh Hòa nhiều hơn cả (8 dấu phẩy, 1 dấu chấm). Như vậy rõ ràng là các dấu chấm câu do người sau thêm vào, chứ không phải là do soạn giả Ngô Sĩ Liên dùng.

Qua 3 bản này thôi chúng ta thấy các dấu chấm câu đã khác nhau rồi. Nếu chúng ta có được thêm những bản khác có lẽ chúng ta sẽ thấy nhiều dấu chấm câu khác hơn nữa.

Lý do là trước khi chữ quốc ngữ được thịnh dụng, ở Việt Nam các văn kiện hay tài liệu công và tư, đều viết bằng Hán văn mượn của Trung Quốc. Trong khi đó, ở Trung Quốc từ thế kỷ thứ 6 TCN cho đến năm 1921 (năm bạch thoại 白話, khẩu ngữ thường nhật của người Trung Quốc được viết thành chữ, được chính thức dùng trong mọi hoạt động, dịch vụ, sáng tác) tất cả các văn kiện công của chính phủ, mọi giấy tờ của tư nhân, hay các tác phẩm văn học (trừ tiểu thuyết hay các thể loại tương tự), sử, địa, pháp luật, triết học, v.v., đều viết bằng văn ngôn 文言, thứ ngôn ngữ chỉ dùng để viết, chứ không phải để nói. Một trong những điểm đặc trưng của văn ngôn (mà các văn kiện hay tài liệu của người Việt

Nam trước thập niên 1920 cũng dùng) là câu viết bằng văn ngôn không dùng các dấu chấm. Thường chỉ có dấu chấm khi hết một câu hay đoạn, và dấu chấm đó viết bằng một cái khoanh tròn nhỏ ở bên phải chữ cuối cùng của câu hay đoạn. Trái lại, bạch thoại vì chịu ảnh hưởng sâu đậm của ngữ pháp Tây phương nên đã dùng đủ hết các dấu chấm câu như thấy trong các ngôn ngữ Âu Mỹ.

Cái khó khăn đối với chúng ta ngày nay khi đọc các văn bản viết bằng văn ngôn mà lại do người hiện đại hiệu đính, biên hiệu, là mỗi người đánh dấu chấm câu một cách, theo ý mình. Do đó mới có nạn cùng một câu mà lối chấm câu khác nhau như thấy trong ba văn bản dẫn trên.

Đối với đoạn trích trong bản Trần Kinh Hòa và bản wikisource, các dấu chấm câu đều đặt theo đúng vị trí như thấy trong ngữ pháp Tây phương, chứng tỏ người thêm vào này phải thông thạo một vài ngôn ngữ Tây phương. Chỉ có điều đáng tiếc là sau cụm từ "*công hãm châu trị*" đáng lẽ phải dùng dấu chấm (.) vì tới đây đã hết một ý thì bản Trần Kinh Hòa lại dùng dấu phẩy (,). Bản wikisource không có khuyết điểm này.

Việc thêm dấu chấm câu của người đời sau còn thấy rõ hơn nữa ở chỗ có nhiều khi dấu chấm câu được thêm vào ở những chỗ đáng lẽ không phải dùng dấu chấm câu, dù là theo ngữ pháp Tây phương. Chẳng hạn câu bình luận của Ngô Sĩ Liên về việc làm của Hai Bà Trưng, bản Nội Các Quan chép rằng:

"Đại trượng phu khí khả bất dưỡng kỳ, cương, trực, chính, đại, chí, khí, tai." 大丈夫豈可不養其,剛,直,正,大,之,氣,哉. (tập IV, tr. 59 bên dưới).

Dịch nguyên văn là: "Đại trượng phu há chẳng nên nuôi cương, trực, chính, đại, chí, khí, của mình hay sao?"

Các dấu phẩy ở đây không cần thiết; trái lại, chúng còn làm hỏng câu văn nữa. Các dấu này không thấy trong câu trích dẫn trên trong bản Trần Kinh Hòa và bản wikisource.

Chúng ta biết rằng bản Nội Các Quan do nhà xuất bản Khoa học Xã hội in lại (theo bản được lưu giữ tại Thư viện của Hội Á Châu ở Ba Lê, Pháp, như lời *Cùng Bạn Đọc* của nhà xuất bản, tập I, tr. 5), ngoài những dấu chấm câu có sẵn trong nguyên tác (thường là dấu khoanh tròn) còn có rất nhiều dấu chấm câu khác

(cũng như những dấu gạch nối một vài chữ lại với nhau để chỉ địa danh) rõ ràng là do người đời sau thêm vào, có lẽ là của chủ nhân bản này trước khi gửi vào Thư viện của Hội Á Châu hoặc là của một độc giả nào đó tiện tay viết thêm, bởi vì đây là những dấu thêm vào bằng tay chứ không phải là in. Sở dĩ chúng tôi nghĩ như vậy vì các dấu chấm câu này, đại đa số là dấu phẩy, được viết to nét, cỡ lớn và xen vào giữa hai chữ viết liền nhau, khác với trường hợp nếu dấu phẩy được dùng ngay từ đầu thì bao giờ cũng viết nhỏ và chữ sau dấu đó viết cách hơi xa một chút.

Ngược lại, có những câu dài mà không hề thấy dấu chấm câu. Thí dụ có thể lấy ngay câu trích dẫn ở một đoạn bên trên làm thí dụ. Bản Nội Các Quan như sau:

"Vương khổ Thái thú Tô Định thắng dĩ pháp, cập thù Định chi sát kỳ phu, nãi dĩ muội Nhị cử binh công hãm châu trị Định bốn hoàn, Nam Hải Cửu Chân Nhật Nam Hợp Phố giai ứng chi..."

Ở đây cũng là người đời sau đã thêm dấu phẩy sau các từ "pháp", "phu" và "hoàn" nhưng lại không thêm dấu phẩy sau tên từng quận một. Đây là chưa kể sau cụm từ "công hãm châu trị" đúng ra phải có dấu chấm vì tới đây đã hết một ý, nhưng lại không có.

Nói tóm lại, dấu phẩy sau cụm từ "Định bốn hoàn" trong bản Trần Kinh Hòa hay dấu chấm trong bản Nội Các Quan được người sau thêm vào, chứ không có trong nguyên tác. Lập luận của chúng tôi còn có thể chứng minh bằng ba nhận xét sau:

Thứ nhất, dấu phẩy hay dấu chấm thêm vào sau cụm từ "Định bốn hoàn" làm cho cụm từ này thiếu nghĩa. "Định bốn hoàn" có nghĩa là "[Tô] Định chạy trốn về". Câu này cụt vì không nói rõ chạy trốn (bôn) về (hoàn) đâu. Trái lại, nếu chuyển dấu phẩy hay dấu chấm xuống dưới, sau từ "Nam Hải" thì câu này rất rõ ràng và đủ ý: "Định bốn hoàn Nam Hải" lúc đó có nghĩa là "[Tô] Định chạy trốn về Nam Hải." Hơn nữa, sau từ "Nam Hải" nên dùng dấu chấm (.), như thấy trong bản wikisource, hơn là dấu phẩy (,).

Thứ hai, nếu quả thật có bốn quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thì tại sao **Toàn Thư** không kể theo thứ tự là Cửu Chân, Nhật Nam, Nam Hải và Hợp Phố (nghĩa là kể tên hai quận Việt trước rồi đến hai quận Hoa sau) hay là Nam Hải,

Hợp Phố, Cửu Chân và Nhật Nam (tức là kể tên hai quận Hoa trước rồi đến hai quận Việt sau), mà lại là Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố (tức là kể tên một quận Hoa trước, tiếp đến tên hai quận Việt, và sau cùng là tên một quận Hoa khác)?

Ngô Sĩ Liên là một người rất tinh thông Hán học, đã đỗ Tiến sĩ (năm 1442) là học vị cao nhất trong hệ thống thi cử ở nước Việt trước thời Pháp thuộc (1862-1945), và đã từng giữ chức Quốc tử giám Tư nghiệp (năm 1460-1497) là một chức vụ đứng hàng thứ hai trong ban điều hành Quốc tử giám, tương đương với chức Phó Viện trưởng viện đại học quốc gia ngày nay⁽²⁾, phụ trách việc dạy các sinh viên theo học ở đây (gọi là giám sinh 監生) chuẩn bị thi tiến sĩ, thì làm sao lại có thể phạm một lỗi hành văn rất sơ đẳng như vậy được?

Thứ ba, nếu quả thực quận Nam Hải cũng hưởng ứng (như thấy trong bản Việt dịch bộ **Toàn Thư**, bản Việt dịch sách **Việt Sử Tiêu Án**, lẫn hai bản Trần Kinh Hòa và bản Nội Các Quan, thì tại sao các tài liệu của người Trung Quốc, nhất là **Hậu Hán Thư**, lại không hề nói tới? Không có lý do gì các tài liệu này đều nói đến sự hưởng ứng của quận Hợp Phố (sẽ xét trong một đoạn sau), cũng là một quận Hoa như quận Nam Hải, mà lại không nói đến quận Nam Hải, nhất là hai quận này ở sát cạnh nhau (quận Nam Hải gồm hầu hết tỉnh Quảng Đông ngày nay ngoại trừ địa khu tây nam bộ, còn quận Hợp Phố nay là địa khu gồm huyện Hợp Phố thuộc Quảng Tây Tráng tộc tự trị khu và các huyện Từ Văn 徐聞, Tân Hưng 新興 và thành phố Dương Giang 陽江 thuộc tỉnh Quảng Đông) và, hơn nữa, quận Nam Hải lớn và đông dân cư hơn quận Hợp Phố: quận Nam Hải có 19.613 hộ và 94.253 nhân khẩu, còn quận Hợp Phố chỉ có 15.398 hộ và 78.980 nhân khẩu (đã trình bày trong phần I: Nguyên Nhân Cuộc Khởi Nghĩa.)

Tới đây chúng tôi thấy cần nói thêm một câu về việc bản Việt dịch sách **Việt Sử Tiêu Án** đã kể thêm tên quận Nam Hải và cũng chép theo thứ tự Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố như trên. Sự thêm tên quận Nam Hải này có thể là do sự đọc lầm câu của **Toàn Thư** mà ngắt quãng sau cụm từ "*Định bốn hoàn*", giống sự đọc lầm của một số người khác như thấy trong hai bản Trần Kinh Hòa và Nội Các Quan.

C.- Ba Quận Hưởng Ứng Là Đúng

Dựa vào những nhận xét trên, chúng ta có thể nói được là thực sự chỉ có ba quận Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố, hai Việt một Hoa, đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa đánh đuổi chính quyền đô hộ Hán của nhân dân quận Giao Chỉ do hai chị em bà Trưng Trắc và Trưng Nhị lãnh đạo. Quận Nam Hải không có phản ứng nào cả. Đó là nguyên nhân rất nhiều tài liệu của cả người Việt lẫn người Hoa chỉ kể tên có ba quận thôi là Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố. Điểm đáng nói hơn nữa là một số tài liệu hiện đại của người Việt Nam ngoài việc kể tên có ba quận hưởng ứng là Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố ra còn chép rõ là, sau khi bị quân khởi nghĩa đánh bại, Thái thú Tô Định cùng bộ hạ phải chạy trốn về quận Nam Hải.⁽³⁾

Sự sai lầm của bản dịch bộ **Toàn Thư** do Ngô Đức Thọ thực hiện và bản dịch bộ **Việt Sử Tiêu Án** thật đáng tiếc, vì để khiến độc giả hiểu lầm.

III.- Nguyên Nhân Các Quận Khác Hưởng Ứng

Nói cách khác, chỉ có nhân dân ba quận Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố tự động nổi dậy theo gương nhân dân quận Giao Chỉ.

A.- Đối Với Hai Quận Cửu Chân và Nhật Nam

Có thể là trước khi khởi nghĩa ở quận Giao Chỉ, Hai Bà Trưng đã cho người tới các quận Cửu Chân và Nhật Nam liên lạc với các lạc tướng ở đây, rồi khi cuộc khởi nghĩa đã phát động ở quận Giao Chỉ thì các quận kia cũng nổi dậy theo.

Việc này rất hữu lý, nhất là theo truyền thuyết, mẫu thân của Hai Bà Trưng là bà Man Thiện đã tới nhiều nơi để liên minh với các lạc tướng, huyện lệnh, huyện trưởng, hào trưởng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Hơn nữa, theo thần tích làng Cổ Ngõa (nay là thôn Cổ Ngõa thuộc xã Phương Đình – còn tên gọi nữa là Liên-minh –, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội), ngay sau cuộc hội tụ quân ở Hát Môn, ông Hải Diệu, một tướng của Hai Bà Trưng, đã lên đường vào Cửu Chân.

B.- Đối Với Quận Hợp Phố

Còn sự hưởng ứng của nhân dân quận Hợp Phố ở trên lãnh thổ Trung Quốc thì có mấy điểm đáng nói.

Thứ nhất, trong khi hai tài liệu **Việt Sử Lược** và **An Nam Chí** chỉ kể hai quận hưởng ứng cuộc khởi nghĩa là Cửu Chân và Nhật Nam thôi, thì các tài liệu của người Việt khác như **Toàn Thư**, **Cương Mục**, **Việt Điện**, **Chích Quái** đều kể thêm một quận thứ ba là quận Hợp Phố ở trên lãnh thổ Trung Quốc.

Thứ hai, tuy **Việt Sử Tiêu Án** và **Hậu Hán Thư** cũng nói đến sự hưởng ứng của quận Hợp Phố nhưng lại thêm một chi tiết rất quan trọng.

Việt Sử Tiêu Án thuật rằng: "*dân quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, những mán mường đều hưởng ứng theo bà...*" (tr. 39).

Từ kếp "*những mán mường*" ở đây có lẽ là phỏng theo hay dịch từ kếp "*Man Di*" và "*Man Lý*" dùng trong **Hậu Hán Thư**.

Mã Viện Truyện kể rằng: "*Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố Man Di giai ứng chi.*" 九真, 日南, 合浦蠻夷皆應之. (q. 24, tr. 838)

Nam Man Truyện cũng chép rằng: "*Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố Man Lý giai ứng chi.*" 九真, 日南, 合浦蠻里皆應之. (q. 86, tr. 2836)

Trước khi tiếp tục, chúng tôi có mấy nhận xét về từ "*Man Lý*" trong câu trích dẫn trên.

Sách **Lịch Sử Việt Nam** của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam đã dịch "*Man Lý*" thành "*những người Man, người Lý*" trong câu sau:

"*Theo Hậu Hán thư (quyển 54⁽⁴⁾ và quyển 86), những người Man, người Lý (tiếng chỉ chung các dân tộc phương Nam) ở bốn quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, đều nhất tề nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.*" (tập I, tr. 81)

Bản **Hậu Hán Thư** chúng tôi dùng để trích dẫn câu trong cụm từ "*Man Di*" và "*Man Lý*" là bản do Hứa Đông Phương 許東方 hiệu đính và Hoành nghiệp thư cục ở Đài Bắc (Đài Loan) tái bản năm 1984. Ngoài ra chúng tôi còn đối chiếu với ấn bản điện tử đăng trên mạng wikisource.org, phần Trung văn, và ấn bản đăng trên mạng ctext.org. Trong khi đó đáng tiếc là sách **Lịch Sử Việt Nam** không cho hay đã dùng ấn bản **Hậu Hán Thư** nào để viết như trên.

Trong phần “*Những Tài Liệu Tham Khảo Chính*” các soạn giả sách **Lịch Sử Việt Nam** đã chỉ viết như sau: “*Phạm Hoa (Tống) - Hậu Hán Thư. Súc án bách nạp bản, Thương vụ ấn thư quán*” (tập I, tr. 424), nhưng không ghi nơi và năm xuất bản ấn bản này.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Các soạn giả sách **Lịch Sử Việt Nam** phiên âm sai tên tác giả bộ **Hậu Hán Thư** là Phạm Hoa thay vì Phạm Diệp 范曄 (còn đọc là Phạm Dục). Theo tự điển **Từ Hải 辭海** và **Tập Vận 集韻** của nhóm Đinh Độ 丁度 (990-1053), từ 曄 có hai cách đọc là: (a) **diệp** (Từ Hải: dật liệt thiết, âm diệp, diệp vận 逸獵切, 音 鑑, 葉韻; **Tập Vận**: vực chiếp thiết, âm diệp 域輒切, 音 鑑); hay (b) **dục** (Từ Hải: di lập thiết, âm dục, tập vận 移立切, 音 煜, 緝韻; **Tập Vận**: vực cập thiết, âm dục 域及切, 音 煜).

Sách **Cuộc Khởi Nghĩa** của Nguyễn Vinh Phúc cũng vậy, không cho biết ấn bản **Hậu Hán Thư** tác giả đã dùng mà chỉ viết rằng:

"Hậu Hán thư có ghi: Người Man, người Lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo." (tr. 104)

Ngoài ra, trong cước chú 2, sách viết thêm:

"Nguyên văn: 'Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, Man Lý giai ứng chi.' Man, Lý – chỉ những tộc người không phải là Hán, như vậy tức là nhân dân ở ba quận nói chung, vì nơi đây là khu vực của các bộ tộc Việt." (nt.)

Trong câu chúng tôi trích dẫn **Hậu Hán Thư** theo ấn bản nói trên, nhà hiệu đính Hứa Đông Phương đã dùng một dấu gạch thẳng ở bên trái hai từ “*Man*” và “*Di*” và “*Man*” và “*Lý*” để tỏ ra đây là danh từ riêng (như thông lệ của các tài liệu hiện đại của người Trung Quốc) và là danh từ kép. Hai ấn bản điện tử trên mạng wikisource.org, phần Trung văn, và ctext.org cũng vậy, không dùng một dấu chấm câu nào giữa hai từ “*Man*” và “*Di*” hay “*Man*” và “*Lý*” hay là giữa “*Hợp Phố*” và “*Man Di*” hay “*Man Lý*”. Điều này cho thấy **Hậu Hán Thư** chỉ nói đến những tộc người không phải là Hán tộc ở phương nam (diễn tả bằng từ “*Man Di*” trong *Mã Viện Truyện*), hoặc chỉ định rõ ràng hơn là có một tộc người ở phương nam, người tộc Lý (diễn tả bằng từ “*Man Lý*” trong *Nam*

Man Truyện), là đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thời.

Tới đây, chúng ta nên biết qua về nghĩa của ba từ “*Man*”, “*Di*” và “*Ly*” là ba trong những từ người Trung Quốc dùng để gọi những người phi Hán tộc (non-Sinitic; những từ kia là Nhung 戎, Địch 狄, Hung 匈), với ý coi họ là những người mọi rợ, dã man, không hoặc kém khai hóa.

Từ “*Man*” 蠻 nguyên thủy là lối ghi âm bằng Hoa ngữ của một từ Miêu ngữ đọc là *m'an* theo âm thượng cổ (từ thế kỷ thứ 11 TCN đến thế kỷ thứ 6 SCN), tương tự âm Việt ngữ “*muàn*”, mà người Miêu tộc 苗族 dùng để gọi tên chính họ. Mãi từ thế kỷ thứ 7 trở đi, nghĩa là qua các thời kỳ âm trung cổ (thế kỷ thứ 7-12), cận đại (thế kỷ 13-19) và hiện đại (thế kỷ thứ 20 trở đi), từ này mới đọc là “*mán*” theo âm Hoa ngữ hay “*man*” theo âm Hán Việt.

Người Miêu tộc là thổ dân đầu tiên ở Trung Quốc, tại khu vực sau này được gọi là Trung Châu 中州, Trung Nguyên 中原 hay Trung Thổ 中土, ở vùng nay là tỉnh Hà Nam 河南 và các miền phụ cận, tất cả ở hạ du Hoàng Hà 黃河 (còn gọi là Đại Hà 大河, nguyên thủy gọi là Hà 河). Từ thời Hoàng đế Ki Hiên Viên 黃帝 姬 軒 轅 (người Việt Nam quen đọc là Cơ Hiên Viên, tại vị năm 2697-2597 TCN), họ bị người Hán tộc 漢族 đánh đuổi để chiếm đất nên đã chạy xuống miền nam sông Dương Tử 揚子江 (còn gọi là Trường Giang 長江, Đại Giang 大江, Thông Thiên Hà 通天河, nguyên thủy gọi là Giang 江), nên từ “*man*” lại còn được dùng chỉ những người phi Hán tộc ở miền nam Trung Quốc, phía nam sông Dương Tử.

Tuy nhiên, vì người Miêu tộc bản tính rất độc lập, không chịu khuất phục ai, và luôn luôn chiến đấu rất dữ dội để bảo vệ sự sống còn và văn hóa của họ, tiêu biểu bằng việc Xi Vu 蚩尤

(người Việt Nam còn đọc là Suy Vu), tù trưởng bộ lạc Cửu Lê 九黎 của người Miêu tộc, khoảng năm 2967 TCN, chiến đấu chống âm mưu tiêu diệt họ của Ki Hiên Viên, lúc đó còn là tù trưởng bộ lạc Hữu Hùng 有熊 của người Hán tộc (Ki Hiên Viên về sau được suy tôn làm cộng chủ 共主, hay thủ lĩnh tối cao các bộ lạc, hiệu là Hoàng Đế); bằng việc trong suốt các đời con cháu của Hoàng Đế, nhất là trong đời Đế Nghiêu Ki Y Kỳ Phóng Huân 帝堯姬伊祁放勳 (có tài liệu viết là Ki Duẩn Kỳ Phóng Huân 姬尹祁放勳; tại vị năm 2357-2258 TCN), Đế Thuấn Diêu Trọng Hoa 帝舜姚重華 (tại vị năm 2255-2208 TCN), và Đại Vũ Tự Văn Mệnh 大禹姁文命 (còn đọc là Ti Văn Mệnh; tại vị năm 2205-2198 TCN), cho đến hết đời vua Càn Long 乾隆 (tại vị năm 1736-1796) nhà Thanh 清 (1644-1911) họ luôn luôn nổi dậy chống lại triều đình, v.v., nên người Hán tộc đã coi khinh họ là giống dân vô kỷ luật, mọi rợ, hung ác, chuyên quyền, phóng túng. Đó là biến nghĩa của từ “*man*”. Để tỏ sự khinh miệt này, người tộc Hán viết bằng Hán tự từ “*man*” 蠻 với bộ *trùng* 虫 (con sâu, sâu bọ), nghĩa là coi người Miêu tộc chẳng khác chi loài sâu bọ, thấp hèn.

Hơn nữa, sau khi bị Hoàng Đế và con cháu đánh đuổi, người Miêu tộc đã chạy xuống phía nam sông Dương Tử, nên người Trung Quốc, nhất là người Hán tộc, dùng từ “*man*” để chỉ người phi Hán tộc ở phương nam, nghĩa là phía nam sông Dương Tử. Cũng có khi người Hán tộc kèm thêm từ 南 “*nam*” (= phương nam) với từ 蠻 “*man*” thành từ kép 南蠻 “*nam man*”, cũng để chỉ người phi Hán tộc ở phương nam.

Còn từ “*Di*” 夷 được người Hán tộc dùng để gọi chung những người phi Hán tộc ở phía đông Trung Quốc, nhất là người tộc Triều Tiên 朝鮮族.

Trên đây là nghĩa của hai từ “*Man*” và “*Di*” khi dùng tách biệt. Trái lại, khi hai từ này dùng ghép với nhau thành từ kép “*Man Di*” thì “*Man Di*” lại là tiếng gọi chung các người phi Hán tộc ở chung quanh Trung Quốc (bắc dịch 北狄, nam man 南蠻, tây nam 西戎, đông di 東夷) với ý coi họ là những người mọi rợ, dã man, không hay kém khai hóa. Rồi bắt đầu từ quyển *Tán Ngữ 晉語* trong sách *Quốc Ngữ 國語* của Tả Khuru Minh 左丘明 (556-451 TCN), từ “*Man Di*” được dùng để chỉ người nước Sở 楚⁽⁵⁾, vốn là miêu duệ của người Miêu tộc, vì họ sống ở phương nam Trung Quốc, và nói rộng ra là để gọi người mọi rợ, không khai hóa ở phương nam, đồng nghĩa với từ kép “*Nam Man*”.

Đó là lý do trong câu trích dẫn **Hậu Hán Thư** theo ấn bản của Hoàn nghiệp thư cục, nhà hiệu đính Hứa Đông Phương đã dùng một dấu gạch thẳng ở bên trái hai từ “*Man*” và “*Di*” để tỏ rằng đây là một danh từ riêng (như thông lệ dùng trong các tài liệu hiện đại của người Trung Quốc, nhất là ở Đài Loan), với nghĩa chỉ những người phi Hán tộc ở phương nam nói một cách tổng quát.

Mặt khác, từ “*ly*” 里 (nghĩa đen: chỗ ở; làng; dặm đường; chỗ có 25 nhà), còn viết là 隍, được Lý Hiền 李賢 (654-684) giải thích rằng: “*ly* là biệt hiệu của người man, nay gọi là người *Lý*” (Lý, man chi biệt hiệu, kim hô vi Lý nhân. 里, 蠻之別號, 今呼為隍人. **Hậu-Hán Thư**, q. 86, tr. 2836, chú thích 1).

Tự điển **Từ Hải** đã giải thích từ kép “*Lý nhân*” 隍人 là “*người rợ nam, tức là người Lê ngày nay*” (nam man chi nhân, tức kim chi Lê nhân. 南蠻之人, 即今之黎人). Ngoài việc trích dẫn nguyên văn giải thích của Lý Hiền kể trên (ngoại trừ thêm từ “*xung*” 稱 trước từ “*hô*”), **Từ Hải** còn trích dẫn câu sau trong sách **Bác Vật Chí 博物志** của Trương Hoa 張華 (232-300): “*người rợ châu Giao tên gọi là Lý Tử*” (Giao Châu di danh viết Lý Tử 交

州夷名曰俚子), cũng như lời tài liệu **Quảng Đông Thông Chí 廣東通志** của tác giả khuyết danh, nói rằng:

“[Người] *Việt tục gọi sơn linh là lê*, [và vì] *người Lý sống ở đó nên bị gọi lầm là [người] Lê*; [họ] *ngày nay sống ở núi Ngũ Chi thuộc châu Quỳnh. Những người ở Quảng Tây cũng gọi là người Ly.*”⁽⁶⁾

(Việt tục hô sơn linh vi lê, Lý nhân cư kỳ trung, nhân ngoa vi Lê; kim cư Quỳnh Châu chi Ngũ Chi Sơn. Kỳ tại Quảng Tây giả diệc xưng Ly. 粵俗呼山嶺為黎, 俚人居其中, 因譌為黎; 今居瓊州之五指山. 其在廣西者亦稱狸).

Người tộc Lý/Lê là hậu duệ của bộ lạc Cửu Lê của Xi Vưu nói ở một đoạn bên trên. Họ ngày nay sinh tụ trong một phần tỉnh Quảng Đông (có ít), nhất là ở trên đảo Hải Nam 海南 (nay là tỉnh Hải Nam), trong thành phố Đông Phương 東方, và các huyện Quỳnh Trung Lê tộc Miêu tộc tự trị huyện 瓊中黎族苗族自治縣, Bảo Đình Lê tộc Miêu tộc tự trị huyện 保亭黎族苗族自治縣, Xương Giang Lê tộc tự trị huyện 昌江黎族自治縣, Lăng Thủy Lê tộc tự trị huyện 陵水黎族自治縣, Bạch Sa Lê tộc tự trị huyện 白沙黎族自治縣, Lạc Đông Lê tộc tự trị huyện 樂東黎族自治縣 và trong núi Ngũ Chi (ngày xưa gọi là núi Lê Mẫu 黎母山), ở phía tây huyện Định An 定安, nghĩa là trên gần hết tỉnh đảo Hải Nam. Theo sách **China's Minority Nationalities** của Ma Yin (Mã Dần 馬寅), người Lý “*đã từ Quảng Đông và Quảng Tây di cư sang đảo Hải Nam từ lâu, trước thời nhà Tần (221-206 TCN)*” và “*các khám phá khảo cổ học cho thấy tổ tiên của người Lý đã định cư ở đó cách đây lối 3.000 năm, vào thời Thương mạt Châu sơ...*” (tr. 406; nhà Thương 商, 1766-1122 TCN; nhà Châu 周, 1122-256 TCN)

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Vì chi hiểu có một nghĩa của từ “Lý” 里 dùng trong sách **Hậu Hán Thư** là “làng” nên ông Tạ Quang Phát đã dịch lầm “Lý” là “người quê mùa” trong câu sau trích trong sách **Cương Mục**: “*Định bốn hoàn Nam Hải. Sở chi phong mi Cửu Chân Nhật Nam Hợp Phố Man Lý giai ứng chi...*” 定奔還南海. 所至風靡九真日南合浦蠻俚皆應之...

(TB, q. 2, tờ 10a) thành “*Tô Định chạy về Nam Hải. Vương đến đâu thì như cỏ rạp theo làn gió, những người man và người quê mùa ở Cửu Chân Nhật Nam Hợp Phố đều hưởng ứng theo Vương...*” (ấn bản của Bộ Văn hóa, Sài Gòn, 1967, quyển 2, tr. 179)

Thứ ba, vì hiểu lầm câu “*Cửu Chân Nhật Nam Hợp Phố Man Di giai ứng chi*” (trong **Mã Viện Truyện**) và câu “*Cửu Chân Nhật Nam Hợp Phố Man Lý giai ứng chi*” (trong **Nam Man Truyện**) nên sách **Lịch Sử Việt Nam** mới viết rằng: “*những người Man, người Lý (tiếng chỉ chung các dân tộc phương Nam) ở bốn quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều nhất tề nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng*” và sách **Cuộc Khởi Nghĩa** viết: “*Người Man, người Lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo*”, như đã dẫn ở một đoạn bên trên.

Sở dĩ có sự hiểu lầm này là vì, như đã nói ở một đoạn bên trên, Hán văn ngày xưa viết không dùng dấu chấm câu.

Nếu theo hai tài liệu Việt kể trên, chúng ta phải hiểu là chỉ có người Man và người Lý ở bốn quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố (theo sách **Lịch Sử Việt Nam**) hay ở ba quận Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố (theo sách **Cuộc Khởi Nghĩa**) là hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thôi, còn những người dân Việt cũng như các dân tộc khác trong các quận này không hưởng ứng. Nói cách khác, sự hưởng ứng bị giới hạn hơn nhiều.

Mặt khác, câu của sách **Việt Sử Tiêu Án** rằng “*dân quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, những mán mường đều hưởng ứng...*” lại mang nghĩa rất rộng, vì ngoài người dân 4 quận Việt và Hoa này ra, còn có thêm cả những người mán, người mường, hiểu là ở các địa phương khác, cũng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

Theo thiên ý của chúng tôi, câu của bộ **Hậu Hán Thư** nên hiểu như nhà hiệu đính Hứa Đông Phương (đã nói tới ở trong một đoạn bên trên).

Thực vậy, ngoài việc dùng dấu gạch (-) để nối các địa danh Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố và danh từ kép “*Man Di*” và “*Man Lý*” ra, Hứa Đông Phương còn thêm dấu phẩy (,) sau tên hai tên Cửu Chân và Nhật Nam, nhưng không thêm một dấu chấm câu nào giữa “*Hợp Phố*” và “*Man Di*” hay “*Man Lý*”. Các ấn bản điện tử trên mạng wikisource.org, phần Trung văn, và ctext.org cũng làm như vậy. Nói cách khác, xét theo khía cạnh ngữ pháp, từ “*Man Di*” hay “*Man Lý*” được dùng làm tính từ để hình dung (hiểu là giới hạn nghĩa của) từ “*Hợp Phố*”.

Với cách đánh dấu như vậy, nhà hiệu đính cho chúng ta thấy rằng **Hậu Hán Thư** có ý muốn nói ngoài người dân hai quận Cửu Chân và Nhật Nam (hiểu là tất cả người dân, không phân biệt sắc tộc) còn có người Man Di (theo *Mã Viện Truyện*) hay người Man Lý (theo *Nam Man Truyện*) của quận Hợp Phố cũng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của nhân dân quận Giao Chỉ dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng. Hiểu như vậy là hợp lý.

Trước hết, hai quận Cửu Chân và Nhật Nam đều là quận của nước Việt. Người dân hai quận này dù đa số là người Việt nhưng cũng có một số đáng kể những người không thuộc tộc Việt. Tuy nhiên, trước sự áp bức, bóc lột của chính quyền đô hộ Hán, tất cả nhân dân hai quận, dù là Việt tộc hay phi Việt tộc, đã thấy cần phải đứng lên, trước là để ủng hộ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, sau để tự giải thoát mình khỏi gông cùm của bọn đô hộ Hán. Cũng vì vậy mà hai từ “*Man Di*” hay “*Man Lý*” không cần dùng cho hai quận Việt này.

Đây là chưa kể ở cả ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, nghĩa là trên khắp nước Việt, không có người Lý. Mặc dù sách **Bác Vật Chí** của Trương Hoa đã viết rằng “*người di ở Giao Châu tên gọi là người Lý*”, nhưng: (a) từ “*Giao Châu*” ở đây không chỉ riêng đất nước Việt (đất nước Việt chỉ gọi là Giao Châu từ năm 203 trở đi, nghĩa là 163 năm sau cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo, hoặc riêng quận Giao Chỉ, mà, bắt đầu từ Ban Cố 班固,

32-92 SCN, trong **Hán Thư** 漢書, tục gọi là **Tiền Hán Thư** 前漢書, trở đi, người Trung Quốc thường dùng lẫn lộn 2 từ "quận" 郡 và "châu" 州), trái lại, trong thời Hán thuộc, nó chỉ tất cả 9 quận hợp thành bộ Giao Chỉ; và (b) người Lý chỉ sống ở sơn lĩnh tỉnh Quảng Đông và nhất là ở đảo Hải Nam (trong thời nhà Hán 漢, 206 TCN – 220 SCN, là hai quận Đạm Nhĩ 儋耳 và Chu Nhai 珠崖, và ngày nay là tỉnh Hải Nam).

Mặt khác, chúng ta cũng nên chú ý đến một chi tiết quan trọng: đó là **Hậu Hán Thư** dùng cụm từ “*Hợp Phố Man Di*” (theo *Mã Viện Truyện*) hay “*Hợp Phố Man Lý*” (theo *Nam Man Truyện*) để chỉ sự hưởng ứng của người Lý tộc ở quận Hợp Phố thôi, chứ không nói đến việc người Lý tộc ở hai quận Chu Nhai và Đạm Nhĩ có hưởng ứng hay không. Theo thiên ý của chúng tôi, có lẽ là không.

Tuy Chu Nhai và Đạm Nhĩ là nơi sinh tụ của đại đa số người Lý/Lê và tuy 2 quận này được Hán Vũ Đế Lưu Triệt 漢武帝 劉徹 (tại vị năm 140-87 TCN) lập cùng lúc với 3 quận Việt là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, và 4 quận Hoa là Hợp Phố 合浦, Nam Hải 南海, Thương Ngô 蒼梧 và Uất Lâm 鬱林 (năm 111 TCN), cùng nằm trong bộ Giao Chỉ 交趾部 và do một thứ sử 刺史 điều khiển, nhưng đó chỉ là trên danh nghĩa thôi, còn trong thực tế đảo Hải Nam hầu như không chịu sự cai trị của ai cả mãi cho tới năm 917⁽⁷⁾.

Trong khi đó, mặc dù dân quận Hợp Phố gồm cả người Hán tộc lẫn người phi Hán tộc, trong đó có người Lý/Lê tộc, nhưng vì quận này là một đơn vị hành chính địa phương như các đơn vị hành chính khác trong toàn lãnh thổ của nhà Hán, chứ không phải là ngoại bang hay thuộc địa của nhà Hán (như 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam trên đất Việt) nên người Hán tộc lẽ dĩ nhiên nhất định được ưu đãi, chứ không bị bóc lột, đàn áp như người Man Di hay Man Lý, là những người phi Hán tộc. Do đó,

nếu chỉ có người Man Di hay Man Lý hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thì cũng là một điều tự nhiên.

Sở dĩ việc chỉ có các người "Man Di" hay "Man Lý" thuộc quận Hợp Phố đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng không có gì lạ, khác thường cả. Trong suốt thời gian quận này bị nhà Hán đô hộ (cùng thời gian với việc đô hộ ba quận Việt là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam), những người Man Di hay Man Lý trong quận đã nổi lên chống lại chính quyền đô hộ rất nhiều lần, phần lớn vì chính sách kỳ thị dân tộc của người Hán tộc qua các viên chức đô hộ, hầu hết là tham quan ô lại tàn bạo độc ác, nên họ đã bị bóc lột, bách hại dữ dội khiến những người phi Hán tộc chịu đựng không nổi. Hơn nữa, như đã nói ở một đoạn bên trên, người Miêu tộc nói chung và người Man Di hay Man Lý (họ cũng là một chi của người Miêu tộc) nói riêng ưa chuộng tự do, không bao giờ chịu khuất phục người Hán tộc nên nếu họ có chống lại quan lại đô hộ Hán thì cũng là một lẽ thường tình dễ hiểu.

GS TẠ QUỐC TUẤN

Chú Thích

- (1) *Sách An Nam Chí* được biên soạn vào cuối thế kỷ thứ 17 đầu thế kỷ thứ 18, khoảng 3 thế kỷ sau sách *Việt Sử Lược*.
- (2) Trước thời nhà Hậu Lê (1428-1788), Quốc tử giám Tư nghiệp là người đứng đầu quốc tử giám, tương đương với chức Viện trưởng viện đại học quốc gia ngày nay.
- (3) Thí dụ: Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục, Sài-gòn, in lại năm 1971, q. I, tr. 39; Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư*, Thư Lâm Án thư quán, Sài Gòn, 1960, tr. 108; Lê Thành Khôi, *Histoire du Việt Nam des Origines à 1858*, Sudest Asie, Paris, 1981, tr. 92; Ủy ban Khoa Học Xã hội Việt Nam, *Lịch Sử Việt Nam*, nxb., Khoa học Xã hội, Hà Nội, tập I, 1981, tr. 81; Phạm Cao Dương, *Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam*, Truyền Thống Việt, Fountain Valley, California, Quyển I: 1987, tr. 87.
- (4) Quyển 54, Dương Chấn Liệt Truyện 楊震列傳, trong bộ *Hậu Hán Thư* nói về Dương Chấn (?-124), một danh thần thời nhà Đông Hán và con, cháu, chất; không có đoạn nào hay câu nào đề cập hay nhắc tới cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng cả. Có lẽ soạn giả sách *Lịch Sử Việt Nam* muốn nói quyển 24, Mã Viện Liệt Truyện.

(5) Người Sở sống thành bộ lạc (sử sách xưa của Trung Quốc gọi là “quốc” 國) từ bao giờ không rõ, chỉ biết họ sinh tụ ở vùng nay là tỉnh Hà Bắc 河北) và có giao hảo với nhà Thương/Ân (gọi là Thương 商 năm 1766-1401 TCN và Ân 殷 năm 1401-1122 TCN). Sau, vì tù trưởng Mị Hùng Dịch 卞熊繹 có công giúp nhà Châu 周 (1122-256 TCN) diệt nhà Thương/ Ân nên được Châu Thành Vương Ki Tụng 周成王姬誦 (tại vị năm 1116-1079 TCN) ban cho tước tử và đất Sở (ở hạ lưu sông Dương Tử 揚子江, miền Nghi Xương 宜昌, quanh huyện Giang Lăng 江陵 thuộc tỉnh Hồ Bắc 湖北 ngày nay). Cương vực nước Sở vào thời Chiến quốc 戰國 (480-221 TCN) là địa khu nay gồm các tỉnh Hồ Bắc 湖北, Hồ Nam 湖南, An Huy 安徽, Giang Tây 江西 và Chiết Giang 浙江. Sở bị Tần diệt năm 223 TCN.

(6) (a) **Người Việt:** ở đây phải hiểu là người Quảng Đông, chứ không phải là người Việt Nam. (b) **Châu Quỳnh:** tức tỉnh đảo Hải Nam ngày nay.

7) Về lịch sử Hải Nam, thí dụ xem Edward H. Schafer, **Shore of Pearls**, University of California Press, Berkeley & London, 1970, tr. 5-24.

II

PHẠM HỒNG THỦY

VIỆT NAM: THẨM HOẠ DIỆT CHUNG ĐANG Ở NGAY TRƯỚC MẮT SOS Vietnam

Ở Việt Nam thẩm họa diệt chung đang đến nhưng rất ít người nhận ra điều này. Các thủ đoạn hủy diệt của Trung Quốc đã và đang diễn ra trên toàn cõi Việt Nam:

1. TQ hủy diệt châu thổ sông Cửu Long, nguồn lương thực và thực phẩm chính của cả nước. Việc này chúng thực hiện bằng cách xây nhiều đập thủy điện ngăn sông Mê Kông, gây hạn hán và ngập mặn trầm trọng tại Đồng Bằng sông Cửu Long, đồng

thời dùng rất nhiều thủ đoạn thâm độc như dựng nhiều nhà máy, thải hóa chất độc, thả ốc bươu vàng... nhằm phá hoại lúa, hoa màu và thủy sản trên toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long (*xem Google: Hận hán và ngập mặn tại Đồng bằng Sông Cửu long*).

2. TQ ngăn cấm ngư dân Việt Nam đánh bắt xa bờ, phá hủy hàng ngàn tàu đánh cá của ngư dân Việt. Đồ khối lượng rất lớn chất độc dọc bờ Biển Đông để hủy diệt các hải sản ở biển và các vùng nuôi hải sản ven biển, đầu độc toàn bộ nguồn muối ăn của người Việt. Các chất độc đã hủy diệt sự sống trên vùng biển hàng ngàn km²... Với hàm lượng độc tố thấp hơn sẽ gây các bệnh rất nguy hiểm cho hệ thần kinh và thiếu năng trí tuệ cho nhiều thế hệ về sau (*xem Bệnh Minamata - Wikipedia và xem Google: Cá chết hàng loạt ở Việt Nam*)

3. TQ hủy diệt các sông ngòi trên toàn bộ miền Trung thông qua hàng trăm đập thủy điện, khai thác bauxite, thương lái TQ bày trò mua chanh leo giá cao để nông dân Việt Nam phá hàng ngàn hecta cà phê, điều, hồ tiêu; Cung cấp máy xung điện và hóa chất để bắt giun đất và mua giun với giá cao để phá hủy đất trồng trọt; Mua vét rong biển để triệt hạ vùng sinh thái của cá... nhằm phá hoại kinh tế người Việt (*xem Google: thương lái Trung Quốc phá hoại kinh tế Việt Nam*)

4. TQ xây nhiều đập phía thượng nguồn sông Hồng và sông Đà, làm suy kiệt sông Hồng từ nhiều năm. Chuẩn bị đại dự án sông Hồng với 6 đập thủy điện mới, hủy diệt hoàn toàn hệ sinh thái Châu thổ sông Hồng (*xem Google: Đại dự án Sông Hồng*).

5. TQ xây dựng hàng ngàn nhà máy, hãng, xưởng trần giữ các vị trí quân sự quan trọng, đồng thời thải hàng trăm ngàn tấn chất độc, hủy diệt khí quyển và các nguồn nước. Trong khí thải các nhà máy ở Việt Nam với thiết bị Trung Quốc, hàm lượng các khí thải độc hại như CO, SO₂, H₂S, Hg... đều cao hơn từ 19 lần tới 125 lần hàm lượng cho phép. Chất thải đổ xuống nước đã làm chết rất nhiều sông ngòi như Thị Nại, La Ngà, Bưởi, Nhiêu Lộc... và hàng ngàn km bờ biển (*xem Google "Ô nhiễm môi trường ở Việt Nam" (xem Google "Ô nhiễm môi trường tại Việt Nam")*).

6. TQ tung thực phẩm, dược phẩm và hàng hóa độc hại cùng các hóa chất chế biến thực phẩm độc hại tràn ngập thị trường Việt Nam, đồng thời thương lái Trung Quốc mua vét các loại thực phẩm sạch để người Việt chỉ có thể sống bằng thực phẩm độc hại, suy yếu, ngu dân và chết dần vì bệnh tật.

Hiện nay số người Việt bị ung thư, nhũn não, đột quỵ và nhiều bệnh hiểm nghèo khác đã ở mức cao nhất thế giới (*xem Google: Thực phẩm độc hại tràn lan tại Việt Nam*).

Từ năm 2017, nếu không kịp thời ngăn chặn, nạn đói, bệnh tật và nạn trộm cướp sẽ lan tràn khắp Việt Nam, xã hội sẽ trở nên hoàn toàn hỗn loạn. Với danh nghĩa "cứu trợ" và "văn hồi trật tự" hàng triệu "chí quân nguyện Trung Quốc" sẽ tràn ngập Việt Nam.

Sau khi chính thức bị sát nhập vào Trung Quốc năm 2020 (*xem Google "Hội nghị Thành Đô"*), dân tộc Việt Nam như cá nằm trên thớt, mức độ hủy diệt sẽ tàn bạo hơn nhiều. Sau khi sát nhập, bộ đội và công an VN cùng hàng chục triệu đàn ông ở tuổi lao động và con trai sẽ bị cưỡng bức tới những vùng biên cương xa xôi phía Bắc Trung Quốc, để vợ và con gái ở lại. Điều này đã từng xảy ra ở Tây Tạng từ năm 1959. Hàng chục triệu đàn ông TQ sẽ sang thế chỗ, lấy vợ và định cư ở VN. Sau 20 năm nữa con số 90 triệu người Việt liệu có còn tới 10 triệu như người Mãn hay tới 3 triệu như người Tây Tạng không? Trong số người sống sót có bao nhiêu triệu thanh thiếu niên bị thiếu năng trí tuệ do cha mẹ ăn phải chất độc của Trung Quốc?

Thảm họa diệt chủng đã hiện ra trước mắt, không ai có thể cứu được dân tộc Việt Nam khỏi thảm họa này, nếu 90 triệu người Việt không tự cứu mình trước.

Mỗi người cần nhìn thấy cái chết đang đến với chính mình và con cháu mình, hãy chuyển tải thông tin này tới mọi người, mọi tờ báo, mọi phương tiện thông tin để mọi người cùng biết, cùng nhau đứng lên ngăn chặn thảm họa diệt chủng đã đến ngay trước mắt, để cả thế giới cùng biết và lên tiếng hỗ trợ chúng ta.

HÃY XIẾT CHẶT VÒNG TAY LỚN - VIỆT NAM MUÔN NĂM! TUYÊN TRUYỀN RỘNG RÃI VỀ THẢM

HOA DIỆT CHÚNG LÀ VIỆC TRỌNG YẾU VÀ HẾT SỨC CẤP BÁCH!

Trong số 90 triệu người Việt, mới chỉ rất ít người nhìn thấy thảm họa diệt chủng.

HÃY CÙNG NHAU LOAN TRUYỀN THẬT RỘNG RÃI ĐỂ MỌI NGƯỜI CÙNG BIẾT và LÀM THÀNH SỨC MẠNH CẢ DÂN TỘC, người lãnh đạo hiền tài sẽ xuất hiện và chúng ta sẽ thành công.

Với những người chưa biết, đặc biệt trong công an, quân đội và đảng viên cộng sản, cần loan truyền cho họ biết. Với những người đã biết nhưng chưa tin, nhiều người kiên trì giải thích họ sẽ tin.

Có những người vì quá sợ hãi, đành chấp nhận **MẤT NƯỚC**, khi nhận ra **THÂM HOA DIỆT CHÚNG** sẽ phải thức tỉnh. Những kẻ cố ý bán rẻ đất nước và quyền lợi dân tộc chỉ là số ít, sẽ bị dẫm nát dưới sức mạnh cả dân tộc.

Mong mỗi Quý Vị hãy chuyển tiếp bài này tới nhiều người khác. Nếu mỗi người chuyển thông tin tới 10 người, từ 10 người tới 100 người, tiếp tục 5 bước như vậy sẽ có hàng chục triệu người nhận ra sự thật và thảm họa diệt chủng sẽ bị ngăn chặn. Dân tộc Việt Nam sẽ đời đời nhớ ơn tất cả các bạn đã góp phần truyền bá thông tin về thảm họa khủng khiếp này, góp phần cho tổ quốc và dân tộc mãi mãi trường tồn.

Không thể hy vọng Nhà nước VN bảo vệ đất nước và chống TQ.

Tại Hội nghị Thành Đô 1990, chính lãnh đạo CSVN đã ký kết dâng Việt Nam cho Trung Quốc để bảo vệ cho Đảng CSVN (xem Google "**Hội nghị Thành Đô**"), sau khi nhân dân các nước cộng sản Đông Âu đồng loạt nổi dậy lật đổ chế độ CS cuối năm 1989 (xem "**Sự sụp đổ Liên xô và Đông Âu** - Wikipedia").

Hiện nay công an và quân đội chỉ còn là công cụ đàn áp nhân dân và dọn đường cho quân xâm lược. Thời Bắc thuộc tuy mất nước nhưng còn dân tộc nên nhân dân ta đã giành lại đất nước

năm 905. Hiện nay TQ vừa chiếm đất vừa diệt chủng, nếu không giữ được đất nước, dân tộc Việt Nam sẽ bị diệt vong. Nạn nhân tiếp theo sẽ là các dân tộc Lào, Campuchia, Thái Lan cùng toàn vùng Đông Nam Á.

THỜI GIAN KHÔNG CÒN NHIỀU NỮA. Theo hiệp định bán nước Thành Đô 1990, Việt Nam sẽ bị sát nhập vào Trung Quốc năm 2020.

Khi nạn đói, bệnh tật hoành hành và quân Trung Quốc tràn ngập lãnh thổ, mọi việc sẽ trở nên vô cùng khó khăn.

CÀN HÀNH ĐÔNG NGAY TRƯỚC KHI QUÁ MUỘN. TUYÊN TRUYỀN SỰ THẬT để NGĂN CHẶN NẠN DIỆT CHỨNG LÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI NGƯỜI ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC và DÂN TỘC!

Phạm Hồng Thúy

THƠ

TRẦN VĂN LỆ

THỜI GIAN

Trời không có gió. Trời cũng không mưa. Mây che mờ mờ. Nắng như muốn khóc...

Em ngồi chải tóc. Tóc sợi nào rơi? Tóc nào có đuôi... đuôi dài chim én?

Trời như nắng nặng hay ta buồn buồn? Câu thơ nào suôn chải giùm anh với...

Mười năm em đợi. Mười năm nữa qua. Mười năm thêm già... Bốn ba năm, nhé!

Em ơi,
Nắng sắp đổ lệ mà mưa chưa mưa! Bây giờ đã trưa, lát rồi... ngày
hết! Bao nhiêu người chết không ở chiến trường mà ở trên
giường... tuổi già, tàn, tạ!

Nước Mỹ thật lạ: Chim én không bay mà hoa nở đầy thây đầy
thấy đó! Mùa Xuân, mùa nhớ pháo đỏ, bánh chưng xanh xanh lá
rừng... Nhớ những con sông chảy trong thành phố. Nhớ quá cổ độ,
cây đa lá bay...

*Em ơi, tóc dài cho anh núp bóng. Em ơi, tâm động hay lá cờ
bay... Mỗi ngày mỗi ngày trôi qua như thế! Câu Kinh tiếng Kệ,
đời cứ như như... rồi thì Thiên Thu. Chúng ta về đâu? Chúng ta
về đâu? Mây qua cầu, tàn; nước qua cầu, lặng... cái bóng ta
dương!*

Trần Văn Lệ

HUYỀN VÂN THANH

(Về Nguồn - Tây Đô)

ĐIỆU RU CỦA MẸ

"Àu ơ...

Con ơi con ngủ cho say

Cha con đi lính tận ngoài biên khu...

Àu ơ..."

Tiếng hát ru con của Mẹ

Vang lên

Vang lên từ đồng quê thôn xóm

Điệu ru hời, điệu ru quê hương

Tạo cho con bầu máu nóng quật cường

Nuôi ý chí đấu tranh từ khi con còn trên nôi

Từ khi con còn buông từng tiếng kêu, tiếng khóc.

Mẹ ru con

Mẹ ru bằng điệu ru dân tộc

"Ạ ời ơi... ạ ời ơi..."

Nam Tây Đông Bắc bốn phương trời

Mai sau con sẽ nên người hiên ngang..."

Mẹ muốn cho con
Bền gan chiến đấu
Mẹ mong cho con
Nung nấu sự sôi
Tình yêu đất nước
Tình thương giống nòi
Nên Mẹ đã dạy con
Mẹ dạy bằng Tinh Hoa Nòi Việt
Những Quang Trung – Thường Kiệt
Những Quốc Tuấn – Lê Lai
Những cuộc phục quân đuổi giặc chạy dài
Những lần mở rộng quê hương lãnh thổ
Nào những anh thư vang lừng Trưng Triệu
Nào chí ngang tàng của Bùi Thị Xuân
Nào gương đấu tranh Cô Bắc – Cô Giang
Mẹ kể hết cho con am tường lịch sử...

Mỗi khi hát ru con
Mẹ thường hãnh diện
Rằng được ra đời làm dân Việt Nam
Một dân tộc có bốn ngàn năm văn hiến huy hoàng
Nên Mẹ muốn cho con
Hãy vui theo niềm vui của Mẹ
Và nếu đau...
Thì hãy đau cho nỗi niềm cào xé quê hương.

Rồi Mẹ lại ru con
Bằng điệu ru hời – điệu ru tình thương
**"Mấy đời bánh đúc có xương
Mấy đời đế quốc biết thương dân mình...
Ạ ời ơi..., ạ ời ơi..."**
Điệu ru của Mẹ ngất trời Việt Nam
– Hời ai làm dân Văn Lang
Có nghe điệu hát chứa chan ý tình??

HUYỀN VÂN THANH

[Lớp Đệ I B1 * GIAI PHẨM XUÂN 1966 - Phan Thanh Giản Cầm Thơ 1966]

THY LAN THẢO

(Houston - Texas)

KHẮC ĐẬM TÌNH QUÊ

Vườn sau đậu bắp vừa đơm nụ
Cà mới ra hoa, mướp bỏ vôi
Hăm mấy năm trời nơi đất khách
Vẫn buồn vẫn nhớ vẫn xa xôi...!

Cuối tuần rảnh rồi ra làm cỏ
Tươi tắm vụn phân thấy nhớ nhà
Quê mẹ Gò Công còn nguyên đó
Đường về lãng lác mịt mờ xa...

Tuổi già hồi đó ba nhàn rồi
Chăm sóc hoa trồng ớt trồng cà
Giàn hoa Ngọc Cẩn vào mỗi tối
Thoang thoảng mùi hương bay thật xa...

Chiều đi làm về ra hái trái
Cầm quả cà trái mướp cọng rau
Phải chi ba mẹ còn bên cạnh
Con khỏi nhớ thương đỡ ghen ngào

Những ngày giáp tết càng ray rứt
Nhìn quýt bưởi cam chín đầy vườn
Hồi đó ra tù nhà nghèo lắm
Thèm ăn phải nhịn, cảnh bi thương!!

Trong mơ xẻ bưởi tay lột quýt
Mời mẹ mời ba ăn với con
Gò Công ơi xa xôi mờ mịt
Sương gió ly hương thấm lạnh hồn!!

thylanthảo



ĐÀO ANH DŨNG

TÔI TẬP LÀM VĂN

Trong hai năm tôi học lớp Tư và lớp Ba trường Tiểu học Tây Ninh, Tập Làm Văn là môn tôi ghét nhứt và học dở nhứt. Có lẽ vì tôi nhỏ tuổi (tôi được cha mẹ cho đi học sớm, vào lớp chót lúc mới bốn tuổi) nên óc tưởng tượng, nhận xét của tôi còn quá non nớt để viết những bài luận văn tả cảnh, người và vật xung quanh mình. Tôi thích môn Toán Số và Cách Trí hơn. Các bài toán đố, tôi làm một cái rụp là xong; những bài Cách Trí, tôi chỉ cần đọc đi đọc lại cho thuộc lòng là có thể gấp sách đi chơi với chúng bạn rồi, hiểu bài hay không là chuyện khác. Trong khi đó, tôi ngồi hàng giờ mới "nặn" ra được vài câu cho bài Tập Làm Văn.

Lên lớp Nhì tôi học với thầy Ra. Thầy hiền khô, dáng người thầy mảnh khảnh thư sinh, nước da ngăm đen. Tựu trường năm ấy, vào ngày thứ bảy tuần lễ đầu tiên thầy cho lớp một số bài làm ở nhà, nộp vào sáng thứ hai; trong số có một bài Tập Làm Văn với đầu đề: **“Em hãy tả một con mèo.”** Trời đất ơi, phải chi thầy cho đề tả một trận đá banh thì may ra tôi mới có ý mà viết, thì đỡ khổ cho tôi biết chừng nào. Hồi đầu năm học lớp Ba thầy Khánh, tôi đã phải tả con mèo rồi và tôi đã bị chúng bạn cười một trận khi thầy đọc bài luận văn của tôi cho cả lớp nghe, đại khái như sau:

Nhà em có nuôi một con mèo. Cô em đặt tên nó là con mi-ao. Nó có một cái đầu, một cái mình, bốn cái chân và một cái đuôi dài thòn. Con mèo của em bắt chuột giỏi lắm. Nhà thằng Cống kế bên cũng có nuôi một con mèo nhưng dĩ tám má nó nói con mèo làm biếng nhớt thây không đi bắt chuột như con mèo của em mà tôi ngày nằm phơi bụng ở cửa sổ... Vì vậy mà em thương con mèo của em.

Vì mê chơi với anh em, chúng bạn cho nên đến chiều chúa nhật tôi mới làm bài luận văn. Tôi ngồi cú đầu, bức tức, không biết viết gì cho kịp nộp bài vào sáng hôm sau, lại còn bị ông anh chọc quê: "*Mày không biết tả con mèo bốn chun thì tả con mèo hai chun đi!*". Đó là anh Thanh, người cháu nuôi của ông nội tôi.

(Tôi xin mở đầu ngoặc ở đây để kể đôi dòng về anh Thanh. Vào cuối năm 1949, lúc tôi còn nằm trong bụng mẹ gần ngày chào đời, ông nội tôi lâm bệnh nặng, bệnh cao huyết áp, bị đứt mạch máu não, gia đình phải đưa ông đi bệnh viện Grall ở Sài Gòn cứu chữa, trong nhà ai cũng tưởng tôi sẽ không thấy được mặt ông. Nhưng nhờ phước đức Ông Bà, ông tôi qua được cơn bạo bệnh và Đức Hộ Pháp, một người học trò cũ của ông, đến thăm thầy ở nhà thương. Không ai biết thầy trò nói gì với nhau mà khi ông nội tôi trở về nhà, ông tôi bảo cha tôi tìm mua ván cây gỗ và sau đó Đức Hộ Pháp gọi đến nhà một bác thợ mộc để đóng cho ông nội tôi một cỗ quan tài. Anh Thanh là một trong hai người con của bác thợ mộc ấy. Bác làm công quả ở Toà thánh Cao Đài Tây Ninh, tánh tình hiền hoà, đạo đức, goá vợ, ở vậy nuôi hai người con. Ông nội tôi thấy thương nên nhận hai người con trai của bác thợ mộc làm cháu nuôi trong nhà. Một hai năm sau, người anh của anh Thanh xin trở về nhà phụng dưỡng cha, chỉ còn có anh Thanh ở lại cùng gia đình ba má chúng tôi. Khi tôi học lớp nhì, anh Thanh đã làm thầy giáo và đã ra ở riêng. Chiều hôm ấy, anh đến thăm ông nội tôi và ở lại nhà ăn cơm.)

Tánh tình của anh Thanh là vậy, anh hay đùa cợt, chọc ghẹo em út nhưng lại là người rất tốt bụng. Hôm ấy, anh đến bàn, ngồi đối diện với tôi, đặt ra một lô câu hỏi và biểu tôi trả lời từng câu một. Anh hỏi tôi con mèo nhà xin ở đâu đem về nuôi, nó có gì đặc biệt, đẹp, xấu, hay, dờ ở chỗ nào, tôi thương hay ghét nó, tại sao v.v...

Nhờ anh Thanh gợi ý bằng những câu hỏi ấy tôi viết bài luận văn một lèo là xong, rồi tôi đưa cho anh đọc. Anh biểu tôi ngắt những câu văn dài ra thành những câu ngắn, gọn, và chia bài ra ba phần cho rõ ràng. Anh không sửa những lỗi chính tả mà gạch dưới những chữ tôi viết sai và biểu tôi tra tự điển Thanh Nghị. Những chữ nào tôi lặp đi lặp lại, anh cũng gạch dưới và khuyên tôi tìm chữ đồng nghĩa mà thay thế, đọc nghe hay hơn. Anh còn góp ý,

đề nghị tôi thêm vào vài chữ và chi tiết cho bài luận văn "đạm đà" hơn.

Đã 60 năm qua, làm sao tôi nhớ trọn bài luận văn ấy? Số là Tết năm kia, tôi về Tây Ninh thăm gia đình gần hai tháng. Vợ chồng chúng tôi không đi tua du lịch nào mà ở nhà, hủ hủ với má của chúng tôi vì bà mới trở chân té, xương chậu bị nứt, phải nằm một chỗ. Nhờ vậy, tôi mới có dịp lục tủ sách gia đình và tìm được vài quyển tập cũ, trong số có quyển Tập Làm Văn lớp Nhì của tôi, cho tôi cái cơ để viết truyện ngắn này. Tôi đã tả con mèo của tôi như sau:

Nhập đề:

Nhà tôi có nuôi một con mèo. Cô tôi đặt tên nó là con Mi-ao vì suốt ngày nó kêu "mi ao mi ao". Tôi thích con chó Kiki, không ưa mèo nên tôi không để ý đến con Mi-ao. Vì thấy cho đề tả con mèo nên buộc lòng tôi phải nghĩ về cái đẹp, cái xấu của con Mi-ao mà làm bài tập làm văn này.

Thân bài:

Trước đây cô tôi có nuôi một con mèo mun để bắt chuột. Một ngày bỗng dưng con mun mất biệt. Nó đi theo cái, hay là bị xe đụng không ai biết. Vài tuần lễ sau, cô tôi xin bạn của cô là cô hai Hồng Hoa ở xóm trên cho cô con Mi-ao.

Con Mi-ao là một con mèo tam thể. Nó có bộ lông ba màu: vàng, đen và trắng. Đặc biệt bốn bàn chân của nó màu trắng sát, thật là đẹp. Nó ăn uống nhỏ nhẹ, hiền lành chứ không có tấp tấp như con chó Kiki. Vậy mà lúc nó chạy bắt chuột thì lanh lẹ như mũi tên và khi nó vờn con chuột nó vừa bắt được thì thật là ác. Nó hành hạ con chuột cho đã nư rồi mới chịu ăn thịt.

Tôi ưa con Kiki hơn vì khi tôi giận với nó, nó giận lại. Tôi đi chơi đâu con Kiki cũng theo tôi bèn gót. Tôi đi đâu về, nó chạy ra mừng. Trong khi đó, con Mi-ao không theo ai chơi hết, trừ phi nó đói nó kêu "mi ao mi ao", lần quần bên chân cô tôi cho đến khi cô cho nó ăn cơm nó mới thôi. Nhiều lần tôi ngủ trưa, cảm thấy có cái gì nặng nặng đè trên bụng, mở mắt thấy con Mi-ao đang tự nhiên nằm ngủ. Khi tôi vuốt ve đầu của nó, thường thì nó nằm im cho tôi vuốt nhưng có hai ba lần nó đờ quạu, lấy chân trước quào tay tôi. Tôi thấy tánh của con mèo khi hiền, khi dữ, không biết đâu mà lường.

Kết luận:

Con Mi-ao đẹp nhưng tôi không ưa nó vì cái tánh nết kì khôi của nó, nhưng nghĩ lại tôi thấy tôi cũng có lúc như nó nên chắc có bạn cũng không ưa tôi. Tôi thấy tôi phải học cái tánh của con Kiki mới được.

Vài ngày sau, thầy Ra phát bài Tập Làm Văn nhưng lạ thay, tôi không nhận được bài của mình nên đâm ra thắc mắc, nghĩ rằng bài của mình chắc bị phát lạc đâu rồi, bỗng nghe thầy gọi tên và biểu tôi lên bảng. Ôi thôi, tai nạn “tập làm văn” nữa rồi! Tôi nghĩ mình đã viết lạc đề vì thầy biểu tả con mèo trong khi tôi viết nhiều về tánh nết của nó. Tôi bước lên bục mà tay chân bủn rủn cho đến khi thầy trao cho tôi bài luận và biểu tôi đọc cho cả lớp nghe. Nhìn thấy thầy cho tôi chín điểm trên mười tôi mới vững bụng đọc. Khi tôi đọc xong bài tập làm văn, có mấy bạn cười khúc khích, một bạn lên tiếng chọc quê tôi rằng tôi muốn học làm con chó cho đến khi thầy búng tay, biểu im các bạn mới thôi...

Thầy Ra phân tích bài Tập Làm Văn của tôi cho cả lớp nghe. Khen nó đầy đủ ý tứ, câu văn ngắn gọn, rõ ràng và thầy khuyên tôi tiếp tục viết như vậy, biết đâu sau này sẽ trở thành "nhà văn"! Hôm ấy, vì quá sung sướng nên tôi quên nói câu cảm ơn thầy, nhưng khi về nhà tôi lại nhớ đến "thành tích" này và khoe với ba má và anh chị em. Cha tôi mỉm cười, biểu tôi đưa bài Tập Làm Văn cho ông đọc.. Ông cũng khen hay, thưởng cho tôi hai đồng bỏ ống nhưng ông khuyên tôi ráng học cho giỏi để sau này đi làm kiếm tiền, có thể tự nuôi lấy tấm thân và gia đình, chứ đừng có mơ mộng làm "nhà văn", đói chết!

Kỷ niệm này bây giờ tôi chỉ nhớ có bấy nhiêu, nhưng lời khen, lời khuyên của thầy Ra ở mãi trong tâm khảm của tôi. Nhờ nó mà tôi có niềm tin vào khả năng của mình. Đọc sách vở, bản tin nào tôi cũng cố gắng để ý đến câu văn, nội dung, bố cục, luôn luôn tìm tòi học hỏi nên không gặp nhiều khó khăn trong việc viết lách, khi lên trung học, vào đại học rồi ra trường, đi làm.

Mấy lần về quê thăm nhà, gặp bạn cũ nào tôi cũng hỏi thăm nhưng không ai biết thầy Ra ở đâu, còn sống hay đã qua đời. Nguyên câu Thượng Đế ban cho thầy mọi sự bình an và xin kính gởi đến thầy câu cảm ơn muộn màng.

ĐÀO ANH DŨNG

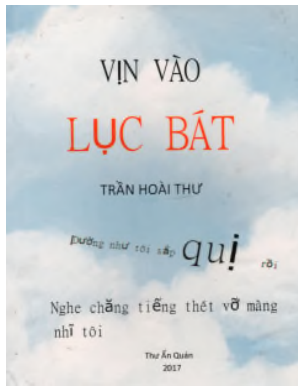
ĐỌC SÁCH



PHẠM VĂN NHÀN

VỊN VÀO LỤC BÁT của Trần Hoài Thư

Vin Vào tập thơ hoàn toàn thể loại thơ nào này, mà anh đã Nhận được tập và có vài cảm anh đã nói với tôi Một thể loại thơ Nam. Rất dễ làm.



khó làm về thể loại thơ này. Dễ làm, nhưng không ít có người làm hay để lôi cuốn người đọc. Không khéo lục bát sẽ trở thành những bài về hay ca dao. Cho nên làm một bài lục bát hay, rất hiếm. Chú đừng nói đến chuẩn của loại thơ "thuần việt" này.

Tôi thích đọc những bài thơ hay. Đã là thơ không hay, thì đừng nên làm. Bẩn tai người đọc. Do đó, khi đọc được những bài thơ hay nó dễ cảm nhận với nhà thơ. Để tự mình thấy "khoái" khi đọc được bài thơ hay của một tác giả nào đó. Từ xa lạ, tự nó dẫn đến gần gũi hơn qua những con chữ. Khoái lắm. Sướng lắm. Mê lắm...khi đọc được một bài thơ hay là vậy. Đối với tôi.

Còn bây giờ thì sao? Trước mặt tôi là tập thơ của một người bạn. Một người bạn tự gắn bó trên 50 năm vui, buồn, gian khó có

Lục Bát. Đây là lục bát, không có khác trong thi tập viết trước đây. thơ, tôi đọc ngay nghĩ về tập thơ mà trước đó. Lục Bát. hoàn toàn Việt Nhưng cũng rất

nhau khi còn trong quân ngũ. Và, cũng đã đọc thơ và truyện của anh nhiều. Cho nên, khi viết về những tác phẩm của anh, với tôi: dễ mà khó. Dễ: tình bạn. Khó: không khéo người ta bảo lại khen nhau.

Tuy nhiên, với tập thơ: **Vịn Vào Lục Bát** này của anh. Tôi chấp nhận: không khéo lại khen nhau. Quả thật như vậy. Thơ hay, tôi nói hay. Thơ dở tôi nói dở. Với tập thơ khoảng 100 trang trở lại, gồm toàn lục bát. Tôi đọc gây cho tôi một ấn tượng. Một cảm xúc. Một cảm xúc thật sự. Vì đơn giản là hay. Nhiều người bạn làm thơ của tôi cũng nói như thế khi đọc thơ lục bát của anh.

Nhưng lạ, tại sao với tập thơ này, anh lại chọn cho cái tựa là: **VỊN VÀO LỤC BÁT**? Thế nào cũng có người hỏi: quái, sao lại là Vịn vào Lục bát? Tôi nghĩ anh có lý của riêng anh. Tôi lại nghĩ (cũng lại nghĩ), qua cảm nhận của riêng tôi: *VỊN là động từ. Có nghĩa là đưa tay tựa vào chỗ nào đó để đi, để đứng cho vững.* Ví dụ: thuở còn nhỏ, mới đi chập chững, phải vịn vào tay mẹ bước từng bước: *Lan can mẹ, mẹ khom lưng/ Để con được vịn, khỏi cần nhón chân/ Đứng bên mẹ, bé vô cùng/ Thấy như tay mẹ sẵn sàng dẫn con.* Khi lớn tới trường, Vịn vào thầy. Thầy dạy cho ta ba chữ a, b, c để vào đời. Trong quân ngũ chúng tôi cũng vậy, Vịn vào đồng đội để chiến đấu có nhau... Như vậy: Vịn Vào Lục Bát có nghĩa là anh đã đi vào lục bát bằng đôi tay, bằng bộ não, cho nên lục bát của anh phải ...hay. Ví dụ như hai câu đầu trong bài lục bát **Một nửa vàng ngọc lan** thôi: *Em xa nhà. Tôi xa quê / Em bỏ đi, tôi cũng đi, chẳng về.* Anh đã phá thể loại thơ này trong hai câu đầu mà chúng ta đã học thời còn trung học: **nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh.** Nhưng theo tôi, sự phá thể của anh rất tuyệt vời. Chỉ với hai câu đầu thôi: *Em xa nhà, Tôi xa quê* (thanh bằng / phá thể) nhưng lại đối nhau một cách chặt chẽ. Tạo cho người đọc một cảm xúc rất mãnh liệt. Buồn não lòng. Nhưng, ở bài viết này, tôi không phải là nhà phê bình văn học, chỉ "múa riu qua mắt thợ" một chút thôi, để nói lên thơ lục bát của người bạn tôi thật tuyệt vời xuyên suốt hết cả tập. Có nhiều bài cũng phá thể. Vượt ra ngoài cái khung luật của thơ. Nhưng tuyệt vời lắm: như trong bài **Điếu Thu** chỉ có 12 câu, mà đã phá thể luật bằng trác hết 4 câu. Hai câu đầu và hai câu cuối:

Tôi đi, thì tôi đi đây

Đi đâu, đường vẫn rụng đầy lá thu

hay:

Chỉ tôi, không ai tiễn đưa

Khi đời đã rụng cuối mùa thanh niên

Ông bạn nhà thơ của tôi. Anh **Tô Thắm Huy** khoái quá, đập bàn. Tuyệt. Đọc lên thấy nao nao cõi lòng. Như vậy, lục bát, một thể loại thơ thuần Việt mà chắc chắn tay anh đã chạm đến nó. Mà đã chạm đến nó thì phải vững. Những bài thơ phải hay. Lôi cuốn người đọc. Trong đó có tôi.

Vâng. Đúng vậy. Với vốn vẹn 100 trang, Những bài thơ thật ngắn đã thật sự lôi cuốn tôi phải đọc. Và, tự nó, lôi cuốn tôi phải viết. Viết về tập thơ của người bạn trên 50 năm. **VỊN VÀO LỤC BÁT** tôi chia ra làm ba phân đoạn.

Đoạn một: Hiện tại.

Đoạn hai: Một thời trong quân ngũ.

Đoạn ba: Nhớ về bạn bè trong khu sáu (Quy Nhơn).

Với đoạn một. Thời hiện tại của anh hôm nay. Tôi đọc những bài thơ anh làm mà thấy xót xa. Một người lính trận năm nào, chúng tôi đã "phung phí" tuổi trẻ cho một lý tưởng, thì hôm nay ở cái tuổi thất thập cổ lai hy này, anh vẫn miệt mài, chăm sóc người vợ bệnh đau trong nursing home mà anh đã từng viết những bài dài trên trang báo TQBT. Anh vẫn miệt mài trên từng con chữ. Anh vẫn miệt mài in ẩn dưới basement để cho ra những đầu sách, những tạp chí văn học mà anh đã làm. Chữ nghĩa văn chương hình như không xa lìa khỏi cuộc sống bình thường của anh ở trên xứ người. Ở cái tuổi già và bệnh đau (gout) như anh, đang lẽ hôm nay anh phải thụ hưởng. Nghi ngại. Nhưng không, người lính trận năm nào đó vẫn:

Bến kia, lạnh nền đôi hàng

Phố kia, và những con đường lặng im

Nhà kia, đóng cửa im lìm

Sao tôi không đóng nổi niêm muội mê

(Hỏi Lòng)

Đúng vậy. Nếu không qua thăm anh, tôi chẳng bao giờ thấy được: *nhà kia đóng cửa im lìm. Sao tôi không đóng nổi niêm muội mê.*

Còn hơn thế nữa. Nỗi buồn nào hơn khi về lại ngôi nhà, mà trước đó đầy ắp tiếng cười tiếng nói của người vợ. Nay sao im ắng quá. Tôi đọc những đoạn lục bát này mà sao nghe náo lòng:

*Bên ngoài bãi đậu xe vơi
Vời rừng phong lạnh xám trời tịch liêu
Mênh mông trời đất buồn hiu
Chưa tàn thu mà ngâm ngùi ủ ê
Bên ngoài cây lạnh tê tê
Tôi vào cánh cửa nẻo nề áo com
(Bãi Lạnh)*

Hay:
*Đi về biết chờ gì theo
Chờ theo vạt nắng bên đèo vào xe
(Đi Về)*

Nỗi cô đơn của người lính trận năm nào, khi mà ngày nào cũng vào nursing home nuôi vợ. Ngày nào cũng mang cơm , mang nước... Ngày nào cũng thay đổi món ăn để cho vợ vui. Người lính trận năm xưa ở cái tuổi xế chiều này, anh phải làm những công việc mà theo tôi nghĩ ít có người nào chịu khó, chịu thương:



*Bước lên bước xuống bực thềm
Chân lê tay vịn bù đèn trúc mai
Bước lên tay vịn lê giày
Bước xuống nhả mặt ồ cha mày đồ Gout
Muốn ký phép, nghỉ xả hơi
Nhưng thương bà xã không người nấu ăn
(Tam Cấp Ở Ashbrook Nursing Home)*

(Ảnh Tô Thẩm Huy)

Còn nữa, qua những bài lục bát trong đoạn một. Anh làm, tôi mới thấy hết tình cảm của người lính năm xưa dành cho người vợ đáng thương đang nằm một chỗ. Tôi mới thấm cái tình của anh dành cho vợ, chẳng những thế mà còn dành cho đồng đội và bạn bè trong tập lục bát này.

*Hôm nay lạnh. Buồn Tàn thu
Tay ôm tay xách tôi vào với em*

*Bước lên ba cấp bậc thêm
Buồn lên bảy cấp khắp miền scotch plains
Hôm nay lạnh, buồn tàn thu
Em nằm tôi hạ tôi hầu à ơi
À ơi bỏ kết rụng rồi
Sao không rụng trái khổ đời nghiệt oan*

(Bồ Kết Rụng Rồi)

Bài lục bát: Bồ Kết Rụng Rồi sao nghe buồn quá vậy. Cái hương bồ kết thơm nồng anh gọi đầu cho vợ ở miệt vườn năm nào nay rụng đầu rồi trên mái tóc dài của người con gái Nam bộ? Để anh thốt lên hai chữ à ơi. Thử hỏi không nào lòng sao được.

Với những bài lục bát ngắn trong đoạn một, nói lên hết nỗi lòng và nỗi cô đơn của anh khi hằng ngày vào với vợ trong nursing home. Để đến khi về nhà, tôi mới thấy hết nỗi cô đơn của anh trong ngôi nhà đầy áp tình thương hôm nào. Nay sao. Tôi nghe anh nói lên nỗi buồn trống vắng mà tôi đã nhìn thấy sự trống vắng trong ngôi nhà anh chị ở:

*Còn đây, một chỗ bên trời
Còn đây chìa khóa mở đời cru mang
Còn đây với tử với bàn
Xếp trăm nỗi nhớ ủ ngàn nỗi quên
Còn đây tác dạ thước mền
Giường dựng, gối lạ, ngọn đèn vàng hiu
Còn đây, còn đêm tịch liêu
Trong tôi con sóng thủy triều trở trăn...*

(Về Lại Phòng Ngủ)

Có qua thăm bạn, tôi mới biết hết cái nỗi trống vắng dễ sợ đó. Thế mà bao năm rồi bạn nhỉ? Ba năm hơn có lẽ. Ba năm bạn sống trong âm thầm, lủi thủi: *Giường dựng, gối lạ, ngọn đèn vàng hiu.*

**

Qua đoạn hai: Một thời trong quân ngũ của người lính trận năm xưa. Gọi nhớ trong anh nỗi nhớ về một chiến trường xưa. Đồng đội xưa. Ai rồi cũng có những kỷ niệm trong đời quân ngũ.

Với những dòng lục bát nghe gần gũi với tôi, cũng là người lính như anh trên một chiến trường. Những con chữ trong những bài lục bát đó, đọc lên nghe ray rứt làm sao. Khi tôi và anh cùng thể hệ. Khi tôi và anh cùng một chiến trường. Khi tôi và anh cũng có những đêm:

*Nửa đêm keng đục liên hồi
Đòi khuya kinh động bóng người bóng ma
Bóng người súng đạn ba lô
Bóng ma: từ những huyết mồ thành chiêm*

(Đêm Xuống Đồi)

Còn nữa, như trong bài *Nước Lên*, người lính trận làm sao không có những lần vượt sông. Nhưng với người lính bình thường có nhớ chăng là nhớ những lần vượt sông tấn công mục tiêu như một kỷ niệm. Nhớ thôi. Nhưng với anh lại khác. Thơ đã đi vào đời sống của một người lính năm xưa mà tôi biết. Nhưng qua những câu thơ lục bát trong bài *Nước Lên*, nó không phải là một bài về đề tuyên truyền, mà là những câu thơ rất ư là lãng mạn của một người lính làm thơ. Trong nguy khốn thơ vẫn mang tính lãng mạn. Đó là tính nhân văn, mà hầu hết những bài anh đã viết. Tôi thích những câu lục bát này quá đỗi:

*Nước lên, trời thỏ mặt vàng
Nửa lan mây núi nửa tràn bãi sông
Nước lên kéo mặt trời gần
Khanh vàng lai láng một giòng vàng khanh
Nước lên, quân lợi qua sông
Đầu thì đội súng, mình trần, tay bơi
Khúc sông vang tiếng nói cười
Hồn thanh niên bỗng một thời ấu thơ*

Rõ ràng là như thế. Bên kia sông là những bất trắc có thể xảy ra. Chưa biết chừng. Nhưng, những tiếng cười, tiếng nói: *Hồn thanh niên bỗng một thời ấu thơ* vang trên sông nước. Chết tính sau. Vui cái đã. Vô tư.

Mười bốn bài thơ anh viết về chiến trường xưa dưới thể loại lục bát ghi lại những địa danh nơi anh hành quân. Ít nhiều gọi lại trong tôi bao nỗi nhớ. Nhiều khi tôi muốn quên đi những địa danh buồn nhiều hơn vui ấy. Nhưng sao hôm nay, đọc lại thấy nhớ vô

cùng qua những con chữ. Thật quái dị. Chỉ là những con chữ thôï mà, Nhưng sao đánh động lòng tôi ghê gớm. Như ngày nào thật xa. Gặp nhau nơi phố thị (Qui Nhơn). Anh, đôi kính dày cộm của người lính lúc nào cũng có sợi dây thun cột hai gọng kính lại với nhau để sau gáy, cho nên chỉ thấy:

*Người ta đeo kính gọng vàng
Tôi đây đeo kính cột bằng dây thun*

Đúng. Đó thật là Trần Hoài Thư. Chỉ thiếu cái nón rùng. Không bao giờ đội nói lưỡi trai.

**

Về đoạn ba: Nhớ về bạn bè trong khu Sáu. Quy Nhơn. Qua những bài lục bát, dù ngắn, nhưng rất thành thật và chân tình. Những câu thơ viết về bạn bè rất gần gũi và thân thương qua bao năm tháng.

Qui Nhơn, đối với tôi và anh có nhiều bạn bè lắm. Nhiều kỷ niệm lắm Hầu hết là những người lính cầm bút. Có những người bạn cầm bút không phải là lính. Thân nhau. Nhưng ít ai nhớ đến ngôi nhà trong Khu Sáu. Nhưng sao, trong khu nhà ấy, rỗng tuếch, chẳng có bàn có ghế, cửa thì chẳng khóa, then cài. Nhưng lạ, những bạn bè vẫn còn có nhau, nhớ nhau. Trên 50 năm rồi mà sao vẫn nhớ về căn nhà ấy. Những người hôm nay đã nằm xuống, như: Nguyễn Phương Loan, Nguyễn Thị Thùy My (Đặng Hòa), Thái Ngọc San. Còn lại những ai trong căn nhà ma đó. Phạm cao Hoàng. Trần Hoài Thư. Phạm Văn Nhân, ba người định cư tại Mỹ. Còn Lê Văn Trung vẫn miệt mài nơi quê nhà.

Những bài lục bát anh viết dành cho từng người. Như nói lên nỗi lòng của anh dành cho bạn bè. Rõ nét. Nào Phạm cao Hoàng với bài: Hành Phương Đông

*Bạn tôi trẻ tuổi tài danh
Làm sao quên được bài hành phương đông (*)
Người ta hô hào chiến chinh
Còn bạn, đi giữa chiến tranh (*) để buồn!
Câu thơ năm cũ vẫn còn
Trái tim Khu Sáu vẫn đỏ hồng trong tôi*

(*) tựa hai bài thơ rất quen thuộc trước 1975 của PCH


Nào Phạm Văn Nhân với ngôi nhà ma, chẳng ai dám thuê. Thế mà anh em vẫn về trong căn nhà ma đó. Ma sợ. Ma bỏ đi chỉ có mấy người bạn. Hơn 50 năm qua rồi. Một hôm, Nguyễn Lê Uyên có dịp ra Qui Nhơn. Anh đón xe ôm chạy vào Khu Sáu, tìm lại căn nhà ma ấy mà chúng tôi thuê để ở. Không còn nữa. Nhà vẫn Nguyễn Lê Uyên nói với tôi như thế. Cho nên, hôm nay, đọc những bài thơ lục bát anh làm cho bạn bè từ ngôi nhà ma ấy trong khu Sáu. Như một kỷ niệm khó quên. Nhớ mãi.

Cảm ơn anh đã cho tôi đọc một tác phẩm viết theo thể loại thơ lục bát thật tuyệt vời của một người bạn gắn bó với nhau trên 50 năm. Thăng trầm trong cuộc chiến. Khổ đau trong tù tội. Kiếm sống trên xứ người. Còn nhớ nhau là quý. Phải không Trần Hoài Thư?

Houston, ngày 9/7/2017.

Viết xong vào lúc 1 giờ 40 phút sáng.


PHẠM VĂN NHÂN



NHA SĨ

NGUYỄN VĂN NĂM

Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ



** Địa chỉ mới:*
2808 MILAM ST. Suite B
(trong khu Mekong Center)
HOUSTON, TEXAS 77006
** Điện thoại (không thay đổi)*
713 – 520 – 7950

Ngày giờ làm việc:
* Thứ Hai đến Thứ Sáu: **09:00 AM – 5:00 PM**
* Thứ Bảy – Chúa Nhật: **09:00 AM – 02:00 PM**
* Thứ Năm: **NGHỈ**

Vui lòng gọi trước để lấy hẹn
ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng
cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)



TRẦN HỒNG VĂN

phóng tác truyện ngắn Colombia



LƯỠI DAO CẠO

Tác giả: **Hernando Tellez** bắt đầu sự nghiệp văn chương bằng thơ và những bài tiểu luận. Với những truyện ngắn trong tuyển tập *Cenizas para el viento y otras historia (Tro Bụi Theo Gió và các truyện ngắn khác)* tên tuổi của ông vượt qua khỏi quốc gia Colombia sang tới các nước Âu Mỹ khác.

Hắn bước vào mà chẳng nói câu nào trong khi tôi đang liếc chiếc lưỡi dao cạo vào miếng da. Thoáng nhận ra hắn, tôi bắt đầu run nhưng hình như hắn chẳng lưu tâm gì đến tôi cả. Để dấu nổi lo sợ, tôi chăm chú vào việc liếc con dao, lấy ngón tay cái để thử lưỡi dao rồi soi dưới ánh đèn. Cùng lúc đó, hắn treo chiếc dây lưng to lớn trên có gắn đầy đạn và khẩu súng lục lên chiếc giá rồi dùng chiếc mũ che lại. Nới lỏng chiếc cà vạt, hắn quay sang nói với tôi:

- Trời nóng nực quá. Cạo mặt giùm.

Tôi đoán có lẽ cả bốn ngày hắn chưa cạo mặt. Đúng là bốn ngày vừa rồi toán quân của hắn đi truy lùng biệt đội của chúng tôi. Mặt hắn bị mặt trời thiêu đốt đỏ ửng.

Cẩn thận, tôi bắt đầu chuẩn bị xà bông cạo mặt. Tôi cắt vài miếng mỏng, bỏ vào chiếc ly rồi đổ vào một ít nước ấm, xong rồi bắt đầu quậy bằng chiếc bàn chải, bọt bắt đầu nổi phồng lên. Trong lúc làm việc, tôi gọi chuyện:

- Chắc là râu những người khác trong toán của ông cũng rụng lắm rồi?

- Không sao hết, chúng tôi thành công trong cuộc truy lùng. Bắt được tên cầm đầu ngoài những tên bị bắn chết và vài đứa bị bắt sống. Những đứa khác sớm muộn gì thì cũng sẽ bị bắt và giết chết hết.

- Các ông bắt được bao nhiêu đứa?

- Mười bốn thằng. Chúng tôi phải vào tận mãi trong rừng sâu tìm chúng nó. Trước sau gì chúng cũng sẽ bị tóm hết. Chẳng có thằng nào sống được với chúng tôi cả, chẳng chừa thằng nào.

Khi thấy tôi bước lại trên tay cầm ly bọt xà phòng với chiếc bàn chải, hấn ngả người vào lưng ghế, đôi mắt lim dim. Còn phải choáng tẩm vài che nữa chứ, lấy từ trong ngăn kéo ra một tấm vải trắng, tôi cột hai góc quanh cổ trong khi hấn vẫn không chịu ngưng nói, làm như tôi muốn nghe thành tích của hấn lắm vậy:

- Cả nước này cần phải học một bài học về những gì chúng tôi làm được trong mấy ngày qua.

Trong khi cột lại chiếc nút sau chiếc cổ to lớn, đen sạm và đầy mùi hôi của hấn, tôi trả lời:

- Vâng, đúng vậy.

- Một thành công lớn, phải không?

- Thật đáng được tuyên dương.

Tôi trả lời trong khi với tay cầm chiếc bàn chải. Hấn nhắm mắt lại với dáng điệu mệt mỏi chờ đợi lớp xà phòng mát quệt lên mặt. Từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ gần hấn. Một dịp được nhìn thấy hấn từ xa là ngày hấn ra lệnh cho cả tỉnh tập trung tại sân một trường học để chứng kiến cảnh bốn kháng chiến quân bị treo cổ, nhưng bây giờ khuôn mặt đó lại nằm ngay trong tay của tôi. Dĩ nhiên chẳng phải là nét mặt dễ thương, và nhất là bộ râu làm cho khuôn mặt của hấn già hấn đi. Tên hấn là Torres, Đại Úy Torres, một cái đích ám sát của kháng chiến quân vì hấn đã treo cổ nhiều bạn bè đồng đội của tôi, rồi dùng những thi thể này làm mục tiêu thực tập cho toán lính của hấn.

Tôi bắt đầu xoa lên mặt hấn lớp xà bông mỏng. Mắt vẫn nhắm nghiền, hấn nói:

- Tôi có thể ngủ tại đây nếu chiều nay không có nhiều việc phải làm.

Tôi ngừng tay, giả vờ như không thiết tha với việc của hấn:

- Toán hành quyết à?

- Đại khái như vậy, nhưng hơi khác một chút.

Tôi tiếp tục xoa lớp xà bông lên mặt hấn. Tay tôi hơi run, nhưng có lẽ viên đại úy không nhận ra điều đó và tôi thấy an tâm. Tại sao hấn lại dẫn xác tới đây nhỉ? Có thể nhiều bạn đồng đội của tôi đã nhìn thấy hấn tới đây. Hai kẻ tử thù dưới cùng một mái nhà ắt phải xảy ra chuyện gì rồi. Mặt khác, tôi bắt buộc phải cạo râu cho hấn như đã làm cho bao nhiêu người khác, phải cẩn thận, nhẹ nhàng và nhất là không được cạo trầy da để tránh không cho giọt máu nào chảy ra. Phải cẩn thận không để chòm râu làm lạc hướng lưỡi dao cạo. Sau khi cạo xong phải nhìn thấy làn da hấn sạch sẽ, mềm mại, tươi mát để khi rà mu bàn tay qua sẽ không cảm thấy còn vướng sợi râu nào. Vâng, tôi là một kháng chiến quân bí mật, nhưng cũng là người thợ hớt tóc rành nghề và có lương tâm. Tôi vẫn tự hào về sự lương thiện trong nghề nghiệp này.

Cầm con dao cạo trong tay, mở hai cần an toàn rồi kéo chiếc dao ra, tôi bắt đầu công việc từ một bên tóc mai, kéo dọc xuống. Lưỡi dao ngọt sót, râu của hấn cứng, không dài nhưng dày. Từ từ lớp da hiện lên, bọt xà bông lẫn những sợi râu đứt làm thành từng chùm trên lưỡi dao. Tôi đứng im một lát để lau sạch rồi cầm miếng da ra liếc lại lưỡi dao. Dù sao tôi cũng là người thợ hớt tóc có lương tâm. Còn hấn bây giờ mở mắt ra, lấy tay sờ lên lớp da mặt đã sạch xà bông, miệng nói:

- Sáu giờ chiều nay tới trường học nhé. Tôi giặt mình hoảng sợ:

- Lại giống như bữa trước sao?

- Kỳ này khác hơn.

- Ông định xử họ như thế nào?

- Chưa biết, nhưng chắc có trò vui.

Lần nữa, hắn lại ngã lưng vào thành ghế rồi nhắm mắt lại. Tôi tiến lại sát bên hắn, lưỡi dao cạo trên tay sáng loáng, mạo hiểm hỏi hắn:

- Ông định xử tất cả sao?

- Tất cả.

Xà bông trên mặt hắn đã khô, tôi vội xoa lại. Qua tấm gương, tôi nhìn ra đường phố. Mọi vật diễn biến như thường lệ: có hai ba khách hàng trong tiệm tạp hóa phía bên kia đường, chiếc đồng hồ trên tường chỉ đúng hai giờ hai mươi phút. Lưỡi dao lại tiếp tục cạo dọc xuống phía bên kia mái tóc mai. Lớp râu thật dày màu xanh. Hắn để bộ râu giống như một thi sĩ hay người tu hành. Kể ra bộ râu này cũng thích hợp với khuôn mặt của hắn. Chiếc cổ to lớn sạm nắng, chiếc cần cổ dài đang vươn ra cho lưỡi dao lướt qua với những đường ngọt lịm. Máu sẽ trào ra từ chiếc cổ này? Không, tôi vẫn tự hào là một người thợ hớt tóc giỏi và sẽ không để một giọt máu nào đổ ra cả. Nhưng ... đã có bao nhiêu bạn đồng đội của tôi bị hắn ra lệnh bắn chết rồi, bao nhiêu người đã bị treo cổ, bao nhiêu người đã bị chặt ra từng khúc? Tôi cố gắng không nghĩ tới điều này và Torres cũng không biết tôi là kẻ thù của hắn. Tôi là một cán bộ tình báo bí mật nằm trong thành phố này, nhiệm vụ của tôi là thu thập những tin tức về hoạt động tiêu diệt kháng chiến quân của Torres. Giờ đây hắn lại nằm ngay trong tầm tay của tôi, rất khó giải thích tại sao tôi lại để hắn tới đây cạo mặt rồi ra đi một cách bình thản được.

Giờ đây râu hắn đã được cạo sạch. Nhìn hắn trẻ ra nhiều so với lúc mới bước chân vào. Đó cũng là chuyện thường tình cho bất cứ người nào bước vào tiệm hớt tóc của tôi thôi. Dưới lưỡi dao cạo của tôi, hắn như được sống lại, sống lại bởi vì tôi là người hớt tóc giỏi, mà giỏi nhất trong tỉnh này ... Một chút xà bông dưới cằm, trên quả táo của ông Adam, trên động mạch lớn nơi cần cổ. Trời nóng bức biết chừng nào! Tôi cũng cảm thấy Torres đỏ mồ hôi giống như tôi, nhưng hình như hắn chẳng sợ gì cả. Hắn là một người trầm tĩnh, ngồi đây mà chẳng nghĩ gì tới việc chiều nay phải làm gì với những tội phạm mới bị bắt. Mặt khác thì đối với tôi, chiếc dao cạo trong tay đưa lên đưa xuống trên làn da của hắn, đang cố tránh không cho giọt máu nào rịn ra. Tôi không nghĩ được gì nữa. Tại sao hắn lại dẫn xác tới đây như vậy nhỉ? Tôi là một

kháng chiến quân nhưng không phải là một tên sát nhân. Bây giờ giết hấn thì quá dễ, hấn xứng đáng bị xử tử. Không phải vậy. Có phải quý ma đang thúc đẩy tôi không? Làm như vậy sẽ mang lại lợi lộc gì đây? Người này giết người kia rồi lại bị người khác giết, cứ như vậy cả biên máu sẽ đổ ra. Tôi có thể cắt cổ hấn thật nhẹ nhàng, một cách ngọt sớt, một cách êm thấm. Tôi sẽ không cho hấn một cơ hội phản ứng lại, hấn ngồi đây, ngả đầu vào ghế, hai mắt nhắm nghiền lại. Tôi sẽ không cho hấn có thời giờ nhìn lưỡi dao cạo sáng loáng, sắc như nước này. Bất chợt tay tôi hơi run, tôi có cảm giác mình là tên sát nhân. Một vòi máu xối xả đổ xuống tấm vải quần quanh cổ hấn, đổ xuống ghế, xuống tay tôi, xuống sàn nhà. Tôi phải đóng cửa tiệm lại. Và dòng máu tiếp tục chảy dọc theo sàn nhà lan ra ngoài đường. Tôi bảo đảm là chỉ một vết rạch thôi, một vết cứa sâu và không đau đớn gì cả. Lưỡi dao cạo này thật bén và hấn chẳng phải chịu đau đớn gì cả. Nhưng rồi tôi phải làm gì với chiếc xác đây? Tôi sẽ giấu ở nơi nào? Tôi phải chạy trốn ngay lập tức, phải bỏ tất cả lại và cấp tốc đi ngay, đi thật xa, chạy thật xa khỏi nơi này. Nhưng họ sẽ không dễ dàng bỏ cuộc và sẽ theo tôi mãi cho đến khi tôi bị bắt mới thôi. Tên ám sát đại úy Torres. Hấn cắt cổ đại úy trong khi ông đến để cạo râu - một tên khôn kiếp, một tên hèn nhát ... Nhưng phía bên kia lại ca tụng: " Một anh hùng đã trả thù cho tất cả kháng chiến quân, một cái tên đáng được mọi người ghi nhớ (và tên tôi được nêu lên), đó là một người thợ hớt tóc trong tỉnh". Tất cả mang một ý nghĩa gì? Một anh hùng hay là một tên sát nhân? Giây phút quyết định được đặt trên lưỡi dao cạo này. Tôi có thể hơi quay bàn tay lại một chút, ấn hơi mạnh lên lưỡi dao một chút. Làn da này giống như một lớp lụa, một lớp cao su mỏng. Không có gì mềm mại hơn da người cả, và dưới đó là máu lúc nào cũng sẵn sàng tuôn đổ ra. Lưỡi dao cạo này không thể nào trạch ra được, nhất là được bàn tay tôi sử dụng. Nhưng ... tôi lại không muốn trở thành kẻ sát nhân, thừa quý vị, nhất định là như vậy. Quý vị đến với tôi để cạo râu, tôi sẽ làm tròn phận sự trong danh dự ... Tôi không muốn tay tôi nhuốm máu, chỉ là bọt xà bông thôi, vâng, thừa quý vị, đúng như vậy, bàn tay tôi chỉ có bọt xà bông mà thôi. Quý vị có thể là một tên đao phủ và tôi chỉ là người thợ hớt tóc, cạo râu. Mỗi người có một vị trí của mình. Thực vậy, một chỗ đứng riêng dành cho mỗi người trong xã hội.

Chiếc cầm giờ đây nhẵn nhụi, mịn màng. Viên đại úy đứng dậy rồi nhìn vào tấm gương, hấn lấy tay xoa lên cầm tỏ vẻ hài lòng:

- Cảm ơn.

Đi về chiếc giá, hấn lấy chiếc thắt lưng, khẩu súng và chiếc mũ xuống. Có lẽ lúc này mặt tôi xanh lăm, tôi cảm thấy chiếc áo sơ mi ướt đầm mồ hôi. Sau khi điều chỉnh lại chiếc thắt lưng, khẩu súng trong chiếc bao và chiếc mũ, hấn lấy trong túi quần ra một ít tiền trả cho tôi rồi bước ra cửa. Khi tới gần chiếc cửa, hấn ngập ngừng một chút rồi quay lại, ánh mắt lạnh lùng và sắc không thua gì lưỡi dao cạo của tôi:

- Tình báo cho biết là không nên tới đây cạo râu hay hớt tóc vì có thể nguy hiểm tới tính mạng, nhưng tôi cứ tới thử xem sao. Nên hiểu một điều là giết người không dễ dàng đâu nhé. Nhớ đấy.

Nói xong hấn bước thẳng ra ngoài đường.

* Trần Hồng Văn

thv1987@hotmail.com

Trích tuyển tập 22 Truyện Ngắn Quốc Tế Chọn Lọc: “**Chuyện Kể Đêm Đông**”

Chúng tôi rất đau buồn hay tin:

Phu Quân của GS Phạm Thị Kim Chi, Cựu Hiệu Trưởng Nữ Trung Học
Đoàn Thị Điểm Cần Thơ:



GIÁO SƯ TRẦN VĂN KỶ

Pháp Danh Chánh Đạo

Nguyên Thanh Tra Trung Học, Chủ sự
Phòng Ngân Sách Nha Trung Học, Bộ Giáo
Dục Việt Nam Cộng Hòa.

Sanh ngày 14 tháng 9 năm 1934

Tạ thế sáng ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại
Houston, Texas

Hưởng thượng thọ 84 tuổi

* Thành kính chia buồn cùng Cô GS Phạm Thị Kim Chi và tang quyến

* Nguyên cầu hương linh Thầy **TRẦN VĂN KỶ** sớm siêu sinh tịnh độ.

Nhóm sáng lập tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

Gia Đình PTGĐTĐ Houston xin báo tin cùng đại gia đình PTGĐTĐ
khắp nơi:

*Phu Quân đồng môn Võ Lê Thơ,
Trưởng Ban Tổ Chức ĐH PTG thế giới 2007 và 2017
tại Houston Texas:*

Anh VÕ VĂN NGHI

Sanh năm 1934 tại Tây Ninh

- * Cựu Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu
- * Cựu SVSQ khóa 10 Trường Võ Bị Đà Lạt
- * Cựu sĩ quan Truyền Tin QLVNCH

Mãn phần đêm 25 tháng 10, 2017

nhằm Mùng 6 tháng 9 năm Đinh Dậu tại Houston Texas

Hương đại thọ 83 tuổi

Lễ hỏa táng đã được cử hành tại nhà quản Vĩnh Phước
ngày 30 tháng 10 năm 2017

* Xin cùng nhau cầu nguyện cho Hương Linh anh Nghi
sớm siêu sinh tịnh độ.

* Kính mong chị Thơ và các cháu
sớm vượt qua nỗi buồn và sự mất mát quá lớn lao này.

PTGĐTĐ Khắp nơi

Gia đình PTGĐTĐ Houston

& Trang Nhà www.ptgdtusa.com

Nhóm sáng lập tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHẦN ƯU

CHIA SẺ & NGUYỆN CẦU

Qua tin báo của gia đình PTGĐTĐ, gia đình họ Lê chúng tôi:

* *Xin chia sẻ sự mất mát lớn lao trong cuộc sống cùng Di - Cô Ba
(Bà) VÕ LÊ THƠ và các cháu.*

* *Nguyện cầu hương linh Dượng Ba (Ông) VÕ VĂN NGHI
đã an nhiên thanh thản ra đi sẽ sớm siêu sinh tịnh độ nơi cõi Phật.*

* Gđ LÊ THỊ MƯỜI - LÊ VĂN HAI (Phoenix AZ) * Gđ LÊ THỊ CHÍN - HUỲNH NGỌC AN (LithField Park AZ) * Gđ HỒ BẠCH TUYẾT - HUỲNH HỮU SƯƠNG (Glendale AZ) * Gđ cháu LÊ QUANG THẢO (Phoenix AZ) * Gđ HỒ THỊ NẬU (Tampa FL)

* Gđ LÊ HOÀNG VIỆN - LÊ THỊ NGỌC NỮ (Houston TX)...

CHÂN THÀNH CHIA SẺ TÌNH THƯƠNG & NGUYỆN CẦU

VĂN HOÁ VIỆT NAM 79 * 140 * MÙA ĐÔNG 2017



GIA ĐÌNH PTGĐTĐ HOUSTON & CÁC BẠN ĐỒNG TRƯỜNG, ĐỒNG NGŨ, TƯỢNG NHỚ ANH VÕ VĂN NGHI (1934 - 2017)



Khác với rất nhiều buổi họp mặt từ hơn 20 năm nay của Gia Đình PTGĐTĐ trước đây, hôm nay, Chủ Nhật 5 tháng 11, 2017, tại LV Art Gallery vùng Sugar Land, khu Tây Nam Houston có buổi họp mặt khá đặc biệt. Đó là buổi gặp gỡ để các bạn bè, thân nhân, thân hữu và các đồng môn Trường Thiếu Sinh Quân, Trường Võ Bị Đà Lạt, Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt của anh Võ Văn Nghi và các thành viên trong Gia Đình PTGĐTĐ Houston và thân hữu của anh chị Võ Văn Nghi - Võ Lê Thơ có dịp tưởng nhớ tới anh, người vừa mới từ giã thế gian tuần trước.

Anh Võ Văn Nghi, sanh năm 1934 tại Tây Ninh mất tối Thứ Tư 25 tháng 10 năm 2017, nhằm mùng 8 tháng 9 năm Đinh Dậu tại tư gia, Houston Texas. Thể theo nguyện vọng của anh

Nghi, Lễ an táng và lễ hỏa táng được Tang Gia tổ chức rất đơn giản, trong phạm vi gia đình tại nhà quản Vĩnh Phước vùng Tây Nam Houston. Vì vậy mà mãi tới vài ngày sau các thân hữu mới biết tin. Và cũng vì không thể loan tin kịp lúc đến số đông bà con, nhất là các thân hữu sinh hoạt gần gũi từ nhiều chục năm qua mà có buổi gặp gỡ này.

Phòng họp rất khang trang, trang trí đẹp nhưng vì số người đến rất đông, trên 150, gấp đôi số người nhóm tổ chức dự liệu. Nhiều người thông cảm vui vẻ ngồi quanh ngoài hành lang. Tuy đông người nhưng thức ăn vẫn còn rất nhiều đến phút cuối.

Anh MC Mỗ Làng Houston được hân hạnh thay mặt Tang Quyển nói lời chào mừng và cảm ơn sự hiện diện đông đủ và tình cảm đậm đà của Quý khách dành cho gia đình anh chị Nghi - Thơ. Theo ý của chị Thơ thì mong muốn buổi gặp gỡ hôm nay không nhuộm màu buồn thảm mà nên có bầu không khí thân tình, chia sẻ buồn vui với anh Nghi và với những người còn lại trong gia đình để gia đình can đảm thêm mà tiếp tục trong những ngày sắp tới. MC cũng xin phép chị Thơ và Tang Quyển cho phép hội trường dành 1 phút tưởng nhớ và tiễn đưa anh Nghi, đồng thời mạo muội mời mọi người cùng nhau ngồi yên lặng 1 phút.

Tiếp theo, chị Thơ đã tường thuật bệnh trạng, cách chữa trị căn bệnh ung thư từ bốn năm rưỡi trước và giờ phút cuối ra đi trong thanh thản, không đau đớn của anh Nghi. Chị nói thật ra gia đình chị đã chuẩn bị tình huống xấu nhất xảy ra cho anh Nghi từ thật lâu nên hôm nay chị tin chị và các con, các cháu sẽ lần hồi vượt qua sự đau buồn và nỗi mất mát quá lớn này. Chị đã ân cần xin lỗi mọi người thân quen vì mãi đến hôm nay mới thông báo.

Sau đó các cựu Thiếu Sinh Quân, Cựu Võ Bị Đà Lạt, cựu SVSQ Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt đã chia buồn với tang quyến và chào kính giã biệt người anh của 2 trường



Anh Viện tặng chị Thơ tập ảnh kỷ niệm sinh hoạt PTGĐTĐ có anh Nghi tham dự

và của khóa. Đại Diện Hội Phụ Nữ Lâm Viên, Đại diện PTGDĐT khắp nơi, Đại Diện Gia đình PTGDĐT Houston và các chiến hữu, các thân hữu... đã lần lượt nhắc lại những kỷ niệm suốt nhiều năm quen biết anh chị Nghi -Thơ. Những kỷ niệm thật đầy và những thân tình thật nồng ấm.

Một chương trình văn nghệ do Hoàng Thúy mang chủ đề Tình Cha tiếp theo sau đó đã làm cho buổi tưởng nhớ thêm sâu đậm, đáng nhớ.

Thức ăn hôm nay đa số là do tài khéo léo của các chị PTGDĐT nên vừa đẹp, vừa ngon và thật nhiều.

Một buổi họp mặt thân tình và thật ý nghĩa.

Mỹ Làng Houston

tường trình từ Houston Texas

TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN
THÀNH LỢI
JEWELRY

(trong khu HONG KONG 4)
11209 Bellaire Blvd # C9B
Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate
bảo đảm của hãng GISA, EGL.HRD, IGI

Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

THÀNH LỢI
kính mời



NGUYỄN VĂN SÂM

BÚT KÝ VỀ SỰ RA ĐI CỦA MỘT NGƯỜI THẦY TRƯỜNG PETRUS KÝ

Hai hôm trước tin thầy Trần Thượng Thủ ra đi ở tuổi 89 ở Houston. Con số phải nói là thọ, nhưng sao tôi thấy buồn buồn, mình phải viết gì đó mà mình biết về Thầy....

Tôi không được hân hạnh học với Thầy Thủ trong ba năm học ở trường Petrus Ký (các lớp G từ 1954 tới 1957), vậy mà ấn tượng tuổi thời mới vào Trung học của tôi về thầy Thủ thật là sâu đậm. Nguyên nhân là ông anh tôi, anh Nguyễn Văn Thơm, vào trường trước tôi một năm (các lớp C từ 1953 tới 1957), có môn Lý Hóa với Thầy Thủ ở lớp Đệ Thất, đêm nào anh cũng học bài thiệt khuya. Anh học những môn chánh nhưng về môn Lý Hóa anh ‘tụng’ tới không còn mở mắt nữa được mới thôi, anh nói các môn này lạ và khó hiểu mà thầy dạy lại rất khác thường. Anh nhắc tới cái tên đặc biệt bắt đầu bằng ba chữ T mà anh nói thầy gọi là T tam thừa hay Tam Tê với giọng nói kèm theo chút gì sớ sớ: *"cả trường học sinh nào nếu đã hay đang học với thầy đều cũng sợ"*.

Anh nhân mạnh thầy không đánh khảo gì, thầy cũng không cho cầm túc, nhưng Thầy có oai, tiếng nói sang sảng, bắt lỗi trật rất hữu lý và học trò sẽ nhớ các lỗi đó của mình thiệt lâu. Nhưng trước khi thân thập được điều học hỏi đó người học trò đã sợ xanh mặt trước những nạt nộ, vắn vẹo cổ làm cho học trò vỡ ra điều mình chưa biết. Anh tôi nói *"Mày coi chừng, đi chơi cho nhiều kiểu của mày mà gặp Thầy Thủ là có nước khóc"*.

Vậy đó, tôi biết oai thầy khi chưa thi vào trường Petrus Ký. Khi đậu vô Đệ Thất (1954-1955), tôi không học Lý Hóa với thầy Thủ mà với Thầy Nguyễn Hữu Kế (nay còn sống, ở Sài Gòn).

Tôi còn nhớ lớp mình ở đầu hành lang gần văn phòng, nghĩa là tới giờ vô lớp học trò phải đi dọc suốt hành lang mới tới trước lớp mình để sắp hàng, đi ngang qua các lớp đã sắp hàng xong, thường là có giám thị trông coi hay có vị Giáo Sư nào có tinh thần xuống lớp sớm... lần nào phải đi ngang lớp có thầy Trần Thượng Thủ đứng coi chừng học trò thì tôi phát run ngang... Cái sợ của ông anh tôi đã truyền cho tôi từ năm trước đã vô trong tiềm thức?

Dáng thầy đặc biệt, thấp người, mặt tròn, không cao hơn học trò trung bình của lớp, đầu hói, đưa cái trán rộng lớn thông minh.

Thời đó, cách nay hơn sáu mươi năm, trường Petrus Ký có phòng thí nghiệm tương đối đầy đủ, nếu Giáo Sư nào yêu cầu thì có nhân viên của phòng thí nghiệm đem dụng cụ và hóa chất đến lớp, Giáo sư làm thí nghiệm cho học sinh xem.

Lúc này mỗi ngày học một buổi 4 giờ, sau giờ thứ nhứt và sau giờ thứ ba chỉ có chuông reo đôi giờ, học sinh không được ra khỏi lớp. Chỉ có sau giờ thứ nhì mới có 15 phút ra chơi. Ở gần cầu thang phía cuối hành lang thường có một thân nhân của lao công nào đó được ân huệ của trường có quyền bán nước uống. Giờ chơi một số đồng bu vô quanh người bán nước uống này, thường là hột é lười uoi, chúng tôi một vài đứa hiếu kỳ thường chạy đến lớp của thầy Thủ để coi thí nghiệm vì thầy thường thí nghiệm sau giờ giảng bài nên kéo dài gần hết giờ chơi.

Ấn tượng về thầy có bấy nhiêu nhưng nhớ mãi vào đầu óc của học trò mới bước vô Trung học là tôi.

Và rồi chẵn 50 năm sau tôi gặp lại thầy Thủ ở Houston khi Thầy và cô đến định cư hình như theo sự bảo lãnh của con trai thầy. Thầy kể chuyện sáng sáng thầy đi bộ trong xóm, đem theo cái bao nylon để lượm lon bia, lon nước ngọt lúc ấy người ta thường liệng vung vẩy đầy đường..

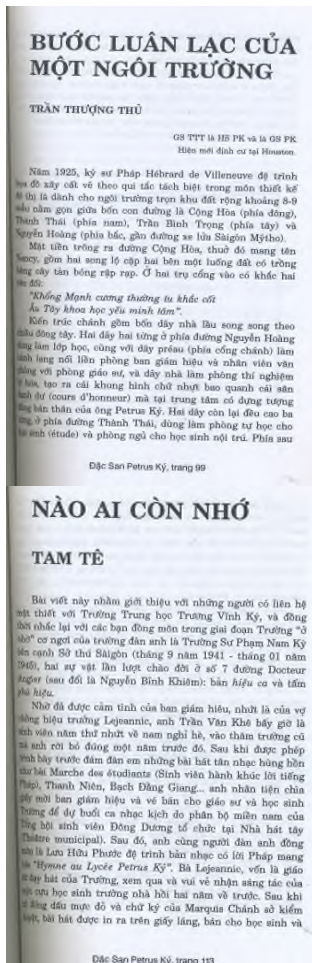
Thầy kể với chúng tôi, anh em Ban Chấp Hành hội Cựu Học Sinh Petrus Ký ở Houston năm đó (1994-1995), là mỗi tháng bán lon lượm cũng được từ 20 tới 30 đồng. Ai cho mình số tiền đó mỗi tháng cho nên đi bộ lượm lon là giải pháp vừa "*tăng cường sức khỏe vừa đắp bồi kinh tế cho đứa cháu ở quê nhà*". Thầy nói với

ny cười đưa ra hàm răng còn đủ và rất chắc. Thầy cộng tác thường xuyên với ban chấp hành trong những kỳ họp với tư cách cố vấn và viết bài vào cuối năm cho đặc san.

May thay tôi còn giữ đặc san của hội hai năm 1994 và năm 1995. Trong đó có ba bài của thầy. Bài nào thầy cũng viết nghiêm túc, cẩn thận chứng tỏ có một trí nhớ tốt dầu chuyện xảy ra hơn nửa thế kỷ. Điều cảm động cho các cựu học sinh trường là bài nào cũng toát ra lòng yêu mến trường xưa, đọc bài ta nao nao nhớ về thời quá khứ làm học trò ở đây...

Năm đó (1993?) lên đường định cư, thầy cô đem theo ra hải ngoại một số bản in quyển 'Tâm Nguyên Tự Điển' của Giáo Sư Lê Ngọc Trụ, cậu của Thầy, vốn là Giáo Sư Thực Thụ của trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước năm 1975 mà thầy Thủ đã tục diêu phần từ ngữ Việt gốc Anh Pháp rất có giá trị. Tôi nhận 10 quyển tặng bạn bè gần xa tha thiết đến những vấn đề liên quan đến văn học Việt Nam. Và may thay tới bây giờ vẫn còn 1 quyển sách giá trị đó trong tủ sách.

Tôi thường liên lạc với thầy bằng thơ viết tay hay điện thoại hoặc ghé thăm. Độ 10 năm gần đây, thầy lớn tuổi cũng ít viết thơ và nói chuyện qua điện thoại cũng khó khăn trong việc nghe, tôi lại dạn nhai đi xa khỏi TX nên thưa thớt liên lạc. Mấy ngày trước được tin thầy mất, tôi thấy rằng mình phải viết gì đó mà mình biết, mình cảm xúc về vị thầy này. Vị thầy có lòng với ngôi trường, với học trò, với nghề thầy giáo. Không được học thầy khi còn nhỏ, nhưng khi đã già, giao tiếp với thầy, học được ở thầy



lòng tận tâm với ngôi trường, đối với tôi đó là bài học có giá trị, bài học về một góc tâm hồn làm nên con người của ai đó...

Các thầy giáo của các trường học Việt Nam nói chung, hoặc của trường Petrus Ký nói riêng, trước đại nạn 1975 hiện còn sót lại không nhiều, người trẻ nhút cũng xấp xỉ tám mươi, hỏi vậy chớ trong 1, 2 thập niên nữa còn lại bao nhiêu!

Mọi sự ra đi của bất kỳ ai cũng khiến chúng ta đau lòng, huống chi là người thầy của trường mình, những người thầy có lòng, và được lòng học trò... Viết bài này như một nén hương cho người Thầy mới năm xuống, thầy Trần Thượng Thủ, và cũng là tiếng lòng tri ân của tôi đối với **tất cả các thầy giáo**, những người đã đem đời mình xây kiến thức cho các thế hệ đi sau. Những người rất có ích lợi cho đời sống xã hội, trong đó chắc chắn là có ích lợi cho tôi vì để thành nơn chi mỹ tôi đã hưởng ân huệ giáo huấn từ cả hai chục vị là ít...

NGUYỄN VĂN SÂM

Alexandria, LA, 1 Nov, 2017





NGUYỄN NHUNG

NGƯỜI ĐƯA THƯ

Thời gian mới định cư ở Hoa Kỳ, khi đến cư ngụ khu chung cư nhiều người Việt tôi đã thấy ông ta. Đó là người đưa thư, có bộ râu hung hung xồm xoàm viền quanh miệng, khiến thoạt nhìn người ta thấy ông có nét một ông già Santa Claus mỗi mùa Giáng sinh. Nụ cười hiền, đôi mắt xanh mông mênh màu biển, ông là người đều đặn mang niềm vui cho đám cư dân sống ở chung cư, đa số mới từ Việt Nam sang, thường ngắm những cánh thư ở quê nhà.

Ông ta trạc độ ngoài năm mươi, dáng dấp khỏe mạnh, khó đoán tuổi cho chính xác vì bộ râu xồm xoàm đó. Mỗi buổi chiều, khi chiếc xe của Bưu Điện chạy vào con dốc đầy ổ gà, nơi đặt máy thùng thư đã thấy có người đứng đợi. Đa số là người già, không biết làm gì cho hết ngày, đi lấy thư cũng là một cái thú. Ông ta bỏ thư vào từng hộp thư của mỗi nhà trong xóm, xong lái xe đi, không quên gơ tay vẫy mấy đứa trẻ đang chơi đùa trên khoảng sân trống.

Mãi cho đến một hôm, trời mùa đông lại mưa tầm tã, tôi thấy người đưa thư ngừng xe trước cửa căn chung cư, rồi chạy ào vào hiên gõ cửa, đưa cho tôi một lá thư. Lá thư của người bạn học từ Việt Nam gửi sang, đề trúng tên người gửi và địa chỉ "zip-code", nhưng thiếu số nhà của căn chung cư, không hiểu sao ông ta lại biết là của tôi. Chính vì thế mà tôi biết ông đọc được tiếng Việt, lại còn quen cả tên của người nhận thư, rồi vì sợ thư không đến tay người nhận, thay vì trả lại cho Bưu Điện, ông mang thư đến thẳng nhà tôi.

Hôm ấy trời bão rớt, mưa suốt từ sáng đến chiều chưa ngớt, bầu trời xám xịt khiến mùa Đông càng có vẻ rét mướt. Tôi cảm động nhận lá thư từ tay ông, nhìn ông ướt át trong chiếc áo mưa

màu vàng, những bụi mưa còn đọng trên mái tóc đã ngả bạc với bộ râu hung hung viền quanh miệng. Ông hỏi, bằng tiếng Việt:

" Xin lỗi, có phải tên cô không?"

Tôi ngạc nhiên, vì lần đầu nghe ông ta nói tiếng Việt, chực nhớ lại bà con trong khu chung cư, gặp nhau ngoài thùng thư vẫn hay nói chuyện này nọ về xứ Mỹ và người Mỹ, có lẽ ông đã nghe được cả. Tôi nhận đúng là tên mình, rất cảm kích vì tấm lòng của người đưa thư.. Ai ngại khi thấy mưa vẫn như trút nước, rặng cây ven đường như mờ mịt đi dưới màn mưa trắng xóa. Tôi hỏi ông, bằng tiếng Anh:

"Ông có vội lắm không? Mời ông vào nhà chơi, mưa lớn quá".

Ông nheo đôi mắt xanh nhìn trời, cười hiền hậu, nói một câu thành ngữ tiếng Anh:

"It's raining... cats and dogs...".

Đoạn ông ta nói bằng tiếng Việt:

"Mưa lớn quá, giống như mưa ở Việt Nam".

Tôi mở to mắt nhìn ông thán phục:

"Ông nói tiếng Việt giỏi quá, ông học ở đâu vậy?"

Người đưa thư giơ tay vuốt những giọt mưa trên tóc, trên mặt, giọng thoảng một niềm vui, thật xa vời:

"Từ Việt Nam. Tôi đã từng ở Việt Nam, cách đây ba mươi năm. Việt Nam luôn ở trong trái tim tôi".

Tôi mỉm cười, một câu xã giao mà người Mỹ nào cũng học qua, nhưng sao ở người đàn ông này, tôi không thấy sự giả dối. Một lần nữa, tôi mời ông vào nhà , không khách sáo, trước khi bước vào căn phòng ấm, ông tháo đôi giày để ngoài cửa, giọng dí dỏm:

"Người Việt thường cởi giày trước khi vào nhà, có phải vậy không?"

Ngạc nhiên vì câu hỏi của ông, một người Mỹ hiểu cả thói quen của người Việt, thật là hiếm, như vậy ông ta chắc phải tha thiết với xứ sở của tôi nhiều lắm, tự nhiên tôi thấy có cảm tình với ông. Như hai người đồng hương đã lâu không gặp nhau, ông thổ lộ:

"Tôi nhớ Việt Nam nhiều lắm, nhớ "người" Việt Nam lắm...".

"Người Việt Nam" ở đây thì nhiều lắm, sao ông lại nói câu ấy với nhiều cảm xúc trong ánh mắt mà tôi có thể nhìn được. Rồi đưa mắt nhìn khắp căn phòng được bài trí theo kiểu Á Đông, ông dừng

lại một bức tranh trên tường vẽ cảnh mùa Xuân, con ngõ nhỏ với hai hàng mai nở vàng thật đẹp. Ông thẳng thốt reo lên, giọng lơ lớ: "Đây có phải là hoa mai?"

Tôi gật đầu, cảm phục một người Mỹ biết nhiều về xứ sở của mình:

"Ồ! Ông cũng biết hoa mai? Nó là loại hoa biểu tượng cho mùa Xuân ở quê hương tôi, và chỉ nở vào mùa Xuân".

Ông gật đầu, đôi mắt xanh thoáng một nét băng khuâng, nhìn theo những sợi mưa nghiêng nghiêng đan nhau trong khung trời mờ tối:

"Tôi biết, vì cô ấy tên Mai, Mai là tên người yêu của tôi, cô học trò bé nhỏ..."

Hình như ông xúc động, yên lặng để đầu đi nỗi buồn. Tôi cũng ngạc nhiên không ít, khi khám phá ra mối tình của người đưa thư, một mối tình có lẽ rất đẹp mấy chục năm trước vẫn ấp ủ trong trái tim ông, từ những ngày trẻ tuổi.

Buổi chiều mưa hôm đó, một chiều mưa trên xứ người, nghe câu chuyện tình của người đưa thư, tự nhiên tôi cảm thấy dâng lên trong lòng một nỗi buồn rất Việt Nam, cả cái không khí lặng đặng một chút ngậm ngùi theo từng giọt mưa rớt xuống hàng hiên ẩm ướt. Trong khi chờ mưa ngớt hạt, người đưa thư bồi hồi kể tôi nghe chuyện tình của ông ba mươi năm trước...

David sinh trưởng ở Sacramento, thủ phủ của tiểu bang California. Vùng đất phì nhiêu màu mỡ có rất nhiều cánh đồng trồng rau và trái cây, đủ cung cấp cho hầu hết các tiểu bang của Hoa Kỳ. Sinh ra trong một gia đình đông anh em, cả nhà sống trong một trang trại trồng hoa quả vùng ngoại ô, David có bản chất một người đồng quê rất hiền lành và thật thà, yêu thiên nhiên.

Học hết Trung Học, David rời gia đình đến Nam Cali để tiếp tục việc học. Sau bốn năm Đại Học, vốn bản tính hiền lành, thích làm việc thiện, David tình nguyện sang Việt Nam làm công tác giáo dục và thiện nguyện. Do vậy, chàng có một thời gian dài đến gần bốn năm phục vụ trong các trung tâm Việt Mỹ, dạy tiếng Anh cho những người Việt trẻ tuổi.

Lúc ấy David còn trẻ lắm, mới hai mươi hai tuổi. Trước khi sang Việt Nam, chàng được học tiếng Việt sáu tháng, cho nên lúc

đến Việt Nam chàng đã bập bẹ nói được những câu xã giao thông thường với người bản xứ. Năm David tới Việt Nam, chiến tranh đang thời kỳ leo thang, nhưng ở thành phố tương đối người dân vẫn sống trong yên bình, chưa nhìn thấy bao nhiêu sự đe dọa của chiến tranh. David chỉ ở Sài Gòn một thời gian ngắn, sau đó được đưa về Cần Thơ. Chính nơi này, thành phố thơ mộng ven bờ sông Hậu, đã khiến David lúc quay về Mỹ, mang theo một vết thương lòng.

David đã có dịp đi lại mấy lần trên nẻo đường mang nhiều sắc thái miền Tây Nam Phần, đó là quốc lộ 4. Những cánh đồng lúa bát ngát, những vườn cây xanh, những mái tranh nghèo khuất sau hàng dừa rủ bóng trên giòng sông đục ngầu phù sa, lác lẻo nhịp cầu tre bắc ngang sông rạch. Chàng thích nhất những chuyến phà qua sông Hậu Giang, nhất là khi chiều về, vài cọng hoa lục bình màu tím lênh đênh trên sóng nước. Phong cảnh Việt Nam thật lạ lẫm, mới mẻ nhưng gần gũi biết bao, không hiểu sao khi nhìn thấy miền đồng bằng sông Cửu Long lần đầu tiên, David đã cảm thấy yêu mến vùng đồng bằng, êm ả như vùng quê nơi chàng sinh trưởng, dù mỗi nơi đều có nét khác biệt nhau.

Vì là nhân viên dân sự, David may mắn chỉ ở thành phố, không đối diện với chiến tranh như những người lính Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam, và cũng không hề giao tiếp với giai cấp phụ nữ bám theo đoàn quân viễn chinh. Cho nên, những ngày dạy học tại Trung Tâm Việt Mỹ, David thật thơ ngây khi lần đầu tiên trong đời, chàng đã trao trái tim mình cho cô bé Việt Nam, Mai là một cô học trò rất chăm chỉ, ngoan hiền trong lớp học căn bản của Trung Tâm này.

Mai đẹp lắm, ít là dưới mắt của David, một vẻ đẹp Á Đông rất ưa nhìn. Mái tóc đen mượt, đôi mắt đen láy như hai hạt nhãn, nét ngây thơ dịu dàng của cô con gái Á Đông khiến con tim chàng trai Mỹ mới biết yêu lần đầu, đã thổn thức vì nhớ thương. Như câu ca dao Việt Nam, "Yêu ai yêu cả đường đi lối về", David cũng yêu cái mệnh mông của dòng sông Cửu Long, yêu hàng dừa lơ lửng nơi bên sông, nhìn những đợt sóng nhấp nhô vào những buổi hoàng hôn, David tưởng như nó chuyên chở bao nhiêu tình tự dân tộc, hiền hòa, vui tươi và đầy thiện cảm. Mỗi buổi sáng, David say sưa ngắm nhìn những tà áo trắng bay bay như những cánh bướm, trên

chiếc xe đạp thong thả của đám nữ sinh mỗi buổi đến trường. Cả thành phố dậy lên sức sống, người ta đi lại đông đảo, đàn bà xách giỏ đi chợ, vài chiếc xe chất đầy rau quả, những đứa trẻ con ngoan ngoãn đi học với nhau, chiến tranh hình như chưa hiện diện nơi đây. David có được những tháng ngày thật tuyệt vời với công việc của mình, một biệt thự xinh đẹp tọa lạc trên con đường trung tâm thành phố.

Năm ấy Mai độ mười bảy tuổi, tư chất thông minh cộng thêm nét ngây thơ của cô bé mới lớn, đã chinh phục trái tim ông thầy trẻ tuổi. Cách biểu lộ tình cảm của mỗi dân tộc có khác nhau, David không hề dấu diếm tình yêu của mình với cô gái trẻ, trong khi Mai cố tình né tránh, dù nàng rất có cảm tình với ông thầy vừa đẹp trai, lại rất hiền hậu nữa. Sau nhiều lớp ở Trung tâm Việt Mỹ, Mai là một học sinh xuất sắc được chọn là người phụ giáo cho những lớp học vỡ lòng, trong thời gian này hai người cùng làm việc chung, David càng thấy gần gũi nàng hơn.

Với bản tính thẳng thắn của người Mỹ, David tỏ tình và đề cập với Mai về chuyện hôn nhân, chàng nghĩ nó rất đơn giản như bao cuộc hôn nhân trên xứ sở chàng. Nhưng điều làm cho David đốn đau hơn cả, không ngờ Mai đã từ chối kết hôn với chàng, nguyên nhân chỉ giản dị là không cùng chủng tộc, cha mẹ nàng coi đây là điều không thể chấp nhận, dù David là một chàng trai học thức. David không hiểu tại sao Mai không quyết định được chuyện hôn nhân của mình, dù rằng Mai cũng cảm thấy mình yêu thương chàng trai Mỹ tóc vàng, mắt xanh hiền lành ấy. David thắc mắc thì Mai chỉ im lặng thờ dài, rồi cho chàng biết những gia đình Việt Nam bảo thủ, không bao giờ chấp nhận chuyện con cái kết hôn với người ngoại quốc.

Sống ở Việt Nam khá lâu, ăn những món ăn Việt Nam, học được cách cư xử của người Việt, David hoàn toàn chấp nhận tất cả những đòi hỏi theo phong tục, tập quán người Việt nhưng vẫn bị từ chối. Thật sự chàng không thể nào hiểu nổi dân tộc này, trong cái thân thiện bên ngoài hình như họ vẫn dấu kín những thành kiến bí ẩn, có lẽ đã ăn sâu vào gốc rễ trong tâm hồn họ. Không lấy được Mai, nhiều lúc thất vọng đến chán chường, David còn muốn tìm cái chết để quên đi hình bóng diễm kiều của cô gái Việt. Cuối cùng, bị khủng hoảng tinh thần, David không thể tiếp tục làm việc, với ý

ngĩ một ngày nào đó Mai thuộc về người khác. David được hồi hương trước thời gian ấn định, lúc chia tay, lần cuối cùng gặp nhau, Mai đã khóc và nói với chàng :

"Nếu không được kết hôn với anh, em sẽ không bao giờ lấy ai nữa".

Câu chuyện tình của người đưa thư tưởng đến đây là hết, bắt ngờ David hỏi tôi:

"Tại sao dân tộc cô lại có cái nhìn khe khắt như thế? Một tình yêu khác chủng tộc có phải là điều tội lỗi?"

Tôi bối rối nhìn ông, không làm sao cắt nghĩa cho ông hiểu. Đúng, tình yêu tự nó đâu có gì tội lỗi, nhưng dưới con mắt lệch lạc của những người có nhiều thành kiến, họ vẫn không chấp nhận. David lại nói tiếp:

"Ba mươi năm nay tôi vẫn không quên điều đó, vẫn tìm tòi văn hóa Việt, và tôi hiểu tại sao dân tộc Việt Nam không tiến lên được. Trong một vấn đề giản dị đó, họ đã không có cái nhìn rộng rãi, thì những vấn đề lớn hơn, họ cũng khó mà thay đổi".

Tôi thờ dãi nói với David:

"Tôi nghĩ không chỉ người Việt Nam chúng tôi mới có quan niệm thiên cận như thế, ngay những người Mỹ, cũng đâu có thích con cái họ lấy một người không cùng sắc tộc với mình. Hơn nữa người Việt Nam lấy chữ hiếu làm đầu, cho nên ít khi chống đối lại cha mẹ, và họ chấp nhận điều ấy như là một thứ định mệnh đã đặt để, ông thông cảm cho. Nhưng thưa ông, đây chỉ là những suy nghĩ của thời gian đó, bây giờ mọi điều đã thay đổi...".

Giọng David đều đều như tiếng mưa rơi ngoài hiên, ông nói:

"Cô có biết tôi đã đau khổ biết bao nhiêu khi không lấy được Mai, tôi đâm ác cảm với tất cả người Việt vì lỗi suy nghĩ của họ.. Khi về nước, lâu lắm tôi vẫn không quên được người con gái ấy, rồi lại nhớ đến câu nói cuối cùng của Mai nói với tôi, tôi không nghĩ rằng Mai đã thực hiện được. Khi đất nước cô bị rơi vào tay Cộng Sản, tôi vẫn hy vọng là sẽ gặp Mai trong đám người Việt di tản sang Hoa Kỳ, nếu cô ấy chưa lấy ai thì trên xứ sở này không ai cấm cản Mai kết hôn với tôi cả".

Tôi ngắt lời David:

"Ông có gặp lại cô ta không?"

David gật đầu, đôi mắt xanh chợt buồn, để rồi lại toát ra một tia nhìn ấm áp:

"Có, tôi đã gặp lại Mai, nhưng bây giờ tôi là người dừng lại, vì Mai đã là một nữ tu đang sẵn sóc cho đám trẻ mồ côi đem từ Việt Nam sang. Lần này tôi thực sự cảm thấy mình không có quyền theo đuổi con người cao quý đó. Mai đã hy sinh tình yêu, tuổi xuân để phục vụ cho một nghĩa vụ cao cả hơn, đây là tình nhân loại. Tôi vẫn yêu Mai, nhưng không có quyền giữ lấy nàng làm của riêng, khi nhìn thấy bản chất cao đẹp trong tâm hồn nàng".

Giọng ông ta chợt buồn:

"Đồng thời tôi cũng hiểu được ý nghĩa lời nói của Mai, khi đã khóc và nói với tôi câu nói cuối cùng trước khi chia tay nhau. Nàng là người con gái Việt Nam thuần túy có những suy nghĩ theo tính cách của dân tộc nàng, nhưng trong tình yêu, tôi hiểu nàng cũng yêu tôi, thích hợp với đời sống và việc làm của tôi, nhưng vẫn không dám chống đối lại cha mẹ. Để rồi cuối cùng cô đã chọn con đường ấy, con đường phục vụ cho tha nhân".

Đôi mắt xanh buồn buồn của người đưa thư lại hướng về bức tranh có những bông mai vàng óng ả treo trên tường, thật dịu dàng ông nói tiếp:

"Từ đây, tôi muốn mình cũng như Mai, làm một điều gì đem lại niềm vui cho mọi người, dù rất nhỏ nhoi. Nếu không hỏi cô, có lẽ lá thư này sẽ bị trả lại cho người gửi, bạn cô mất đi một niềm hy vọng, và ngay cả cô cũng mất niềm vui được đọc một lá thư. Bao nhiêu năm rồi tôi có nhiều cơ hội để tìm một việc làm tốt hơn, nhưng tôi vẫn vui thích với nghề nghiệp hiện tại, khi nghĩ mình đã đem đến cho mọi người những gì họ chờ đợi, nhất là trong những mùa Lễ, Tết. Tôi cũng hiểu rằng từ miền đất xa xăm nghèo khổ kia, họ đã phải tiết kiệm như thế nào mới có đủ tiền để gửi một lá thư cho người phương xa".

Tôi cảm động nghe ông ta nói, tự thấy xấu hổ với mình khi chính tôi có lúc đã rất hững hờ với những lá thư từ bên nhà gửi sang, cũng chỉ vì sợ phải giúp đỡ. Ngược giọng thời gian, tôi như nhìn thấy mình trong quá khứ, trong lúc cùng cực vẫn trông chờ một niềm hy vọng, vậy tại sao tôi lại không có được tấm lòng như người đưa thư này. Lúc ấy, nhìn đôi mắt xanh của ông ta, chòm râu hung hung viền quanh mặt, trông ông hiền hậu và dễ thương như

ông già Noel đem niềm vui cho trẻ con mỗi mùa Giáng Sinh. Tôi nói với ông rất thành thật:

"Tôi cảm ơn ông, một người Mỹ rất có tình với quê hương tôi, dân tộc tôi, dù trước kia ông đã bị đau khổ vì sự suy nghĩ của họ..".

Mưa đã ngớt, chưa tới sáu giờ mà trời mùa Đông đã tối xâm lại. David đứng dậy, ông còn phải trở về Buru điện, đem theo những lá thư người trong chung cư nhờ ông gửi giùm. Ông chào tôi rồi mang đôi giày vào chân, mỉm cười nhìn những bóng đèn màu chớp tắt trên cây Giáng Sinh ở góc phòng. Tôi nhìn theo người đưa thư bước ra đường, lòng dâng lên một niềm ám áp cho dù đang là mùa Đông ở xứ người. Câu chuyện của David đã làm tôi suy nghĩ.. Tình yêu muôn thuở vẫn chỉ là Tình yêu, nhưng vượt lên trên đó, nó có một sứ mệnh thật cao cả khi người ta nhìn ra cái đẹp của nó, và sống với cái đẹp của tình yêu.

Giờ này, ở một nơi nào đó trên đất Mỹ, Mai, cô gái Việt Nam năm xưa, có lẽ nay đã đứng tuổi, vẫn hằng say phục vụ tha nhân trong lãnh vực của cô. Không biết cô có hiểu rằng, chính tình yêu của cô đã làm cho David, người đưa thư quen thuộc của khu chung cư, cũng đang đi con đường của người ông yêu tha thiết năm xưa, cũng với mục đích đem niềm vui đến cho mọi người. Giá tất cả thế nhân đều nghĩ đến nhau với một tấm lòng như thế, thì có lẽ chiến tranh đã chấm dứt từ lâu trên trái đất.

NGUYỄN NHUNG

Mùa Giáng Sinh



ĐÃ PHÁT HÀNH MỜI BẠN TÌM ĐỌC

CÒN KHÔNG CHÓN QUAY VỀ

tự truyện

HOÀI ZIANG DUY

* Bia: Nghiêu Minh

* Trình bày, layout: Nguyễn Nam An

* Thân Hữu xuất bản * **Giá 18 mỹ kim**

* Chi phiếu xin đề: **BINH DO**

21269 Mirror Ridgew PI

Sterling, VA 20164

* Liên lạc: **hoaziangduy@yahoo.com.**

cell: **571-232-2989**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 79 * 155 * MÙA ĐÔNG 2017

GIỚI THIỆU SÁCH



NGUYỄN VĂN SÂM

Victorville, CA, USA

Đọc truyện Nôm HỨA SỬ (TÌNH MÊ MỘT CỐI)

1. Tôi mất hơn 7 năm từ khi có được bản Nôm Hứa Sử đến khi in xong sách này. Lý do có nhiều. Ngoài sự khó khăn trong chuyện phiên âm do *sách xưa* chữ nghĩa thâm thúy, từ ngữ chuyên đạo ẩn tàng nhiều tư tưởng cũng như nghĩa cổ mà tôi càng đọc, càng chú giải càng thấy rằng cần phải suy nghĩ thêm, chú giải thêm để giúp cho người đọc dễ hiểu còn có sự băn khoăn của tôi về sách *Toàn Tập Toàn Nhật Quang Đài* của thầy Lê Mạnh Thát, sách đã in hai lần, lần trước vào năm 1979, lần sau gần đây, năm 2005. Lần nào thầy Lê Mạnh Thát cũng đều xác quyết *Hứa Sử Truyện Văn* là tác phẩm của Hòa Thượng Toàn Nhật. Tôi in sách này mà không nói gì đến tên tác giả Toàn Nhật coi có dị lắm không?

Rồi đầu năm ngoái (2014) tôi hân hạnh gặp thầy Lê Mạnh Thát, có nói về suy nghĩ của mình, thầy cười thông cảm và khuyến khích tôi cứ tự nhiên. Mỗi người có lý giải riêng, cách đọc và hiểu vấn đề riêng, người đọc được biết thêm điều gì đó cũng là điều tốt hơn là sách làm dang dở rồi bỏ xó cho bụi bám. Hơn nữa, *cung cấp cho đời thêm một bản Nôm tốt cũng là có công và cần thiết* cho việc bảo tồn văn hóa. Người xưa tốn thiết nhiều thời gian mới

sao chép được *một bản Nôm*, nay ta in một lần vài trăm bản lại có phiên âm và chú giải sao lại không in? Tuy vậy tôi không thể đi vào các chi tiết Phật học hay triết lý Phật giáo vì khả năng hạn hẹp của mình về vấn đề này, chỉ có thể căn cứ trên bản văn Nôm và suy nghĩ về những cách đọc của người đi trước mà làm chuyển phiên âm lại và chú giải theo đường hướng soi sáng bản văn về mặt văn học và ngôn ngữ. Công việc nhằm hi vọng giúp cho người đọc hiểu hơn, hiểu đúng phần nào về nội dung tác phẩm. Các hữu kỳ phận! Biết đến đâu thưa đến đó!

Hứa Sứ Truyện đích thực là truyện của một người tỉnh thức khi sống trong **Cõi Tỉnh Mê** của trần đời. Bầu vú vào đời, tranh danh đoạt lợi, sống theo bản năng con người là sống **Kiếp Mê Muội** của đời chúng sinh huyễn hoại. Thức tỉnh để giũ bỏ, dứt khoát với những hệ lụy, bước vào đường hạnh tu là sống **Đời Tỉnh Thức** của đạt giả thường tồn. Hứa Sứ đã sống thức tỉnh. Toàn văn là cuộc đời của ông cho nên tôi lấy ý toàn văn mà gọi truyện Hứa Sứ là **Tỉnh Mê Một Cõi. Cõi đời đồng thời là Cõi tu** tùy theo lối sống của từng người. Cõi đời của chúng sinh với những ham muốn, tranh giành, phiền muộn... để rồi sẽ tiếp tục những kiếp sau kiếp sau. Cõi tu của thiểu số chúng sanh giác ngộ lẽ đời lẽ đạo để dứt bỏ những ràng buộc và ngăn trở của đời để bước vào đời tu hành mong dứt được sự kiện kiếp sau kiếp sau.

Tác phẩm hơi dài vì tác giả muốn đưa vào đầy hầu hết những vấn đề căn bản của vấn đề tu hành: Tu ở thành thị hay lâm tuyền, chốn nào có lợi cho sự tu, người tu? Trong khi tu tập có thể gặp những ma chướng, phiền não, đàm tiếu, thái độ của người tu hành phải như thế nào? Thầy dạy đạo của mình lỗ sa đà, vương vào vòng tục lụy, thái độ mình là đệ tử hành sử sao cho phải đạo? Nước nhà có loạn, mình có tài an bang, nên cầm quân dẹp giặc chăng, nếu cầm quân thì phải làm sao giới hạn sự sát sanh đến tối thiểu? Muốn đi tu mà vợ con cản trở, đồng liêu thuộc hạ khuyên bảo nên ở lại giúp nước nhà thì mình phải làm gì? Còn nhiều vấn

đề thực tế khác mà người đọc với căn cơ và kiên định sẽ thấy và vạch con đường theo để thực hành một đời sống Tỉnh Thức.

Sách được một vị chân tu nào đó viết ra trên giấy để lại trong chùa nào đó, Hòa Thượng Toàn Nhật với hạnh ngộ được đọc, giác ngộ bèn chấp bút, kêu gọi khắc in. Không biết Ngài đã thêm vào bao nhiêu tư tưởng của mình, sửa biết bao câu văn trong nguyên bản, nhưng chắc chắn rằng những gì tác giả đi trước nói đã ngài được giữ ít nhất là ở phần cốt lõi. Vì vậy tôi chủ trương *tác phẩm này thuộc về công đức chung của các thiền sư hơn là riêng một vị*. Điều này cũng không có gì sai trái vì thật ra tác phẩm văn chương và nhất là tác phẩm tôn giáo của Việt Nam hầu hết đều vô danh. Vô danh do nhiều lý do, trong đó có **sự cố tình của tác giả** gạt bỏ tên mình ra khỏi tác phẩm vì coi cái tên của mình vốn không quan trọng. Từ sự vô danh đó, tác phẩm được người này người nọ thêm thắt, sửa đổi, khiến cho tác phẩm của người Việt là công trình của đám đông không tên nhiều hơn là thuộc về một cá nhân cụ thể. Đối với một nhà sư, sự vô danh trong việc trước tác còn quan trọng hơn vì mang ý nghĩa triết lý. Kiếp người là một sát na tạm bợ, là đời sống của sương sa, sấm chớp. Lạc vào cõi trần thế này một đời chỉ là vài giây phút so sánh với muôn ngàn kiếp của cái chơn linh, chơn giác nên sẽ ra đi không lưu ảnh, ở không nhất thiết lưu hình, trước tác không cần lưu danh.

Quan niệm vô danh về tác phẩm của mình nằm trong quan niệm lớn hơn mà quyển **Tỉnh Mê Một Cõi** này có nói, dầu chỉ phớt qua, khi một vị cao tăng sắp tịch. Thầy nói mình chết chỉ là từ bỏ cái thân hư huyền, cái áo lớp ngoài của **một đời** này, trong khi đó cái tánh chơn giác, cái linh hồn, cái làm nên chuỗi kiếp kiếp của con người thì bao giờ vẫn còn:

*Thầy nay tuy bỏ huyền khu (thân xác ảo huyền),
Một tánh chơn giác muôn thu như còn.*

Đây là tư tưởng chánh của quyển sách, có thể không mới – tìm một tư tưởng mới trong đạo Phật thật quá khó - nhưng quan trọng khi nằm trong một tác phẩm văn học phổ biến tới mọi tầng lớp đại

chúng, một quyển truyện, chứ không phải một quyển kinh, vốn giới hạn trong sự giao truyền, chuyển tải tư tưởng.

2. Có nhiều chứng cứ để xác định rằng **Tĩnh Mê Một Cõi** là *sản phẩm của thế kỷ 18*, đầu là bản khắc chúng ta có được đề năm Canh Thìn (nhiều xác suất là 1880), chẳng hạn như:

(1) Tĩnh thoảng có xen kẻ những câu thơ thất ngôn:

Khen rằng phước đức có dư,
Cha mẹ biết đạo con tu thêm mâu,
Thầy chớ rầu mà lòng bói rôi,
Cha mẹ đà về cõi Thiên tiên

hay:

Tạo chùa chiêm, làm cầu, thí giếng,
Cùng đắp đường tích thiện phóng sanh.

hoặc:

Táng thầy rồi ra vô thơ thần,
Lòng bần khoãn ghe thăm sầu tây.

hay:

Giác tánh không hình thành chánh quả,
Cõi Diêm vương khó quá người ô!

những câu thơ thất ngôn là biến thái thể của thể loại văn chương đời Lý Trần, của Tô Công Phụng Sứ, của thơ Nguyễn Biểu, thơ Vương Tường, thơ Bạch Viên..

(2) hiện diện nhiều *từ xưa và cách dùng xưa*,

Chẳng hạn như *ròng thiền tĩnh tu* (tu thiền), *thiền song* (ở chùa), *năn nỉ* (bàn bạc, thảo luận), *bỏ rầy* (bỏ lúng, bỏ phé), *lời thế bia bài* (miệng đời nói xấu), *chang chang* (quá nhiều), *trối thầy* (kê họ), *đề* (đoán chừng, phỏng đoán), *tráo trở* (thay đổi), *khoãn thầy* (cách mặt thầy), *bàn luận vừa thôi* (suy nghĩ xong), *dong xá* (tha thứ), *người vạy vò* (người không ngay thẳng), *bộ nhận* (lộn xộn), *khăm* (đầy, no), *dón lại* (tóm lại), *toa* (toan tính, suy nghĩ), *chưa siêu* (chưa hiểu rõ, chưa được thuyết phục), *chầu* (lúc), *ngục rạc* (ngục tù), *mồi ngon* (món ăn ngon),

(3) *cách nói xưa* và *nhút* là những từ đơn chỉ dùng ở tác phẩm trước thế kỷ 19, sau đó thì đã trở thành từ kép.

Đặng chi (kiếm được món gì), *tuông pha* (công kích vô tội vạ), *tuông đi viếng thầy* (chỉ nghĩ đến chuyện đi thăm thầy), *chấp trước* (đề ý, lấy làm điều), *vắng chầy* (vắng mặt lâu), *thế đi chẳng chầy* (coi bộ chết không lâu), *lòng nở yên đâu* (không thể làm lơ), *bỏ trong Phật pháp* (bỏ Phật pháp), *việc trong tội phước* (việc tội phước), *chân bước dần dà* (chân lảo từng bước chậm), *cậy* (nhờ), *làm đôi bạn lành* (làm bạn thân), *tay này* (chính ta), *ngĩ nào* (hơi nào), *phá của* (bỏ tiền ra), *nắm tay* (chấp tay), *đặng thời* (gặp may), *thế thì* (người đời), *do sự* (lý do), *lành nhơn* (người lành, người hiền), *buông tình* (thả lỏng tình cảm, để bị lôi cuốn vào chuyện xấu), *trái lòng* (bất bình), *lên xuống đời đời* (luân hồi).

(4) Những bài *văn tế* (trang 44), những bài *thơ Đường* (trang 82, 138) chen lẫn vào trong bản văn cũng là vết tích của tác phẩm xưa hơn *Đoạn Trường Tân Thanh*, *Phan Trần*, *Lục Vân Tiên* để kéo về cùng thời gian với sự xuất hiện của *Hoài Nam Khúc* của *Tư Dung Văn*, của *Ai Tư Văn*.

(5) Những câu thơ lục bát có vần ở chữ thứ tư cũng là bằng chứng của sự ra đời sớm chứ không phải là sự non tay nghề của tác giả.

Chẳng hạn:

*Thương thầy khổ hạnh núi non,
Bây giờ chẳng còn lên xuống viếng thăm.*

hay:

*Đến khi về đã hầu gần,
Vua sai hai tán ra thành tiếp nghinh.*

hoặc:

*Tội kia biết đáng mấy thầy,
Nhưng mà ngày rày nó đã đâu ta.:*

hay:

*Triệu Tân nước mắt rung tròn,
Cúi trước sân rồng vạn tuế tung hô....*

3. Một điều đáng nói nữa là tác phẩm này chần chẫn là công trình tim óc và chấp bút của *những người Miền Nam* với nhiều từ ngữ của vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh được sử dụng nhuần nhuyễn, chỉ có mặt trong tự vị của Huình Tịnh Của mà những tác giả Bắc, Trung trước đó hay sau đó chưa có lần nào dùng.

Một vài từ chắc chắn là đặc trưng của Bắc, Trung (*ngĩ, mô*) có mặt ít ỏi trong tác phẩm chỉ là vết tích còn lại của sự di dân Nam tiến thời các chúa nhà Nguyễn, chưa biến mất khi định vị trong Nam vì thời gian còn quá gần, cách nói địa phương chưa có dịp tác động mạnh mẽ. Những chứng cứ này chúng tôi thỉnh thoảng nhận xét ở phần sơ chú.

4. Một điểm đặc biệt là tư tưởng trong này pha trộn giữa niềm tin Phật giáo, kết hợp với những điều dạy căn bản của đạo Nho. Chẳng hạn như **Đề cao vai trò và vị thế của người thầy:**

*Vua bèn phán hỏi lời này,
Khỏi tội vì **thầy** bậy có biết chăng?
Phải **thầy** mà chẳng chánh nhơn,
Thời đã khinh báng Phật, tăng tung hoành..*

Con người tu hành cũng cần có căn duyên mới được gặp thầy xứng đáng. Nếu không gặp thầy ngu mê, không biết dạy kinh kệ, lễ đạo mà dạy những điều tầm thường như thấp nhang đèn, lạy Phật, bói toán thì mình tu vô ích:

*Không duyên gặp thấy vô minh,
Nhưng ông trá huyễn tu hành, ăn chơi,
Chẳng biết điều chi dạy người,
Cứ môn lạy Phật, hôm mai hương đèn,
Vào làm bốn đạo cầu duyên,
Nhưng ông làm vậy mình nên ích gì.*

Chẳng hạn như ý niệm ngũ thường được đưa ra như là căn bản của sự sống tốt đẹp của con người mà không có nó thì là sai quấy lớn:

Năm hằng chẳng giữ, theo về súc sanh,

Giải thích căn nguyên của tư tưởng này tôi cho rằng đó là sự **pha trộn** giữa quan niệm tôn trọng Phật, Pháp, *Tăng* với quan niệm đề cao Quân, *Sư*, Phụ. Thầy dạy đạo của mình trên căn bản là một vị tăng cộng với vai trò của người thầy khai hóa cho mình, không thể vì bất kỳ lý do nào mà từ bỏ, phỉ báng tăng, khi tăng đó đã là thầy mình.

Ngoài ra ảnh hưởng của vài tư tưởng căn bản của Nho giáo cũng bàng bạc trong tác phẩm như nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín, như tình bằng hữu chỉ ư tín, như thờ vua, như vị quốc, như đề cao tứ ân.

Quan trọng trong tư tưởng của tác phẩm là nói rõ ràng sự *ly gia cát ái*. Con người muốn tu thì phải dứt khoát dứt bỏ tình, gia đình, tình chồng vợ, nghĩa vua tôi. Dứt bỏ không phải buông rơi vô tình mà *để qua một bên tình cảm này* hầu tinh chuyên lo chuyện tu hành. Hứa Sứ khi còn trẻ đã để tình con cha qua một bên mà theo thầy đi tu. Ông Đồng Vân khi làm quan đã từ quan để chuyện thờ vua qua một bên (sau này có chuyện thì vẫn giúp vua) cũng như để tình vợ chồng, tình phụ tử qua bên cạnh mà dứt khoát đi tu, ông nói *Cũng vì đôi chữ ái ân, Cho nên lúng túng lòng trần khó ra*. Ông biện luận rằng mình đi tu trước là giải thoát cho mình nhưng cũng là giải thoát cho vợ con. Vậy là trên căn bản người đi tu cũng còn có nghĩa phu thê, nhưng nay đã chuyển hóa dưới một hình thức khác hơn do ảnh hưởng của Phật giáo.

Một đoạn dài của tác phẩm này là sự thưởng phạt của Diêm vương và sự đối thoại, giảng dạy của ông ta đối với Hứa Sứ mục đích là sẽ qua Hứa Sứ những hành vi ăn ở cho phải đạo như hành thiện, tránh ác của con người sẽ được tuân thủ vì con người sợ những sự trừng phạt sau khi chết.

Ý niệm thưởng phạt hồn con người sau khi chết là sự đầy mạnh tư tưởng nhân quả. Triết lý Phật giáo giải thích và đề cao lý nhân quả, nhưng Phật giáo bình dân như **Tĩnh Mê Một Cõi**, như **Hồi Dương Nhơn Quả** dùng quan niệm nhân quả để đưa tới sự thưởng phạt của Âm Ty hầu tạo cho con người ý niệm: Tham

Thiên đường phải giữ lòng lành, sợ địa ngục nên chừa thói dữ.
Lòng tham, ý sợ đó không có gì đáng chê trách khi con người hướng thiện và chừa sự tàn ác...

5. Đọc **Tĩnh Mê Một Cõi**, tôi đọc chậm chậm, suy nghĩ để thâm thúy ý lời, chắc chắn rằng đọc giả cũng vậy. Một số câu (1) vì **từ ngữ xa xua**, (2) vì người viết **dịch thẳng** các từ Hán Việt sang từ Nôm để đến được số đông Phật tử hơn, (3) vì vấn đề **không nằm trong bình diện đời thường** ta quen thuộc nên hơi khó hiểu, nhưng nếu chịu khó suy nghĩ thì cũng vỡ lẽ.

Sách được ra đời nhờ công lớn của một học giả kiệt xuất, Giáo Sư Trần Ngọc Ninh, Giáo Sư đồng ý viết một bài giới thiệu dài giải quyết vấn đề văn học căn bản là thời đại xuất hiện của truyện thơ lục bát trong đó có **Hứa Sữ Truyện Văn** này, lại khuyến khích tôi nhiều lần: *‘Xin đừng chú ý đến sự tốn kém khi in một quyển sách khó lấy lại vốn mà hãy vui khi thấy một quyển sách tốt được ra đời. Hơn trăm năm trước ông Trương Vĩnh Ký đã làm việc ích lợi này.’*

Sự ủng hộ tinh thần và vật chất của người đồng cảm cũng nhiều, không thể nêu tên ra hết.

Dĩ nhiên người phiên âm từ bản Nôm ra quốc ngữ trước đây cũng đáng được trân trọng, đó là cư sĩ Tịnh Quan Võ Văn Liễu (1930) và thầy Lê Mạnh Thát (1979); quý hơn Nguyễn Văn Thoa nhượng lại tôi bản Nôm Giác Viên này cũng là người được tôi ngưỡng mộ và thấy rằng mình cần ghi lại đây lời cảm ơn chơn thành. Không thể, quyển **Tĩnh Mê Một Cõi** này không có dịp chào đời và riêng mình, tôi đã chẳng có cơ duyên nhìn lại một vài vấn đề chữ Nôm và hạnh tu tập theo Phật đạo. Âu cũng là cái duyên!

Riêng lần in này tôi chưa thật sự vừa ý, có thể nói là hơi thẹn, vì phần **tự vựng** chưa làm được, một **bảng chữ Nôm** liệt kê những chữ mà hai quyển Tự điển Nôm quan trọng của Viện Việt Học, CA (2009) và Nguyễn Quang Hồng, HN (2014) chưa kịp vét

cũng chưa thực hiện được và nhất là những câu/chữ cần **chú giải** còn phải thêm nhiều đề tác phẩm được hiểu chính xác hơn, sự chuyển tải tư tưởng của tác phẩm đến người đọc được thông suốt hơn.

Tiếc quá! Hi vọng có cơ duyên để giải quyết những bất cập đó trong thời gian gần tương lai.



Nguyễn Văn Sâm, Victorville, CA, USA

(Noel 2014, đầu năm 2015, những ngày năm nhà dưỡng bệnh).

KIỀU MỘNG HÀ

(Lender - Texas)

TẠ ƠN

*Tạ ơn một nửa vòng bay
Đưa ta trở lại những ngày mộng mơ
Ta tìm ta lại tuổi thơ
Bên con bướm ép bên tờ thư xanh.*

*Tạ ơn xe lửa tốc hành
Đưa ta ra Huế ghé Thành Nội xưa
Mùa thu Huế âm ướt mưa
Hồn ta một nửa như vừa rong chơi.*

*Tạ ơn Sài Gòn mỉm cười
Dang tay mời đón những người phương xa
Chiều thu áo lụa thướt tha
Mà sao cứ ngỡ... hồn ma hiện về.*

*Tạ ơn cây trái miền quê
Buổi Năm Roi với Sa pô chê Phong Điền
Đêm nằm nhớ tiêu Hà Tiên
Nhớ cô răng trắng đồng tiền thật xinh.*

Cần Thơ ngày 10 tháng 10 năm 98
(Trong TRÁI TIM ĐÀU - Phượng Các 2000)

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



Vô cùng xúc động nhận được TIN BUỒN

Thân phụ của Bà Cecile NGUYỄN [thành viên trong nhóm sáng lập
tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM từ mùa Hè 1998 đến nay]

Là Cựu Ông

**Cựu Thiếu Tướng Quân Lực VIỆT NAM CỘNG HOÀ
NGUYỄN VĂN KIỂM**

Nguyên Chỉ Huy Trưởng Trường Đại Học Quân Sự Đà Lạt

Nguyên Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia VN

Nguyên Tham Mưu Phó Nhân Viên - Bộ Tổng Tham Mưu

Đã về nước Chúa ngày 30 tháng 9 năm 2017

Tại Houston - Texas - Hoa Kỳ

HƯỞNG THƯỞNG THỌ 93 TUỔI

Trước sự mất mát lớn lao này,

Chúng tôi Thành Kính Phân Ưu cùng Cựu Bà quả phụ NGUYỄN VĂN
KIỂM (nhũ danh NGUYỄN THỊ DIỆP) và Bà ái nữ CÉCILE NGUYỄN
cùng Đại Tang Quyển.

Nguyện cầu hương linh Cựu Ông NGUYỄN VĂN KIỂM
sớm Hưởng Nhan Thánh Chúa.

**Toàn nhóm sáng lập Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM
ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

* Chúng tôi xin dành số trang để đặc biệt tưởng niệm Cựu Thiếu Tướng QL.VNCH NGUYỄN VĂN KIỂM, có ái nữ **Cecile NGUYỄN là thành viên sáng lập tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM**, với những chi tiết về tiểu sử, tang lễ và hình ảnh để gia đình lưu giữ kỷ niệm... số báo ra dịp mùa Tạ Ơn có Veterans Day, Thanksgiving, Christmas Day tại Hoa Kỳ. Kính mời quý bạn đọc cùng xem các trang tiếp theo.

VĂN HOÁ VIỆT NAM 79 * 165 * MÙA ĐÔNG 2017

TIỂU SỬ CỰU THIẾU TƯỚNG QL. VNCH **Gabriel NGUYỄN VĂN KIỂM**



Sanh ngày 24 tháng 10 năm 1924 tại Sa Đéc
Đã mệnh chung ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Houston Texas

Hưởng thượng thọ 93 tuổi

- * Tốt nghiệp khóa 1 trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông (1946) (tiền thân trường Võ Bị Đà Lạt).
- * Tư Lệnh Phó Đệ Tứ Quân Khu (tiền thân Quân Đoàn II), (1956) Ban Mê Thuột.
- * Chỉ Huy Trưởng Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ (1958) (thời TT Ngô Đình Diệm).
- * Chỉ Huy Trưởng trường hạ sỹ quan Đồng Đế Nha Trang (1960)
- * Tư Lệnh Phó Địa Phương Quân và Nghĩa Quân (1964).
- * Chỉ Huy Trưởng trường Đại Học Quân Sự Đà Lạt (1965).
- * Chỉ Huy Trưởng trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt (1966-68)
- * Tham Mưu Phó Nhân Viên, Bộ Tổng Tham Mưu (1969-70)
- * Tham Mưu Trưởng Tham Mưu Biệt Bộ Tổng Thống Phủ (1971-1972)
- * Chánh Võ Phòng Phủ Tổng Thống (1973-1974)
- * Rời quân ngũ năm 1974.

Thay Mặt Tang Gia đọc trong Lễ an táng cụu Thiếu Tướng Nguyễn Văn Kiềm



"Cha đã cho chúng con có một cái vốn liếng tinh thần thật to tát, đó là cái Đức, cái tấm lòng từ bi và ngay thật của Cha.. ..(...). Xin Cha vững vàng mà đi thẳng về với Chúa..."

Thưa Cha,

Tất cả chúng con có được ngày hôm nay là nhờ Công Đức của Cha với Mẹ. Cha Mẹ sanh chúng con ra đây rồi chở che bao bọc chúng con lúc bé thơ và dạy dỗ chúng con nên người. Chúng con xin cúi đầu đội ơn Cha Mẹ.

Cuộc sống ở trần thế này, khi có khi không, tất cả đều do Chúa ban, để giúp Chúa tạo dựng nên một cái thế giới tốt đẹp hơn. Tất cả những gì mình mượn đây, mình phải trả lại cho Chúa, kể cả thân xác này.

Cha đã từng là một vị tướng lãnh hào hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, lúc cha đang tung hoành trong đời binh nghiệp, chúng con còn quá nhỏ nên chưa hiểu thấu những thành tích đóng góp của Cha cho đất nước.

Chúng con chỉ biết Cha là một sỹ quan trong sạch và đạo đức trong thời kỳ loạn ly và chúng con được nên người nhờ cái Đức to lớn của Cha để lại cho chúng con. Chúng con nhớ Cha là một người Cha nhân từ rất thương đồng đội và lo cho dân. Chúng con chưa bao giờ thấy Cha lớn tiếng với những người dưới quyền chỉ huy của Cha. Cha dùng đức để cảm hóa lòng người, cho nên khi cầm quân dẹp loạn lúc thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm mới về nước, Cha thường biến thù thành bạn, và nhờ đó tránh nhiều sự đổ máu tương tàn. Khi Cha ngồi ghế Chánh Án để xử các sỹ quan đảo chánh, chúng con không thấy Cha phạt nặng ai, vì Cha nói họ là anh em từng đồng sanh đồng tử với Cha khi trước.

Cha cũng không bao giờ lấy của ai một đồng nào. Sau này một sỹ quan quân tiếp vụ có kể lại là Cha không cho gia đình vào mua vì đồ đạc trong đó Cha nói phải dành cho binh lính nghèo. Cha căn dặn gia đình rất kỹ và rất nghiêm rằng có ai nhờ vả việc gì, nếu thấy phải thì giúp người ta nhưng tuyệt đối không được nhận một đồng bạc đền ơn nào của ai. Bao nhiêu tiền lương lính của Cha lãnh ra, Cha mang về đưa trọn cho Mẹ đặng Mẹ gói ghém nuôi nấng chúng con. Cha không bao giờ giữ lại để ăn chơi riêng phung phí, nhờ đó mà chúng con có đủ ăn đủ mặc đặng lo học hành.

Tuy Cha không có tiền bạc của cái vật chất để lại cho chúng con, nhưng Cha đã cho chúng con có một cái vốn liếng tinh thần thật to tát, đó là cái Đức, cái tâm lòng từ bi và ngay thật của Cha. Chúng con nguyện sẽ dùng cái Vốn đó mà xây đắp bành trướng thêm ra để giúp Chúa tạo dựng thêm sự sống cho muôn loài.

Ngày nay Cha đã từ giã những rối rắm của cuộc sống trần gian,



xin Cha vững vàng mà đi thẳng về với Chúa, là Chủ Tể Kiền Khôn Thế Giới; chỉ nơi Chúa mới có sự sống thật và sự bình yên vĩnh cửu mà thôi.

Chúng con thương Cha nhiều.

**Lễ Phủ Cờ do Hội cựu sinh viên sỹ quan trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt
tại Houston tổ chức (ảnh cuối trang trước)**



**Lễ di quan
từ nhà quan
Vinh Phước
[8588 Breen Rd,
Houston, TX 77067
(vùng
Northwest
Houston)] đến
an táng tại
nghĩa trang
Forest Park
Westheimer...**

Lời Cảm Tạ Lễ an táng cựu Thiếu Tướng QLVNCH Gabriel Nguyễn Văn Kiêm

Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ:

* Linh mục Nguyễn Ngọc Thụ, Cha Chủ Tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại Houston và Chánh Xứ GX Đức Kitô Ngôi Lời Nhập Thể,

* Linh mục Trần Ngọc Hùng, Cha Phó Xứ GX Holy Rosary, Linh mục Trịnh Thế Huy, Cha Phó Xứ GX Đức Mẹ La Vang và Linh mục Hoàng Hải Đăng,

Đã làm Lễ Xức Dầu, đến thăm viếng, hiệp thông cầu nguyện, dâng Thánh Lễ và tiễn đưa linh cữu ra nghĩa trang,

* Hội cựu sinh viên sỹ quan trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt,
Đã tổ chức và làm Lễ Phủ Cờ và tiễn đưa linh cữu đến nghĩa trang,

* Các Hội Đoàn Công Giáo - Hội Đoàn Mục Vụ và Tài Chánh GX Đức Kitô Ngôi Lời Nhập Thể, Đạo Binh Đức Mẹ Legio Maria,

Cursillo, Hội Lòng Chúa Thương Xót Lavang, và tất cả các đoàn thể Công Giáo,

Đã đến đọc kinh và hiệp thông cầu nguyện,

* Bà quả phụ cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, * Bà quả phụ cố Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang, * Bà quả phụ cố Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm và gia đình, * Thiếu Tướng Văn Thành Cao, * Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, * Chuẩn Tướng Trang Sĩ Tấn, * Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, * Phu Nhân Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm và gia đình, * Phu Nhân Trung Tướng Trần Văn Minh KQ, * Gia đình Thiếu Tướng Nguyễn Văn Chuân, * Phu Nhân Chuẩn Tướng Đỗ Kiên Nhiễu, * OB Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm và gia đình, * OB Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Lượng KQ, * Đại Tá Lê Thuận Trí, * Đại Tá Tô Văn Kiêm, * Đại Tá Nguyễn Văn Nam, * GS Phạm Văn Tuấn, * Trung Tá Nguyễn Văn Nghĩa, * Bác Sĩ Hồ Vương Minh, * và các tướng lãnh, sỹ quan và chiến hữu thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa,...

* Nhóm Hành Hương, các bạn cựu sinh viên đại học UH, nhóm Việt Aggies, thân hữu ở BHP, bạn bè JJR67, Lê Quý Đôn và Trung Vương, các cựu sinh viên RMIT và IU, Tạp Chí Văn Hóa Việt Nam,

* Các gia đình thông gia, các thân bằng quyến thuộc xa gần,

Đã đến thăm viếng, đọc kinh cầu nguyện, gửi vòng hoa và gửi lời phân ưu để tiễn Cha, Ông Nội, Ông Ngoại, Ông Cố chúng tôi đi về nhà Chúa.



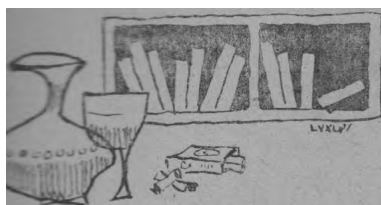
Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ xuất, xin quý vị niệm tình tha thứ.

Chúng tôi vô cùng cảm tạ,

**Bà quả phụ Nguyễn Văn Kiêm,
nhũ danh Nguyễn Thị Diệp,
các con, cháu và chắt.**

[PV sắp xếp nội dung các trang này]

VĂN HỌC CHỮ NÔM



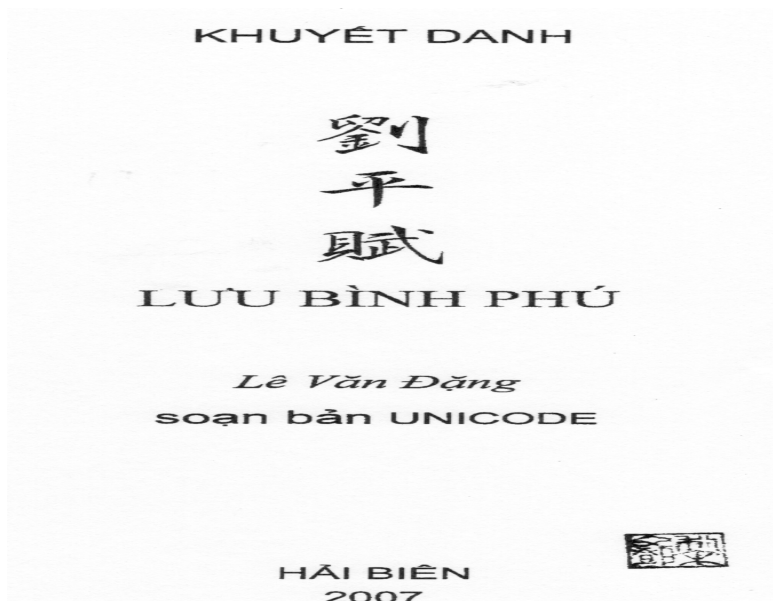
GS LÊ VĂN ĐẶNG

soạn bản UNICODE và chú thích

LƯU BÌNH PHÚ (khuyết danh)

[kỳ 2]

(tiếp theo VHVN số 78 - mùa Thu, tr. 178 và hết)



[4a]

汶果茄唉庄特美連忿志羈茹沙世
别襖之畑冉孛行娘沛移餒伴台美
功歹意祐朋嫩泰娘固移時娘拱呐
抵朱美高脰悵羈冉固孛女有三從
群閑毳在家從父奇坤蓮出嫁從夫
扌咤移

một quả cà. Ăn chẳng được anh liền phẫn chí. Cửa nhà
sa thế biết lấy chi đèn sách [khúc]¹ học hành. Nàng phải
đi nuôi bạn thay anh, công đức ấy xem bằng² non Thái.
Nàng có đi thì nàng cũng nói để cho anh cao dạ cậy trông.

[Châu Long] Sách có chữ nữ hữu tam tông. Còn mọn nhỏ
tại gia tông phụ. Cả khôn lên xuất giá tông phu. Chàng
dạy đi

CHÚ THÍCH

1. Chữ 曲 (khúc) viết làm cho chữ 冉(sách).
2. Chữ 明 (minh) viết làm cho chữ 朋(bằng).

受果茹唆庄特英連忝志韞茹
沙世別褻之烟曲李行娘沛越
饒伴台英功劣意祐明嫩泰娘
回時娘拱吶抵朱英高脰愜
越典固笄女有三從群閑毳在家
從父奇坤蓮出嫁從夫私吶越

淡柳塘衢妾包官功夫苦辱辛
唧啞私移妾伴學移少牢術女
夕牢妾情私君子志高隨如糖
蹤牢朱挈妾情命妾炤斯粘粉
時共燠枉功私及道糟糠獨地
龜鑰論良犢停不妾虎極臥君

[4b]

淡柳塘衢妾包嘗功夫苦辱妾啣啞
扌矜淫伴孛矜夕牢術女夕牢妾悖
扌君子志高脰如液蹠牢朱挈妾悖
禽妾炤斯粘數得共燧枉功扌豕道
糟糠濁坡蝕鑰論貝橫停分妾虎麵
馱君

dặm liễu đường cù, thiếp bao quản công phu khó nhọc.
Thiếp vâng lời chàng, đi nuôi bạn học. Đi làm sao về nữa
làm sao. Thiếp sợ chàng quân tử chí cao, dạ như bể dò
sao cho xiết. Thiếp sợ mình thiếp lửa gần rơm lâu ngày
cũng bén, ủng công chàng, lỗi đạo tao khang. Đục pha
trong thau lộn với vàng. Đành phận thiếp hổ mặt người
quân

[5a]

子淫念心事弘咄移妾敢管功心哭
恣意拱哭恣默恣妾啣蹴牢朱挈妾
固醮花沈月於黜恣送苗迎新先責
己後吏責人固埃責女人难化姜夫
妻綱常道奇扎銅难當價豸鑽
姜媼馱同

tử. Nỗi niềm tâm sự, chàng dạy đi thiếp dám quản công.
Tâm là lòng ý cũng là lòng. Mặc lòng thiếp kể dò sao cho
xiết. Thiếp có say hoa đắm nguyệt, ở ra lòng tổng cụu
nghinh tân, tiên trách kỷ hậu lại trách nhơn. Có ai trách
nữ nhơn nan hoá. Nghĩa phu thê cương thường đạo cả.
Bác đồng nan đáng giá ngàn vàng. Nghĩa vợ [em] chồng
đồng

CHÚ THÍCH

1. Chữ 媼 (em) viết làm cho chữ 媼 (vợ).

子後念心事
心事
拱哭
悉默
悉妾
哥蹤
心哭
悉意
拱哭
悉默
悉妾
哥蹤
半朱
摯妾
固嗟
花沈
月於
黜弄
送前
迎新
先責
口後
吏責
人固
埃責
女人
雉化
菱夫
妻綱
常道
奇批
銅雉
當價
醜鑽
菱媿
軼同

帝同床同明友相親相爰策固
穿浪天能募地能載人能成聖
載之功妾浴術節沍價沖名督
底流香千古想國色天香笑最
庄埃平娘娘姍姍靑霞鑛接駁佳
日獸役家室文房操者刻杜夫

[5b]

席同床同朋友相親相愛策固筭浪
天能覆地能載人能成要載之功妾
渚術節沍價沖名養底流香千古想
國色天香實綠庄埃平娘娘姁童攢
鑽矜餒伴台黻伎家室文房掾者刘
杜耒

tịch đồng sàng, đồng bằng [minh]¹ hữu tương thân tương ái. Sách có chữ rằng: Thiên năng phú địa năng tải² như năng thành yếu tải chi công. Thiếp trở về tiết sạch giá trong, danh thơm để lưu hương thiên cổ.

Tưởng quốc sắc thiên hương thật lục chẳng ai bằng nàng
Nàng ở Long chất vàng đi nuôi bạn thay chồng. Việc gia
thất văn phòng chống trả. Lưu đồ rồi .

CHÚ THÍCH

1. Chữ 明 (minh) viết làm cho chữ 朋 (bằng).
2. 天覆地載 (Thiên phú địa tải) trời che đất chở.

[6a]

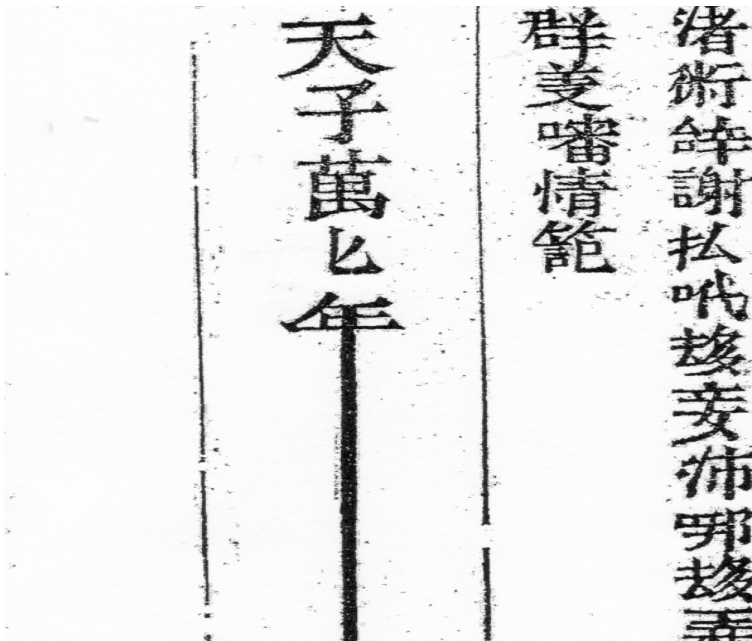
渚術辭謝弘咄移妾沛啞移悉群菱
嗜情籠

trở về, từ tạ chàng dạy đi thiếp phải vắng đi, lòng còn
nghĩa thâm tình ghi.

天子萬萬年

CHÚ THÍCH

Các chữ nơi trang [6a] nằm không đúng chỗ, chúng tôi đề
ngị trang PHỦ ĐÌNH [5b] [6a] nơi cuối sách.



TRANG PHỦ ĐÌNH [5b] [6a]

席同床同朋友相親相愛辭謝弘吡
矜妾沛啣矜悉群菱嗜情筈策固竚
浪天能覆地能載人能成要載之功
妾渚術節沍價沖名養底流香千古
想國色天香實綠庄埃平娘娘姁童
攢鑛矜餒伴台馱刘杜耒伎家室文
房渚術掾者

... tịch đồng sàng, đồng bằng hữu tương thân tương ái.

Từ tạ chàng dạy đi thiếp phải vâng đi, lòng còn nghĩa thủy
tình ghi. Sách có chữ rằng: Thiên năng phú địa năng tài
nhơn năng thành yếu tài chi công. Thiếp trở về tiết sạch
giá trong, danh thơm để lưu hương thiên cổ.

Tường quốc sắc thiên hương thật lục chẳng ai bằng nàng.
Nàng ở Long chất vàng đi nuôi bạn thay chồng. Lưu đồ
rồi. Việc gia thất văn phòng trở về chồng trả.

GS LÊ VĂN ĐẶNG

**XIN ĐỂ TÔI GIÚP QUÍ VỊ
VỀ CÁC NHU CẦU BẢO HIỂM CỦA QUÍ VỊ**

- * XE CỘ**
- * NHÀ CỬA**
- * NHÂN THỌ**
- * KINH DOANH**

**Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất...
của một công ty quý vị quen thuộc**

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng
hoặc gọi điện thoại cho tôi



Leon VŨ TIẾN LẬP

Agent

**Allstate Insurance
Company**

13120 Veterans Memorial Dr
Houston, TX 77014

Bus: 281-866-0343

Fax: 281-866-0373



Allstate
công ty bảo hiểm

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, Illinois, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, Texas. ©2000 Allstate Insurance Company.

Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.

TRUNG TÂM NHA KHOA
VAN THO DENTAL CENTER



Bác Sĩ Nha Khoa



PETER NGUYỄN VÂN THỌ, D.D.S.

Với sự cộng tác của các Bác Sĩ Nha Khoa

Timothy Nguyễn Văn Thiện, D.D.S.

Lily Chen, D.D.S.

Phòng Nha Khoa được trang bị dụng cụ tối tân với hệ thống bảo vệ nhiễm trùng cho bệnh nhân và nhân viên đúng tiêu chuẩn OSHA và Bộ Y Tế.

NorthWest

12002-B3 Veterans Memorial Dr.

Houston, Texas 77067

(281) 580-7446

Fax **281-580-7520**

(Trong khu siêu thị Lê Lai)

SouthWest

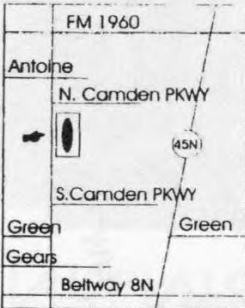
11574 Bellaire Blvd

Houston, TX 77072

(281) 561-7800

Fax **281-561-9978**

Góc Belle Park & Bellaire



Giờ Làm Việc:

Hai-Sáu: 10AM-6PM

Thứ Bảy: 10AM-4PM

Chủ Nhật: Đóng cửa



Nhận:

Bảo Hiểm - Medicaid

Để khỏi mất thì giờ xin vui lòng lấy hẹn trước

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI.

Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp sự thay đổi đó.

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen
(713) 462-1447

9585 Clay Rd., Ste #8
Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate

You're in good hands.

Auto
House
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tai Nạn. Allstate: Northbrook, IL © 2007 Allstate Insurance Company